

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH

TẬP BÀI GIẢNG

VĂN HOÁ GIA ĐÌNH
(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ
THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA)

Thanh Hoá, năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH

TẬP BÀI GIẢNG

VĂN HOÁ GIA ĐÌNH
(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA)

TÁC GIẢ BIÊN SOẠN:
Ths. Bùi Thị Hậu (chủ biên)

Thanh Hoá, năm 2023

MỞ ĐẦU

Văn hóa gia đình là một phần không thể thiếu trong văn hóa xã hội, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách, giá trị và truyền thống của mỗi cá nhân cũng như cộng đồng. Gia đình không chỉ là nơi bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống mà còn là môi trường nuôi dưỡng và phát triển các chuẩn mực xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, sự biến đổi của các yếu tố xã hội, kinh tế và công nghệ đã tác động mạnh mẽ đến cấu trúc và chức năng của gia đình.

Tập bài giảng "Văn hóa gia đình" sẽ giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của gia đình trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi và phát triển của gia đình trong xã hội đương đại. Các bài học trong tập giảng này không chỉ mang đến kiến thức lý thuyết mà còn kết hợp với những nghiên cứu thực tiễn để sinh viên có thể hiểu rõ hơn về các vấn đề liên quan đến gia đình trong bối cảnh văn hóa và xã hội hiện nay.

Tập bài giảng được chia thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan chung về gia đình

Chương 2: Văn hóa gia đình Việt Nam

Chương : Xây dựng văn hóa gia đình trong bối cảnh hiện nay

Mục tiêu của bài giảng là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa gia đình, giúp các em hình thành và phát triển những giá trị nhân văn, từ đó góp phần xây dựng một xã hội ổn định và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, đây là những nghiên cứu bước đầu vì vậy, rất mong được các nhà nghiên cứu và các bạn sinh viên đóng góp ý kiến, để nhóm tác giả hoàn thiện.

MỤC LỤC

Chương 1: Tổng quan chung về gia đình.....	6
1.1. Khái niệm gia đình	6
1.2. Nguồn gốc gia đình.....	10
1.3. Phân loại gia đình	11
1.3.1. Tiêu chí về số lần hôn nhân	11
1.3.2. Tiêu chí về thế hệ trong gia đình.....	12
1.3.3. Tiêu chí về sự phân chia quyền lực trong gia đình.....	12
1.3.4. Tiêu chí về sự hiện diện của cha hoặc mẹ trong gia đình	12
1.4. Các quan hệ cơ bản của gia đình	13
1.4.1. Quan hệ bên trong gia đình	13
1.4.2. Quan hệ giữa gia đình và làng xóm, quê hương đất nước.....	16
1.5. Đặc trưng cơ bản của gia đình	17
1.6. Hình thái gia đình và sự phát triển của gia đình	20
1.6.1. Các hình thái tổ chức gia đình trong lịch sử	20
1.7. Các chức năng cơ bản của gia đình	27
1.7.1. Chức năng sinh sản, tái sản xuất con người.....	27
1.7.2. Chức năng nuôi nấng, giáo dục	28
1.7.3. Chức năng kinh tế, tổ chức đời sống gia đình	31
1.7.4. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm- sinh lý, tình cảm.....	33
1.8. Vai trò của gia đình	36
1.8.1. Gia đình là tế bào của xã hội	36
1.8.2. Gia đình là một đơn vị kinh tế của xã hội	37
1.8.3. Gia đình là một thiết chế cơ sở, đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa cá nhân với xã hội	37
1.8.4. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hoà trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên, mỗi công dân của xã hội.....	37
1.9. Các giai đoạn phát triển của gia đình	38
1.9.1. Hôn nhân	38
1.9.2. Các giai đoạn phát triển của gia đình	39
Chương 2 : Văn hóa gia đình Việt Nam.....	41
2.1. Khái niệm, nội dung và vai trò của Văn hóa Gia đình.....	41
2.1.1. Khái niệm	41
2.1.2. Nội dung.....	43
2.1.3. Vai trò của Văn hóa gia đình.....	44
2.2. Văn hóa gia đình Việt Nam truyền thống	45
2.2.1. Cơ sở kinh tế xã hội và văn hóa ảnh hưởng đến VHGD truyền thống	45
2.2.2. Chuẩn mực và đặc trưng trong Văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống...	47
2.2.3. Quan hệ hôn nhân trong gia đình Việt Nam truyền thống.....	50
2.2.4. Văn hóa ứng xử trong gia đình	52
2.2.5. Văn hóa bữa cơm trong gia đình Việt Nam truyền thống	55
2.2.6. Đám tang truyền thống của người Việt.....	58
2.2.7. Văn hoá tâm linh, tín ngưỡng trong gia đình Việt	60
2.3. Văn hóa gia đình Việt Nam hiện đại.....	64
2.3.1. Cơ sở những biến đổi của Văn hóa gia đình Việt Nam hiện đại	64
2.3.2. Chuẩn mực của Văn hoá gia đình hiện đại	68
2.3.3. Quan hệ hôn nhân trong gia đình Việt Nam hiện đại	69
2.3.4. Giao tiếp - ứng xử trong gia đình Việt Nam hiện đại	83

2.3.5. Bữa cơm gia đình Việt Nam hiện đại	96
2.3.6. Biến đổi trong tang ma	101
2.3.7. Biến đổi trong những nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng của gia đình	102
2.4. Cơ hội và thách thức của Văn hoá gia đình Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	103
2.4.1. Cơ hội	104
2.4.1. Thách thức	106
2.5. Dự báo xu hướng biến đổi gia đình Việt Nam trong tương lai	110
2.5.1. <i>Về quy mô gia đình:</i>	110
2.5.2. <i>Về loại hình gia đình:</i>	111
2.5.3. <i>Về các chức năng của gia đình:</i>	111
2.5.4. <i>Về vấn đề hôn nhân</i>	111
2.5.5. <i>Về ứng xử vợ chồng</i>	112
2.5.6. <i>Về quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và gia đình với họ mạc</i>	112
2.5.7. <i>Về quan hệ gia đình với các thiết chế xã hội khác</i>	113
2.5.8. <i>Về các phong tục tập quán trong phạm vi gia đình</i>	113
2.5.9. <i>Về mô hình gia đình Việt Nam trong tương lai</i>	113
Chương 3: Xây dựng văn hóa gia đình trong bối cảnh hiện nay	117
3.1. Sự cần thiết và quan điểm của Đảng về xây dựng Văn hóa gia đình	117
3.1.1. Vai trò của gia đình trong bối cảnh hiện nay	117
3.1.2. Sự cần thiết của việc xây dựng Văn hóa gia đình	118
3.1.3. <i>Quan điểm của Đảng và nhà nước trong xây dựng Văn hóa gia đình</i>	122
3.2. Công tác xây dựng văn hóa gia đình trong bối cảnh hiện nay	127
3.2.1. Vấn đề giáo dục đạo đức và nếp sống văn hóa gia đình	127
3.2.2. Vấn đề bạo lực gia đình và công tác hòa giải	154
3.2.3. Vấn đề bình đẳng giới và công tác kế hoạch hóa gia đình	162

Chương 1: Tổng quan chung về gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

Gia đình không chỉ gắn bó với mỗi con người mà còn là đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học, là một đơn vị cơ bản để thu thập thông tin, phân tích số liệu, và là đối tượng của chính sách xã hội. Vì thế, việc xác định khái niệm gia đình, xác định những nội dung mà khái niệm này biểu đạt không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của mỗi con người, trong nhận thức xã hội mà còn hết sức cần thiết cho việc tiến hành những nghiên cứu về gia đình, định hướng các vấn đề nghiên cứu, đồng thời còn là cơ sở để nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách, luật pháp về gia đình hoặc có liên quan đến gia đình.

Thực tế hiện nay, cho dù đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về gia đình được triển khai, song khái niệm “Gia đình” vẫn còn đang là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Cho đến nay gia đình đã được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Nhiều nhà khoa học đã thừa nhận: thuật ngữ gia đình vẫn là "một thuật ngữ được định nghĩa lỏng lẻo nhất trong từ

vững của nhà xã hội học"¹.

Điều này có vẻ như khá vô lý khi mà bản thân khái niệm không có gì là quá mới mẻ và phức tạp. Trên thế giới, hệ ngôn ngữ nào cũng có những giải thích riêng dưới góc độ ngôn ngữ và xã hội về thuật ngữ này. Từ rất sớm, với ngôn ngữ tượng hình, người Trung Hoa đã cho rằng chữ Gia đình được hình thành nhờ bộ Miên, bộ Nghiễm đều là những từ chỉ các mái che, cơ sở của gia đình. Dưới bộ Miên là chữ Thi (con lợn) thể hiện yếu tố kinh tế chung của mỗi nhà để hoà vào cuộc sống chung của toàn xã hội.

"Gia đình- khái niệm ấy vẫn đang nằm trong vùng bí mật đối với các khoa học- cả khoa học xã hội lẫn khoa học tự nhiên"

Khó khăn trong việc xác định khái niệm gia đình do nhiều nguyên nhân.

Trước hết bởi gia đình là một thuật ngữ hết sức thân thuộc với tất cả mọi người. Gia đình là nơi mỗi người sinh ra và lớn lên nên khi nhắc đến khái niệm gia đình ai cũng có thể có ngay những hình dung về nó. Chính sự thân thuộc này khiến nhiều người tưởng hiểu rất rõ về gia đình lại cảm thấy rất mơ hồ khi được yêu cầu cung cấp những tiêu chí để nhận diện gia đình.

Thứ hai, gia đình là một nhóm xã hội đặc thù. Khác với các nhóm xã hội khác, gia đình hội tụ trong nó tất cả các yếu tố sinh học, tâm lý, văn hóa và cả kinh tế. Sự phức tạp trong chính đặc điểm của gia đình khiến việc định nghĩa gia đình trở nên khó khăn.

Thứ ba, gia đình luôn biến đổi cùng với sự biến đổi của xã hội, của nền văn hóa mà gia đình tồn tại trong đó. Không dễ dàng để xác định một khái niệm gia đình đúng với tất cả các dạng gia đình khác nhau về mặt văn hóa, lịch sử. Thực tế lịch sử phát triển của loài người đã cho thấy, gia đình đã tồn tại với rất nhiều kiểu loại, từ gia đình cùng dòng máu, gia đình nhiều vợ (chế độ đa thê), gia đình nhiều chồng (chế độ đa phu), tới gia đình cặp đôi, gia đình có một vợ một chồng, gia đình theo chế độ mẫu quyền, gia đình theo chế độ phụ quyền, gia đình trong xã hội nông nghiệp truyền thống đến gia đình trong xã hội công nghiệp hoá. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, gia đình đều có những đặc trưng riêng biệt của nó.

Mặc dù có nhiều định nghĩa về gia đình song tựu chung lại các định nghĩa gia đình thường được xác định theo một trong hai cách tiếp cận: tiếp cận vĩ mô hoặc tiếp cận vi mô. Theo cách tiếp cận vĩ mô, gia đình được định nghĩa với tư cách là một thiết chế xã hội. Trong cuốn Từ điển xã hội học của G.Endrweit và G. Trommsdorff xuất bản năm 2001, các tác giả đưa ra định nghĩa gia đình như sau: Gia đình là một nhóm thuộc loại đặc biệt vì nó biểu hiện một cấu trúc vai trò nhất định (bố/mẹ/con gái/con trai/cháu/em,...), với nó thì sự tách biệt về giới tính và thế hệ là tiêu chí của cơ cấu gia đình (= một hay đa thế hệ; nam/nữ) và qua nó sẽ chuyển hóa một quan hệ hợp tác và đoàn kết rất đặc biệt mà ở tất cả các xã hội đều tổ chức theo nghi lễ sự thành lập của nó. Ngoài ra xã hội cũng trao cho

¹ Trương Lai chủ biên, 1996, Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam, tr51

nhóm đặc biệt này những chức năng rất đặc biệt¹. Theo định nghĩa này gia đình được xác định là một nhóm có cấu trúc và đảm nhận những chức năng nhất định trong xã hội. Trong "La Sociologie et les sciences de societe" do Nhà xuất bản Les Encyclopédies du savoir moderne, ấn hành năm 1973 trang 233, định nghĩa gia đình được hiểu như sau: "Gia đình là một nhóm xã hội không thể qui về các nhóm khác: sự hình thành của nó, cấu trúc, các chiều hướng, các quan hệ giữa các thành viên và các quan hệ của nó với toàn bộ cơ chế xã hội, các chức năng biến đổi trong thời gian và không gian gắn liền với hệ thống xã hội và các hình thức văn minh"². Định nghĩa này xác định gia đình với các cấu trúc và chức năng của nó trong mối quan hệ với hệ thống xã hội.

Từ cách tiếp cận vi mô, gia đình được định nghĩa với tư cách là một nhóm xã hội với những tiêu chí cụ thể để nhận diện nó. Đã có rất nhiều định nghĩa về gia đình theo cách tiếp cận này. Mỗi định nghĩa xác định gia đình theo hệ thống tiêu chí khác nhau. Một định nghĩa tương đối ngắn gọn là "Gia đình là một nhóm xã hội nhỏ đặc thù, có đặc trưng cơ bản là được thiết lập trên cơ sở của hôn nhân mà từ đó hình thành các quan hệ huyết thống ruột thịt giữa các thành viên"³. Theo định nghĩa này, gia đình được xác định dựa trên tiêu chí số lượng người (gia đình phải là một nhóm người, một cá nhân không thể là gia đình mà nhất thiết phải có từ hai người trở lên). Đồng thời gia đình có đặc trưng cơ bản là mối quan hệ hôn nhân và huyết thống. Định nghĩa này tương đối hẹp vì nó chỉ hướng vào khía cạnh sinh học của gia đình. Xác định rõ hơn các tiêu chí của gia đình, tổ chức UNESCO của Liên hiệp quốc năm 1994 đưa ra định nghĩa: "Gia đình là một nhóm người có quan hệ họ hàng, cùng sống chung và có ngân sách chung"⁴. Như thế, tiêu chí để nhận diện gia đình không chỉ là quan hệ hôn nhân huyết thống (quan hệ họ hàng) mà còn có thêm tiêu chí "cùng chung sống và có chung quỹ chi tiêu". Đồng tình với các tiêu chí này, tác giả Ngô Công Hoàn còn bổ sung thêm một tiêu chí về giới tính: "Trong gia đình phải có các giới tính (nam, nữ) đây là đặc trưng cơ bản của nhóm xã hội mà chúng ta gọi là gia đình".⁵ Đặc trưng này đòi hỏi phải có các giới tính khác nhau trong quan hệ hôn nhân. Điều đó đồng nghĩa với việc không thừa nhận quan hệ hôn nhân đồng giới là quan hệ gia đình.

Cục điều tra dân số Mỹ cung cấp khái niệm gia đình là "hai hoặc hơn hai người, bao gồm chủ hộ, có quan hệ với nhau bởi huyết thống, hôn nhân hoặc quan hệ con nuôi (nghĩa dưỡng) và những người sống cùng với nhau như một hộ gia đình"⁶. Định nghĩa này chứa đựng các tiêu chí nhận diện gia đình mà các định nghĩa ở trên về gia đình đã đề cập. Ngoài ra, định nghĩa này còn cung cấp thêm một đặc trưng nữa là quan hệ nghĩa dưỡng (quan hệ

¹ G.Endrweit và G. Trommsdorff, 2001, Từ điển xã hội học, Nxb Thế giới, tr640

² Lê Ngọc Văn (Chủ biên), 2004, Thực trạng & những vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay, tr 57

³ Nguyễn Đình Tấn, Lê Tiêu La, 1999, tr 17

⁴ Dẫn theo Nguyễn Linh Khiếu chủ biên, 2003, Gia đình trong giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, tr33

⁵ Ngô Công Hoàn, 1993, Tâm lý học gia đình. Đại học Sư phạm I Hà Nội, tr 7.

⁶ <http://www.midtermpapers.com/18311.htm>.

con nuôi) trong gia đình.

Qua một số định nghĩa đã đề cập ở trên, tổng hợp lại, gia đình được xác định dựa trên 5 tiêu chí sau: là một nhóm người (có từ hai người trở lên), có quan hệ với nhau bởi hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nghĩa dưỡng, có đặc trưng giới tính qua quan hệ hôn nhân, cùng chung sống, có ngân sách chung. Trong 5 tiêu chí này, quan hệ hôn nhân và huyết thống là tiêu chí cơ bản nhất để nhận diện gia đình.

Với định nghĩa gia đình có 5 tiêu chí đề cập ở trên, có ý kiến cho rằng như thế gia đình là một cấu trúc văn hoá độc đoán khi mà hiện nay nhiều hình thức sống mới xuất hiện trong xã hội. Đó là hình thức sống độc thân có xu hướng ngày càng gia tăng; gia đình đơn thân (gia đình chỉ có người mẹ hoặc chỉ có người cha với con cái) cũng đang gia tăng vì tỷ lệ ly hôn và tỷ lệ sinh con ngoài hôn nhân cao; các cặp vợ chồng không có con cái; hình thức chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn (hôn nhân thực tế); các cặp quan hệ đồng tính. Nếu theo khái niệm gia đình với các tiêu chí trên, thì những hình thức sống trên không đủ tiêu chí để được thừa nhận là gia đình. Điều này khiến cho nhiều người đòi hỏi phải xem xét lại định nghĩa gia đình để có được một định nghĩa thoả đáng nhất. Đây là yếu tố góp phần vào việc thay đổi định nghĩa về gia đình và lý giải vì sao định nghĩa gia đình lại ngày càng trở nên phức tạp và không có giới hạn.

Theo quan điểm này, cần phải xây dựng định nghĩa mới về gia đình cho phù hợp hơn với thực tế xã hội, một định nghĩa mới về gia đình được đưa ra: "Gia đình là một nhóm người liên hệ với nhau bởi tình yêu và tình cảm yêu mến"¹. Khác với định nghĩa trên, định nghĩa này xác định gia đình với những tiêu chí mở. Sự liên kết giữa các thành viên gia đình không phải là quan hệ hôn nhân huyết thống mà trên quan hệ tình yêu, tình cảm. Định nghĩa này bao hàm rất nhiều hình thái gia đình: một nam và một nữ, các cặp đồng tính luyến ái, kết hôn và không kết hôn, có hoặc không có con, gia đình đơn thân và thậm chí là một nhóm lớn hơn các cá nhân trong sự thu xếp sinh sống chung. Theo định nghĩa này, cái quan trọng không phải là cấu trúc gia đình thực tế mà là chất lượng của các mối quan hệ. Như vậy, bất kỳ một dự định nào trong việc tạo ra hệ thống các giá trị gia đình sẽ đều được coi là sự chỉ trích và sự vô ý với các gia đình lập dị (gia đình đơn thân, gia đình không đầy đủ, ...)

Đến nay, vẫn chưa có sự thống nhất trong việc tìm ra một định nghĩa chung về gia đình. Theo Arlene Skolnick, "không có một loại gia đình đồng nhất, không có một gia đình giống nhau ở mọi nơi và mọi thời điểm ... Chúng ta cũng biết rằng những đặc điểm này có thể thay đổi không chỉ từ nền văn hóa này đến nền văn hóa khác mà còn từ gia đình này đến gia đình khác trong cùng một nền văn hóa"². Như vậy, nội dung định nghĩa về gia đình phụ thuộc vào việc nhìn nhận gia đình trong bối cảnh nào, thời điểm nào và phụ thuộc vào

¹ <http://www.unmarri eda meri ca.org/familydiversity/definition of family is up for debate.htm>

² Tương Lai, 1996, tr. 9

góc độ mà người định nghĩa nhìn nhận về gia đình.

Trong khi những hình thức sống mới như sống độc thân, hôn nhân thực tế, chung sống trước hôn nhân, ly hôn, ly thân,... xuất hiện khá phổ biến ở các nước Tây Âu từ cuối những năm 60 của thế kỷ trước thì ở Việt Nam hiện nay, gia đình với đầy đủ 5 đặc trưng (tiêu chí) đã đề cập ở trên là hình thức sống của đại bộ phận dân số. Chưa có dấu hiệu cho thấy thanh niên Việt Nam ở độ tuổi trưởng thành có xu hướng sống độc thân. Kết quả điều tra tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam năm 2002 cho thấy: ở độ tuổi 35-39, có 91% dân số hiện đang có vợ/chồng; chỉ có 5,7% dân số chưa từng kết hôn, 1,61% goá, 1,25% ly hôn, 0,44% ly thân (Điều tra mức sống dân cư, 2002). Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cũng cho thấy một kết quả tương tự: ở độ tuổi từ 35-39, có 90,4% dân số nam và 87,5% dân số nữ hiện đang có vợ có chồng; chỉ có 7,5% dân số nam và 7,7% dân số nữ chưa từng kết hôn lần nào. Tình trạng chung sống không đăng ký kết hôn có tồn tại song không phổ biến. Theo kết quả của Cuộc điều tra cơ bản về gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, 93,2% cuộc hôn nhân có đăng ký kết hôn, chỉ có 6,8% không đăng ký¹. Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy: chỉ có 0,4% số người chung sống như vợ chồng nhưng không cưới và không đăng ký kết hôn.

Trong tình hình chung đó, khó có thể khẳng định một định nghĩa chuẩn xác cho tất cả các loại hình gia đình. Trên cơ sở thừa nhận sự đa dạng trong định nghĩa về gia đình, chúng tôi cố gắng làm rõ các tiêu chí cụ thể của định nghĩa gia đình mang tính phổ biến nhất, phù hợp nhất với xã hội Việt Nam hiện nay. Trong phạm vi bài giảng này, chúng tôi xin đưa ra một định nghĩa về gia đình như sau:

Gia đình là một nhóm xã hội được hình thành trên cơ sở các quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống nảy sinh từ quan hệ hôn nhân đó, gắn bó với nhau về tình cảm, chia sẻ kinh tế, trách nhiệm và quyền lợi, chịu sự ràng buộc có tính pháp lý được xã hội, nhà nước thừa nhận và bảo vệ.

1.2. Nguồn gốc gia đình

Thực tế lịch sử cho thấy, gia đình lần lượt biến đổi tương ứng với những giai đoạn phát triển xã hội khác nhau.

- Theo Ăngghen, trong xã hội công xã nguyên thủy, trình độ lực lượng sản xuất rất thấp, cá nhân không tách rời tập thể, cuộc sống cộng đồng về nhiều mặt... đã tạo nên hình thức gia đình tập thể – quần hôn. Mỗi bước tiến của xã hội cộng đồng nguyên thủy và kết quả do đào thải tự nhiên lại đưa đến những dạng mới, mang sắc thái tiến bộ hơn cho hình thái gia đình này.

+ Giai đoạn đầu của xã hội cộng đồng nguyên thủy có gia đình cùng dòng máu (huyết thống), các tập đoàn hôn nhân đều phân theo thế hệ.

+ Giai đoạn giữa của xã hội cộng đồng nguyên thủy xuất hiện gia đình *punaluna* (bạn thân), trong đó quan hệ tính giao giữa anh em trai với chị em gái đã bị hủy bỏ.

+ Giai đoạn cuối cùng của xã hội này đã hình thành gia đình cặp đôi (đôi ngẫu), trong đó kết hôn từng cặp đã tồn tại (tuy còn lỏng lẻo); trong số vợ rất đông của mình, người đàn ông có một người vợ chính, và trong số nhiều người chồng khác, anh ta lại là người chồng chính của người đàn bà ấy. Những kiểu trên của gia đình tập thể – quần hôn đều có đặc trưng là: tính giao tập thể, kinh tế cộng đồng nguyên thủy, chế độ mẫu hệ, không có áp lực và bất bình đẳng giữa các thành viên. Trong chế độ quần hôn, cơ sở hình thành gia đình chủ yếu do quan hệ tính giao, duy trì nòi giống và tạo dựng kinh tế cho cộng đồng chung, vai trò làm mẹ của người phụ nữ đã xác lập nên chế độ mẫu quyền do con cái chỉ được biết đến người trực tiếp sinh ra mình là người mẹ. Cùng với sự phát triển của xã hội, đặc biệt là sự phát triển về kinh tế “những quan hệ tính giao cổ truyền mất tính ngây thơ nguyên thủy của nó và càng tỏ ra là nhục nhã và nặng nề đối với đàn bà nên họ mong muốn, ngày càng nồng nhiệt, đạt được quyền giữ trinh tiết, kết hôn nhất thời hay lâu dài với chỉ một người đàn ông”¹

- Trong chế độ chiếm hữu nô lệ, trong xã hội nảy sinh hình thức gia đình cá thể – một vợ một chồng. Đó là kết quả trực tiếp của việc hình thành chế độ sở hữu tư nhân và sự phân hóa giai cấp. Gia đình cá thể là “hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên, mà dựa trên những điều kiện kinh tế – tức là trên thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu công cộng nguyên thủy và tự phát (tất nhiên, kết quả vẫn do tác động của quy luật đào thải tự nhiên, ngoài ra còn có thêm một nguyên nhân nữa là nguyên nhân tình cảm, thể hiện ở người đàn ông nhất định).

Trong hệ thống cơ cấu xã hội có nhiều bộ phận khác nhau (dân tộc, giai cấp, giới...); nhiều thiết chế lớn nhỏ (Nhà nước, ngành, đoàn thể...) với tính chất là tế bào của xã hội, gia đình là tổ chức cơ sở, là cơ cấu và thiết chế nhỏ nhất. Cơ cấu thiết chế nhỏ nhất này lại đa dạng phong phú; trong quá trình vận động, vừa tuân thủ theo những quy luật của cơ chế chung vừa theo tính quy định và tổ chức riêng của mình.

1.3. Phân loại gia đình

Trong quá trình nghiên cứu, người ta thường đặt ra một số tiêu chí “chuẩn” phục vụ cho mục đích nghiên cứu để phân ra các loại gia đình. Cách phân chia đó cũng chỉ có tính chất tương đối, bởi các tiêu chí trong cơ cấu gia đình đều có mối quan hệ gắn bó với nhau.

1.3.1. Tiêu chí về số lần hôn nhân

- *Gia đình đơn hôn*, thường xuyên tồn tại một vợ, một chồng từ lúc son trẻ cho đến khi tóc bạc, răng long. Đây là loại gia đình được mọi thời đại trân trọng vì nó thể hiện được tình cảm chung thủy, thống nhất cuộc sống giữa người đàn ông và người đàn bà.

¹ F. Ăngghen. Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước. Tuyển tập Mác- Ăngghen tập VI Nxb Sự thật, H 1984, tr 89

- *Gia đình đa hôn*, người đàn ông có nhiều vợ. Đây là gia đình thường phát triển dưới xã hội phong kiến, được xã hội chấp nhận theo quan điểm “Trai năm thê bảy thiếp. Gái chính chuyên chỉ có một chồng”. Tất nhiên đây là loại gia đình mang nặng màu sắc gia trưởng, thường xảy ra ở giai cấp bóc lột trong xã hội phong kiến.

1.3.2. Tiêu chí về thế hệ trong gia đình

- *Gia đình hạt nhân*, gồm có cha mẹ và con cái tức là chỉ có hai thế hệ. Đây là loại gia đình đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta cũng như trên thế giới do nền sản xuất đại công nghiệp và khuynh hướng đô thị hóa.

- *Gia đình đa thế hệ* (tam, tứ... đại đồng đường), nhiều thế hệ chung sống với nhau dưới một mái nhà. Đây là loại gia đình có từ ba thế hệ trở lên, được gọi là gia đình mở rộng gồm có ông bà, cha mẹ, cháu chắt... Hiện nay gia đình mở rộng còn tồn tại trong đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa và một số ít ở nông thôn.

1.3.3. Tiêu chí về sự phân chia quyền lực trong gia đình

- *Gia đình phụ quyền*: là một hình thái tổ chức gia đình mà người cha làm chủ trong gia đình và có vị trí trong xã hội, con cái phải theo họ cha. Sản xuất phát triển, kéo theo sự phân công lao động. Người đàn ông gánh vác những công việc nặng nhọc, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất (chế tạo công cụ, đúc đồng,...). Vì vậy, vai trò người cha quan trọng hơn người mẹ. Người đàn ông dần dần trở thành người chủ gia đình, chủ thị tộc.

- *Gia đình mẫu quyền*: là một hình thái tổ chức gia đình mà trong đó người mẹ hoặc người phụ nữ lớn tuổi nhất đứng đầu một gia đình hoặc gia tộc. Các mối liên hệ và hậu duệ được xác định qua dòng nữ, cũng như việc quản trị hay cai trị do phụ nữ nắm giữ.

Gia đình mẫu hệ của người Êđê là gia đình do người phụ nữ làm chủ. Con cái sinh ra mang họ mẹ chứ không mang họ bố. Người phụ nữ làm chủ trong hôn nhân. Họ thích ai, yêu ai thì sẽ báo cáo với mẹ, gia đình để cưới người họ yêu. Người được cưới ấy cư trú bên nhà vợ. Khi sinh con đẻ cái thì mang họ vợ. Chẳng may, cô vợ anh ta bị mất thì nhà vợ hoặc dòng họ nhà vợ thì tìm 1 người phụ nữ khác để kết hôn với anh ta. Người Kinh gọi là tục nối dây. Người Êđê gọi là tục chuê nuê. Chế độ mẫu hệ của người Êđê in đậm trong kiến trúc và trang trí nghệ thuật trong ngôi nhà dài. Khi đặt chân lên chiếc cầu thang ván vào nhà, ta thấy ngay đôi bầu sữa và hình vành trăng khuyết, những biểu tượng sống động của tính nữ.

1.3.4. Tiêu chí về sự hiện diện của cha hoặc mẹ trong gia đình

+Gia đình đầy đủ: có cả cha lẫn mẹ cùng chung lưng đấu cật xây dựng gia đình, nuôi dưỡng, chăm sóc con cái;

+Gia đình không đầy đủ (thiếu khuyết): chỉ còn cha hoặc mẹ (do góa bụa, hoặc li hôn) phải gánh vác toàn bộ trách nhiệm trong gia đình. Trong những hoàn cảnh cụ thể, các gia đình trên biến đổi cấu trúc: có bố dượng hoặc dì ghẻ.

Ở Việt Nam

- Sau khi chiến tranh kết thúc, có một loại gia đình mới phát triển gồm những người bị mất vợ hoặc mất chồng do chiến tranh gây nên (họ có thể đã có con riêng) phải tiến hành hôn nhân lần thứ hai, sau đó có con chung.

- *Nếu căn cứ vào số con trong gia đình theo tiêu chí DS-KHHGD thì có:*

+ Gia đình quy mô nhỏ: gồm cha mẹ và một hoặc hai con;

+ Gia đình lớn: gồm cha mẹ và từ ba con trở lên.

- Do hậu quả của chiến tranh, ở Việt Nam còn có không ít gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng, có con ngoài hôn thú, gia đình cô đơn - chủ yếu là đối với thế hệ tuổi già.

Ngoài ra xuất phát từ cơ sở, mục đích nghiên cứu của các môn khoa học như: xã hội học, tâm lý học, kinh tế học, tội phạm học v.v... mà người ta còn phân ra các loại gia đình có những nét đặc trưng cơ bản khác

1.4. Các quan hệ cơ bản của gia đình

1.4.1. Quan hệ bên trong gia đình

** Quan hệ thế hệ (giữa cha mẹ và con cái)*

Cùng với chữ Trung, chữ Hiếu cũng là một trong những điều được Nho giáo chú trọng và đề cao nhất. Tư tưởng này đã ảnh hưởng rất lớn tới mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình Việt Nam truyền thống. Chữ Hiếu trong Nho giáo tuy được xếp sau chữ Trung nhưng để đạt được chữ Trung thì con người ta trước hết phải biết giữ chữ Hiếu, và nếu con người ta bất hiếu thì có thể cũng dễ dàng đi tới bất trung, bất nhân. Vì thế mà Khổng Tử đã chỉ rõ rằng: “Hành vi của người ta thì không gì lớn bằng chữ hiếu ” (Nhân chi hành mạc đại chi hiếu).

Ở trong gia đình Việt Nam truyền thống, ngay từ thời xa xưa, việc giáo dục chữ Hiếu đã trở thành một trong những nội dung quan trọng của việc giáo dục trong gia đình Việt Nam. Kho tàng dân gian Việt Nam cũng có rất nhiều lời vàng, ý ngọc ca ngợi công lao cha mẹ và khuyên bảo con cái phải biết giữ chữ Hiếu đối với cha mẹ mình:

“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con ”

Hay như hình ảnh cao đẹp của nàng Kiều (Trong Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du) vì chữ hiếu đã hy sinh tình riêng để “quyết đền ba sinh”, báo đáp công ơn cha mẹ.

Chữ Hiếu ở đây không phải chỉ là con cái phải biết vâng lời cha mẹ mà còn phải phụng dưỡng cha mẹ để báo đáp công ơn sinh thành. Nếu con cái mà không vâng lời hoặc phụng dưỡng cha mẹ thì bị ghép vào tội bất hiếu. Đặc biệt, những hành động côn đồ của con cái đối với cha mẹ đều phải bị xếp vào nhóm tội đặc biệt nguy hiểm chỉ xếp sau những

tội đôi với 94 vua và với quốc gia. Quốc triều hình luật thời Lê đã có những điều luật quy định khá chặt chẽ và nghiêm khắc để thực hiện chữ Hiếu trong gia đình:

“Điều 38: Con cái phải chịu thay cho cha mẹ hình phạt roi và trượng

Điều 218: *Trong khi ông bà, cha mẹ bị giam cầm tù tội mà lấy vợ, lấy chồng thì đều bị xử biếm ba tư và đôi vợ chồng phải li dị. Nếu ông bà, cha mẹ cho phép thì chỉ được làm lễ thành hôn mà không được bày ra cỗ bàn ăn uống, trái luật thì xử biếm một tư*

Điều 475: *Lăng mạ ông bà, cha mẹ thì phải tội lưu, đánh bị thương thì phải tội bị giảo*

Điều 504: *Con cái phải che dấu tội của cha mẹ* Điều 511: *Con cái không được kiện cha mẹ ”*

Tuy nhiên, gia đình truyền thống không chỉ có quan hệ một chiều con cái phải hiếu đễ với cha mẹ mà ngược lại, cha mẹ cũng luôn cần phải thương yêu, chăm sóc con cái như người ta nói “*cha từ từ hiếu*”. Tấm lòng trời biển của cha mẹ dành cho con cái cũng là một nét đẹp truyền thống của gia đình Việt Nam nói riêng và của văn hóa Việt Nam nói chung. Với điều kiện sống trong xã hội truyền thống thường rất thiếu thốn, khó khăn, cha mẹ luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho con cái, từ miếng cơm đến manh áo. Người ta không thể quên được hình ảnh người mẹ trong ca dao truyền thống “...miếng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương” đã thể hiện rõ nét tình thương yêu là sự chăm sóc chu đáo ân cần của người mẹ đối với con cái. Mỗi quan hệ hai chiều: Cha mẹ thương yêu con cái và con cái hiếu đễ đối với cha mẹ đã tạo nên những tình cảm vô cùng tốt đẹp và hình thành nên những giá trị đáng trân trọng, quý giá trong môi quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình Việt Nam.

**Quan hệ giữa anh chị em trong gia đình*

Quan hệ giữa anh chị em trong gia đình truyền thống rất được đề cao, có lẽ nó chỉ đứng sau quan hệ giữa cha mẹ với con cái. Trong tư tưởng Nho giáo, mối quan hệ giữa anh em trong gia đình cũng rất được coi trọng. Kinh thi đã dạy rằng: “*Nghi huynh nghi đệ. Nghi huynh nghi đệ, nhi hậu khả dĩ giáo quốc dân*” (Làm anh thì phải phạt anh, làm em phải phạt em. Ăn ở phải phạt anh em, rồi sau mới có thể dạy người trong nước - Đại học, chương 9).

Đối với gia đình Việt Nam, trong quan hệ anh chị em trước tiên cần giữ đúng đạo theo tôn ti trật tự. Trong gia đình truyền thống, vị trí người anh, nhất là người con trai trưởng trong gia đình rất được đề cao. Người anh chỉ đứng sau vị trí của người cha trong gia đình và có quyền chỉ bảo các em “quyền huynh thế phụ”. Sau đó là đến quyền của anh thứ hai, thứ ba... Khi cha mẹ mất, hiển nhiên người anh phải có trách nhiệm lo lắng cho các em trong gia đình. Trách nhiệm cũng như quyền hạn của người anh trai trong gia đình thể hiện rõ tính gia trưởng trong gia đình truyền thống nhưng nó cũng là yếu tố đảm bảo sự bền vững, trật tự trong gia đình Việt Nam xưa.

Không chỉ có giữ đúng trật tự trong mối quan hệ anh em mà bên cạnh đó, tình cảm thương yêu, hòa thuận giữa anh chị em trong gia đình cũng được gia đình truyền thống rất coi trọng, đề cao. Người Việt thường nói rằng: *“Chị ngã em nâng”*, *“lọt sàng xuống nia”* hay còn có lối ví von rất gần gũi nhưng lại hàm chứa rất nhiều tình cảm thể hiện sự gắn bó giữa anh em trong gia đình, ví anh em như môi với răng, *“môi hở răng lạnh”* hay còn ví: *“Anh em như thể tay chân, rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần”*.

Từ những quan niệm đó, trong giáo dục gia đình mối quan hệ anh em họ hàng ruột thịt luôn được nhấn mạnh và các cụ thường nhắc nhở con cháu là *“một giọt máu đào hơn ao nước lã”*. Để đánh giá một gia đình nào đó người Việt cũng thường nhìn vào mối quan hệ giữa anh chị em trong gia đình. Nếu anh chị em trong gia đình ăn ở với nhau không hòa thuận thì gia đình đó không chỉ bị chê cười mà những bậc người lớn trong gia đình, như ông bà, cha mẹ, cũng bị chê trách vì dạy con chưa tốt. Chính những quan điểm đó đã khiến cho người Việt truyền thống rất chú trọng đến mối quan hệ anh em trong gia đình và điều đó đã củng cố vai trò và ý nghĩa của mối quan hệ anh em trong gia đình Việt Nam truyền thống.

**Quan hệ vợ chồng*

Mối quan hệ trong gia đình Việt Nam truyền thống (mối quan hệ theo chiều ngang) do chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo trước đây, nên về chính thống nó không được đề cao như các mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái và mối quan hệ giữa anh chị - em (các mối quan hệ chiều dọc).

Quan hệ hôn nhân trong các gia đình truyền thống chủ yếu mang tính sắp đặt, ghép nối hơn là tình yêu. Quan hệ hôn nhân không phải chỉ để đáp ứng nhu cầu tình cảm của đôi trai gái mà trước hết nó đáp ứng lợi ích của gia đình, họ tộc và cả làng xã. Sự kết duyên giữa đôi trai gái chính là sự kết giao mối quan hệ giữa hai dòng họ, do đó, trong xã hội truyền thống, người ta rất coi trọng vấn đề *“môn đăng hộ đối”* khi kết hôn. Mặt khác, sự kết hôn giữa đôi trai gái còn có vai trò như một phương tiện kinh tế đóng góp cho làng xã bởi khi kết hôn, người ta còn phải nộp tiền cheo để đóng góp cho làng.

Mặc dù việc kết hôn không hoàn toàn thực sự dựa trên cơ sở tình yêu nhưng mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam truyền thống vẫn hiện hữu rất rõ những giá trị tốt đẹp mà cho đến nay nó vẫn được ca ngợi và được người đời trân trọng, đó chính là sự hòa thuận và tình nghĩa thủy chung của vợ chồng ngay cả khi gia đình nghèo khó hay gặp hoàn cảnh hoạn nạn, khó khăn. Sự hòa thuận, thủy chung trong gia đình truyền thống được hình thành và củng cố phần lớn do sự ảnh hưởng của các tư tưởng văn hóa.

Dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo với nét nổi bật là tư tưởng gia truyền phụ quyền, trọng nam khinh nữ, vị trí, vai trò, bổn phận và nghĩa vụ của người vợ, người chồng trong gia đình truyền thống được quy định khá rõ ràng và đòi hỏi mọi người phải tuân thủ, nhất là đối với người phụ nữ. Người phụ nữ phải tuân theo những quy định ngặt

nghèo của đạo tam tông, tứ đức trong Nho giáo. Bên cạnh đó, người phụ nữ còn phải có các phẩm chất tốt đẹp khác như công, dung, ngôn, hạnh. Trong gia đình và xã hội đưa ra nhiều điều nghiêm cấm đối với phụ nữ và nếu mắc phải, người phụ nữ bị đuổi ra khỏi nhà. Đó chính là tội thất xuất bao gồm không có con, dâm dật, không thờ cha mẹ chồng trọn đạo, hay lảm điều, trộm cắp, ghen tuông và có ác tật. Vì thế trong gia đình, người phụ nữ không chỉ có trách nhiệm phục vụ chồng mà còn phụng dưỡng cả cha mẹ chồng, chăm sóc con cái. Ngược lại, người chồng cũng phải biết thương yêu, quý trọng vợ song người chồng vẫn có thể lấy nhiều vợ, tới năm thê bảy thiếp, trong khi đó, người phụ nữ phải đề cao hai chữ tiết hạnh và chỉ có thể lấy một chồng.

Mặc dù có vị trí thấp hơn so với nam giới nhưng so với các nước phương Đông cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo thì địa vị của người phụ nữ trong gia đình Việt Nam truyền thống vẫn cao hơn rất nhiều bởi người Việt Nam có truyền thống tôn trọng phụ nữ. Tiêu biểu cho truyền thống này chính là sự tôn vinh người phụ nữ qua phong tục thờ mẫu của người Việt Nam. Tất cả những điều đó đã giảm bớt sức ép và những quy định ngặt nghèo trong Nho giáo, tạo nên sự gắn gũi giữa vợ chồng và sự êm ấm trong gia đình truyền thống của người Việt

Điều được coi trọng trong mối quan hệ vợ chồng có lẽ phải kể đến trước tiên chính là sự hòa thuận. Điều này được thể hiện rất rõ trong kho tàng văn hóa dân gian phản ánh đời sống của người dân nước Nam. Từ xa xưa cha ông ta đã nói *“Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn”* để coi trọng và đề cao sự hòa thuận giữa vợ chồng. Sự hòa thuận đó giúp cho vợ chồng cùng nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống như trong lao động, sản xuất, trong việc nuôi dạy con cái. Người dân dưới xã hội phong kiến tuy thường phải sống trong cảnh nghèo khó nhưng chính sự nghèo khó đó lại như một bức nền làm nổi bật, tô điểm thêm vẻ đẹp cho môi quan hệ vợ - chồng trong gia đình truyền thống:

“Râu tôm nấu với ruột bầu Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon

Hay:

“Chồng ta áo rách ta thương Chồng người áo gấm phong sương mặc người”

Chính từ tình cảm tốt đẹp đó đã củng cố sự bền vững cho tình cảm vợ chồng và nó là nguồn rễ của tấm lòng thủy chung giữa vợ chồng. Ta bắt gặp trong kho tàng văn học Việt Nam rất nhiều hình ảnh ca ngợi mối quan hệ trong gia đình, nhất là quan hệ vợ chồng như sự tích Trầu cau, mối tình giữa Từ Thức và Tiên nữ hay tiêu biểu hơn cả cho sự thủy chung của người Việt chính là hình ảnh Hòn “vọng phu” - người phụ nữ hóa đá chờ chồng. Tất cả những điều đó đã khắc họa và phản ánh rõ nét giá trị tốt đẹp trong môi quan hệ vợ chồng của gia đình truyền thống Việt Nam.

1.4.2. Quan hệ giữa gia đình và làng xóm, quê hương đất nước

Gia đình Việt Nam có truyền thống là luôn gắn bó với làng xóm, quê hương đất nước, đó chính là yếu tố góp phần hình thành nên sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt

Nam. Tiêu biểu cho sức mạnh của tình đoàn kết, gắn bó giữa gia đình với làng xã, quê hương đất nước chính là hình ảnh Thánh Gióng được dân làng đoàn kết góp gạo nuôi ăn để đi đánh giặc Ân trong truyền thuyết Thánh Gióng của Việt Nam.

Sự gắn bó giữa gia đình với làng, xóm, quê hương đất nước được tạo dựng dựa trên nền tảng của nền sản xuất tiểu nông, trên cách thức tổ chức quản lý của làng xã Việt Nam truyền thống và trên hoàn cảnh thường xuyên phải đấu tranh với ngoại xâm, thủy tộc của người Việt. Trục ba nhà - làng - nước được hình thành và củng cố khá lâu đời, bền vững trong xã hội truyền thống. Chính hoàn cảnh lịch sử, điều kiện sản xuất và cách thức tổ chức đó nên lợi ích của gia đình Việt Nam truyền thống gắn bó chặt chẽ với lợi ích của cộng đồng làng xã. Bên cạnh đó, yếu tố "dòng họ" cũng tác động đáng kể trong việc kết nối mối quan hệ gắn bó giữa gia đình với cộng đồng làng xã Việt Nam truyền thống. Và từ tình yêu gia đình, họ tộc đã phát triển lên thành tình yêu làng xóm, yêu quê hương đất nước - một giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Trong xã hội truyền thống, làng Việt thường được hình thành trên cơ sở hai, ba dòng họ, thậm chí, có những làng được hình thành từ một dòng họ và tên làng cũng là tên của dòng họ đó như Đào Xá, Dương Xá, Lưu Xá... Và ở làng xã, khi nhắc tới cá nhân, người ta cũng thường liên người đó với gia đình, họ tộc và với truyền thống của các gia đình, họ tộc đó để đánh giá mỗi cá nhân.

Gia đình Việt Nam truyền thống không chỉ thờ cúng tổ tiên, ông bà mình mà còn thờ cả Hoàng làng, các vị thần của làng thông qua các hoạt động lễ hội, tín ngưỡng tập thể (thường diễn ra ở đình làng). Các gia đình không chỉ tham gia các hoạt động văn hóa chung với nhau mà còn chia sẻ với nhau những giá trị của riêng làng xã, cộng đồng mình và tuân theo những phong tục, tập quán của làng xã. Điều đó đã củng cố mối quan hệ gắn kết giữa gia đình với dòng họ và cộng đồng làng xã. Mỗi người không chỉ giữ gìn và tự hào về những truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ mà của cả làng xã. Ở trong làng, khi gia đình nào có việc vui, buồn, tang ma, hiếu hỉ đều được mọi người xung quanh, không ai bảo ai, cùng đến chia sẻ giúp đỡ. Người Việt Nam ta có câu ca dao để nhắc nhở, khuyên răn, dạy bảo con người ta ý thức và tinh thần đoàn kết, tương trợ với mọi người trong cộng đồng cũng như trong đất nước:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Chính do sự gắn kết giữa gia đình và cộng đồng làng xã, quê hương đất nước nên gia đình Việt Nam truyền thống là một trong những nơi bảo lưu tốt nhất những giá trị văn hóa của cộng đồng và dân tộc.

1.5. Đặc trưng cơ bản của gia đình

Mặc dù đã tồn tại những định nghĩa khác nhau về gia đình và hình thái gia đình cũng có những biến đổi nhất định trải qua các nền văn minh của nhân loại, nhưng nó vẫn có những nét đặc trưng cơ bản là:

- *Quan hệ hôn nhân là một quan hệ cơ bản* của sự hình thành, tồn tại và phát triển gia đình: Hôn nhân là một hình thức quan hệ tính giao giữa nam và nữ nhằm thoả mãn các nhu cầu tâm sinh lý, tình cảm và đảm bảo tái sản xuất ra con người, nhằm duy trì, phát triển nòi giống. Cùng với sự phát triển của lịch sử, hôn nhân cũng có những biến đổi sâu sắc về hình thức, tính chất, sắc thái của nó.

Nếu như trong chế độ cộng sản nguyên thủy, hình thức hôn nhân chủ yếu là quần hôn, trong các chế độ tư hữu, hôn nhân được hình thành, xây dựng và thực hiện trên cơ sở bảo đảm lợi ích của những người chủ sở hữu (ví dụ: trong chế độ phong kiến hôn nhân một vợ một chồng nhưng điều đó chỉ ràng buộc đối với người vợ...). Hôn nhân là hình thức quan hệ tính giao của con người, chỉ có ở con người, nên ngay từ đầu, hôn nhân đã mang bản chất người, nhân văn và nhân đạo. Sự phù hợp về tâm lý, sức khoẻ và nhất là trạng thái tình cảm, ngay từ đầu đã là cơ sở trực tiếp của hôn nhân, mang lại bản sắc đặc thù của quan hệ hôn nhân.

Tuy nhiên, như mọi quan hệ xã hội khác, hôn nhân luôn chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế và bản chất chế độ xã hội mà trên đó nó được hình thành và phát triển. Vì vậy, hôn nhân trong bất cứ thời đại nào cũng có thể và cần phải được xã hội thừa nhận, ở những mức độ, trình độ khác nhau. Trong chế độ tư hữu và các xã hội có sự phân chia giai cấp, sự thừa nhận đó được thể hiện về mặt pháp luật, bên cạnh sự thừa nhận của cộng đồng, của các chuẩn mực văn hoá và lối sống của truyền thống trong cộng đồng. Sự phù hợp về trạng thái tâm lý, tình cảm, lối sống giữa đôi nam nữ trước khi đi đến hôn nhân và là cơ sở trực tiếp cho hôn nhân được gọi là tình yêu. Cũng như hôn nhân, tình yêu của mỗi thời đại, mỗi giai cấp và tầng lớp, mỗi dân tộc và cộng đồng tâm lý văn hoá cũng có những giá trị và chuẩn mực riêng, với những biểu hiện riêng, cụ thể và sinh động.

- *Quan hệ huyết thống là quan hệ cơ bản đặc trưng của gia đình:*

Gia đình là tổ chức cơ bản, gắn bó nhất của mỗi cá nhân. Mọi người đều phải sinh ra từ trong một gia đình, chịu ảnh hưởng sâu sắc của gia đình bởi sự chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ từ lúc còn là thai nhi cho đến khi trưởng thành và cả quãng đời về sau.

Gia đình là nhóm xã hội có các giới tính (nam, nữ) hình thành và phát triển từ hôn nhân tái sản xuất ra con người, tạo nên quan hệ ruột thịt, huyết thống. Đây là nét đặc trưng cơ bản nhất của gia đình.

Các thành viên trong gia đình có thể thuộc nhiều thế hệ được gắn bó với nhau không chỉ vì quan hệ ruột thịt, huyết thống, mà còn có con nuôi ảnh hưởng trực tiếp lẫn nhau về nếp sống sinh hoạt, phong tục, tập quán truyền thống... tạo nên bản sắc văn hóa của gia đình.

Đời sống gia đình được tồn tại và phát triển thường nhờ vào một ngân sách chung do khả năng lao động của các thành viên đóng góp: gắn kết với nhau bằng tình cảm, trách nhiệm thiêng liêng nhất bởi quan hệ huyết thống.

Do nhu cầu hết sức tự nhiên cần duy trì và phát triển nòi giống, con người đã sáng tạo ra gia đình với tính cách một thiết chế xã hội. Trong gia đình, cùng với quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống được coi là một quan hệ cơ bản nhất. Tuy nhiên, ngay cả quan niệm về quan hệ này cũng có những thay đổi theo tiến trình lịch sử. Những sự thay đổi ấy được quy định, chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hoá, chính trị của xã hội. Mặt khác, quan hệ huyết thống ấy cũng gia nhập, đan xen vào các quan hệ kinh tế - xã hội và chính trị xã hội của mỗi thời đại. Trong chế độ công xã nguyên thủy, huyết thống về đằng mẹ được coi như chuẩn mực để tính quan hệ thân tộc gần xa. Khi ấy, gia đình được xây dựng trên cơ sở huyết thống mẫu hệ. Gia đình theo huyết thống về đằng cha (gia đình phụ hệ) được coi như một sự phủ định đối với gia đình mẫu hệ được hình thành và phát triển cùng với sự xuất hiện chế độ tư hữu. Những biểu hiện của bất bình đẳng trong quan hệ nam nữ dù ở mức độ thấp (gia đình mẫu hệ) đến mức độ cao hơn và ngày càng gay gắt hơn (gia đình phụ hệ: gia đình chủ nô, gia đình phong kiến gia trưởng, gia đình tư sản) chỉ có thể được khắc phục trong điều kiện khi mà chế độ tư hữu bị xoá bỏ, chế độ sở hữu công cộng (công hữu) đối với các tư liệu sản xuất được xác lập.

- Quan hệ quần tụ trong cùng một không gian sinh tồn:

Gia đình thường là những thành viên sống chung với nhau dưới một mái nhà, kể cả những lúc xa vắng, họ vẫn có mối quan hệ khăng khít với chỗ ở, tổ ấm chung đó.

Ngay từ đầu, xuất phát từ yêu cầu được đặt ra trong quan hệ với tự nhiên và giữa con người với nhau, cộng đồng gia đình đã luôn cư trú, quần tụ trong một không gian sinh tồn. Lúc đầu là trong một hang đá, hốc cây... sau là trong một mái nhà... Dù không gian sinh tồn ấy ngày càng mở rộng và chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế - xã hội, nhưng nhu cầu quần tụ vẫn luôn được đặt ra, cho dù ngày nay, khái niệm không gian sinh tồn của gia đình không còn giữ nguyên nghĩa như một giới hạn địa lý thuần túy. Cho dù sự can thiệp, mức độ quan tâm giữa các thành viên gia đình đã được xã hội thay thế, đảm nhận ở mức độ đáng kể, sự quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên, các thế hệ trong mỗi gia đình không vì thế mà mất đi. Trái lại nó được củng cố, được thực hiện nhờ những thiết bị, phương tiện và tiện nghi ngày càng hiện đại, đầy đủ hơn.

- Quan hệ nuôi dưỡng giữa các thành viên và thế hệ thành viên trong gia đình:

Nuôi dưỡng là một nghĩa vụ, một trách nhiệm, đồng thời còn là một quyền lợi thiêng liêng của gia đình, của các thành viên gia đình đối với nhau. Nuôi dưỡng không đơn thuần chỉ là các bậc cha mẹ, ông bà nuôi dưỡng con cháu, mà còn là hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, giữa các thành viên khoẻ mạnh có thuận lợi trong làm ăn sinh sống đối với các thành viên gặp những khó khăn, những rủi ro về sức khoẻ, về làm ăn sinh sống. Mặc dù xã hội phát triển, sự quan tâm của xã hội đối với gia đình và các thành viên gia đình qua các chính sách bảo hiểm, chăm sóc y tế, dưỡng lão... nhưng nuôi dưỡng của gia đình có những đặc thù mà xã hội dù hiện đại đến đâu cũng

không thể thay thế và càng không nên đặt vấn đề thay thế hoàn toàn.

1.6. Hình thái gia đình và sự phát triển của gia đình

1.6.1. Các hình thái tổ chức gia đình trong lịch sử

1.6.1.1. Những hình thái hôn nhân và gia đình đầu tiên dưới chế độ thị tộc:

Giai đoạn đầu, loài người sống từng bầy đàn, dựa vào săn bắn và hái lượm, chưa có phân công lao động, quan hệ tính giao còn tự do mà lịch sử gọi là quần hôn. Đây là thời kỳ của chế độ thị tộc, thời kỳ này, theo các sử gia xác định, có thể đã kéo dài hàng chục vạn, thậm chí hàng triệu năm.

Chế độ quần hôn được thể hiện ở các hình thái gia đình như sau :

**Kiểu gia đình huyết tộc :*

Đây là giai đoạn đầu của chế độ quần hôn, chủ yếu có các đặc điểm như sau :

Quan hệ hôn nhân được xây dựng theo các thế hệ, mỗi thế hệ (như thế hệ cha mẹ, thế hệ con cái) tập trung theo những nhóm hôn nhân nhất định. Và quan hệ tính giao chỉ hạn chế giữa những người trong nhóm đó khi xét thấy khác thế hệ, tức là quan hệ tính giao theo trục hệ bị loại trừ (cấm giữa cha mẹ và con cái).

**Gia đình Puna luan :*

Đây là giai đoạn cao hơn của chế độ quần hôn. Quan hệ tính giao bị thu hẹp hơn nữa, không còn theo trục hệ (cha mẹ với các con), nhưng vẫn còn theo bàng hệ (giữa anh chị em với nhau).

Vợ chồng trong gia đình Punaluan không chung sống mà chỉ là “Người bạn thân thiết” (theo tiếng người da đỏ châu Mỹ). Các ông chồng không ở chung với các bà vợ, ai ở nhà nấy (sống với mẹ mình), trẻ con sinh ra chỉ biết mẹ, không biết tới cha. Khi một phụ nữ chết thì tài sản để lại cho các con sinh ra bởi người mẹ đó và các anh em trai cùng các chị em gái thừa kế. Đây là loại gia đình tộc cùng có chung một bà mẹ, tất cả những người của các thế hệ trong gia đình này hợp lại thành cái mà chúng ta gọi là *Thị tộc*.

**Kiểu hôn nhân gia đình đối ngẫu: (theo cặp)*

Do ý thức xã hội của con người về hôn nhân phát triển, từ hình thức hôn nhân Punaluan, các cặp vợ chồng tách ra thành từng đôi riêng rẽ, hình thành một hình thức hôn nhân mới : hôn nhân cặp đôi hay còn gọi là *hôn nhân đối ngẫu*.

Công lao trong việc tạo ra hình thức hôn nhân này thuộc về phụ nữ, do họ có nhu cầu cần sự gắn bó cao hơn so với đàn ông, tức là người phụ nữ thời đó nhận thấy muốn được thuộc về chỉ một người đàn ông thôi.

Tuy vậy, hôn nhân đối ngẫu trong điều kiện chế độ thị tộc không thể bền vững được, nó rất dễ bị người vợ hoặc người chồng phá vỡ do không có cơ sở pháp lý và những cơ sở tình cảm ràng buộc chặt. Con cái do hôn nhân đó sinh ra vẫn thuộc về thị tộc mẹ như trước. Sở dĩ như vậy là do gia đình đó vẫn bị phụ thuộc kinh tế vào đại gia đình là thị tộc.

Gia đình đôi ngẫu vẫn chưa phải là một đơn vị kinh tế. Nó chỉ là một đơn vị hôn phối, một cặp hôn nhân trong thị tộc. Còn thị tộc vẫn là một đơn vị kinh tế cơ bản của xã hội đó.

1.6.1.2. Hôn nhân một vợ một chồng và các biến dạng trong thực tế:

** Những điều kiện kinh tế xã hội của hôn nhân một vợ một chồng :*

Hôn nhân một vợ một chồng là hình thức hôn nhân cao hơn, mới hơn và bền vững hơn hôn nhân đôi ngẫu, nó phát sinh trong xã hội khi có được những điều kiện kinh tế xã hội cần thiết.

Về lao động, mức độ phân công lao động và chuyên môn hóa cao, làm cho năng suất lao động phát triển tới mức có của cải dư thừa, kinh tế gia đình xuất hiện bên cạnh các hình thức kinh tế khác. Gia đình đôi ngẫu chiếm lấy những của cải dư thừa đó để riêng cho mình.

Với việc chiếm giữ tài sản làm của riêng, gia đình đôi ngẫu dần dần đối lập với thị tộc, trở thành đơn vị kinh tế độc lập - gia đình một vợ một chồng ra đời.

Trong gia đình này, người chồng bắt đầu nắm vị trí thống trị, vợ và các con của họ ở vào thế “bị trị” và thực tế họ là tài sản của người chồng. Có được vị trí đó là do lúc này người chồng làm những nghề nghiệp đưa lại hiệu suất và thu nhập cao hơn như : chăn nuôi, trồng trọt, tiểu thủ công, săn bắn, . . . còn người vợ chỉ làm những công việc nội trợ, nuôi con trong nhà, không làm ra của cải vật chất cho gia đình nên bị phụ thuộc.

Chế độ hôn nhân một vợ một chồng đã cho phép xác định được người cha đẻ của các con trong gia đình mà trong các hình thức hôn nhân trước đó chưa xác định được. *Người chồng nảy ra xu hướng lợi dụng địa vị vững vàng hơn ấy để thay đổi trật tự thừa kế cổ truyền đặt làm lợi cho con cháu mình. . . Vì vậy, cần xóa bỏ chế độ huyết tộc theo mẫu quyền đi đã... huyết tộc theo cha và quyền thừa kế theo cha được xác lập. (F.Engels)*

Giai đoạn này thị tộc bắt đầu tan rã trước tư tưởng tư hữu đang phát triển, thị tộc phải nhường chỗ cho gia đình cá thể (gia đình một vợ một chồng)

Chế độ thị tộc không giai cấp với sự xuất hiện của gia đình một vợ một chồng đã chuyển sang chế độ tư hữu và có giai cấp. Cuộc cách mạng này đã xảy ra ngay từ trong gia đình.

** Hôn nhân một vợ một chồng trong các chế độ xã hội :*

- *Trong chế độ chiếm hữu nô lệ:*

Ở xã hội này, chế độ một vợ một chồng bắt đầu mang tính giả tạo, đối với chủ nô và nó chỉ tuân thủ đối với đàn bà. Sự hiện diện của các nô lệ gái đã *thuộc về người chủ nô cả về thể xác lẫn tâm hồn* thì người vợ của các chủ nô cũng chỉ còn là một nô lệ, một công cụ giải trí và sinh đẻ đơn thuần mà thôi.

Thực tế lịch sử hình thành Nhà nước La Mã đã chứng minh rằng khi xã hội này hình thành các cơ quan Nhà nước thì xã hội cũng bắt đầu xuất hiện chế độ gia trưởng trong gia đình và được luật pháp bảo vệ.

- *Trong chế độ phong kiến:*

Xuất phát từ sự tôn thờ và duy trì chế độ đẳng cấp, trọng nam khinh nữ trong xã hội phong kiến mà chế độ một vợ một chồng bị biến dạng : Xã hội hà khắc với phụ nữ (chỉ có một chồng) còn đàn ông được luật pháp cho phép có nhiều vợ (đa thê), điển hình là phong kiến phương Đông (Việt Nam, Trung Quốc và các nước theo đạo Hồi).

Nhưng thực tế lịch sử thế giới đã chứng minh rằng dù ở phương Đông hay phương Tây thì hôn nhân và gia đình xây dựng trên nền tảng đạo đức phong kiến đều là trọng nam khinh nữ, bảo vệ quyền gia trưởng của đàn ông, hôn nhân theo đẳng cấp (đòi hỏi phải môn đăng hộ đối), bảo vệ và duy trì tông tộc phong kiến.

- *Trong chế độ tư bản chủ nghĩa :*

Trong xã hội TBCN, về hình thức, thì nhà nước tư sản duy trì chế độ một vợ một chồng, tức là hôn nhân một vợ một chồng trên nền tảng luật pháp, còn trong thực tế vẫn tồn tại đầy rẫy sự phóng túng của đàn ông và đàn bà về quan hệ tình dục (ngoại tình). Xã hội tư bản vẫn tìm mọi cách để duy trì chế độ tư hữu tư sản.

Trong bất kỳ nhà nước tư sản nào trên thế giới, dù ý thức xã hội có biến đổi đến mức nào, thì từ xưa đến nay các quan hệ hôn nhân gia đình trong xã hội vẫn luôn luôn được xây dựng trên sự tính toán về kinh tế và các quan hệ hôn nhân đó vẫn nhuốm đầy màu sắc tiền bạc và tài sản.

- *Trong chế độ Xã hội chủ nghĩa :*

Dưới CNXH, Nhà nước tạo những điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa và luật pháp để thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Vì đây là mục tiêu quan trọng của cách mạng XHCN.

Trong Nhà nước XHCN, vị trí của người phụ nữ được tôn trọng, họ có những quyền ngang với nam giới, không còn ở địa vị phụ thuộc, nên trong quan hệ hôn nhân, họ được tự do để quyết định, không ai có quyền ép buộc, kể cả cha mẹ, ông bà.

Trong xã hội XHCN, hôn nhân và gia đình đã trở thành mối quan tâm của xã hội. Nhà nước dùng luật pháp điều chỉnh các quan hệ về hôn nhân phát triển theo hướng phù hợp với lợi ích của mọi công dân, Nhà nước sử dụng luật hôn nhân và gia đình như một phương tiện để xây dựng các quan hệ xã hội mới, nền văn hóa mới và con người mới phù hợp với bản chất xã hội.

1.6.1.3. Vấn đề gia đình trong thế giới hiện đại và cách hình thái gia đình trong giai đoạn hiện nay

Công nghiệp hoá và đô thị hoá được coi là những nhân tố tác động chủ yếu đến gia đình hiện đại. Các nhà xã hội học phương Tây phân chia gia đình thành hai hình thái quan trọng là gia đình trong xã hội tiền công nghiệp và gia đình trong xã hội công nghiệp hoá. Mỗi hình thái gia đình đó tương ứng với những đặc điểm tiêu biểu về cấu trúc và chức năng. Phần lớn các nhà xã hội học cho rằng, trong xã hội tiền công nghiệp, gia đình là một

đơn vị đa chức năng (multifunctional unit), thực hiện nhiều chức năng cho các thành viên gia đình và đáp ứng tất cả nhu cầu của các thành viên gia đình như: bảo đảm thoả mãn các nhu cầu tình dục, sinh đẻ và nuôi dạy trẻ em, cung cấp nhà ở, kinh tế, giáo dục, ổn định địa vị xã hội, giải trí, tôn giáo, chăm sóc sức khoẻ các thành viên, bảo đảm cuộc sống người già. Chỉ có gia đình mới có thể thực hiện thành công những chức năng này. Vì thế gia đình là tất yếu và phổ biến. Chúng ta không thể tồn tại mà không có gia đình.

Với sự phát triển của công nghiệp hoá, gia đình trở nên ít quan trọng hơn với tư cách là một đơn vị sản xuất kinh tế. Chức năng gia đình tập trung nhiều hơn vào tái sinh sản, nuôi dưỡng và xã hội hoá trẻ em. Theo nhà xã hội Mỹ Talcott Parsons, hai chức năng chính của gia đình trong xã hội công nghiệp là xã hội hoá ban đầu đối với trẻ em (Primary Sociolization of Children) và ổn định nhân cách người lớn (Stabilisation of Adult Personalities). Xã hội hoá ban đầu là quá trình mà trẻ em học hỏi các chuẩn mực văn hoá của xã hội trong đó chúng được sinh ra. Điều này xảy ra trong những năm đầu của đứa trẻ, cho nên gia đình là môi trường quan trọng nhất đối với sự phát triển nhân cách của con người. Khái niệm “Ổn định nhân cách người lớn” ám chỉ vai trò mà gia đình đảm nhận trong việc giúp đỡ các thành viên gia đình trưởng thành về mặt tình cảm. Hôn nhân giữa những người đàn ông và phụ nữ là một sự sắp xếp mà thông qua đó, những nhân cách của người lớn được trợ giúp và nuôi dưỡng khoẻ mạnh. Trong xã hội công nghiệp vai trò của gia đình trong việc ổn định nhân cách người lớn được coi là rất quan trọng, bởi vì gia đình hạt nhân thường sống tách biệt khỏi họ hàng mở rộng của nó và không thể hoà vào hệ thống họ hàng mở rộng như gia đình trước thời kỳ công nghiệp hoá.

Trong xu hướng xã hội ngày nay, xuất hiện chủ yếu 1 số loại hình gia đình sau:

- * Gia đình hạt nhân: Là gia đình bao gồm một cặp vợ chồng và con cái chưa kết hôn.
- * Gia đình đa thế hệ: Là gia đình có nhiều thế hệ chung sống trong một mái nhà.
- * Gia đình đơn thân: Là gia đình chỉ có một thành viên hoặc chỉ có bố hoặc mẹ và con cái.
- * Gia đình tổ hợp (Gia đình tái hôn sau li hôn): Là gia đình trong đó ít nhất một trong hai vợ chồng đã từng kết hôn.
- * Gia đình đa văn hóa (tại Việt Nam): Là gia đình gồm công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài và chung sống với nhau dưới một mái nhà hoặc gia đình được cấu thành nên từ những người nước ngoài. Được nhận quốc tịch Việt Nam.
- * Gia đình không con: Là gia đình “gặp đôi thu nhập và không con cái.
- * Gia đình đồng giới: Là cuộc hôn nhân giữa hai người có cùng giới tính sinh học.
- * Gia đình độc thân: Là tình trạng một người chưa lập gia đình hoặc trong người đã ly hôn nhưng chưa kết hôn lại (tái hôn, đi bước nữa).

* Gia đình kết bạn: Là tình trạng hai người khác giới sống chung trong một mái nhà không có sự ràng buộc về mặt pháp lý.

Parsons coi gia đình hạt nhân là một đơn vị thích hợp nhất đáp ứng được đòi hỏi của xã hội công nghiệp. Trong gia đình hạt nhân, một người có thể làm việc ở bên ngoài gia đình, còn người kia chăm lo gia đình và trẻ em. Người đàn ông có vai trò “công cụ” là trụ cột gia đình và người vợ có vai trò “biểu cảm”. Quan điểm này của Parsons về gia đình cũng như lý thuyết chức năng về gia đình mà ông là một trong những đại diện, về sau đã phải chịu một sự chỉ trích nặng nề của các nhà nữ quyền vì đã biện hộ cho sự phân công lao động trong gia đình giữa đàn ông và đàn bà với tư cách là sự phân công tự nhiên và tự nguyện¹

William Goode cho rằng trên phạm vi toàn thế giới, hình thái gia đình mở rộng truyền thống đã được thay thế bằng gia đình hạt nhân phổ biến. Quá trình này diễn ra không chỉ do tác động của công nghiệp hoá mà còn bởi sự phổ biến của lý tưởng về gia đình hạt nhân từ các xã hội Phương Tây.

Trong cuốn *World Revolution and Family Patterns* (Cách mạng thế giới và các mẫu hình gia đình)², William Goode đã khảo sát mối quan hệ giữa cấu trúc gia đình và công nghiệp hoá trong những phần khác nhau của thế giới. Cũng giống như Parsons, ông cho rằng, công nghiệp hoá đã dẫn tới sự xói mòn gia đình mở rộng và các nhóm họ hàng thân tộc. Goode đưa ra những cách giải thích sau đây cho quá trình này: Tỷ lệ cao của sự di động địa lý trong xã hội công nghiệp hoá làm giảm tính thường xuyên và tính thân mật của sự hợp tác giữa các thành viên trong mạng lưới thân tộc. Mức độ di động xã hội cao cũng làm yếu đi sự ràng buộc họ hàng. Ví dụ, nếu một thành viên của một gia đình thuộc giai cấp lao động di động xã hội đến một vị trí cao hơn, anh ta có thể chọn lối sống, quan điểm, và giá trị của giai cấp xã hội mới của anh ta. Đó là sự suy giảm quan hệ phụ thuộc của cá nhân vào gia đình và họ hàng của anh ta. Gia đình và nhóm thân tộc có vai trò rất ít trong việc thành đạt của các thành viên của nó. Gia đình không thể bảo đảm cho các thành viên của nó một công việc hay cung cấp trực tiếp sự giáo dục cần thiết. Sự phân công lao động đặc biệt cao trong xã hội công nghiệp đã tạo ra những khó khăn cho một cá nhân muốn dành được việc làm trong xã hội đó.

Tuy nhiên, như trên đã nói, Goode không xem áp lực của công nghiệp hoá như là một nguyên nhân duy nhất của sự tan vỡ mối dây ràng buộc gia đình mở rộng. Ông cho rằng sự di chuyển tới gia đình hạt nhân nhanh hơn nhiều so với mức độ của công nghiệp hoá. Goode tin rằng hệ tư tưởng về gia đình hạt nhân đã cổ vũ cho sự phát triển và phổ biến của gia đình hạt nhân trong các xã hội không phải phương Tây. Ông cũng cho rằng sự

¹ Anthony Giddens. 2001. *Sociology*. 4th Edition. Polity tr 175.

² Goode W. 1963. *World Revolution and Family Patterns*. New York: The Free Press

phát triển nhanh chóng của gia đình hạt nhân đã đem đến tự do cho các thành viên của gia đình. Goode hầu như đồng nhất công nghiệp hoá với sự tiến bộ của gia đình và không đề cập đến những tác động tiêu cực của công nghiệp hoá đến gia đình ở những quốc gia và các nền văn hoá khác nhau trên thế giới.

Bức tranh về mô hình gia đình hạt nhân của Parsons và Goode là quá lý tưởng hoá và đã bỏ qua các loại hình gia đình không phải hạt nhân tồn tại khách quan, đa dạng trong xã hội. David Cheal (1993) đưa ra một cái nhìn khác về gia đình. Theo Cheal, chúng ta không thể nói về một gia đình (the family) mà chỉ có thể nói về những gia đình (the families). Đó chính là sự thay đổi về bản chất của các mối quan hệ gia đình. Một thay đổi có ý nghĩa quan trọng đầu tiên cần phải được quan tâm là vị trí của người phụ nữ do tỷ lệ phụ nữ đã kết hôn đi làm bên ngoài gia đình tăng lên rất nhanh, thêm vào đó những biện pháp tránh thai được cải tiến đã có một tác động đặc biệt đến sự kiểm soát đối với cuộc sống của họ cả ở bên trong và bên ngoài gia đình. Những nhân tố này cùng với sự tác động của phong trào giải phóng phụ nữ đã làm thay đổi căn bản mô hình về cuộc sống điển hình của người phụ nữ và thái độ của chúng ta về vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội¹

Mô hình *gia đình hạt nhân* có chồng đi làm vợ ở nhà nội trợ và nuôi con rất thịnh hành ở thời kỳ đầu công nghiệp hoá và được coi là mô hình lý tưởng của xã hội công nghiệp nhưng ngày càng ít được phụ nữ chấp nhận. Theo Alvin Toffler, ở Mỹ hiện chỉ có 7% dân số sống trong kiểu gia đình đó, trong khi 93% không còn thích hợp với mô hình lý tưởng này. Hơn thế nữa, gia đình hạt nhân (bao gồm cả những gia đình có hai vợ chồng đi làm, gia đình có một con, hai con hay hơn hai con) đang tiếp tục giảm đi về số lượng, trong khi các hình thức gia đình khác thì tăng lên nhanh chóng. Có từ 2/3 đến 3/4 dân số Mỹ sống trong những hình thức gia đình không phải là gia đình hạt nhân².

Ở nhiều nước phương Tây vai trò của người cha truyền thống gắn liền với các khái niệm như “chủ gia đình”, “trụ cột gia đình”, “quyền uy người cha” v.v. đã dần dần biến mất cùng với sự thay đổi của các quan hệ hôn nhân và gia đình. Hiện nay ở phương Tây, điển hình như nước Anh, tỷ lệ trẻ em sống trong những gia đình đơn thân, chỉ có bố hoặc mẹ với những đứa con chưa trưởng thành (lone parent families), đang ngày càng tăng lên do kết quả của tình trạng ly hôn, ly thân, phụ nữ sống độc thân có con v.v.. Những kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy gia đình đơn thân đang trở thành loại gia đình có xu hướng chi phối với một số lượng lớn. Theo Bộ Cứu trợ xã hội Anh, năm 2000 nước Anh có một triệu rưỡi gia đình đơn thân với 1/4 số trẻ em nước Anh (khoảng 3 triệu trẻ em) sống trong loại hình gia đình này. Một số nhà nghiên cứu cho rằng khoảng một nửa trẻ em nước Anh

¹ Still, L. & Kidd, W. 2001. The Family. Palgrave..

² Alvin Toffler. 1996. Đợt sóng thứ ba. Nxb KHXH, tr 338

sẽ trải nghiệm cuộc sống trong gia đình đơn thân. Ở nước Mỹ người ta cũng đưa ra một con số ước tính gần như vậy¹

Năm 1999 các loại hình gia đình đơn thân ở nước Anh chia theo giới tính và tình trạng hôn nhân là như sau: 1) Những người cha đơn thân: 3%; 2) Những người mẹ ly dị: 23%; 3) Những người mẹ ly thân với chồng: 19%; 4) Những người mẹ ly thân với bạn tình: 26%; 5) Những người mẹ độc thân: 23%; 6) Những người mẹ goá; 6%².

Những số liệu nêu trên cho thấy, gần một nửa (49%) số *gia đình đơn thân* thuộc về những người mẹ chưa từng kết hôn lần nào. Đại bộ phận trẻ em trong các gia đình đơn thân (97%) sống với mẹ, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ trẻ em (3%) sống với cha. Trong nhiều trường hợp, đứa con không bao giờ biết cha mình là ai hoặc không bao giờ còn nhìn thấy cha mình nữa. Ly hôn, ly thân, sinh con ngoài giá thú,... đã làm cho nhiều đàn ông phương Tây (như trường hợp nước Anh) không có cơ hội trở thành người cha hoặc mất quyền làm cha. Rất nhiều đứa con không có cha và không biết đến tình cảm của người cha.

Ở các nước phương Tây, nam nữ thanh niên hoàn toàn tự do lựa chọn hình thức chung sống hoặc không chung sống mà không bị ràng buộc bởi pháp luật hoặc dư luận xã hội. Mặt trái của nó là dẫn tới sự tan rã của thể chế gia đình, sự phủ định vai trò của người cha truyền thống. Đó là sự thất bại của người cha. Hình ảnh người cha chạy vạy khắp nơi, kể cả đến các toà án để xin được làm cái việc mà hôm qua còn là tự nhiên là được gặp mặt con, được chăm sóc con mình không phải là chuyện lạ. Hậu quả của việc biến mất vai trò người cha trong gia đình ở các nước phương Tây cho đến nay còn chưa được nghiên cứu đầy đủ, giống như sự mất cân bằng tự nhiên giữa thảm động vật và thảm thực vật mà chúng ta thường xâm phạm vào mà không biết rõ và phải mất nhiều thời gian mới hiểu được. Nhiều nhà tâm lý học và phân tâm học đã khẳng định vai trò không thể thiếu được của người cha đối với sự hình thành nhân cách của con cái và cảnh báo về nguy cơ không có cha đối với vô thức của trẻ con, bởi vì thân thể người cha là một bộ phận hợp thành cái vô thức của chúng.

Trong các xã hội công nghiệp cùng với tỷ lệ ly hôn cao là tỷ lệ cao của các cuộc *tái hôn sau ly hôn*. Những người tái hôn đem con cái của họ được sinh ra trong các cuộc hôn nhân trước đó vào trong một hình thức gia đình mở rộng kiểu mới. Một số nhà xã hội học gọi kiểu gia đình mở rộng mới này là *gia đình tổ hợp* (aggregate family). Một loại gia đình mới khác cũng đang tăng lên trong nhiều nước công nghiệp, đó là những *gia đình không con* (child-free family). Đây không phải là gia đình rủi ro, không có khả năng sinh đẻ mà là những cặp vợ chồng chủ động chọn lối sống không con. Xã hội công nghiệp cũng phát triển ngày càng nhiều số lượng những cặp vợ chồng sống với nhau mà không quan tâm gì đến các thủ tục pháp lý. Những biểu hiện của hình thức gia đình này là *gia đình kết bạn*,

¹ Karen Rowlingson và Stephen Mackay. 2002. Lone Parent Families. Prentice Halltr3.

² Karen Rowlingson và Stephen Mackay. 2002. sđd tr6.

hôn nhân thử; gia đình đồng tính luyến ái. Kết quả là hiện tượng sinh con ngoài giá thú tăng lên qua các năm. Ở Anh tỷ lệ sinh con ngoài giá thú tăng từ 11% năm 1979 đến 13% năm 1981, 15% năm 1986, 25% năm 1988, 28% năm 1990, 30% năm 1991, gần 32% vào năm 1992

Một loại gia đình đặc biệt khác cũng đang tăng lên trong các xã hội công nghiệp hoá, đó là *gia đình độc thân*. Từ những năm 70 đến những năm 90 của thế kỷ 20, gia đình độc thân ở Mỹ đã tăng lên 83,9%, ở Anh đã tăng lên 78,8%. Hiện tại 1/5 tổng số các hộ gia đình ở Mỹ là những hộ chỉ có một người sống độc thân. Hộ độc thân không phải chỉ có những người bị mất gia đình, bị bỏ rơi, những người ly hôn sống trong khoảng thời gian giữa hai cuộc hôn nhân mà phần lớn là những người đã chọn lối sống độc thân một cách có ý thức hay như người ta nói là chủ nghĩa độc thân.

Công nghiệp hoá không xoá bỏ gia đình truyền thống nhưng nó phá vỡ cấu trúc nhất thể hoá của gia đình truyền thống, tạo nên tính đa khuôn mẫu của gia đình trong đó gia đình truyền thống chỉ là một trong số những khuôn mẫu. Sự thay đổi cấu trúc gia đình đến lượt nó lại ảnh hưởng đến các mối quan hệ và các chức năng của gia đình. Sự thay đổi quan trọng nhất của chức năng gia đình là việc gia đình chuyển từ chủ yếu là một đơn vị sản xuất sang chủ yếu là một đơn vị tiêu dùng do hoạt động sản xuất được tách ra khỏi phạm vi gia đình; tiếp theo là việc chuyển một phần chức năng chăm sóc giáo dục trẻ em cho trường học do phụ nữ ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động tạo thu nhập bên ngoài gia đình; việc bảo đảm an sinh xã hội cho các thành viên gia đình vốn được thực hiện trong gia đình truyền thống nay cũng được chuyển một phần cho các thiết chế xã hội khác như y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm chăm sóc. Chức năng sinh đẻ của gia đình cũng thay đổi từ gia đình đông con sang gia đình ít con do việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật tránh thai và do quan niệm về giá trị đứa con thay đổi từ chỗ con cái được xem là tài sản, nguồn nhân lực lao động của gia đình sang việc con cái được coi như nguồn thoả mãn nhu cầu tâm lý tình, cảm của cha mẹ.

Những biến đổi đa dạng về cấu trúc và chức năng của gia đình của những nước công nghiệp hoá đã khiến nhiều gia đình không thích ứng và không kiểm soát được các mối quan hệ, dẫn đến tình trạng mà các nhà xã hội học gọi là rối loạn cấu trúc, rối loạn chức năng gia đình và khủng hoảng gia đình, với các biểu hiện như tỷ lệ ly hôn, ngoại tình rất cao, mâu thuẫn xung đột và bạo lực gia đình, trẻ em và người già không được chăm sóc đầy đủ trong gia đình, kinh tế gia đình gặp khó khăn v.v...

1.7. Các chức năng cơ bản của gia đình

1.7.1. Chức năng sinh sản, tái sản xuất con người

- Tái sản xuất ra chính bản thân con người là một chức năng cơ bản và riêng có của gia đình. Chức năng này bao gồm các nội dung cơ bản: tái sản xuất, duy trì nòi giống, nuôi

đường nâng cao thể lực, trí lực bảo đảm tái sản xuất nguồn lao động và sức lao động cho xã hội.

- Hoạt động sinh con đẻ cái của con người trước hết xuất phát từ nhu cầu tồn tại rất tự nhiên và chính đáng của chính con người, của xã hội. Chức năng này đảm bảo sự tồn vong của xã hội.

+ Xét về góc độ xã hội, quốc gia muốn hùng mạnh và phát triển bền vững thì tất yếu phải tái sản xuất ra sức lao động xã hội. Không chỉ đẻ thay thế mà đồng thời thế hệ được sinh sản sau phải là sức lao động có trình độ, năng lực hơn những thế hệ trước để góp phần sáng tạo ra một xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ hơn. Nếu không có chức năng sinh sản tái sản xuất ra sức lao động ngày một hoàn hảo hơn của gia đình thì xã hội không những không thể tiến lên phía trước mà chỉ thụt lùi đi đến chỗ tiêu vong.

+ Sinh đẻ, tái sản xuất ra sức lao động được coi là nghĩa vụ thiêng liêng của gia đình. Do đó, nam nữ xây dựng gia đình trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và những con cái của họ sinh ra đều được pháp luật, xã hội công nhận và bảo trợ.

- Trước đây, do trình độ nhận thức, trình độ phát triển khoa học kỹ thuật còn thấp kém, con người chưa có ý thức đầy đủ và chưa có khả năng kiểm soát điều tiết việc sinh sản để bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ, chất lượng đời sống cho trẻ em. Việc sinh sản theo quan niệm “Trời sinh voi, sinh cỏ” đã dẫn đến tình trạng nhiều gia đình quá đông con nên nghèo đói, bệnh tật, trẻ nheo nhóc, thiếu dinh dưỡng, không được học hành, tuổi thọ trung bình thấp v.v...

Nhưng hiện nay, tốc độ gia tăng dân số, mật độ dân cư... và nhiều yếu tố khác liên quan đã tác động mạnh mẽ đến các vấn đề chiến lược và trình độ phát triển kinh tế, xã hội... Vì vậy sinh đẻ của mỗi gia đình không chỉ là việc riêng của gia đình mà còn là một nội dung quan trọng của mỗi quốc gia và toàn nhân loại. Chiến lược về dân số hợp lý sẽ trực tiếp tạo ra một cách có kế hoạch nguồn nhân lực mới phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, là mục tiêu, động lực quan trọng nhất của phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Vì vậy chức năng sinh sản, tái sản xuất ra sức lao động phải:

+ Đảm bảo số lượng và chất lượng cuộc sống của đứa trẻ và của các thành viên trong gia đình. Đây là vấn đề nhân bản, khẩn cấp, có tính toàn cầu.

+ Riêng ở Việt Nam chúng ta đang đặt ra trách nhiệm cho mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh đẻ 1 hoặc 2 con nhằm thực hiện triệt để chương trình DS-KHHGĐ.

1.7.2. Chức năng nuôi nấng, giáo dục

- Nội dung của giáo dục gia đình tương đối toàn diện: cả giáo dục tri thức và kinh nghiệm, giáo dục đạo đức và lối sống, giáo dục nhân cách, thẩm mỹ, ý thức cộng đồng...

- Phương pháp giáo dục của gia đình: cũng rất đa dạng, song chủ yếu là phương pháp nêu gương, thuyết phục, chịu ảnh hưởng không ít của tư tưởng, lối sống, tâm lý, gia phong của gia đình truyền thống.

- Chủ thể giáo dục: Giáo dục gia đình còn bao hàm cả tự giáo dục. Tuy nhiên, chủ thể giáo dục gia đình cơ bản và chủ yếu vẫn là thế hệ cha mẹ, ông bà đối với con cháu.

- Quá trình nuôi dưỡng, giáo dục con người bắt đầu từ trong bào thai của mẹ (thai giáo) và khi cất tiếng chào đời là ở trong môi trường gia đình. Sứ mệnh nuôi dưỡng, giáo dục đứa trẻ từ khi mới ra đời không thể giao phó, chuyển nhượng cho ai có trách nhiệm hơn, tốt đẹp hơn là gia đình. Gia đình là “trường học” đầu tiên đối với cuộc đời của mỗi con người.

+ Theo A.C. Makarencô: “Những gì mà cha mẹ đã làm cho con trước 5 tuổi, đó là 90% kết quả của quá trình giáo dục”.

+ Kinh nghiệm giáo dục truyền thống của nhân dân ta cũng khẳng định:

“Uốn cây từ thuở còn non, Dạy con từ thuở con còn trẻ thơ”

+ Từ nhỏ, con người không được giáo dục, lớn lên không khác gì cây hoang, cỏ dại ở ngoài đồng và nếu không được sống trong môi trường gia đình và xã hội thì cũng không khác mấy các loài động vật. Trong lịch sử có hơn 30 trường hợp trẻ con bị lạc vào rừng được sói nuôi dưỡng đã trở thành “người sói”. Tất cả những trường hợp của “đứa trẻ hoang dã” dù sau khi được trở lại với xã hội người, đều có kết quả tương tự, khó lòng trở thành một con người thực thụ.

- Giáo dục gia đình không những có tác dụng mạnh mẽ, có ý nghĩa sâu sắc đối với tuổi trẻ thơ, mà còn có ý nghĩa đối với cả cuộc đời của con người lúc đã trưởng thành cho đến lúc tuổi già. Nói cách khác là những phẩm chất đạo đức, tính cách, cũng như năng lực chuyên biệt của cha mẹ thường ảnh hưởng rất lớn đối với con cái trong gia đình. Vì vậy, nhiều nhà khoa học đã nhận định: “Có một thực tế lạ lùng là phần lớn những thiên tài đều có bà mẹ tuyệt vời và họ nhận được ở người mẹ nhiều hơn là ở người cha”.

- Việc chăm lo nuôi nấng, giáo dục của cha mẹ đối với trẻ ở trong gia đình:

+ Trước hết là nhằm giữ gìn và phát triển thể chất, không để trẻ lâm vào tình trạng đói, rét, suy dinh dưỡng, sống lay lắt, ốm đau bệnh tật ảnh hưởng đến thể trạng của người công dân tương lai, đến nòi giống dân tộc.

+ Hơn thế nữa, cha mẹ phải thường xuyên tạo ra môi trường sống có ý nghĩa và tác dụng giúp con cái hình thành và phát triển toàn diện nhân cách người công dân chân chính tương lai.

+ Thực chất của việc tổ chức giáo dục trên là xã hội hóa đứa trẻ, biến sinh thể tự nhiên thành một thực thể có khả năng hòa nhập, thích ứng, sống, học tập, làm việc theo yêu cầu biến đổi của xã hội.

- Quá trình xã hội hóa đứa trẻ trong gia đình về đại thể diễn ra như sau:

+ Ngay lúc còn thai nhi, đặc biệt từ thuở lọt lòng, đứa trẻ đã được tiếp xúc với nền văn hóa gia đình mà tiêu biểu là: trân trọng vị trí, công lao của cha, mẹ (“Công cha như núi Thái Sơn; nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”); yêu thương quý mến những người có

quan hệ máu mủ ruột rà, ông bà, anh em, chú bác, cô, dì... (một giọt máu đào hơn ao nước lã; anh em như chân với tay); đề cao tình nghĩa vợ chồng, đạo lý giữa cha mẹ và con cái, giữa gia đình và họ hàng, làng xóm, cộng đồng (một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ); tiếp thu những kinh nghiệm về mọi mặt, nhất là về nghề nghiệp, về lao động sản xuất (đời cha cho chí đời con, đẽo vuông rồi lại đẽo tròn mới nên)... v.v...

+ Từ nền văn hóa gia đình, đứa trẻ càng trưởng thành càng tiếp xúc với nền văn hóa rộng lớn hơn, phong phú hơn qua giao tiếp, học tập, lao động, vui chơi giải trí, hoạt động xã hội, hoạt động tập thể v.v... Nó dần dần chiếm lĩnh một cách chọn lọc, sáng tạo nền văn hóa xã hội ở mức độ cần thiết, nhất định.

+ Từ đứa trẻ ở trong gia đình biết vị trí của mình là con, là cháu, người anh, người chị dần dần ý thức được là người công dân tương lai của đất nước với những nghĩa vụ, quyền lợi được xã hội chấp nhận.

- Tất nhiên, quá trình xã hội hóa đứa trẻ không hoàn toàn do giáo dục gia đình quyết định. Giáo dục gia đình - cha mẹ với tư cách là nhà giáo dục đầu tiên khơi nguồn, mở mang cho việc hình thành và phát triển những yếu tố nhân cách gốc, tạo cơ sở rất quan trọng cho đứa trẻ tiếp thu có hiệu quả giáo dục của nhà trường, đoàn thể xã hội.

- Giáo dục gia đình có những nét đặc thù mà giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội không thể có, đó là:

+ Tình cảm yêu thương tràn trề của cha mẹ đối với con cái, nên họ sẵn sàng hi sinh các điều kiện vật chất và tinh thần, dành mọi thuận lợi cho quá trình giáo dục, miễn sao con cái nên người.

+ Đồng thời, giáo dục gia đình là một nền giáo dục toàn diện, cụ thể hóa và cá biệt hóa rất cao.

- Từ những vấn đề đã được trình bày ở trên, chúng ta thấy rằng: nuôi nấng và giáo dục con cái là chức năng đặc biệt quan trọng của gia đình, không có một đơn vị, tổ chức nào có thể thay thế được. Do đó, việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả giáo dục gia đình luôn luôn là một vấn đề thời sự có ý nghĩa rất mới mẻ, rất cấp thiết của mọi dân tộc, mọi quốc gia.

- Chính vì vậy mà cần phải chống lại những quan điểm cho rằng, trong xã hội hiện đại, chức năng giáo dục trẻ của gia đình đã được chuyển giao cho các thiết chế xã hội như nhà trẻ, trường lớp mẫu giáo và phổ thông, còn gia đình chỉ có chức năng sinh đẻ và liên kết tình cảm.

- Đặc biệt đối với những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường đến mọi lứa tuổi. Giáo dục gia đình cũng không tránh khỏi những nguy cơ và thách thức. Nếu các bậc cha mẹ lơ là không quan tâm đến việc nuôi dạy con cái; không biết cách giáo dục con cái; thiếu gương mẫu trong cách sống, lối sống của một người công dân chân chính, tất yếu sẽ đem lại những hậu quả thảm hại đối với con cái trong gia đình.

Giáo dục gia đình là một bộ phận và có quan hệ hỗ trợ, bổ sung hoàn thiện thêm cho giáo dục nhà trường và xã hội. Do đó, dù giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội có phát triển lên trình độ nào, giáo dục gia đình vẫn được coi là một thành tố của nền giáo dục xã hội nói chung. Giáo dục gia đình luôn trở thành bộ phận quan trọng, hợp thành giáo dục nói chung phục vụ các lợi ích cơ bản của giai cấp thống trị trong bất cứ thời đại nào, khi xã hội còn giai cấp và phân chia giai cấp.

1.7.3. Chức năng kinh tế, tổ chức đời sống gia đình

Hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống vật chất là một chức năng cơ bản của gia đình. Hoạt động kinh tế, hiểu theo nghĩa đầy đủ gồm có hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng để thoả mãn các yêu cầu ăn mặc, ở, đi lại của mỗi thành viên và của gia đình.

Thực hiện chức năng này cũng là việc các gia đình sử dụng nguồn thu nhập để mua sắm những sản phẩm phục vụ cho đời sống vật chất và đời sống tinh thần của gia đình (tiêu dùng), thông qua đó mà góp phần thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển. Như vậy, chức năng kinh tế của gia đình chủ yếu được xem xét trên ba phương diện: hoạt động tiêu dùng, hoạt động sản xuất, việc phân phối nguồn lực và lợi ích của gia đình. Với hoạt động tiêu dùng, gia đình được xem là một đơn vị, trong khi đó, với hoạt động sản xuất, điều này có thể diễn ra hoặc là trong phạm vi gia đình (gia đình khi đó sẽ là một đơn vị sản xuất), hoặc do các thành viên trong gia đình thực hiện ở ngoài gia đình (gia đình khi đó sẽ mang ý nghĩa như một “bể chứa thu nhập”¹). Ba phương diện trong chức năng kinh tế của gia đình có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau mang tính quy định nhau. Hoạt động sản xuất chi phối tiêu dùng, sự đóng góp của các thành viên trong bể chứa thu nhập cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phân phối lợi ích. Tuy nhiên, gia đình là đơn vị đặc biệt, vì vậy, việc phân phối lợi ích của gia đình không hoàn toàn chỉ dựa trên sự công bằng trong đóng góp thu nhập mà nó cũng phải dựa trên thứ tự ưu tiên của các thành viên mà các gia đình xác lập nên. Sự xác lập thứ tự ưu tiên phân phối lợi ích của mỗi gia đình lại trực tiếp chi phối sự ổn định trong quan hệ của các thành viên gia đình đó. Khi gia đình không còn là bể chứa thu nhập, không còn giữ được vai trò phân phối lợi ích cho các thành viên, tính liên kết trong các quan hệ gia đình chắc chắn sẽ bị tác động mạnh.

- Từ bao đời nay, gia đình luôn luôn được coi là một đơn vị kinh tế sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Con người sinh ra và lớn lên trong gia đình, trước hết là cần đến cái ăn, cái mặc để tồn tại và phát triển, cần đến nhà cửa, nơi để che mưa, che nắng, cần đến đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, đến thuốc men để chữa bệnh khi đau ốm.

¹ Vũ Tuấn Anh và Trần Thị Vân Anh, Lịch sử và triển vọng phát triển kinh tế hộ (Dẫn lại theo Lê Ngọc Văn chủ biên: Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam hiện nay. Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em. H 2004 tr 174)

- Nói đến chức năng kinh tế của gia đình, trước hết phải nói đến làm sao đảm bảo cho mọi thành viên có cuộc sống ấm no, đó chính là việc ăn, mặc, ở - nhu cầu thiết yếu, cơ bản nhất của con người. Tất nhiên nhu cầu của con người cũng ngày càng thêm phong phú, được nâng cao theo tiến trình phát triển của xã hội, không dừng lại ở mức độ ăn no, mặc ấm mà tiến tới ăn ngon mặc đẹp: nhà đủ tiện nghi, sang trọng; phương tiện đi lại của cá nhân nhanh chóng, thuận lợi;... sinh hoạt văn hóa, nghỉ ngơi, giải trí thoải mái. Vì vậy:

+ Gia đình - cha mẹ là người phải biết tổ chức hoạt động kinh tế, sản xuất nhằm tăng nguồn thu nhập từ các ngành nghề chính và nghề phụ, biết huy động và sử dụng hợp lý sức lao động của mỗi thành viên trong gia đình, tổ chức lao động có hiệu quả cao, trong đó cần lưu ý đến việc giáo dục tình cảm thái độ lao động cho con cái và các thành viên khác trong gia đình, làm sao phát huy được tinh thần tự giác, sáng tạo trong lao động để làm cho kinh tế gia đình ngày càng dồi dào.

+ Đồng thời với năng suất lao động tạo ra thu nhập cao của mọi thành viên, gia đình cũng phải quan tâm đến việc chi tiêu (tiêu dùng) có kế hoạch, tiết kiệm như phương ngôn có câu *“Buôn tàu, bán bè không bằng ăn dè hà tiện”*, đặc biệt là phải tránh xa các tệ nạn nghiện ngập, cờ bạc... làm cho khuynh gia bại sản, đẩy con người vào con đường cùng quẫn bằng những hành động mất nhân tính. Cả gia đình đều đồng lòng, đồng thuận để xây dựng kinh tế gia đình: *Trên đồng cạn, dưới đồng sâu/ Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa*.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiều gia đình có điều kiện (có sở hữu hoặc tham gia sở hữu tư liệu sản xuất) đều có thể trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Để có thể phát huy mọi tiềm năng sáng tạo trong kinh tế, Đảng và Nhà nước đề ra và thực hiện các chính sách sao cho mọi gia đình, mọi cá nhân có thể làm giàu chính đáng bằng hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật.

Cùng với sản xuất kinh doanh, các gia đình và hộ gia đình công nhân viên chức, cán bộ hành chính sự nghiệp, giáo viên, nhà khoa học, trí thức văn nghệ sỹ... cũng được khuyến khích trong lao động sáng tạo, tăng thu nhập chính đáng từ lao động sáng tạo của mình. Các loại gia đình này tuy không trực tiếp thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh, nhưng cũng thực hiện một nội dung quan trọng của hoạt động kinh tế: bảo đảm hoạt động tiêu dùng đáp ứng các nhu cầu vật chất cơ bản của con người, qua đó kích thích sự phát triển hoạt động kinh tế của xã hội.

- Chức năng kinh tế trong gia đình có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của mọi thành viên, đồng thời quy định, chi phối các chức năng khác như sinh đẻ, giáo dục, văn hoá, quan hệ... trong đời sống thường nhật của gia đình. Thực hiện tốt chức năng kinh tế sẽ tạo ra tiền đề và cơ sở vật chất vững chắc cho tổ chức đời sống của gia đình. Đương nhiên, ngoài cơ sở kinh tế, thì còn nhiều yếu tố khác mới đảm bảo cho một gia đình trở nên văn minh, hạnh phúc.

1.7.4. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm- sinh lý, tình cảm

- Nếu như trình độ sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống gia đình là điều kiện và tiền đề vật chất của xây dựng gia đình, thì thỏa mãn các nhu cầu tâm sinh lý được coi là một chức năng có tính văn hoá - xã hội của gia đình.

Chức năng này có vị trí đặc biệt quan trọng, cùng với các chức năng khác tạo ra khả năng thực tế cho xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhờ vào quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống nên thành viên gia đình có tình yêu thương và ý thức, trách nhiệm với nhau. Chính vì vậy, gia đình là nơi để mỗi thành viên được chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần, được thỏa mãn nhu cầu tình cảm, cân bằng tâm lý, giải tỏa ức chế... từ các quan hệ xã hội. Sự hiểu biết, cảm thông, chia sẻ và đáp ứng các nhu cầu tâm sinh lý giữa vợ - chồng, cha mẹ - con cái... làm cho mỗi thành viên có điều kiện sống lạc quan, khoẻ mạnh về thể chất và tinh thần là những tiền đề cần thiết cho một thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống gia đình và xã hội.

- Từ xưa đến nay con người đã trải nghiệm và khẳng định gia đình là tổ ấm đối với mọi cá nhân, dù theo nghĩa hẹp hay nghĩa rộng. Gia đình chính là nơi mọi thành viên có điều kiện quan tâm, chăm sóc đến nhau, tạo nên sự thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần thiết yếu cho mỗi cá nhân. Họ có thể hi sinh, nhường nhịn cho nhau vì tình yêu thương ruột thịt:

- + Như tình mẫu tử: “Chôn ướm mẹ nằm, ráo xê con lại”
- + Trong đạo vợ chồng: “Vợ chồng là nghĩa già đời/Ai ơi chớ nghĩ những điều thiệt hơn”
- + Tình anh em: “Khôn ngoan đối đáp người ngoài, Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”

Không phải ngẫu nhiên người ta gọi gia đình với cách gọi yêu thương, triu mến, ấm áp. Trong gia đình người già được chăm sóc khoẻ mạnh, vui vẻ lạc quan, truyền lại cho con cháu vốn sống, kinh nghiệm ứng xử đẹp. Nơi đó, vợ chồng quan tâm chia sẻ vui buồn cực nhọc trong cuộc sống; con cái biết yêu kính, vâng lời cha mẹ; anh em trên dưới thuận hòa... Ở đó, mỗi người cảm nhận được sự gần gũi, thân thương từ khoảng sân, mái nhà, chiếc giường... đến những quan hệ họ hàng thân thiết.

Khi một thành viên gặp biến cố, gia đình, dòng họ sẽ có sự quan tâm, chia sẻ và có sự giúp đỡ để niềm vui được nhân đôi, nỗi buồn được vơi đi một nửa. Điều đó sẽ tạo nên sợi dây vô hình nhưng bền chặt kết nối nghĩa tình những người trong gia đình, dòng họ, thân tộc lại với nhau. Mỗi quan hệ đồng bào cũng từ đó mà hình thành trong làng xóm, trong xã hội, trở thành nền tảng của tình yêu quê hương, đất nước, con người.

- Gia đình - nơi đây là không gian thuộc quyền sở hữu riêng của mọi thành viên trong gia đình thường xuyên đem lại cho họ cảm giác an toàn, thoải mái.

+ Đối với mọi thành viên sau một ngày học tập, lao động mệt mỏi ở nơi làm việc người ta sẽ được nghỉ ngơi, thư giãn, bồi dưỡng lại sức lực ở gia đình.

+ Nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến giới tính và giới, tâm lý lứa tuổi và thể hệ, những căng thẳng mệt mỏi về thể xác và tâm hồn trong lao động và công tác... nhiều khi có thể được giải quyết trong một môi trường gia đình hoà thuận

+ Những sở thích, nhu cầu cơ bản nhất như ăn, ở, mặc, nghỉ ngơi... được thỏa mãn một cách triệt để nhất, riêng tư nhất cũng ở trong gia đình.

- Đồng thời, gia đình còn là nơi đã ghi lại trong kí ức sâu thẳm những tình cảm thiết tha, nồng nàn, thiêng liêng của đời người: qua cái ẩm áp trong mùa đông lạnh giá, cái mát mẻ giữa mùa hè oi bức, cái no đủ lúc mùa màng thất bát, cái tươi tắn, khỏe mạnh trải qua cơn bệnh tật, ốm đau mà gia đình đã chung lòng, chung sức chăm lo...

+ “Tổ ấm gia đình” như một “bến đậu” từ đó ra đi xuôi ngược, rồi thuyền lại cập bến, ru mình trên dòng sông xanh mát, hoặc tránh cả những cơn bão tố phong ba. Về với gia đình những kỉ niệm vui buồn, đồng cam cộng khổ, vui sướng... được gọi lên làm cho tình cảm ruột thịt, quê hương thêm sâu sắc, cuộc đời con người thêm ý nghĩa.

Chính vì vậy, trong thực tiễn cuộc sống đã có biết bao nhiêu con người vì điều kiện này hay điều kiện khác phải tha phương, bạt quán, xa mái ấm gia đình hết gần cả cuộc đời, nhưng khi có điều kiện vẫn thực hiện nguyện ước về lại với gia đình - nơi quê cha đất tổ, nơi chôn nhau, cắt rốn của tuổi ấu thơ.

** Chăm sóc người già*

- Dân tộc ta vốn có truyền thống đạo lý tôn trọng người cao tuổi (trọng lão). “Kính lão đắc thọ” hoặc “Kính già, già để tuổi cho”. Điều đó không chỉ biểu hiện trong tư duy, tình cảm phản ánh qua thơ ca, tục ngữ... mà còn được ghi nhận một cách rất chi tiết, cụ thể trong lệ làng, luật nước, trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Từ xa xưa, phương ngôn ta đã có câu: “Triều đình trọng tước, làng nước trọng xỉ”

Luật nước, lệ làng đối với việc “trọng lão” không những tùy thuộc vào từng thời đại phong kiến, mà còn tùy thuộc vào phong tục, tập quán sinh hoạt của cộng đồng được bảo tồn sâu sắc trong các hương ước, khoán ước làng xã. Có thể cắt nghĩa lệ làng, luật nước chăm sóc, tôn trọng người cao tuổi với mấy lí do sau:

+ Về sức mạnh tự nhiên: Nó biểu hiện ở trí tuệ và kinh nghiệm tích lũy được của người già từ lao động để sinh tồn, phát triển nòi giống và chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, giang sơn do cha ông để lại.

+ Về sức mạnh xã hội: Tiếng nói của người cao tuổi có sức mạnh lớn lao trên thì đối với vua hiền, tôi thẳng phải kính nể, dưới thì đối với cộng đồng làng xóm có ý nghĩa đoàn kết, cổ vũ, hòa giải, động viên.

- Đối với gia đình, nuôi dưỡng chăm sóc ông bà, cha mẹ già là thể hiện đạo hiếu của con cháu trong gia đình, là thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với những thế hệ đã vượt qua,

đã chịu đựng biết bao vất vả, gian khổ, thiếu thốn để chắt chiu ra những dòng sữa ngọt ngào, những miếng cơm, manh áo nuôi, dạy con cháu trưởng thành và tạo lập nên cơ nghiệp gia đình, góp phần xây dựng đất nước hôm nay.

- Theo quan niệm của Phật giáo thì cuộc sống của con người ai cũng phải trải qua một vòng đời: sinh, bệnh, lão, tử. Đến tuổi già lão, sức khỏe con người bị giảm sút, các tế bào trong lục phủ, ngũ tạng bị lão hóa dẫn đến tình trạng chân run, gối mỏi, nhiều bệnh tật phát sinh là quy luật tất nhiên không mấy ai được ngoại lệ. Đến lúc đó con cháu, gia đình phải bảo vệ, chăm sóc, phụng dưỡng là đạo lý và quy luật tự nhiên ở đời như mọi người đã ý thức được là “Trẻ cậy cha, già cậy con” không những để cho ông bà, cha mẹ già phần chân, thanh thản vui cùng con cháu, xóm làng những ngày cuối đời trước lúc bước vào cõi vĩnh hằng, mà còn nhằm tiếp thu một kho tàng kiến thức, kinh nghiệm đã tích lũy được qua bao năm tháng:

“Đã từng ăn bát cơm đây, Đã từng nhịn đói chín ngày không ăn”

- Bảo vệ, chăm sóc ông bà, cha mẹ lúc tuổi già không những là đạo hiếu “đền ơn đáp nghĩa” để cho các cụ nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, mà phần khác để cho các cụ có thời gian, điều kiện thuận lợi hơn chuyển giao lại cho con cháu những kinh nghiệm quý báu đã được trải nghiệm suốt cả cuộc đời về nhiều mặt, trong đó có việc đối nhân, xử thế, việc xây dựng, củng cố nề nếp, gia phong, gia giáo trong gia đình, việc thiết lập trật tự, kỉ cương trong thôn xóm, cộng đồng... Ông bà, cha mẹ già ở trong gia đình vẫn có vị trí, vai trò rất quan trọng:

+ Can thiệp, giải quyết các mối bất hòa có thể xảy ra giữa các con, các cháu để bảo vệ các mối quan hệ chính đáng, tốt đẹp ở trong gia đình.

+ Ngăn chặn, phê phán mạnh mẽ những suy nghĩ, hành vi trái với đạo lý ở trong gia đình và ngoài xã hội làm tổn hại đến danh dự, truyền thống gia phong, gia giáo của dân tộc.

+ Nhắc nhở con cháu nhớ đến những ngày lễ tết, giỗ chạp đối với tổ tiên, ông bà, nhằm thể hiện lòng thành kính nhớ đến cội nguồn “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

+ Giúp con cái trông nom gia đình lúc chúng đi vắng. Tổ chức, sắp đặt công việc vặt, tạo nên đời sống ngăn nắp, gọn gàng sạch sẽ trong gia đình.

+ Kèm cặp, nhắc nhở các cháu học hành, tắm giặt sạch sẽ, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ, giáo dục uốn nắn những sai trái trong ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ... hướng các cháu hình thành, phát triển những yếu tố nhân cách cần thiết của con người công dân chân chính tương lai theo yêu cầu, đòi hỏi của xã hội.

- Khó lòng mà tính hết được những việc làm vô tư, hết mình, có trách nhiệm cao, không quản ngại ngày, đêm vất vả của ông bà, cha mẹ già đối với con cháu trong gia đình, vì vậy trong dân gian ta đã có câu đánh giá sự giúp đỡ to lớn của các cụ:

"Một mẹ già bằng ba trâu nái" Hoặc "Một mẹ già bằng ba người ở"

Vì vậy, gia đình có ông bà, cha mẹ già - đại thọ là điều quý hiếm rất đáng tự hào, trân trọng".

"Mẹ già như chuối ba hương, Như xôi nếp mật, như đường mía lau"

Chuối ba hương, xôi nếp mật, đường mía lau trong xã hội nông nghiệp còn nghèo khó xưa kia đó là những sản phẩm quý hiếm mà ai ai cũng thèm thuồng, mơ ước. Mẹ già cũng vậy, ai cũng mong ước có mẹ già để bảo ban mình và con cháu, cho nên là con cháu trong gia đình phải kính yêu, nuôi dưỡng chăm sóc ông bà, cha mẹ bằng những biểu hiện cụ thể:

+ Cái ăn, cái mặc phải tương đối đầy đủ hợp với điều kiện, khả năng của gia đình, cố gắng ưu tiên những nhu cầu cần thiết vì tuổi già.

+ Lúc ông bà, cha mẹ ốm đau phải hỏi han, thuốc thang, chăm sóc chu đáo, thành tâm, để các cụ tránh khỏi mặc cảm *"tuổi già là gánh nặng"* cho con cháu và tâm trạng cô đơn.

+ Phải thể hiện lòng thành kính, hiếu thảo của mình trong hành vi ứng xử: nét mặt vui tươi, xưng hô lễ phép, nói năng nhã nhặn. Dù trong trường hợp nào cũng không được coi thường các cụ một cách thô lỗ.

1.8. Vai trò của gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khi nói về vai trò của gia đình, cụ Phan Bội Châu đã khẳng định: Nước là một cái nhà lớn, nhà là một cái nước nhỏ. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị thảo luận dự thảo Luật Hôn nhân – Gia đình (tháng 10-1959), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”. Nhiều thập kỷ qua, cơ cấu xã hội có sự biến đổi, nhưng tổ chức của gia đình không biến đổi nhiều. Gia đình là tế bào của xã hội, do đó, văn hóa gia đình đóng vai trò quan trọng trong vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

1.8.1. Gia đình là tế bào của xã hội

Có thể ví xã hội là một cơ thể sống hoàn chỉnh và không ngừng biến đổi được "sắp xếp, tổ chức" theo nhiều mối quan hệ trong đó gia đình được xem là một tế bào, một thiết chế cơ sở đầu tiên. Mỗi một chế độ xã hội được sinh thành, vận động và biến đổi trên cơ sở một phương thức sản xuất xác định và có vai trò quy định đối với gia đình. Nhưng xã hội ấy lại tồn tại thông qua các hình thức kết cấu và quy mô gia đình. Mỗi gia đình hạnh phúc, hoà thuận thì cả cộng đồng và xã hội tồn tại và vận động một cách êm thấm. Mục đích chung của sự vận động biến đổi của xã hội trước hết vì lợi ích của mỗi công dân, mỗi thành viên xã hội và mỗi gia đình - tổ chức và thiết chế xã hội đầu tiên, cơ sở nơi quản trị của mỗi

công dân và thành viên của xã hội. Nhưng lợi ích của mỗi công dân, mỗi thành viên xã hội lại chịu sự chi phối của lợi ích các tập đoàn giai cấp thống trị trong xã hội, trong điều kiện xã hội phân chia thành giai cấp.

1.8.2. Gia đình là một đơn vị kinh tế của xã hội

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với sự tồn tại của nền kinh tế thành phần, các gia đình trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ. Đảng và nhà nước đề ra chính sách kinh tế - xã hội, tạo mọi điều kiện cho các gia đình làm giàu chính đáng từ lao động của mình. Ở nước ta hiện nay, kinh tế gia đình được đánh giá đúng với vai trò của nó. Đảng và nhà nước có những chính sách khuyến khích và bảo vệ kinh tế gia đình. Vì vậy mà đời sống của gia đình và xã hội đã được cải thiện đáng kể.

Thực hiện chức năng kinh tế tốt sẽ tạo tiền đề và cơ sở vật chất cho tổ chức đời sống gia đình.

Việc tổ chức đời sống gia đình chính là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên và thời gian nhàn rỗi để tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, đời sống vật chất của mỗi thành viên được đảm bảo sẽ nâng cao sức khỏe của các thành viên đồng thời cũng duy trì sắc thái, sở thích riêng của mỗi người.

Thực hiện tốt tổ chức đời sống gia đình không những đảm bảo hạnh phúc gia đình, hạnh phúc của từng cá nhân mà còn góp vào sự tiến bộ của xã hội.

1.8.3. Gia đình là một thiết chế cơ sở, đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

Trong hệ thống cơ cấu tổ chức của xã hội, gia đình được coi là thiết chế cơ sở, đầu tiên, nhỏ nhất. Sự vận động biến đổi của thiết chế tuân theo những quy luật chung của cả hệ thống. Nhưng thiết chế ấy vận động biến đổi còn trên cơ sở kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của mỗi nền văn hoá, mỗi vùng và địa phương khác nhau và còn được bộc lộ, thể hiện ở mỗi thành viên và thể hệ thành viên trong sự "giao thoa" của mỗi cá nhân và mỗi gia đình. Thông qua các hoạt động tổ chức đời sống trong gia đình và của gia đình, mỗi cá nhân, mỗi gia đình tiếp nhận, chịu sự tác động và "phản ứng" lại đối với những tác động của xã hội, thông qua các tổ chức, các thiết chế, chính sách... của xã hội. Sự đồng thuận hay không đồng thuận của những tác động từ xã hội, nhà nước với những hình thức tổ chức, sinh hoạt trong thiết chế gia đình sẽ tạo ra kết quả tốt hay xấu của mỗi chế độ xã hội, mỗi thời đại.

1.8.4. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hoà trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên, mỗi công dân của xã hội

Từ thuở lọt lòng cho đến suốt cuộc đời, mỗi thành viên được nuôi dưỡng, chăm sóc để trở thành công dân của xã hội, lao động cống hiến và hưởng thụ, đóng góp cho xã hội trước hết và chủ yếu là thông qua gia đình và với gia đình. Sự yên ổn, hạnh phúc mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, bảo đảm đạt

hiệu quả cho các hoạt động lao động của xã hội. Rõ ràng là, muốn xây dựng xã hội phải chú ý xây dựng gia đình. Xây dựng gia đình là trách nhiệm, là một bộ phận cấu thành trong chỉnh thể các mục tiêu phấn đấu của xã hội, vì sự ổn định và phát triển của chính xã hội.

Ngày xưa, “tam đại đồng đường”, “tứ đại đồng đường” – nhiều thế hệ sống chung dưới một mái nhà, thường là điển hình của những gia đình có phúc đức, có nền nếp gia giáo.

Ngày nay, do sự phát triển nhiều mặt, quan niệm về gia đình có thể khác trước. Nhưng bất kể thế nào, con người sinh ra, ai cũng cần có một GIA ĐÌNH. Không gia đình là biểu hiện của sự bất hạnh.

Không gia đình con người rất khó trưởng thành theo đúng nghĩa một con người. Những đứa trẻ sớm mồ côi, bị ném vào xã hội, thì “chúng là cái môi rất tốt cho những tật xấu thói hư”. Và nếu như sinh ra, lập tức đã không có gia đình, không có người MẸ cho bú mớm, ôm ấp vỗ về... , con người đó sống làm sao và hiểu sao được tình mẫu tử và lẽ sống ở đời?. Nhà phân tâm học D. Winnicott nói: “một trẻ sơ sinh – con người ấy không tồn tại”. Còn Gerard Poussin, giáo sư tâm lý học, người Pháp thì viết: “Con người không tự mình sáng tạo ra (mình) cũng không tự mình tạo dựng được cuộc sống (của mình)”.

Gia đình là môi trường sống đầu tiên và quan trọng nhất của mỗi con người. Tiếp mới đến xã hội. Và ngay khi con người hòa nhập vào cuộc sống xã hội để mưu sinh, để khẳng định mình, để làm “ông nọ bà kia”, thì gia đình vẫn luôn là môi trường không thể thiếu được. Trước mọi sóng gió cuộc đời, gia đình phải luôn luôn là cái cảng an bình nhất, là “tổ ấm” hạnh phúc nhất, là nơi chia sẻ mọi nỗi buồn niềm vui, sự thành đạt cũng như nỗi bất hạnh...

1.9. Các giai đoạn phát triển của gia đình

1.9.1. Hôn nhân

Hôn nhân là một khái niệm có tính lịch sử, nghĩa là nó không cố định mà nó vận động và phát triển cùng với sự phát triển của gia đình và xã hội. Khái niệm hôn nhân hẹp hơn khái niệm gia đình, hôn nhân đánh dấu sự xuất hiện của gia đình và gia đình là hệ quả tất yếu của hôn nhân.

Theo quan điểm hiện nay thì hôn nhân là sự kết hợp tự nguyện, bình đẳng và tự do giữa đôi nam nữ trên cơ sở tình yêu

TS. Hồ Ngọc Đại định nghĩa: Hôn nhân giống như 1 phân tử nhỏ nhất, bền vững nhưng không cố định được tạo bởi 2 nguyên tử vợ và chồng những cá nhân tự do và bình đẳng

Tóm lại, hôn nhân chỉ sự kết hợp giữa người đàn ông và người đàn bà, là quan hệ tính giao, tình cảm giữa đôi nam nữ được phê chuẩn bởi xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau

Cơ sở để tạo nên hôn nhân:

Ta có thể đặt 1 câu hỏi là tại sao trong số hàng nghìn người ta đã gặp ta lại chọn người này

mà không chọn người kia để làm vợ làm chồng? vậy hôn nhân vợ chồng dựa trên cơ sở nào?

- Lý thuyết về sự thu hút giữa những điểm giống nhau giữa hai người. Thực tế có nhiều cặp lấy nhau vì có nhiều điểm giống nhau về tôn giáo, tầng lớp, sắc tộc, giai cấp, nghề nghiệp, sở thích, giáo dục..... đây là cơ sở để có quan hệ vợ chồng tốt.

“ Trâu ta ăn cỏ đồng ta, tuy rằng cỏ cắt nhưng mà cỏ thơm ”

- Lý thuyết về sự thu hút không phải những điểm giống nhau mà là những điểm trái ngược. Đây là lý thuyết cho rằng sự bổ sung, bù trừ những điểm thiếu khuyết, trái ngược cũng là cơ sở quan trọng trong quan hệ hôn nhân

VD: Một người thích thống trị sẽ lấy 1 người thích bị trị

- Lý thuyết về mô hình có sẵn trong tiềm thức (thường chọn vợ hoặc chồng giống với cha hoặc mẹ mình)

- Lý thuyết về sự tìm thấy chính mình trong người kia

- Lý thuyết về sự hấp dẫn về mặt thể xác

1.9.2. Các giai đoạn phát triển của gia đình

Sự phát triển của một gia đình thường trải qua một số giai đoạn sau đây:

***Giai đoạn thứ nhất**

- Trải qua thời kỳ yêu đương, đôi nam nữ có thể hiểu biết, chấp nhận những nét tính cách, phẩm chất, năng lực, điều kiện, hoàn cảnh của nhau.

- Họ tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau hợp thức về mặt pháp lý, công khai về mặt tình cảm, được xã hội công nhận đó là gia đình một tổ chức cơ sở của xã hội.

***. Giai đoạn thứ hai**

- Từ khi kết hôn cho đến khi sinh đứa con đầu lòng. Đây là giai đoạn vợ chồng son trẻ. Sự thỏa mãn về nhu cầu tinh thần, nhu cầu sinh lý đạt đến đỉnh cao của nó.

- Tùy vào điều kiện, hoàn cảnh gia đình (chủ yếu của đôi vợ chồng son trẻ) mà xuất hiện đứa con đầu lòng. Gia đình trong giai đoạn này có thêm chức năng mới là nuôi dạy con cái.

***Giai đoạn thứ ba**

- Từ khi sinh đẻ cho đến khi con cái trưởng thành.

- Đây là giai đoạn cha, mẹ hết sức vất vả, gian khổ. Ngoài việc lo ăn, lo mặc, dạy dỗ con cái, còn phải lo dựng vợ cho con trai, gả chồng cho con gái, tạo dựng tiền đề cơ bản giúp cho các con bước vào cuộc đời tự lực cánh sinh.

***Giai đoạn thứ tư**

- Cha mẹ bước sang tuổi già, con cái đã trưởng thành có gia đình riêng, cha mẹ già có thể ở riêng hoặc ở chung với con cái.

- Đặc biệt là khi người cha hoặc người mẹ qua đời, đó cũng là giai đoạn giải thể gia đình hạt nhân.

Sự phân chia ra các giai đoạn phát triển của gia đình chỉ có ý nghĩa tương đối nhằm nhấn mạnh những nét đặc trưng, những chức năng nổi trội nảy sinh ra trong từng giai đoạn

mà các bậc cha mẹ cần phải quan tâm. Nhưng chức năng xuyên suốt trong các thời kỳ của các bậc cha mẹ, rất có lí như nhà giáo dục V.A.Xukhômliński viết: “Có hàng chục hàng trăm ngành nghề, công việc khác nhau: người này xây dựng đường sắt, người kia làm nhà ở, người thì làm bánh mì, người thì chữa bệnh... Nhưng có một công việc phổ biến nhất, phức tạp nhất và cao quý nhất như nhau đối với mọi gia đình đó là sự sáng tạo ra con người. Một sự nỗ lực cao nhất của tất cả các sức mạnh tinh thần của bạn. Đó là sự khôn ngoan, là tài nghệ, là nghệ thuật trong cuộc sống của bạn”

+ Câu hỏi thảo luận:

Câu 1: Tại sao nói: Gia đình là một thiết chế xã hội đặc biệt?

Câu 2: Nguồn gốc gia đình? Tại sao nói: Gia đình là một tổ ấm, là cái nôi nuôi dưỡng cả đời người?

Câu 3: Tại sao nói: Gia đình có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội?

Câu 4: Trong các quan hệ cơ bản của gia đình, theo anh (chị) quan hệ nào là quan trọng nhất? Hãy lý giải?

Câu 5: Trong các giai đoạn phát triển của gia đình, theo anh (chị) giai đoạn nào là quan trọng nhất? Hãy lý giải?

+ Bài tập:

Bài tập 1: Nghiên cứu cuộc sống của gia đình trong thực tế để chỉ ra sự thay đổi về các chức năng của gia đình hiện nay.

Bài tập 2: Những tìm hiểu thực tế của anh (chị) về sự thay đổi trong cách biểu hiện của các mối quan hệ trong gia đình hiện nay?

Bài tập 3: Khảo sát hiện tượng gia đình đơn thân ở địa phương anh (chị) sinh sống? Phân tích hiện tượng đó và đưa ra đề xuất của bản thân?

Chương 2 : Văn hóa gia đình Việt Nam

2.1. Khái niệm, nội dung và vai trò của Văn hóa Gia đình

2.1.1. Khái niệm

Với tư cách là một phạm trù, văn hoá gia đình có các đặc trưng, quy luật hình thành và phát triển, cấu trúc và chức năng của nó. Do văn hoá gia đình là một bộ phận không thể tách rời và là một dạng đặc thù của văn hoá cộng đồng, cho nên để có thể hiểu về khái niệm văn hoá gia đình và chức năng của văn hoá gia đình, cần phải hiểu khái niệm văn hoá nói chung. Trong phạm vi đề tài này chúng tôi xin đưa ra cách hiểu văn hoá và văn hoá gia đình từ hướng tiếp cận xã hội học.

Văn hoá là một trong những khái niệm được sử dụng rộng rãi nhất trong xã hội học. Tuy nhiên khái niệm văn hoá trong xã hội học khác với cách hiểu văn hoá trong tư duy thông thường. Trong giao tiếp hàng ngày người ta có xu hướng coi văn hoá thuộc về phạm trù những cái đúng, cái tốt, cái đẹp hoặc văn hoá đồng nghĩa với những cái gì đó cao siêu như nghệ thuật, (văn học, âm nhạc, hội hoạ...).

Nếu coi văn hoá là gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, thì văn hoá gia đình, một bộ phận không tách rời của văn hoá chung cũng sẽ bao gồm tất cả

những gì làm cho gia đình của một cộng đồng này, xã hội này, dân tộc này, khu vực này khác với gia đình của các cộng đồng, xã hội, dân tộc, khu vực khác. Sự khác biệt đó không phải ngẫu nhiên, tình cờ mà nó được qui định bởi hàng loạt những yếu tố khách quan về đời sống vật chất, tinh thần, chế độ xã hội, môi trường tự nhiên của mỗi cộng đồng người, tồn tại lâu dài trong lịch sử, để lại dấu ấn đặc biệt trong đời sống xã hội và gia đình, tạo thành cái được gọi là bản sắc văn hoá. Một dân tộc chỉ được coi là có một nền văn hoá riêng khi chứng minh được bản sắc văn hoá của mình. Cũng như vậy, khi nói đến văn hoá gia đình là phải chứng minh được bản sắc của nó, chẳng hạn, những nét khu biệt giữa gia đình phương Đông và gia đình phương Tây, gia đình Việt Nam và gia đình các nước Á Đông khác cùng ảnh hưởng Nho giáo, hay sự khác biệt giữa gia đình người Kinh và gia đình các dân tộc Thái, Tày, Mường, gia đình theo chế độ phụ quyền và gia đình theo chế độ mẫu quyền các dân tộc Êđê, Mnông, v.v...

Những nét khu biệt, tính đặc thù hay bản sắc của gia đình là đối tượng nghiên cứu của văn hoá gia đình. Văn hoá gia đình nghiên cứu những dấu ấn để lại trong đời sống vật chất, tinh thần của gia đình được biểu hiện thông qua các mối quan hệ, cấu trúc, chức năng, sinh hoạt, đời sống tâm linh... của gia đình. Đó là những dấu ấn được duy trì qua lịch sử, trở thành truyền thống, ăn sâu vào tiềm thức, tâm lý, chi phối hành vi, cách ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, giữa gia đình với xã hội, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Những dấu ấn để lại trong đời sống gia đình ở các cộng đồng, quốc gia, dân tộc không giống nhau, tạo nên tính đa dạng của văn hoá gia đình. Sự hội nhập kinh tế, giao lưu văn hoá quốc tế làm cho các nước có xu hướng hợp tác, liên kết và hiểu biết lẫn nhau nhiều hơn nhưng không làm mất đi bản sắc văn hoá dân tộc, bởi vì một trong những yếu tố hình thành nên văn hoá đó là môi trường tự nhiên. Sự gắn bó và phụ thuộc của văn hoá vào môi trường tự nhiên làm cho văn hoá không thể xuất khẩu được, trong khi văn minh, một bộ phận của văn hoá lại có thể xuất khẩu được vì nó độc lập với môi trường tự nhiên. Chính vì thế mà nhiều quốc gia có trình độ văn minh như nhau nhưng văn hoá thì vẫn khác nhau.

Các thành tố của văn hoá gia đình không tồn tại một cách cô lập mà liên kết với nhau tạo thành một hệ thống thực hiện các chức năng của văn hoá gia đình. Đó là các chức năng: truyền tải văn hoá từ thế hệ này sang thế hệ khác; duy trì sự cân bằng của đời sống gia đình; bảo đảm sự tiếp nối văn hoá, chống sự đứt đoạn văn hoá; giữ gìn và phát triển bản sắc văn hoá và chức năng hình thành các giá trị văn hoá mới. Các chức năng của văn hoá gia đình là đối tượng nghiên cứu của văn hoá gia đình.

Từ sự phân tích đặc trưng, qui luật hình thành và phát triển, cấu trúc và chức năng của văn hoá gia đình, có thể định nghĩa văn hoá gia đình như sau:

Khái niệm văn hoá gia đình trong nghiên cứu này có thể được hiểu là hệ thống những giá trị, chuẩn mực đặc thù, cách ứng xử điều tiết mối quan hệ giữa các thành viên

trong gia đình và giữa gia đình với xã hội, phản ánh bản chất của các hình thái gia đình đặc trưng cho các cộng đồng, các tộc người được hình thành và phát triển qua lịch sử lâu dài của đời sống gia đình, gắn liền với những điều kiện phát triển kinh tế, môi trường tự nhiên và xã hội.

Văn hóa gia đình có thể được bộc lộ qua nhiều hình thức khác nhau, nhưng đều có những tác dụng nhất định và mức độ tác dụng tùy thuộc vào các giá trị đã được hình thành. Các nét văn hóa phù hợp với sự phát triển xã hội sẽ trở thành nhân tố tích cực trong quá trình tác động hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách trẻ em.

- *Gia đình văn hóa là một gia đình có những tiêu chí cơ bản sau:*

- + Đời sống kinh tế, vật chất ổn định, phát triển;
- + Đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, lành mạnh;
- + Các thành viên trong gia đình thuận hòa, dân chủ; vợ chồng bình đẳng; con cháu yêu kính ông bà, cha mẹ; cha mẹ, ông bà yêu thương và có trách nhiệm với con cháu, kính trên nhường dưới, nhà có kỷ cương nề nếp.

- + Tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt các nghĩa vụ công dân, đoàn kết, tương trợ cộng đồng tốt;

Nói tóm lại, gia đình văn hóa là gia đình phát triển về vật chất, tinh thần, thể hiện qua nề nếp, kỷ cương, thuận hòa, êm ấm, yêu thương và có trách nhiệm với nhau giữa các thành viên, có hướng xây dựng gia đình giàu có, ít con, tiến bộ, hạnh phúc.

Các nội dung trên cũng là tiêu chuẩn của gia đình văn hóa hiện nay; tùy điều kiện, tình hình cụ thể, các địa phương vận dụng bình xét công nhận gia đình văn hóa ở cơ sở.

2.1.2. Nội dung

- + *Bảo tồn và phát triển nòi giống:* Kiến thức ở tất cả các lĩnh vực giúp cha mẹ sinh, nuôi dạy con tốt, phát triển nhân cách và năng lực con cái...

- + *Giáo dục trong gia đình:* Cha mẹ, ông bà giáo dục con cái, anh chị khuyên bảo các em. Phương pháp cơ bản trong giáo dục gia đình là nêu gương, vì vậy, đòi hỏi người giáo dục phải có kiến thức, có đạo đức, có cuộc sống lành mạnh, có cách ứng xử tinh tế, đúng mực. Giáo dục gia đình tạo nên bản sắc văn hóa của mỗi gia đình, là niềm tự hào của mỗi thành viên trong gia đình.

- + *Ứng xử và ứng xử văn hóa:* Bao gồm giao tiếp giữa các thành viên trong gia đình, giữa gia đình và xóm giềng, bè bạn; giữa dòng họ bên vợ với gia đình bên chồng và ngược lại; giữa gia đình với gia tộc. Các nội dung văn hóa gia đình được chuyển tải thông qua các hoạt động của gia đình, trong mối quan hệ giữa các thành viên cũng như qui mô của gia đình (cấu trúc của gia đình) và thực hiện các chức năng gia đình trong sự phát triển.

2.1.3. Vai trò của Văn hóa gia đình

Khi nói về vai trò của gia đình, cụ Phan Bội Châu đã khẳng định: Nước là một cái nhà lớn, nhà là một cái nước nhỏ. Trong bài nói chuyện tại Hội nghị thảo luận dự thảo Luật Hôn nhân – Gia đình (tháng 1-1959), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”⁽¹⁾. Nhiều thập kỷ qua, cơ cấu xã hội có sự biến đổi, nhưng tổ chức của gia đình không biến đổi nhiều. Gia đình là tế bào của xã hội, do đó, văn hóa gia đình đóng vai trò quan trọng trong vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

Gia đình truyền thống Việt Nam xưa rất chú trọng xây dựng gia đạo, gia phong và gia lễ, trong đó gia đạo là sức mạnh của gia đình. Gia đạo là đạo đức của gia đình như đạo hiếu, đạo ông bà, đạo cha con, đạo vợ chồng, đạo anh em. Đạo hiếu là hiếu nghĩa của con cháu đối với ông bà, cha mẹ. Gia lễ là phép ứng xử của con người theo một nguyên tắc có tôn ti trật tự theo lễ tiết, đặc biệt là việc thờ cúng tổ tiên, đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh. Ở thời đại nào văn hóa gia đình cũng là nền tảng cho văn hóa xã hội. Văn hóa gia đình giàu tính nhân văn, nhân bản, đề cao giá trị đạo đức, xây dựng nếp sống văn hóa trật tự, kỷ cương, hun đúc tâm hồn, bản lĩnh cho con người trong từng tế bào của xã hội. Bởi vậy, gia đình tốt là bảo đảm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội lành mạnh và văn minh.

Văn hóa gia đình là một bộ phận, là cái “gốc” của văn hóa làng, văn hóa nước. Vì vậy, việc đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa không thể tách rời việc nghiên cứu, xem xét, đánh giá từ góc độ Văn hóa gia đình. Nghĩa là, cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa và tiêu chí gia đình văn hóa hiện nay phải dựa trên những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Việt Nam. Đồng thời trong quá trình xây dựng gia đình văn hóa phải biết giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đó là cơ sở xây dựng tư tưởng, đạo đức lối sống tốt đẹp, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh từ trong mỗi gia đình, lấy gia đình làm “pháo đài” chống lại sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội và những tác động xấu từ mặt trái của cơ chế thị trường.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng vai trò của gia đình và văn hóa gia đình. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc đã nêu: “Giữ gìn và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. Nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. Coi trọng xây dựng gia đình văn hóa. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội.”

Văn kiện của Đảng ta đã xác định: “Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa”, phong trào “Người tốt, việc tốt”, làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam...”. Nghị quyết

Đại hội X của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: “Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

2.2. Văn hóa gia đình Việt Nam truyền thống

2.2.1. Cơ sở kinh tế xã hội và văn hóa ảnh hưởng đến VHGD truyền thống

2.2.1.1. Cơ sở kinh tế

Cơ sở kinh tế của người Việt là nền nông nghiệp kết hợp chặt chẽ với thủ công nghiệp và thương nghiệp với những đặc điểm chung nhất như sau :

- *Nông nghiệp* ruộng nước là cơ sở kinh tế chính, trong đó trồng trọt là chủ đạo, chăn nuôi nhỏ bé và phụ thuộc nặng nề vào trồng trọt. Nền sản xuất nông nghiệp dựa vào lao động thủ công, kỹ thuật cơ bắp, làm ăn dựa theo tư duy kinh nghiệm, không có khoa học kỹ thuật hỗ trợ; hơn nữa, sản xuất diễn ra trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa với bao biến cố bất thường (hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh,...) luôn xảy ra, làm cho năng suất cây trồng, vật nuôi thấp và đời sống bấp bênh, phụ thuộc nặng nề vào thiên nhiên (*on trời mưa nắng phải thì* ⁽¹⁾). Hai đặc điểm trên đây đòi hỏi nguồn lao động rất lớn.

- *Thủ công nghiệp*: là một bộ phận không tách rời của nông nghiệp, số làng nghề (làng thủ công chuyên nghiệp) rất ít và sản xuất cũng mang những đặc điểm của nông nghiệp, nên không tiến tới nền sản xuất đại cơ khí và hình thành các trung tâm công nghiệp.

- *Thương nghiệp*: chủ yếu là nội thương với hệ thống chợ quê (chợ làng) và luồng buôn bán tiểu thương. Ngoại thương nằm trong tay nhà nước và không phát triển, ngoài vì lý do bảo vệ an ninh bờ biển ⁽²⁾, người Việt không có kỹ thuật vượt biển (thuyền nhỏ, thuyền mũi dọc, không phải tàu - thuyền lớn), còn vì xã hội người Việt dựa trên nền tư tưởng Nho giáo, coi nghề buôn là mặt nghề và coi thương nhân là tầng lớp cuối cùng trong “Tứ dân” (Sĩ – Nông - Công - Thương). Do vậy, Việt Nam không sớm hình thành các trung tâm thương nghiệp lớn, cùng với các trung tâm công nghiệp đủ sức công phá kết cấu kinh tế- xã hội truyền thống.

(1) Thống kê sơ bộ theo tư liệu chính sử, từ năm 1010 đến năm 1858, có 106 năm bị lụt, 84 năm bị hạn, 13 năm bị sâu bệnh nặng, 29 năm bị động đất, 19 năm bị dịch bệnh, 69 năm mất mùa lớn dẫn đến đói to, chỉ có 21 năm được mùa.

(2) Đường biển là một trong hai mũi tấn công của các thế lực phong kiến xâm lược Trung Quốc trước đây nên Nhà nước phong kiến Việt Nam phải ngăn chặn từ bên ngoài bằng cách lập các trạm buôn bán ở trên đất liền và ngoài khơi trong sự kiểm soát chặt chẽ của lực lượng quân đội và không cho người trong nước đi buôn bán ở nước ngoài, nếu vi phạm xử rất nặng.

=>Có thể ví nền trồng trọt - nông nghiệp của người Việt như một cây cổ thụ tỏa bóng rợp che hết ánh sáng, làm cho các cây - ngành khác chỉ là những “dây leo” bám quanh, cổ kết rất vững bền, sống rất dai dẳng, nhưng lại vươn lên rất chậm chạp. Trong điều kiện trên đây, gia đình người Việt có một vị trí rất quan trọng trong việc duy trì và phát triển nền kinh tế (phải hợp sức vợ chồng, vai trò của người vợ trong buôn bán,...).

2.2.1.2. Cơ sở xã hội

Trước khi có nhà nước, ở nước ta làng là đơn vị tự trị hoàn toàn. Nét đặc trưng chủ yếu của giai đoạn sau khi có nhà nước với phương thức sản xuất Châu Á là sự thống nhất của các làng, việc tổ chức xã hội của người Việt đã hình thành nên làng xã với hai đặc tính nổi trội đó là tính cộng đồng và tính tự trị. Ở Việt Nam "nước" là sự mở rộng của "làng". Trong cách xử lý các vấn đề của đất nước và gia đình, lý lẽ và tình cảm luôn là sự đan xen, chi phối lẫn nhau và bao giờ cũng dựa trên nguyên tắc "trong lý có tình", “một trăm cái lý không bằng một tí cái tình”. Trong tương quan với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, tính dân chủ của quan hệ cộng đồng dễ dàng được hình thành tạo nên sự gắn bó tự nhiên giữa các thành viên trong quan hệ cộng cư. Làng trở thành một đơn vị chi phối trực tiếp quan hệ gia đình theo hướng: các quan hệ gia đình phải được đặt trong sự kiểm soát chặt chẽ của dư luận, phụ thuộc nhiều vào truyền thống của làng, tuân theo những quy định ứng xử riêng của làng. Điều này tạo nên sự ổn định nhất định cho cộng đồng, đồng thời, đặt cá nhân trong những yêu cầu cao về ý thức trách nhiệm công dân. Nó là cơ sở của khái niệm “tình làng nghĩa xóm”, “bán anh em xa mua láng giềng gần” vốn rất gần gũi với mỗi người dân Việt Nam.

Chế độ sở hữu ruộng đất và phân phối sản phẩm khiến cho người Việt luôn có ý thức quý trọng ruộng đất, bảo vệ ruộng đất và các gia đình thường nhắc nhở nhau là "tắc đất, tắc vàng". Ý thức về ruộng đất cũng là cơ sở tạo ra các giá trị tôn trọng của công, tôn trọng các thành quả lao động, quá trình sản xuất nông nghiệp. Nó cũng là tiền đề của lòng yêu làng xóm, quê hương và cao hơn là tình yêu đất nước.

2.2.1.3. Cơ sở tư tưởng và tôn giáo

- Ngoài các nhân tố kinh tế và xã hội, gia đình người Việt còn chịu tác động của nhân tố tư tưởng và tôn giáo. Về tư tưởng, là sự thống trị lâu dài, toàn diện của Nho giáo. Về tôn giáo là sự kết hợp giữa các tín ngưỡng dân gian (hay tín ngưỡng bản địa) với Tam giáo đồng tôn Nho - Phật - Đạo.

+Tư tưởng Nho giáo: hầu hết các *quan hệ xã hội của làng xã người Việt đã thấm sâu tư tưởng Nho giáo với những dòng mạch chủ đạo là tam cương, ngũ thường, chi phối mạnh mẽ đời sống gia đình.*

+ Phật giáo: Sự du nhập và *ảnh hưởng của Phật giáo góp phần hạn chế bớt sự cứng nhắc của tư tưởng Nho giáo đối với các mối quan hệ gia đình*

+ Đạo giáo: *Đạo giáo góp phần tạo nên sự gắn kết không chỉ giữa các thành viên trong gia đình mà còn tạo nên sự gắn bó giữa gia đình với cộng đồng làng xóm của mình*

- Trong các tín ngưỡng dân gian, có hai hình thái có ảnh hưởng lớn nhất đến gia đình người Việt là :

Tín ngưỡng thờ tổ tiên: *với ý nghĩa biết ơn tổ tiên, cầu mong cho linh hồn tổ tiên được siêu thoát và với niềm tin sẽ được tổ tiên phù hộ trong cuộc sống.*

Tín ngưỡng nông nghiệp ruộng nước: có mục đích cầu mưa thuận gió hòa, được mùa, tạo ra cơ sở kinh tế chính và ổn định cho mỗi gia đình, cộng đồng làng xã và cả nước.

Ngoài ra, tín ngưỡng thờ thành hoàng, thờ thổ địa cũng có những ảnh hưởng với các mức độ khác nhau đến đời sống gia đình.

Các hình thái tín ngưỡng dân gian kết hợp chặt chẽ với ba tôn giáo “Nho - Phật - Đạo”. Trong ba tôn giáo này, Nho giáo - như đã trình bày ở trên, là dòng mạch chủ đạo chi phối mạnh mẽ đời sống gia đình người Việt.

2.2.2. Chuẩn mực và đặc trưng trong Văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống

2.2.2.1. Chuẩn mực trong văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống

Ngày xưa, để tạo dựng một gia đình, cha ông ta đưa ra rất nhiều quy chuẩn:

- “*Gia giáo*” hay “*Gia huấn*” là cách thức giáo dục con cháu của từng gia đình, trong đó, nội dung chủ yếu là giáo dục về đạo đức, phẩm chất một con người. Đa số “con nhà có gia giáo” đều trở thành những “người tử tế”.

- “*Gia lễ*” là những quy định chặt chẽ về đường ăn nết ở của mỗi thành viên trong gia đình: ngôn ngữ trong nói năng, cử chỉ điệu bộ, cách ăn mặc phục sức... trước và với từng cấp bậc các thành viên trong gia đình phải như thế nào cho phải phép.. Bề trên khác, “ngang bằng phải lư” khác, không thể “cá đối bằng đầu”, “cá mè một lứa” được! Khổng Tử nói: “Đạo đức nhân nghĩa, phi lễ bất thành”.

Gia giáo và gia lễ của từng gia đình có thể khác nhau, nhưng nhìn chung, người ta lấy chữ “Nhân Từ” để dạy cho bậc làm cha mẹ; lấy chữ “Hiếu” dạy cho con cháu; lấy chữ “Nghĩa” dạy cho kẻ làm chồng; lấy chữ “Đoan chính” dạy cho người làm vợ; lấy chữ “Lương” (hiền lành) dạy cho anh, chị; lấy chữ “Đễ” (nhún nhường) dạy cho các em..

- “*Gia pháp*”: Muốn thực hiện được “gia giáo”. “gia lễ” thì phải có “*gia pháp*”. Gia pháp nhằm bảo vệ, đề cao uy thế của người chủ gia đình (“ng nghiêm đường”); đồng thời duy trì sự thống nhất chung trong nếp sống gia đình.

- “*Gia phong*” (hay còn gọi là nếp nhà) là cái lễ thói mà mỗi thành viên trong gia đình phải noi theo; là bản sắc văn hóa của một gia đình. Giáo sư Đào Duy Anh coi gia phong là sự tổng hòa những thành quả của gia giáo, gia lễ, gia pháp. Gia phong giúp chuẩn bị một cách tốt nhất cho mỗi một con người, để họ trở thành hữu ích, khi hòa nhập vào môi trường xã hội.

- “*Gia đạo*” là đạo đức trong gia đình mà các thành viên phải noi theo. Đó là những giá trị trong văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống như: Hiếu thảo, lễ phép, chung thủy, tôn trọng, vị tha, chia sẻ, thương yêu, đoàn kết....

2.2.2.2. Những đặc trưng trong Văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống

Gia đình Việt Nam được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm không những ông bà, cha mẹ, anh chị em, con cháu, chắt, mà còn cả những người trong cùng một họ. Rất nhiều trường hợp, ba thế hệ sống âm cúng trong một mái nhà. Họ hàng thân thuộc thường có khuynh hướng tụ tập với nhau trong một khu vực để gần gũi nhau hơn và nương tựa nhau.

Người Việt đã nhìn nhận gia đình có một giá trị rất cao. Tất cả đều cho gia đình. Từ danh dự cá nhân cho đến đời sống vật chất, con người đều hướng vào đó mà hành động. Thành công của cá nhân mang lại danh dự cho cả gia đình. Vì thế có những trường hợp cá nhân hy sinh tính mạng để bảo vệ uy danh của gia đình. Thường cá nhân chịu đựng thiếu thốn, khó khăn vật chất để ông bà cha mẹ được sống dễ dãi hơn. Đây là lý do con người Việt trung thành với gia đình. Cũng từ đó họ gắn bó chặt chẽ với gia đình hơn, lo lắng cho hạnh phúc gia đình hơn là chạy theo chủ nghĩa cá nhân. Cũng từ niệm ý đó phát sinh ra lòng hiếu nghĩa vì có ý thức đến trách nhiệm và bổn phận làm con, và luôn luôn nhớ và tìm cách đền đáp công sinh thành, nuôi dưỡng và dạy dỗ.

Chính vì thế mà vi phạm qui luật đạo đức và xã hội của một cá nhân là làm tổn thương đến gia đình, hủy diệt sự thăng tiến của chính cá nhân ấy, và không được cộng đồng nhìn nhận. Người con gái chửa hoang (hành động cá nhân) là làm mất danh dự gia đình, và phải chịu áp lực nặng nề của gia đình và của cả cá nhân. Con người trong khung cảnh đó thường quên mình, hy sinh cả tương lai, tình yêu và đời sống thể xác cho gia đình được hạnh phúc và hòa hợp. Câu hỏi là gia đình Việt có những gì mà có thể lấn át cả đời sống cá nhân và nhờ đó xã hội có được trật tự?

Câu trả lời là Gia đình hầu như là tất cả; vì đó là trung tâm đời sống cho cá nhân, là nơi mà cá nhân nương tựa để phát triển.

- Gia đình là một cộng đồng nhỏ

Hình ảnh người cha ngồi đọc báo (tượng trưng cho sinh hoạt trí thức), người mẹ ngồi khâu vá (cần cù nhẫn nại, dịu hiền), con cái học bài (chăm chỉ kỷ luật, vâng lời), ông bà kể chuyện cổ tích (thương yêu, vui tươi, giải trí lành mạnh)... biểu hiện cho nhiều loại sinh hoạt của xã hội. Trong cộng đồng ấy có phản ánh những tình thương, nhân ái, hòa hợp, trật tự, không khích động gây căm thù đấu tranh.

- Gia đình là nơi sinh hoạt tôn giáo

Ở nơi đây mọi người tụ họp lễ bái nhân dịp giỗ, tết. Người cha trong gia đình nhắc nhở cho con cháu công ơn của các bậc tiền nhân. Đây là bài học nhắc nhở, dạy con cháu nhớ đến bổn phận, nghĩa vụ đối với các thành viên khác trong gia đình theo gương sáng

của các bậc tiền bối. Điều này không khác gì các bài giảng về đời sống đạo đức như cách cư xử của một người trong xã hội của các tu sĩ tại các chùa hay nhà thờ.

- *Gia đình là một pháp đình, ở đây người cha phán xử các tranh chấp giữa các thành viên.*

Có những vụ lớn hơn, thì người niên trưởng gia tộc sẽ là chánh án. Có khi hội đồng gia tộc họp để xét xử những trường hợp nghiêm trọng, có ảnh hưởng đến toàn thể đại gia tộc.

- *Gia đình là một trung tâm lo về hạnh phúc đời sống các thành viên.*

Thiếu tiền bạc, vật chất, mọi người chung góp giúp đỡ khi cần. Mọi người trở thành cố vấn, an ủi vỗ về khi hoạn nạn rủi ro, cô đơn; khuyên nhủ khi cần có câu trả lời trong trường hợp khó khăn.

- *Gia đình là nhà dưỡng bệnh cho người già, nhà thương.*

Ông bà yếu đau đã luôn có con cháu bên cạnh thay phiên nhau trông nom, cơm cháo, thuốc thang, an ủi, nói chuyện. Các người thân yêu bệnh tật, cũng lại chính các thành viên trong gia đình giúp đỡ và tìm thầy, kiếm thuốc chữa chạy cho bệnh nhân. Không ai tận tụy, hết lòng lo lắng cho bằng những người thân trong gia đình lo công việc này. Người già, bệnh nhân luôn thấy có được con cháu, thân nhân luôn ở bên cạnh săn sóc đã cảm thấy bệnh bớt được nửa phần.

- *Gia đình còn là một định chế giáo dục*

Buổi tối con ngồi xung quanh bàn học bài. Người cha có nghĩa vụ giảng dạy hay hướng dẫn giúp đỡ chúng. Cố vấn việc học hành cũng là bổn phận của người cha. Thiếu tiền bạc trong việc học hành sẽ do cả gia đình tiếp sức giải quyết. Có khi có cả sự đóng góp của người trong họ. Thành công về học hành của con cái chính là thành công của mọi người. Không kém phần quan trọng là vai trò người mẹ trong việc khuyến khích con cái học hành, duy trì đạo đức bằng cách khuyên răn hay biểu lộ tình thương.

- *Gia đình cũng đóng vai trò một ngân hàng*

Cần tiền để làm dự án kinh doanh, xây nhà, cho con đi học, chi phí về đau yếu thuốc men, hoặc các chương trình lớn ngoài khả năng của cá nhân cũng lại do gia đình xoay sở giúp, bằng mọi hình thức đóng góp, v.v...

Tóm lại, gia đình truyền thống Việt Nam có một giá trị cao mà mọi thành viên nhìn nhận cũng như quyết tâm theo đuổi. Những gì mà gia đình mang lại cho mỗi thành viên lại có tính cách thiêng liêng cao quý bắt nguồn từ ở tình máu mủ ruột thịt làm mọi người ràng buộc gắn bó với nhau hơn.

Gia đình Việt Nam đã đóng góp vào việc điều hòa tình cảm của con người (nhất là các mối cảm xúc vào những lúc tuyệt vọng chẳng hạn). Nhờ những an ủi, cố vấn là những động lực kìm hãm, của những người cùng huyết thống đó mà con người tránh có những hành động thái quá.

Gia đình truyền thống đã giúp nhiều vào việc giáo dục trí tuệ và đạo đức. Ngoài việc gia đình thúc đẩy, khuyến khích, bảo trợ con cái theo đuổi học hành bằng mọi giá, nhờ

đó trí tuệ được nâng cao, gia đình còn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục đạo đức truyền thống nữa, giúp cho con người sống lương thiện. Những gia đình lỏng lẻo, thiếu qui củ thường có con cái sống vượt qua những giá trị đạo lý truyền thống.

“... Gia đình vẫn là nền tảng thực sự của xã hội là trung tâm tự nhiên và cốt cán của xã hội”.

2.2.3. Quan hệ hôn nhân trong gia đình Việt Nam truyền thống

Các đặc điểm về kinh tế, xã hội, tư tưởng, tín ngưỡng chi phối đời sống gia đình như đã nêu trên có ảnh hưởng lớn đến tập tục hôn nhân của người Việt.

2.2.3.1. Quan niệm về vai trò của hôn nhân

Trước hết, người Việt quan niệm hôn nhân không chỉ là việc riêng của đôi nam nữ mà là việc của cả gia đình, dòng họ. Đôi trai gái lấy vợ, lấy chồng (hoặc bố mẹ dựng vợ gả chồng cho con cái) nhằm *tạo dựng tổ ấm gia đình cho đôi lứa*. Người Việt quan niệm con người phải có đôi có lứa, những người không vợ không chồng - nhất là những người phụ nữ - là những người “cô độc”. Chỉ khi nào các con có gia đình riêng, các bậc cha mẹ mới được coi là hoàn thành nghĩa vụ của mình; người nào để con “cô độc” là điều “vô phúc”, là không hoàn thành bổn phận. Nhiều bậc cha mẹ về già đã không yên tâm “nhắm mắt xuôi tay” khi còn có người con nào chưa yên bề gia thất,

Ngoài mục đích lớn nhất là xây dựng tổ ấm gia đình cho đôi lứa, hôn nhân của người Việt còn nhằm các mục đích khác:

- + Thực hiện các nghĩa vụ của người con đối với cha mẹ, trước hết là sinh con đẻ cái để duy trì nòi giống, có người “nối dõi tông đường”, thờ cúng tổ tiên, vì không có con trai bị coi là “bất hiếu”. Lấy vợ có con còn để có người nuôi dưỡng khi mình già yếu.

- + Tăng sức lao động để phát triển kinh tế, trước Cách mạng tháng Tám 1945, khá nhiều trường hợp lấy vợ cho con trai chỉ nhằm thêm người làm, vì thế, những trường hợp này, vợ thường hơn tuổi chồng, thường tới 2 - 3 tuổi, có khi nhiều hơn.

- + Tạo uy thế sức mạnh của dòng họ trong làng xã vì trong mỗi làng của người Việt tồn tại nhiều dòng họ. Vị thế và sức mạnh của mỗi dòng họ được xác lập không chỉ ở nguồn gốc (chính cư - ngụ cư), quyền lực (làm quan hoặc giữ các chức trách cao trong làng) và văn hóa (học hành, khoa bảng) mà còn cả ở sự đông đúc (đông đình, tức có nhiều nam giới). Những họ đa đình được coi là “họ có phúc”.

2.2.3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện tiến hành hôn nhân

Do quan niệm trên đây mà hôn nhân của người Việt trước Cách mạng Tháng Tám 1945 có những đặc điểm nổi bật:

- + Đôi trai gái không có quyền lựa chọn người bạn đời, hoàn toàn không có tự do yêu đương, tìm hiểu trước khi kết hôn, cha mẹ mới là người quyết định (Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy),

+ Khi dựng vợ, gả chồng cho con, cha mẹ không chú trọng đến sự tương hợp về tuổi tác, sức khỏe, tính nết và đặc biệt là tình yêu chân chính của đôi trai gái mà lại chú ý trước hết đến Môn đăng hộ đối, tức là quan hệ ngang hàng về kinh tế, địa vị xã hội, tuổi tác, trình độ học vấn của hai bên cha mẹ. Đặc biệt, việc xem “tông tích” và “giống” của đôi bên được coi trọng hàng đầu (Lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống). Sắc đẹp cũng không được coi trọng mà chú ý đến tính tình, đạo đức của cô gái (Cái nết đánh chết cái đẹp).

+ Người Việt kết hôn rất sớm, thường là Gái thập tam, nam thập lục (con gái 13 tuổi, con trai 16 tuổi) đã bắt đầu xây dựng gia đình. Nhiều trường hợp kết hôn ở dưới các tuổi trên. Có khi đôi bên cha mẹ vì tình cảm, vì “môn đăng hộ đối” mà hứa gả con cho nhau khi chúng còn rất nhỏ và lời hứa này trở thành hiện thực khi chúng vừa mới lớn.

2.2.3.3. *Đám cưới truyền thống của người Việt*

Theo phong tục từ xưa, một cuộc hôn nhân, nhất là trong giới nho gia, quan lại, người giàu có,..., từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc phải qua sáu lễ :

- Nạp thái (kén chọn) : đưa ý để tỏ ý kén chọn, tục gọi là chạm mặt hay dặm vợ.
- Vấn danh (hỏi vợ) : hỏi tên tuổi và họ hàng đôi bên.
- Nạp cát : bói được điềm tốt cho đôi lứa và báo cho nhà gái biết.
- Thỉnh kỳ : định ngày làm lễ cưới với nhà gái
- Nạp lệ : đưa lễ cưới.
- Thân nghinh : đón dâu.

Thủ tục rườm rà trên đây gây nhiều phiền nhiễu cho nhà trai, nên vào tháng Chạp năm Mậu Tuất niên hiệu Hồng Đức (đầu năm 1479), Vua Lê Thánh Tông đã phải định nghi lễ về hôn nhân giá thú :” Trước hết phải nhờ người mối đi lại bàn định, rồi định lễ cầu thân, lễ dẫn cưới, chọn ngày đón dâu (thân nghinh); ngày hôm sau chào cha mẹ chồng, ngày thứ ba đến lễ nhà thờ, không được để nhà trai dẫn cưới 3 - 4 năm rồi mới cho đón dâu”

Tuy nhiên, trên thực tế, thủ tục hôn nhân và cưới xin ở các làng quê thường có ba lễ chính : *chạm ngõ, ăn hỏi và cưới*.

Cưới chạy tang

Theo lệ cũ, ông bà, cha mẹ và các bậc ngang hàng chết thì coi là đại tang, con cái phải chờ khi hết tang (3 năm) mới được đi lấy vợ lấy chồng. Như thế sẽ ảnh hưởng đến việc kết hôn, đặc biệt sẽ bất lợi cho người con gái. Vì vậy, trường hợp đôi trai gái đã làm lễ ăn hỏi mà một trong hai bên gia đình có cha mẹ bị bệnh khó qua khỏi, gia đình thường chủ động đến bàn với bên kia tổ chức ngay lễ cưới gọi là cưới chạy tang. Khi đó, các nghi thức cưới xin giảm đi phần lớn. Cũng có trường hợp, bố mẹ của bên người con trai mất đột ngột, gia đình chưa làm lễ phát tang mà chủ động sang đặt vấn đề với bố mẹ cô gái “làm lễ cưới”, thực chất chỉ làm một lễ trình gia tiên nhà gái và chuyển cho nhà gái một ít tiền,

hiện vật để ngay sau đó, cô gái về bên nhà chồng. Gia đình nhà trai mới phát tang và người con dâu đó phải chịu tang bố hoặc mẹ chồng hoặc ông bà bên chồng.

2.2.3.4. Cư trú và quyền lợi kinh tế sau hôn nhân

Người Việt theo chế độ phụ quyền nên sau lễ cưới, người vợ về sống bên nhà chồng, gần như cắt đứt mối quan hệ kinh tế, pháp lý và cả tôn giáo với nhà mình, phải phụ thuộc hoàn toàn vào chồng và nhà chồng. Vị thế của người chồng trong gia đình có ảnh hưởng lớn đến vị thế của người vợ :

-Nếu chồng là con trưởng, người vợ đương nhiên là dâu trưởng, có trách nhiệm lớn trong gia đình, phải “gánh vác giang sơn nhà chồng”, tức phải làm lụng để vực kinh tế nhà chồng, phụng dưỡng bố mẹ chồng khi về già và cùng chồng, bố mẹ chồng lo dựng vợ, gả chồng cho các em chồng. Như một lẽ đương nhiên, các công việc trong gia đình nhà chồng thường do vợ chồng người con trưởng lo toan, sắp đặt. Khi cha mẹ chồng khuất núi, vợ chồng người con trưởng được quyền thừa kế nhiều hơn, giữ quyền chính trong việc thờ cúng cha mẹ và tổ tiên. Khi phải lo các công việc chung (chẳng hạn bốc mộ cha mẹ, ông bà), vợ chồng người con cả phải lo toan nhiều hơn. Sự sắp đặt, điều hòa của vợ chồng người con trai trưởng, đặc biệt là của người vợ (dâu trưởng) là yếu tố rất quan trọng đối với sự thành công của các việc lớn trong nhà. Sự hòa thuận giữa các gia đình anh em với nhau bị ảnh hưởng khi có sự xuất hiện của người dâu trưởng trong gia đình. Các anh em ruột tuy cùng bố mẹ sinh ra nhưng mỗi người mỗi tính, dễ bị những người vợ “giật dây” để mưu lợi ích riêng, những người con gái đã đi lấy chồng cũng cảm thấy mình bị thiệt thòi bởi một thời đã “nai lưng” cùng bố mẹ gây dựng cơ nghiệp, nhưng không được hưởng, đến đây lại thấy bà chị dâu “từ đâu đâu” về được quyền tranh giành, phân bổ . Vì thế vai trò điều hòa gia đình của người dâu trưởng rất quan trọng. Với vị thế cùng những nghĩa vụ và quyền lợi này, vợ chồng người con trai trưởng được dân gian tổng kết là “con đầu, dâu trưởng” nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của họ trong gia đình.

- Nếu chồng là con thứ hoặc con út thì nghĩa vụ có phần nhẹ hơn. Sau một thời gian sống chung với bố mẹ chồng, họ được tách thành hộ riêng. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, người con dâu thứ đảm đang, tháo vát hơn cũng thể hiện được vai trò của mình trước các công việc của nhà chồng.

2.2.4. Văn hóa ứng xử trong gia đình

Gia đình là cái nôi phát triển nhân cách của trẻ. Môi trường gia đình có tầm quan trọng trong việc hình thành giá trị sống lành mạnh và tốt đẹp cho mỗi con người.

Từ xa xưa, văn hoá ứng xử trong gia đình đã được ông cha ta đặc biệt coi trọng: Gia đình phải có gia giáo; gia lễ; gia pháp; gia phong mà mỗi người trong gia đình phải tuân thủ theo hết sức nghiêm ngặt.

Văn hóa ứng xử trong gia đình được người Việt đề cao và rất coi trọng. Trong kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam cho thấy có rất nhiều câu thể hiện điều này. Từ lúc mới sinh ra, con

người đã được đặt trong sự gắn bó thiêng liêng của tình mẫu tử, phụ tử: “Phụ tử tình thâm”, “Xương cha, da mẹ”, “Cá chuối đằm đuối vì con”. Khi khôn lớn mỗi người không thể quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ: “Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/ Một lòng thờ mẹ, kính cha/ Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”. Chữ “hiếu” luôn được đề cao trong quan hệ ứng xử với cha mẹ và được thể hiện bằng tục báo hiếu. Mỗi quan hệ giữa cha mẹ với con cái, con cái đối với cha mẹ đã được ông cha ta nâng lên thành đạo làm cha mẹ, đạo làm con. Từ mối quan hệ chủ đạo này đã hình thành nên đạo thờ ông bà tổ tiên, đạo thờ cha mẹ, góp phần nuôi dưỡng cho con người tình cảm “Uống nước nhớ nguồn”.

Trong quan hệ ứng xử, người xưa cũng đặc biệt coi trọng tình nghĩa giữa anh chị em trong một gia đình: “Anh em như chân, như tay. Như chim liền cánh, như cây liền cành”, “Em thuận, anh hòa là nhà có phúc”... Mối liên hệ ruột thịt là mối liên hệ thiêng liêng không thể chia cắt: “Cắt dây bầu dây bí/ Chẳng ai cắt dây chị dây em”. Vì lẽ đó, ông cha ta cũng lên án nghiêm khắc những ai không giữ được tình cảm anh em: “Người dung có nghĩa thì đãi người dung/ Anh em vô nghĩa thì đừng anh em”...

2.2.4.1. *Ứng xử vợ chồng*

Đối với quan hệ vợ chồng, sự hoà thuận và tình nghĩa thuỷ chung luôn mang ý nghĩa thiêng liêng, sâu nặng, là mối ràng buộc trách nhiệm cao suốt đời người: “Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn”, “Đón cây ai nỡ dứt chồi/ Đạo chồng nghĩa vợ giận rồi lại thương”...

Gia đình người Việt theo chế độ gia trưởng, lại chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo nên quyền của người chồng, người cha, người đàn ông được đề cao. Vợ phải phục tùng sự chỉ đạo về các mặt của người chồng; con cái phải tuyệt đối tuân theo sự chỉ bảo của cha mẹ, phải có hiếu với cha mẹ. Chỉ có người chồng, người cha mới là đại diện hợp pháp duy nhất về mọi mặt của gia đình trước cộng đồng làng xã và ngoài làng cũng như với Nhà nước. Giáo lý của Nho giáo đã in đậm trong đời sống mỗi gia đình người Việt, ràng buộc người phụ nữ, người vợ trong đạo “Tam tòng”¹. Luật thời Lê còn quy định chồng có quyền bỏ vợ nếu như phạm vào tội “thất xuất”²

Tuy nhiên, tính chất gia trưởng trong gia đình người Việt không gay gắt như trong gia đình của người Hán. Người phụ nữ, người vợ Việt vẫn có một vị thế rất được tôn trọng trong gia đình bởi hai yếu tố cơ bản. Một là, nền nông nghiệp ruộng nước đòi hỏi sự hợp sức lao động của cả vợ và chồng; hai là, do người phụ nữ, người vợ mới thật sự là người bươn chải để lo toan đời sống gia đình (buôn bán khắp các chợ quê để kiếm thêm nguồn

¹ Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử (còn bé thì sống theo mẹ cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết thì sống với con).

² Bảy điều đó là: không con, dâm nhác, không thờ cha mẹ chồng, lạm điều, trộm cắp, ghen tuông, có ác tật. Đây là quy định hoàn toàn bất lợi, thiệt thòi cho phụ nữ, vì 5 trong 7 điều của quy định này không phải lỗi do người phụ nữ.

thu phụ vào nguồn thu ít ỏi từ nông nghiệp, nắm "tay hòm chìa khoá" của gia đình). Người vợ là một phần không thể thiếu được của mỗi gia đình và sự hoà hợp vợ chồng là yếu tố quyết định sự thành công hay hưng thịnh của từng tổ ấm đó (Thuận vợ thuận chồng, biển Đông tát cạn). Do vậy, người vợ không hoàn toàn phụ thuộc vào chồng mà vẫn có một ảnh hưởng quan trọng đối với sự thành đạt của chồng (Của chồng công vợ, hay Chồng như cái đó, vợ như cái hom). Trong nhiều trường hợp, sự thành công của người chồng là do sự sắp đặt và cả sự phấn đấu hy sinh hết lòng của người vợ, chẳng hạn, những người vợ sớm hôm tảo tần bên khung dệt hay chạy chợ lấy tiền cho chồng ăn học thành đạt, hay ít nhất cũng mua cho được cho chồng chức xã, chức nhiều trong làng. Còn trong diện trường chính trị của làng xã, ý kiến của người vợ tại nhà nhiều khi quyết định thế ứng xử của những ông chồng trước cộng đồng làng xã (Lệnh ông không bằng công bà). Bên cạnh "Thất xuất", pháp luật thời Lê cũng có quy định "Tam bất khả xuất" (ba điều người chồng không có quyền bỏ vợ) là : người vợ đã phụng dưỡng và để tang cha mẹ chồng, vợ chồng khi lấy nhau nghèo, về sau giàu và nếu bỏ nhau, người vợ không có chỗ nào nương tựa).

2.2.4.2. *Ứng xử cha mẹ và con cái*

Gia đình người Việt là môi trường nuôi dưỡng, giáo dục lòng nhân văn đầu tiên cho mỗi con người từ tấm bé, thể hiện đạo lý trước sau giữa hai thế hệ. Cha mẹ hết sức vun vén cho con, nuôi con khôn lớn, ăn học thành đạt hoặc có một nghề nghiệp để lo toan cuộc sống, dựng vợ gả chồng thành gia thất cho tất cả các con, tạo thành "Công cha nghĩa mẹ".

Ngược lại, con cháu lo tròn đạo hiếu, phải gắng công tu thân lập nghiệp để báo đáp công ơn dạy dỗ của cha mẹ, ông bà. Khi cha mẹ ông bà già yếu phải hết lòng phụng dưỡng, coi việc có bố mẹ già là điều may mắn, vinh hạnh.

Thời trước, người Việt gặp nhau không thể không hỏi thăm đến các bậc cha mẹ. Con không muốn nhắc nhở đến tuổi già của cha mẹ, vì đó là niềm vui sướng, nhưng cũng lại là nỗi lo âu. Có cha mẹ già, con không dám đi đâu xa lâu ngày. Cha mẹ mất gọi là có đại tang, chỉ mặc áo xô gai, xỏ gấu, không đến những chỗ vui mừng, hội hè, không được tổ chức cưới gả, thậm chí không đi phúng điếu đám tang khác vì, chia nỗi đau buồn với người khác có nghĩa là quên nỗi đau buồn của mình. Người đang làm quan, dù là quan đầu triều cũng phải cáo quan về nhà chiu tang, cho đến hết tang mới trở lại quan trường; đang chuẩn bị đi thi mà cha (mẹ) mất cũng phải hủy bỏ, đợi kỳ thi sau. Giấu tang để tiếp tục ở lại quan trường hay đi thi, nếu bị tố giác sẽ bị kết tội "bất hiếu" và bị phạt rất nặng.

Chữ Hiếu là một giá trị thực tế, thước đo phẩm chất đạo đức của con người. Pháp luật phong kiến khép người phạm tội bất hiếu (mắng chửi, không phụng dưỡng ông bà, cha mẹ; có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi như thường lệ) và tội ác nghịch - cao hơn tội bất hiếu (đánh và mưu giết ông bà, cha mẹ và những người ngang hàng với ông bà, cha mẹ), vào "Thập ác" (mười tội nặng phải chịu chết).

2.2.4.3. *Ứng xử giữa anh em và họ hàng*

Trong gia đình người Việt, ngoài việc ăn ở hiếu thảo với cha mẹ, mỗi người phải “đề” với anh chị em ruột. Đề là sự thương yêu, tôn kính, nhường nhịn với anh chị em, coi cái tính với anh chị em ruột quý hơn cả tài sản có giá trị, là tình cảm thiêng liêng sau tình cảm cha mẹ, có khi hơn cả quan hệ vợ chồng - trong trường hợp người vợ cư xử không tốt với gia đình nhà mình (Anh em như thể chân tay, vợ chồng như áo cởi ngay nên lìa).

Đạo hiếu đòi hỏi anh chị em không chỉ phải hòa thuận với nhau (anh, chị phải thương yêu em; em phải kính nhường anh, chị) mà còn phải lo toan, giúp đỡ cho nhau, theo quan hệ Máu chảy ruột mềm, Chị ngã em nâng, Con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.

Còn với anh chị em, họ hàng, đạo lý người Việt coi trọng sự đối xử trên tinh thần của những người cùng máu mủ (Họ chín đời hơn người dưng; Giọt máu đào hơn ao nước lã). Pháp luật phong kiến khép người phạm tội Bất mục (giết hay đem bán những người trong họ phải để tang từ 3 tháng trở lên, đánh đập, tố cáo chồng cùng những người họ hàng phải để tang từ 5 tháng trở lên) và tội Nội loạn (gian dâm với người trong họ phải để tang từ 5 tháng trở lên) vào “Thập ác”, giống như tội bất hiếu và ác nghịch

Những nét đẹp ứng xử trong gia đình đã hình thành nên nhiều giá trị văn hoá mang tính truyền thống của người Việt như: Sự hoà thuận, chung thủy, tình nghĩa, lòng yêu thương và hy sinh cho con cái, tôn trọng và hiếu đễ với cha mẹ, anh em. Nhiều gia đình Việt Nam xưa nhờ biết duy trì lối ứng xử có văn hoá đã tạo ra nền nếp, kỷ cương để mọi người cùng noi theo. Chính gia lễ, gia phong ấy là cái gốc của gia đình, giữ cho con người Việt Nam, gia đình và xã hội Việt Nam một sức sống mãnh liệt và sự trong sáng với cội nguồn.

Người xưa quan niệm: “Gia đình phải có gia giáo - giáo dục đạo đức, phẩm chất, nhân cách cho con cái; gia lễ - đảm bảo kỷ cương, có thứ bậc, ngôi vị trong gia đình; gia pháp - những phép tắc, luật lệ, khuôn phép của gia đình để giáo dục con trẻ trong gia đình; gia phong - nề nếp, lễ thói mà mỗi người trong gia đình phải tuân thủ theo hết sức nghiêm ngặt”. Văn hóa ứng xử trong gia đình được người Việt đề cao và rất coi trọng. Những giá trị đạo đức xã hội của tư tưởng Nho giáo được cha ông răn dạy, chỉ bảo con cái từ thuở mới lọt lòng đến khi trưởng thành được thể hiện rất rõ trong ca dao, tục ngữ. Đó là những bài học ứng xử về hiếu nghĩa, đạo làm con: “Một lòng thờ mẹ, kính cha. Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”; tình thương yêu anh em ruột thịt: “Anh em như chân, như tay. Như chim liền cánh, như cây liền cành”, “Em thuận, anh hòa là nhà có phúc”...

2.2.5. Văn hóa bữa cơm trong gia đình Việt Nam truyền thống

Là một trong những thành tố văn hóa có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của người Việt, gia đình chính là nền tảng đạo đức của xã hội. Nói đến văn hóa gia đình, người ta thường đề cập đến bữa cơm; bữa cơm trong gia đình người Việt không chỉ đơn thuần là nơi mọi người trong gia đình cùng thưởng thức những món ngon mà cao hơn đó là

sự gắn kết các thành viên, làm hình thành nên truyền thống của gia đình. Tất cả hòa quyện tạo nên những nét đẹp độc đáo riêng biệt trong văn hóa Việt.

Ăn uống là một trong những nhu cầu tối quan trọng của đời sống con người, con người cần ăn, thở để tồn tại. Nhưng, khác xa với con vật, ăn uống của con người còn là một hành động mang tính văn hóa chứ không chỉ dừng lại ở bản năng sinh tồn.

Người phương Tây thường duy lý nên không coi trọng bữa cơm gia đình, con cái họ khi trưởng thành đều ra ở riêng và có cuộc sống riêng của mình; còn người Việt thì duy tình nên có thói quen sau một ngày làm việc vất vả thường quay trở về mái nhà chung để quây quần bên nhau dùng bữa cơm chiều. Đó là lúc ông bà, cha mẹ, con cái, anh chị em cùng ngồi bên mâm cơm thưởng thức những món ăn ưa thích do bà, mẹ nấu và vui vẻ kể chuyện học hành, công việc trong không khí ấm cúng và thân mật. Sợi chỉ hồng vô hình này đã gắn kết tình thân của các thành viên trong gia đình người Việt từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Vốn là cư dân gốc nông nghiệp lúa nước, sống quần cư trong các xóm làng nên bữa cơm của các gia đình Việt Nam thường rất đơn giản, tùy theo điều kiện kinh tế của mỗi gia đình mà mâm cơm có khác nhau. Thực phẩm để chế biến món ăn rất phong phú và đa dạng, đó là sản vật trồng, nuôi được hoặc đánh bắt trong tự nhiên. Bữa cơm của người Việt thường là một món mặn, một món xào và canh; trong đó có đến 70-80% thức ăn được chế biến từ lương thực, thực vật. Quả thực, bữa cơm gia đình người Việt là bữa “cơm rau” hay “cơm canh”. Độc đáo nhất là món canh, hầu như trên thế giới chỉ có người Việt Nam có cách ăn canh chan vào cơm. Đặc biệt trong bữa cơm không thể thiếu các loại mắm nước, mắm tôm, mắm tép, mắm cá và dưa cà.

Không chỉ là nơi gia đình tụ họp ăn uống, mâm cơm còn chính là nơi thể hiện rõ nét văn hóa giao tiếp ứng xử của người Việt. “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng” thể hiện ở chỗ: Người phụ nữ cao tuổi nhất, bà hoặc mẹ hoặc chị em gái là người ngồi đầu nồi, để vừa ăn vừa trông chừng vừa xới cơm phục vụ cả nhà. Nếu thiếu, thì người đầu nồi ăn chậm lại nhường và phải luôn tạo không khí vui vẻ trong bữa ăn. Ngoài ra, phải biết “Học ăn, học nói, học gói, học mở” có ý muốn nói ăn uống cũng cần phải học. Chính vì vậy, mà trong cách ăn cũng được xem là nét văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. Mỗi bữa cơm gia đình không chỉ để ăn cho no mà để mọi người trong gia đình hiểu nhau hơn, là sợi dây vô hình gắn kết tình thân của các thành viên trong gia đình. Truyền thống, nề nếp gia đình cũng được hình thành từ những bữa ăn đạm bạc mà đầm ấm đó. Trong bữa cơm mọi người không chỉ chuyện trò vui vẻ, thể hiện sự quan tâm chia sẻ với nhau mà thông qua đó biết bao bài học quý giá được ông bà, cha mẹ truyền dạy cho con cháu. Đó không chỉ là bài học về văn hóa ăn uống “ăn trông nồi, ngồi trông hướng” mà còn cả những bài học về văn hóa ứng xử “Học ăn, học nói, học gói, học mở” và biết bao bài học về đạo lý làm người...

Trong bữa cơm gia đình, người Việt thường thể hiện những đạo lý quan trọng thông qua hoạt động ăn uống là tình cảm nồng ấm, thủy chung, giản dị thanh bạch nhưng có tình có nghĩa.

"Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan, vợ húp gật đầu khen ngon".

Trong bữa ăn gia đình Việt Nam, người già và trẻ em thường được đặc biệt quan tâm. Khi xới bát cơm mời bố mẹ già, người con dâu trong nhà thường chọn phần cơm mềm, dẻo, không bao giờ đem miếng cháy vào bát các cụ. Thức ăn trong mâm thường có phần riêng dành cho trẻ nhỏ, người già luôn được mọi người quan tâm. Trong bữa ăn gia đình, người Việt rất tôn trọng nhau và thể hiện một không khí hoà đồng. Mọi người cùng ngồi xếp chân bằng tròn quanh chiếc mâm tròn và cùng gắp chung các thức ăn có trong mâm, chấm chung một bát nước chấm. Ở đây không có sự phân biệt giữa các thành viên trong gia đình, nếu có những ưu tiên, nhường nhịn thì chỉ là những quy ước tự giác không bắt buộc nhưng tuân thủ các quy tắc ấy chính là thể hiện một lối sống có văn hóa. Khi có người khách được mời tham dự vào bữa cơm trong gia đình, thì người khách bao giờ cũng được mời ngồi ở mâm ưu tiên, vị trí ưu tiên (nếu như có nhiều mâm) và chủ nhà hết sức ân cần chăm sóc khách.

Trong những dịp giỗ tết thì vị trí cao thấp của các mâm thường được phân bổ theo vai thứ trong họ hàng như bậc cụ kỵ thì ngồi với cụ kỵ, cha chú thì ngồi với cha chú và thường thì mâm các ông, các bà được bố trí riêng theo giới. Trẻ em được ngồi ở mâm dành cho trẻ nhỏ. Cổ bàn tan, trước khi ra về mỗi người còn được "lấy phần" đem về cho người ở nhà thể hiện sự quan tâm của người chủ đám cỗ, người đi ăn cỗ với những người thân ở nhà. Trong khi ăn ở gia đình, người Việt có thể nói chuyện thân mật, chuyện nhà chuyện cửa chuyện làng xóm... nhưng tối kỵ nhất là nói những chuyện căng thẳng châm chọc nhau hoặc đang bữa ăn lại bắt ngò giao việc cho người đang ăn phải bỏ mâm. "Trời đánh còn tránh miếng ăn".

Bữa ăn gia đình và đặc biệt là bữa ăn gia đình nhiều thế hệ là một môi trường văn hóa, một không gian văn hóa thể hiện một quá trình tiếp nối và bảo lưu văn hóa khá độc đáo của người Việt. Ở đây, mọi yếu tố văn hóa không chỉ chuyển tải trong chuyện ăn gì mà còn luôn luôn được gìn giữ trong khuôn phép cổ truyền, một lối ăn theo trật tự truyền thống. Tuy nhiên trong một số gia đình mà người ta thường gọi là "gia đình phong kiến" đôi khi vẫn tồn tại dai dẳng một lối ứng xử ăn uống không bình đẳng, cần loại trừ khỏi lối ăn uống của người Việt chúng ta. Đó là lối sử dụng trọng nam khinh nữ, lễ phép gia trưởng nặng nề.

Trong kiểu "ứng xử phong kiến" và thô bạo này thì phụ nữ và con dâu, con gái trong gia đình bị xem thường. Mọi đặc quyền, đặc lợi chỉ giành cho người đàn ông có vị trí cao nhất trong nhà. Bạn khó có thể tưởng tượng một bữa ăn gia đình được chia làm hai mâm. Người chồng và cũng là chủ nhà ngồi ngất ngưỡng trên phản cao giữa nhà với mâm cơm

thức ăn đầy tú ụ bên cút rượu. Con cái và bà vợ thì chui vào xó bếp rải chiếu rách trên nền đất ăn vét những thức ăn thừa và luôn luôn chờ những tiếng quát. Ấy vậy mà kiểu ẩm thực này đã và vẫn còn tồn tại như những mẫu hình tiêu biểu của lối ẩm thực vô văn hóa trong một số gia đình Việt.

Văn hóa ẩm thực Việt với những nét đặc trưng riêng biệt, trong đó mâm cơm gia đình là một nét đặc sắc trong văn hóa truyền thống, ẩn chứa nhiều ý nghĩa thiêng liêng.

Không giống với người phương Tây ăn cơm theo suất, người Việt ăn cơm theo mâm để thể hiện tính đoàn kết, xôm tụ, luôn thương yêu, san sẻ ngọt bùi. Tất cả thức ăn dọn chung lên mâm thể hiện tính cộng đồng gắn kết của người Việt.

Mỗi bữa cơm là mỗi lúc tình cảm gia đình thêm đong đầy, ấm cúng, là lúc các thành viên trong gia đình quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong mỗi bữa, mời cơm là nét văn hóa không thể thiếu của người Việt. Người nhỏ tuổi hơn, trước khi ăn miếng cơm đầu tiên đều phải mời những người lớn tuổi, để tỏ lòng biết ơn ông bà, bố mẹ hay những bậc lớn tuổi đã cho mình cái ăn, cái mặc. Khi đó, những bậc lớn tuổi sẽ gặt đầu trầu mên, và cả gia đình sẽ bắt đầu bữa cơm trong không khí vui vẻ, thân mật.

Ngày nay, trước sự xô bồ của cuộc sống, mọi người đều bận rộn với những công việc của riêng mình, sự quây quần của bữa cơm gia đình dường như không còn nữa. Các món ăn cũng dần thay đổi, dụng cụ ăn, cách bài trí cũng đều có những biến hóa theo thời đại. Tuy nhiên, nhìn lại những nét văn hóa truyền thống trong bữa cơm, hiểu được những ý nghĩa sâu xa, tốt đẹp có liên quan mật thiết đến cuộc sống hàng ngày, hi vọng mỗi người trong chúng ta sẽ nhớ hơn về văn hóa ẩm thực truyền thống của người Việt, nhớ hơn về những nét đậm ấm rất riêng mà chỉ trong bữa cơm của người Việt Nam mới có, để mỗi thành viên trong gia đình thấy yêu thương và gắn bó với nhau hơn.

2.2.6. Đám tang truyền thống của người Việt

2.2.6.1. Trách nhiệm của các thành viên trong gia đình với việc tang

Khi bố (mẹ) mất, lo tang là việc chung của tất cả anh chị em, nên mọi người phải cùng bàn bạc để đi đến thống nhất các công việc liên quan đến tang lễ, dù thường ngày có bất đồng, bất hòa với nhau thì đến lúc này phải tạm gác sang một bên. Mọi người có thể nêu các ý kiến khác nhau, song ý kiến của người con trưởng bao giờ cũng được các em tôn trọng, như là một định hướng để xử lý các bước tiếp theo.

Tuy nhiên, tang lễ là công việc trọng đại của mỗi người, mỗi gia đình, có nhiều phần việc phức tạp, hơn nữa, mỗi gia đình này không thể tách rời khỏi họ hàng của hai bên nội ngoại. Vì thế, tham gia bàn bạc việc tổ chức tang lễ và điều hành việc tang còn có các thành viên cao niên am hiểu trong dòng họ (trước hết là các bậc chú, bác ngang hàng với bố mẹ mình, sau đó là những người thân thích thuộc cả họ nội và có thêm họ ngoại).

Trong quá trình diễn ra tang lễ, các con là người túc trực bên linh cữu, nên các công việc bên ngoài đều do người trong họ lo toan với sự trợ giúp của bà con xóm làng. Tùy

theo quan hệ với người chết và với tang chủ, tùy theo vị thế trong họ hàng và tùy theo khả năng thành thạo các công việc mà mỗi người được phân đảm nhiệm các phần việc khác nhau.

Điều cuối cùng liên quan đến trách nhiệm của các thành viên gia đình trong việc tang là đóng góp cho các chi phí của tang lễ. Theo phong tục từ xưa, toàn bộ chi phí này sau khi trừ các khoản thu từ phúng viếng, còn bao nhiêu sẽ được tính toán như sau :

- Những người con gái đã đi lấy chồng tùy theo khả năng kinh tế nhà chồng mà đóng góp, không có mức phân bổ cụ thể.

- Lấy số chi phí còn lại ở trên trừ các khoản đóng góp của các con gái, số còn lại sẽ do những người con trai đóng góp. Thông thường, người anh cả đều nhận đóng phần hơn, những người em sau tùy điều kiện và tùy tâm đóng góp để thể hiện vị thế của mình trong gia đình và lòng hiếu thảo với cha mẹ.

2.2.6.2. *Ứng xử làng xã trong tang ma*

Như đã trình bày, người Việt quan niệm “Nghĩa tử là nghĩa tận” và làng Việt là một cộng đồng tổng hợp của nhiều thiết chế tổ chức, nhiều mối quan hệ xã hội chằng chéo. Điều này có ảnh hưởng rất lớn đến ứng xử làng xã trong việc tổ chức tang ma.

Thiết chế và mối quan hệ đầu tiên tác động trực tiếp đến tổ chức tang ma là dòng họ. Với quan hệ huyết thống bền chặt, khi một thành viên qua đời, gia đình và dòng họ tiến hành tổ chức tang lễ. Sách “Thọ Mai gia lễ” ngoài việc chỉ ra cách thức, trình tự của một đám tang còn quy định 5 bậc để tang cho họ nội, với tang phục, cách biểu hiện kiêng cử khác nhau.

Sau gia đình, dòng họ, xóm ngõ với tính cách là một thiết chế tập hợp người theo quan hệ láng giềng có ảnh hưởng lớn đến tổ chức tang lễ. Khi có thành viên qua đời, bên cạnh dòng họ, láng giềng là những người có mặt sớm nhất, tham gia tích cực vào việc tang. Thậm chí, tình cảm và thái độ của láng giềng với người quá cố và tang chủ còn được nhìn nhận quan trọng hơn cả một số mối quan hệ :

Láng giềng còn để ba ngày,

Chồng cô, vợ cậu, một ngày cũng không.

Thiết chế thứ ba có vai trò rất quan trọng đối với việc tang là giáp - thiết chế tập hợp người theo quan hệ lớp tuổi được lập ra trước hết để “phù sinh, tống tử” (công nhận một thành viên mới sinh, tống tiễn một thành viên qua đời). Theo lệ của các làng Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung bộ xưa kia, khi một thành viên nam chết thì giáp là người đứng ra lo tang lễ. Vợ con của người đó nếu chẳng may qua đời thì cũng do giáp của người đó lo tang.

Một thiết chế khác có vị trí quan trọng trong việc tang là hội tư văn - tổ chức tập hợp những người có trình độ Nho học, văn học, có chức sắc trong làng. Tư văn làm nhiệm vụ tế lễ cho người chết.

Ngoài ra, hội chur bà - hội của những phụ nữ về già, mộ Phật, tham gia vào việc bắc cầu, tụng kinh cho người chết (những người theo Thiên chúa giáo không theo lệ này). Việc tham gia của các thành viên hội Chur bà là hoàn toàn tự nguyện, không do lệ làng quy định.

Lệ của các làng Việt xưa kia quy định chức năng, nhiệm vụ của các thiết chế trong tổ chức tang lễ như sau :

- Giáp : Đào huyệt, khiêng linh cữu, rước minh tinh người chết,
- Xóm : Vác cò tang đi đầu đám rước (Giáp khiêng, xóm rước);
- Tư văn : Tế vong linh người chết. Tuy nhiên, thường chỉ những gia đình chức sắc, giàu có mới có thể mời tư văn đến tế.

Gia đình tang chủ phải làm bữa cơm hồng táng để mời giáp, tư văn, có khi cả xóm để tạ ơn. Bữa cơm này được tổ chức trước hoặc sau khi mai táng, to nhỏ như thế nào tùy tập tục từng làng, nhưng nói chung đều rất tốn kém, tang chủ buộc phải lo cho đầy đủ, vì nó liên quan đến bước cuối cùng trong chu trình đời người của người thân họ.

Sau này, vào tháng 8 - 1921, chính quyền thuộc địa Pháp đã tiến hành cuộc cải lương hương thôn đối với tục tang ma : bỏ việc tang chủ mời làng bữa cơm hồng táng, thay bằng nộp tiền theo các hạng bậc khác nhau.

2.2.7. Văn hoá tâm linh, tín ngưỡng trong gia đình Việt

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong gia đình, yếu tố văn hóa gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc gia đình, đồng thời lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Một trong những giá trị đặc trưng trong văn hóa gia đình Việt nam đó là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, đây không chỉ là nét đẹp tâm linh mà còn là nét đẹp trong đạo hiếu của người Việt đối với tổ tiên của mình. Trong tiến trình vận động và phát triển, gia đình và văn hóa gia đình Việt đã có nhiều biến đổi. Tuy nhiên những giá trị truyền thống trong văn hóa gia đình vẫn được duy trì, bảo tồn và phát triển.

- Trong mỗi gia đình trước đây, hàng năm có các nghi lễ tôn giáo tín, ngưỡng sau

* Giỗ bố (hoặc mẹ): là nghi lễ quan trọng nhất trong năm. Đây là dịp để anh em, con cháu về sum họp, thắp hương tưởng nhớ và thể hiện lòng biết ơn công lao trời bể của cha mẹ; đồng thời để trao đổi tâm tư, tình cảm, bàn bạc và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong các gia đình nhỏ.

* Các lễ tiết trong năm theo lệ tục chung của người Việt và các làng Việt. Song đây là dịp để các gia đình thể hiện lòng biết ơn với tổ tiên, cũng là dịp để nghỉ ngơi, đoàn tụ, cải thiện sau những công đoạn của sản xuất nông nghiệp kết thúc. Các tiết (gọi là Tết) đó là:

+ Tết Nguyên đán : Là tiết quan trọng nhất, lớn nhất trong năm. Các gia đình sửa lễ lớn (các loại thịt, các loại bánh,...) để dâng lên tổ tiên. Các con trai thứ và các con gái đã đi lấy chồng phải sắm lễ để con trai trưởng thắp hương lên bố mẹ.

+ Tết mùng ba tháng Ba : Thường gọi là “Tết bánh trôi, bánh chay”, từng gia đình sửa lễ, trong đó phải có bánh trôi, bánh chay dâng lên tổ tiên.

+ Tết mùng 5 tháng Năm : Tết Đoan ngọ.

+ Tết Rằm tháng Bảy: Ngày “xá tội vong nhân”, cầu cho vong linh những người vô thừa nhận được yên ổn.

+ Tết Trung thu (Rằm tháng Tám)

+ Tết mùng 10 tháng Mười: Tổ chức sau khi gặt xong, các gia đình dâng xôi mới, cơm mới lên tổ tiên.

+ Tết Ông Công, ông Táo (23 tháng Chạp)

- *Vai trò của các thành viên trong gia đình với các dịp sinh hoạt nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng*

Trong các ngày lễ, tết trên, gần như toàn bộ các thành viên, sức lao động của từng gia đình được huy động vào công việc sửa soạn lễ vật dâng lên tổ tiên và các đồ ăn, thức uống để gia đình cùng thưởng thức sau cúng lễ. Mỗi người mỗi việc, tùy khả năng theo giới tính, tuổi tác mà tham gia dưới sự điều hành chung của chủ nhà. Nhìn chung, người phụ nữ, người vợ, người mẹ bao giờ cũng đảm nhận nhiều việc nhất, nên vất vả và bận rộn nhất. Người chủ nhà, tức người chồng, người cha điều hành chung, sau đó chịu trách nhiệm làm lễ. Những người cẩn thận, thành kính với tổ tiên thường trực tiếp làm một số việc, hay khâu liên quan đến lễ vật dâng lên cúng, với quan niệm, đồ cúng phải sạch sẽ, chay tịnh, thanh khiết.

Như đã trình bày, các dịp lễ tết trên đây là những dịp quan trọng, linh thiêng về mặt tâm linh, cũng là dịp nghỉ ngơi, cải thiện trong năm của mỗi gia đình, đòi hỏi sự đồng lòng, đồng thuận của các thành viên. Vì vậy, vào những ngày này, không khí gia đình rất vui vẻ, mọi người đều cố gắng xử sự tốt hơn để tăng thêm sự đầm ấm cho gia đình. Trường hợp gia đình nào thường ngày vợ chồng, bố mẹ con cái có những bất đồng, bất hòa thì vào những ngày này, nhất là ngày Tết Nguyên đán phải gác bỏ. Có khi, chính nhờ những dịp này mà các bất đồng bị mất đi hoặc được giải quyết một cách tự nhiên.

- *Thờ cúng tổ tiên – Nét đẹp trong văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống*

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được người dân Việt Nam hiểu khá đơn giản, mộc mạc: Họ tin rằng tổ tiên mình là thiêng liêng, dù đã đi vào cõi vĩnh hằng nhưng vẫn sống cạnh con cháu, họ phù hộ cho con cháu khi gặp tai ách, khó khăn; vui mừng khi con cháu gặp may mắn, khuyến khích cho con cháu khi gặp điều lành và cũng quở trách con cháu khi làm những điều tội lỗi.

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Chim có tổ, người có tông” đã nói lên đạo lý hết sức bền vững của dân tộc. Để rồi trên cơ sở đó việc thờ cúng tổ tiên đã trở thành một nghi thức, một tập tục truyền từ đời này sang đời khác, trở thành nét đẹp văn hoá tinh thần trong gia đình.

Dù là người vùng miền nào trên đất nước Việt Nam, làm nghề gì thì trong gia đình Việt Nam không thể thiếu bàn thờ tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ được đặt ở nơi trang trọng nhất, thiêng liêng nhất. Vào các ngày rằm, mùng 1 âm lịch hàng tháng ít có gia đình nào lại không có nén hương thơm dâng lên tổ tiên kèm theo những hoa quả, bánh kẹo. Vì theo quan điểm của người Việt, người mất chỉ là mất đi thể xác chứ phần hồn vẫn còn tồn tại và đang ở bên phù hộ cho con cháu, do vậy việc thờ cúng kèm theo lễ vật là điều không thể thiếu. Đặc biệt, trong gia đình Việt Nam vào các ngày lễ tết như: Cúng giỗ (là những ngày húy kỵ của tổ tiên), Rằm tháng riêng mùng 5/5, Rằm tháng 7, Rằm tháng 8, và đặc biệt là Tết Nguyên đán (Tết cổ truyền của dân tộc) việc thờ cúng rất được coi trọng. Tết đến là dịp vui nhất, trong niềm vui ấy có sự thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên. Dù ai đi đâu về đâu người ta cũng muốn trở về quê hương, sum họp gia đình và để được thờ cúng tổ tiên. Hơn thế nữa, tất cả việc làm của người ta trong ngày Tết đều nghĩ đến tổ tiên. Từ việc chọn một cành đào, một bông hoa, một mâm ngũ quả cho đến sắm sửa các đồ trang hoàng, lễ lạt trong nhà thì đều là chuẩn bị một không khí Tết, nhưng thực ra đó là không khí đón tổ tiên. Việc cúng bánh chưng ngày Tết tức là đem những thành quả lao động trong một năm của mình để dâng lên tổ tiên... Tất cả những gì tốt lành nhất, trang trọng nhất, thì việc đầu tiên người ta thờ tổ tiên, sau đó con cái mới thụ lộc. Việc làm đó vừa thể hiện sự nhớ ơn tổ tiên, vừa làm cho con người sống trung thực hơn, tốt đẹp hơn, xứng đáng với tổ tiên, có tác dụng giáo dục con người rất sâu sắc.

Sự thờ cúng tổ tiên không chỉ diễn ra trong mỗi gia đình mà còn có hình thức chung cho cả dân tộc đó là Giỗ Tổ Hùng Vương. Có một nét rất đặc thù trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là tổ tiên gia đình và tổ tiên cả nước gắn rất chặt với nhau trong việc tưởng niệm và thờ cúng. Các vua Hùng được coi là tổ tiên của người Việt. *“Dù ai đi ngược về xuôi, nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba”*. Trong nhiều thế kỷ liền, hết thế hệ này đến thế hệ khác, năm nào cũng về dự lễ hội Đền Hùng để tưởng nhớ và thờ cúng tổ tiên của mình. Đền Hùng và Giỗ Tổ Hùng Vương là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết, là điểm hội tụ văn hoá tâm linh của dân tộc Việt Nam từ bao đời nay. Cả nước tôn thờ một vị Quốc Tổ, đó là truyền thống độc đáo, là nếp sống đầy bản sắc và bản lĩnh. Trong lịch sử dân tộc ta, các triều đại phong kiến đã luôn khẳng định và tôn vinh các Vua Hùng, nhưng chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam, vai trò, vị trí của Đền Hùng và Giỗ Tổ Hùng Vương được đề cao xứng đáng với tầm vóc của Quốc Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương như ngày nay.

Xét theo giá trị nhân văn, Thờ cúng tổ tiên là một trong những loại tín ngưỡng cổ sơ nhất của con người và nó mang một ý nghĩa vô cùng nhân văn với con người. Việc làm này có hai nghĩa:

Thứ nhất: thể hiện lòng biết ơn đối với người đã sinh thành ra mình, biểu thị đạo lý “uống nước nhớ nguồn”;

Thứ hai: là cầu mong cho tổ tiên sống được bình yên và phù hộ, độ trì cho con cháu được mạnh khỏe, tốt đẹp trong cuộc đời này.

Như vậy việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình là một nét đẹp văn hóa, nó không chỉ bảo tồn giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam mà quan trọng hơn là giáo dục cho thế hệ trẻ lòng hiếu kính đối với ông bà, cha mẹ và tổ tiên của mình, hình thành trong nhân cách các thế hệ người Việt Nam một đạo lý làm người đó chính là Đạo Hiếu.

- *Tâm linh người Việt trong khói hương ngày Tết*

Chẳng biết từ bao giờ, người dân Việt Nam chúng ta xem chuyện thắp hương trên bàn thờ tổ tiên là một nét đẹp văn hóa truyền thống không thể thiếu trong các dịp giỗ chạp, lễ Tết. Nén hương như một chiếc cầu nối thiêng liêng giữa cuộc sống hiện hữu của con người với cõi tâm linh của trời đất. Có thể nói, hương đã len lỏi vào tận cùng ngóc ngách của đời sống và có một vị trí quan trọng trong cuộc sống của người Việt Nam nói riêng và của người châu Á nói chung. Ngày cuối năm đi mua sắm các thứ chuẩn bị cho Tết, không ai không mua vài nén hương về thắp cho ông bà, tổ tiên mình.

Trong chúng ta, khó ai có thể diễn tả hết sự xúc động khi vào khoảnh khắc giao hòa trời đất giữa năm mới và năm cũ, cả gia đình quây quần bên nhau, thắp trên bàn thờ một vài nén hương thơm rồi tưởng nhớ đến ông bà, cha mẹ, những người thân yêu đã khuất. Sự lẫn khuất của làn khói trắng, mùi thơm nhẹ lan tỏa làm cho ta thấy ấm cúng và gắn bó với nhau hơn. Trong tâm thức, mỗi người Việt Nam chúng ta đều tin rằng: Ở thế giới bên kia, trong một không gian vô định, có những hình ảnh, những con người vô hình đang hướng về chúng ta, đang ở bên chúng ta hàng ngày. Và khi ta thắp nén hương lên là ta có thể tâm sự với họ, sưởi ấm cả thế giới này và cả thế giới vô hình kia nữa.

Chẳng biết tục lệ thắp hương có từ bao giờ và do ai sáng lập. Cả đến vua Trần Nhân Tông – vị vua duy nhất trong lịch sử đã xuất gia – cũng thừa hưởng và dùng hương rất nhiều trong mỗi lần đến chùa. Nhiều người Việt xưa có thói quen, khi đi xa về thường thắp hương trên bàn thờ trước rồi mới nói, làm việc gì đó. Với những người sắp đi xa lại cũng thắp hương để mong lên đường an toàn, may mắn. Ở nhiều vùng của Nam Bộ, người ta còn thắp hương cho từng gốc cây, ụ mối, góc nhà với quan niệm mọi vật đều có đời sống tâm linh của nó. Triết lý nhân sinh thật đơn giản nhưng lại mang một nội hàm đa dạng, phong phú thường thấy ở người Á Đông. Ngày nay, hương không chỉ được thắp trong gia đình mà cả những tôn giáo khác nhau cũng đều có chung nét văn hóa này. Đặc biệt là ở các đền chùa, miếu mạo, hương là một thứ không thể thiếu.

Ngày Tết đi chùa lễ Phật, hái lộc đầu năm, chúng ta luôn bắt gặp những hình ảnh rất quen thuộc: Những cụ ông, cụ bà, những nam thanh nữ tú tay cầm hương, miệng lâm lâm khấn vái cầu mong một năm mới an khang, thịnh vượng, phúc lộc thọ khang ninh... Đây hoàn toàn không phải là hành động mê tín dị đoan, nhưng là một nét văn hóa đẹp được tồn tại từ rất lâu, đem lại cho người ta một sự thanh thản và bình yên trong tâm hồn.

2.3. Văn hóa gia đình Việt Nam hiện đại

2.3.1. Cơ sở những biến đổi của Văn hóa gia đình Việt Nam hiện đại

Ở Việt Nam những biến đổi kinh tế xã hội đang diễn ra với tốc độ nhanh chưa từng có so với các thời kỳ lịch sử trước đây do tác động mạnh mẽ của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế và giao lưu văn hoá quốc tế. Bước chuyển này làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, phân phối của cải vật chất, chế độ sở hữu, các giá trị và chuẩn mực xã hội. Là một thiết chế cơ bản của xã hội, gia đình Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của những biến đổi kinh tế xã hội này.

2.3.1.1. Những biến đổi trong cơ sở kinh tế

Sau gần 30 năm đổi mới chúng ta đã bước đầu xây dựng được một nền kinh tế thị trường tuy chưa đầy đủ, từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá để phát triển đất nước theo quỹ đạo chung. Tuy nhiên, cơ sở kinh tế Việt Nam chủ yếu vẫn là kinh tế nông nghiệp thì ngay cả hình thức sản xuất này cũng đã có những thay đổi căn bản. Do vậy, có thể thấy, Việt Nam đang có những thay đổi khá lớn về kinh tế, cơ sở gốc của nhiều thay đổi lớn về xã hội.

Trước hết, kinh tế thị trường đã tạo nên hàng loạt các khu công nghiệp và khu đô thị. Nhiều khu vực vốn là nông thôn nay đã được đô thị hoá. Các hoạt động dịch vụ và buôn bán nhằm lưu thông hàng hoá, tiền tệ cũng được tạo điều kiện phát triển, tạo nên sự *đa dạng trong cơ cấu kinh tế*. Sự chuyển đổi chung của cả nước đã mang lại cho người dân đời sống cao hơn rất nhiều. Ngay cả ở các tỉnh thành vốn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, ngoại trừ một số tỉnh miền núi có tốc độ đô thị hoá chậm hơn, còn lại, về cơ bản đã xoá được một tỷ lệ lớn hộ đói và chỉ còn phần đầu để giảm tỷ lệ hộ nghèo. Đây là *hệ quả trực tiếp từ chính sách hộ tự chủ thay thế mô hình kinh tế tập thể trước kia*. Khi được quyền tự chủ trong phát triển kinh tế, lại được khuyến khích làm giàu hợp pháp bằng các hỗ trợ của nhà nước, các hộ gia đình chủ động chọn lựa phương thức kinh doanh, hình thức đầu tư, mức độ huy động vốn và đặc biệt là phát huy được cao nhất ý thức trách nhiệm trước hiệu quả công việc, các ngành sản xuất thủ công được khôi phục ở mức tối đa. *Cơ cấu nguồn thu kinh tế gia đình vì vậy mà tồn tại ở dạng hỗn hợp bao gồm: nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán, dịch vụ, lương và nhiều nguồn thu nhập khác*. Sự thay đổi này đã mang lại một nền tảng kinh tế tốt hơn rất nhiều so với kinh tế nông nghiệp thuần túy trước kia. Các gia đình có điều kiện để cải thiện điều kiện sống. Nhiều thiết bị hiện đại đã xuất hiện trong cả các gia đình khu vực nông thôn. Đây là những điều kiện cơ bản giúp các

gia đình mở rộng giao tiếp, nâng cao kiến thức cũng như giải phóng bản thân. *Chất lượng cuộc sống được nâng lên rõ rệt.*

Theo kết quả điều tra của tổng cục thống kê năm 2010, thu nhập bình quân một hộ thành thị mỗi năm là 35,6 triệu, trong khi mức thu nhập này ở nông thôn là 12,8 triệu, tỷ lệ chênh lệch là 2,8 lần. Cơ cấu nguồn thu cũng phân hoá theo tỷ lệ : thu nhập từ nông nghiệp (0,3% trong tổng thu nhập của người dân thành thị/ 49,7% trong tổng thu nhập của người dân nông thôn), từ các hoạt động phi nông (42,1% trong tổng thu nhập của người dân thành thị/20,6% trong tổng thu nhập của người dân nông thôn). Các nguồn thu khác có tỷ lệ cụ thể như sau: tiền lương, công (37,8%/16,4%); hưu trí, trợ cấp (2,7%/3,1%); Nguồn khác (17%/10,2%)¹. Tỷ lệ thu và cơ cấu nguồn thu này đã thay đổi khá lớn trong kết quả điều tra về kinh tế hộ gia đình năm 2015. Theo đó, nguồn thu từ buôn bán dịch vụ đã tăng đáng kể. Điều này dẫn đến tỷ lệ hộ tự nhận có mức sống trung bình là 65%, nghèo hoặc rất nghèo chiếm 22%² Các thiết bị sinh hoạt trong gia đình cũng theo cơ cấu nguồn thu của các nhóm dân cư mà tăng lên.

Sự thay đổi trong kinh tế hộ gia đình được nhìn thấy rõ nhất trong các khu vực dân cư được đô thị hoá nhanh chóng. Ngoài khả năng đa dạng hoá ngành nghề, việc bán đất hay được đền bù đất đai để giải phóng mặt bằng đã tạo nên những bước ngoặt trong cơ cấu kinh tế hộ gia đình. Ruộng vườn vốn là nơi tạo công ăn việc làm ổn định cũng như thu nhập đều đặn của nhiều gia đình đã chuyển hoá thành đường, công trình thuỷ điện, khu đô thị, nhà máy, khu du lịch dịch vụ tổng hợp. *Thu nhập kinh tế của gia đình tăng đột biến đồng thời sinh hoạt truyền thống của gia đình bị xáo trộn, thậm chí bị đảo lộn hoàn toàn.* Sự xuất hiện của *công nghiệp, dịch vụ* và thu hẹp diện tích đất sản xuất nông nghiệp được xem là những nhân tố mới trong cơ sở kinh tế, trực tiếp tác động đến *nhu cầu nhân sự phục vụ lao động, đến sự phân bổ nguồn thu cũng như vai trò của các thành viên trong quan hệ gia đình.*

2.3.1.2. Những biến đổi trong xã hội

Nếu như thiết chế làng đóng vai trò chi phối mạnh mẽ văn hoá gia đình truyền thống thì chính sự thay đổi trong vai trò của thiết chế này hiện nay cũng khiến văn hoá gia đình Việt Nam không còn mang đậm những nét cơ bản của gia đình nông nghiệp.

Do sự xuất hiện của sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, cơ sở tạo nên sự gắn kết lâu dài và ổn định của một cộng đồng dân cư có cùng điều kiện sống đã chỉ còn tồn tại ở một số ít địa phương vùng nông thôn và miền núi. Đa đa số các khu vực dân cư khác, vai trò chi phối của thiết chế làng xã đến từng gia đình đã giảm mạnh. Với nhiều khu vực có tốc độ đô thị hoá cao, **cơ cấu dân cư bị xáo trộn**, tỷ lệ người dân là người địa

¹ Nguồn: Tổng cục Thống kê. Điều tra mức sống dân cư 2010-2015 tr 312

² Nguồn: Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, UNICEF. Kết quả điều tra gia đình Việt Nam 2015 tr 202

phương khác sinh sống trên địa bàn là rất lớn. Điều này có nguyên nhân trực tiếp từ sự chia tách chức năng sản xuất ra khỏi phạm vi gia đình của kinh tế công nghiệp. *Gia đình truyền thống vốn là đơn vị nhất thể của sản xuất và tiêu dùng nên cá nhân chưa bị đẩy ra khỏi phạm vi địa bàn cư trú của mình. Con người của gia đình và công việc không bị chia tách rõ rệt. Trong khi đó, công nghiệp hoá chú trọng sản xuất hàng hoá để trao đổi, nó thu hút nguồn nhân lực tách khỏi gia đình để hoàn thành nhiệm vụ của nơi làm việc. Cơ hội thuận lợi để tăng thu nhập từ những công việc này cũng ngày một cao. Người dân bị cuốn vào các khu công nghiệp, các trung tâm đào tạo, các thành phố lớn để tìm kiếm các cơ hội cho mình.*

Tính chất xen cư này không chỉ làm cho văn hoá truyền thống của địa phương bị thay đổi mà còn làm cho **sự ràng buộc của cộng đồng làng xã đến mỗi cá nhân trở nên lỏng lẻo hơn**. Những trách nhiệm, nghĩa vụ và giá trị đạo đức truyền thống xưa kia vốn được kiểm soát bằng dư luận xã hội thì nay ít có cơ sở giám sát hơn. *Thiết chế làng chủ yếu chỉ còn làm nhiệm vụ của một đơn vị hành chính tự quản.* Việc quản lý cũng chỉ mang tính chất ngắn hạn bởi người dân ngày càng có xu hướng ly hương để gia nhập vào các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp.

Quá trình công nghiệp hoá diễn ra khá chậm ở Việt Nam, do đó, vẫn còn các khu vực mà gia đình vẫn là một đơn vị sản xuất- tiêu dùng, nơi ở vẫn là nơi sản xuất, nơi chia sẻ lao động giữa các thành viên trong quan hệ gia đình. Tính liên kết như trong truyền thống ở các khu vực này vẫn còn duy trì. Tuy nhiên, thông tin đang khiến xã hội trở nên mở rộng, sức hấp dẫn của các trung tâm kinh tế cũng vẫn khiến cho nhiều người không thực sự bằng lòng với cuộc sống đồng nhất nơi ở với nơi làm việc. Họ bị ảnh hưởng bởi những thông tin về một môi trường sống khác khiến cho việc tự giác đặt mình vào những quy định ứng xử như của cơ sở xã hội truyền thống trở nên bị phân tán.

Vai trò của thiết chế họ mạc theo đó cũng giảm khả năng ảnh hưởng đến các cá nhân và gia đình truyền thống. Cơ sở ruộng họ hầu như không còn nên tính chất gắn bó thường xuyên của các thành viên trong họ mạc bị chia tách. Thiếu đi sự gắn bó này, mỗi cá nhân bị tách khỏi một môi trường gần gũi để nâng cao năng lực xã hội hoá hành vi. *Quan hệ họ mạc chủ yếu chỉ còn ảnh hưởng trong phạm vi 3 đời, các cá nhân chịu ảnh hưởng của gia đình, xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng nhiều hơn sự tác động của dòng họ.*

2.3.1.3. Sự thay đổi trong tư tưởng và tôn giáo tín ngưỡng.

Cũng do sự thay đổi của kinh tế, cơ sở tư tưởng Nho giáo hình thành nên những chuẩn mực giá trị trong văn hoá gia đình truyền thống đang được đặt trong tương quan so sánh với tư tưởng phương Tây hiện đại.

Phương thức sản xuất công nghiệp và kinh tế thị trường tạo nên khoảng cách khá lớn giữa các tầng lớp dân cư. Điều này tạo nên một áp lực cạnh tranh gay gắt khiến con

người bị dồn vào một cuộc chạy đua quyết liệt. Trong cuộc chạy đua để đạt được những giá trị vật chất cụ thể, nhiều giá trị truyền thống bị xem là cản trở và lạc hậu. Sự thành công nhất định trong quá trình cạnh tranh quyết liệt đó dẫn đến *tâm lý hưởng thụ và đề cao năng lực bản thân. Tâm lý hưởng thụ tạo nên nguồn kích cầu mạnh mẽ lại tiếp tục là cơ sở phát triển kinh tế và dịch vụ.* Vòng xoáy kinh tế này làm cho con người vượt ra ngoài những quy định ràng buộc với cộng đồng. Các cá nhân đang có xu hướng dành trọng tâm thời gian cho những vấn đề riêng của mình thay vì đảm bảo những nghĩa vụ đã được quy định trong ứng xử truyền thống. *Người nắm giữ quyền kiểm soát về kinh tế trở thành người có tiếng nói quan trọng trong gia đình và xã hội.*

Những cơ hội thuận lợi và đa dạng mang đến khả năng khẳng định bản thân có ảnh hưởng trực tiếp đến các thành viên trong quan hệ gia đình, đặc biệt là người phụ nữ. Thậm chí, người phụ nữ lại là người có nhiều cơ hội thành công hơn trong cơ chế kinh tế thiên nhiều về dịch vụ như hiện nay. **Đây là cơ sở quan trọng để người Việt tiếp nhận vấn đề bình đẳng giới.** Về mặt tư tưởng, *người phụ nữ đã giải phóng được chính mình khỏi sự tự ti, đồng thời khẳng định được vai trò quan trọng của mình đối với sự phát triển xã hội.*

Vai trò của người phụ nữ được đề cao đã làm thay đổi nhiều vấn đề trong giáo dục gia đình hiện đại. **Quyền trẻ em được đề cao,** nhất là việc bảo vệ **trẻ em gái** vị thành niên khiến quan niệm về gia đình và trách nhiệm của các thành viên trong gia đình có nhiều thay đổi. Trẻ em ý thức được vấn đề bình đẳng rất sớm nên những ứng xử gia đình theo quy định truyền thống bị xáo trộn. Với những vùng mà văn hoá truyền thống còn ảnh hưởng mạnh, hoặc trong những gia đình mà người đàn ông chưa thích ứng với sự thay đổi cơ bản đó trong tư tưởng, sự xung đột, rộng hơn là hiện tượng “sốc văn hoá” có thể là nguyên nhân gây nên bạo lực gia đình.

Tư tưởng bình đẳng, chú trọng việc nâng cao chất lượng cuộc sống và đề cao tự do cá nhân là những giá trị nhân văn mới mà gia đình người Việt đang tiếp nhận, cho dù là tự giác hay tự phát. Sự tiếp nhận này không phải chỉ là sự tự điều chỉnh mang tính tất yếu do phương thức kinh tế thay đổi mang lại mà còn bởi sự chi phối của thông tin đại chúng, công nghệ hiện đại và môi trường làm việc rộng mở. Tại các vùng kinh tế biên mậu, các công ty liên doanh, các tập đoàn kinh tế nước ngoài, cơ hội tiếp nhận sự ảnh hưởng và giao lưu văn hoá là rất mạnh mẽ. Đó là chưa kể tới cơ hội học tập ở các nước phương Tây và sự hỗ trợ của Internet.

Các tôn giáo tín ngưỡng có ảnh hưởng mạnh trong văn hoá gia đình truyền thống người Việt vẫn phát huy ảnh hưởng trong đời sống đương đại. Tuy nhiên, điều thay đổi lớn nhất trong các hoạt động này là quan điểm đánh giá vai trò của các tôn giáo tín ngưỡng. Phật giáo vốn có ảnh hưởng khá mạnh trong gia đình truyền thống trên phương diện tạo nên sự an hoà tiết dục cho mỗi cá nhân, khuyến khích từ tâm hành thiện, tạo nên lối ứng xử nhân ái hoà nhã, gắn kết con người với cộng đồng. Tôn giáo này đang có xu

hướng được người dân xem như cứu cánh để hỗ trợ các cơ hội làm ăn, phát triển kinh tế, tấn tài tấn lộc. Các tôn giáo tín ngưỡng đang được tiếp nhận theo hướng như một điểm tựa mang lại cơ hội may mắn cho mỗi cá nhân nhiều hơn là một hệ tư tưởng giúp gắn kết con người trong những quy định ứng xử.

=>Những thay đổi cơ bản trong cơ sở kinh tế, xã hội, tư tưởng và tôn giáo đã làm thay đổi văn hoá truyền thống nói chung và trực tiếp dẫn đến những thay đổi trong văn hoá gia đình nói riêng.

2.3.2. Chuẩn mực của Văn hoá gia đình hiện đại

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh, có nói: “Gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Xã hội tốt thì gia đình càng tốt”. Thật vậy, nhiều gia đình gộp lại mới thành xã hội. Hay nói cách khác, gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Vì vậy việc xây dựng gia đình hết sức quan trọng đối với tất cả thành viên trong gia đình đồng thời đối với cả xã hội. Việc chăm lo, vun đắp cho những giá trị tinh thần cao đẹp là yếu tố quyết định, đảm bảo cho hạnh phúc gia đình bền vững và ổn định.

Trên thực tế, từ nhiều năm nay, chúng ta đang thực hiện rất nhiều phong trào, nhất là phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư; cuộc vận động này có nhiều nội dung, trong đó có việc xây dựng gia đình đạt chuẩn văn hóa. Ở cơ sở, các đoàn thể chính trị - xã hội đã có nhiều hình thức phong phú, đa dạng như tổ chức tọa đàm trao đổi kinh nghiệm xây dựng gia đình hạnh phúc, nêu gương ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo, dâu thảo, rể hiền, trao đổi kinh nghiệm nuôi con tốt, dạy con ngoan, xây dựng gia đình hạnh phúc, tổ chức hội thi, liên hoan văn nghệ, hái hoa dân chủ tìm hiểu về kiến thức xây dựng gia đình...

Để đảm bảo sự phát triển của gia đình Việt Nam trong tương lai được bền vững, các thành viên của gia đình cần hướng tới sự hiểu biết lẫn nhau bằng tình cảm và cả những kiến thức, tri thức về gia đình và các mối quan hệ xã hội để không ngừng xây dựng mối quan hệ tình cảm tốt đẹp giữa các thành viên trong gia đình. Trải qua nhiều thế hệ cho thấy, vai trò của gia đình đối với sự phát triển của mỗi thành viên trong gia đình nói riêng và của xã hội nói chung hết sức quan trọng. Việc chăm lo, vun đắp cho những giá trị tinh thần cao đẹp là yếu tố quyết định, đảm bảo cho hạnh phúc gia đình bền vững và ổn định, thực hiện theo lời dạy của Bác Hồ.

Hiện nay, yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cũng tác động đến mỗi gia đình và làm cho gia đình trong thời kỳ này có những thay đổi phù hợp với tình hình. Nếu như trước đây, người ta quan niệm về một gia đình tốt là hoà thuận, hạnh phúc thì hiện nay, một gia đình tốt phải hội đủ những yếu tố: no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Đó cũng là chuẩn mực của gia đình Việt Nam hiện đại.

No ảm là biểu hiện sự phát triển kinh tế của một gia đình, đáp ứng được nhu cầu về ăn, mặc, ở và các sinh hoạt khác của mỗi thành viên trong gia đình là yếu tố đầu tiên cần đạt tới.

Bình đẳng là các thành viên trong gia đình được tôn trọng và được hưởng mọi quyền lợi ngang nhau trong tất cả các lĩnh vực: học tập, lao động, việc làm, nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe. Đặc biệt quan tâm phụ nữ và trẻ em, biết tôn trọng, quan tâm người cao tuổi.

Tiến bộ là yếu tố hướng tới xây dựng gia đình hiện đại. Biểu hiện của các thành viên trong gia đình luôn luôn ý thức tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên về mọi mặt để có kiến thức, hiểu biết, trình độ năng lực ... đáp ứng sự nghiệp đổi mới của đất nước. Đặc biệt có quan điểm nhận thức về đạo đức lối sống lành mạnh, tiến bộ phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc, thực hiện kế hoạch hoá gia đình, đảm bảo đời sống ngày một vươn lên.

Hạnh phúc là yếu tố tổng hợp trong một gia đình, các thành viên trong gia đình gần bó thương yêu, đùm bọc, hoà thuận, luôn tôn trọng, tin cậy, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ để củng cố mối quan hệ tình cảm giữa các thành viên, tình cảm chung thuỷ một vợ, một chồng, gìn giữ môi trường gia đình trong sạch, đầm ấm, ngăn chặn tệ nạn xã hội. Bốn yếu tố về xây dựng gia đình Việt nam hiện đại không chỉ thể hiện tính bền vững của gia đình mà còn phản ánh sự phát triển của gia đình phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Cần chú ý đến cả bốn yếu tố vì các yếu tố luôn gắn kết chặt chẽ với nhau, có quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau. Phấn đấu xây dựng gia đình “ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” là góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

2.3.3. Quan hệ hôn nhân trong gia đình Việt Nam hiện đại

Hôn nhân là sự khởi đầu của quan hệ gia đình. Điều đó đồng nghĩa với việc những thay đổi trong quan hệ gia đình sẽ được nhìn thấy rõ nhất từ những biến đổi trong quan hệ hôn nhân, cụ thể là những biến đổi trong cơ cấu tình trạng hôn nhân, quan niệm về hôn nhân, quyền quyết định kết hôn, tiêu chuẩn và điều kiện tiến hành hôn nhân, biến đổi trong tổ chức đám cưới, trong việc cư trú và quyền lợi kinh tế sau kết hôn...

2.3.3.1. Tình trạng hôn nhân.

Là một quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế chậm, công nghiệp hoá mới ở giai đoạn ban đầu, sự hội nhập quốc tế chưa phải đã được thực hiện trên nhiều phương diện nên nhiều khu vực của Việt Nam vẫn giữ được những nếp sinh hoạt truyền thống. Kết hôn vẫn được xem là xu hướng chủ đạo, là hoạt động tất yếu trong cuộc đời mỗi người. Đây là cơ sở để cho thấy, gia đình vẫn giữ vai trò là một thiết chế quan trọng nhất tạo nên xã hội.

Tình trạng hôn nhân không chỉ phản ánh mô hình xã hội, thực trạng các vấn đề an sinh mà nó còn thể hiện rất rõ văn hoá ứng xử của mỗi dân tộc. Nó có liên quan trực tiếp đến quan niệm về hôn nhân cũng như những điều kiện để tiến hành và duy trì hôn nhân. Tình trạng hôn

nhân của mỗi nước phản ánh những biến đổi về xã hội, nó kéo theo việc thay đổi các chính sách cho người không gia đình, cho trẻ em và người già, cho việc giáo dục vị thành niên...

Tình trạng hôn nhân của người Việt tuy vẫn duy trì xu hướng gia đình có vợ có chồng nhưng tỷ lệ của các loại hộ gia đình với các dạng tình trạng hôn nhân khác nhau đang thay đổi. So sánh kết quả điều tra về gia đình năm 2010 và 2015 sẽ thấy những biến động về tình trạng hôn nhân trong vòng 4 năm qua.

Bảng 2: Cơ cấu tình trạng hôn nhân của người trong độ tuổi

Tình trạng hôn nhân	Năm 2010	Năm 2012	Năm 2015
Có vợ có chồng	91,9	60,4	85,8
Ly hôn hoặc ly thân	1,3	1,4	4,7
Goá	5,5	6,4	3,6
Gia đình kết bạn	0,3	0,4	0,8

Nguồn: Kết quả năm 2015: Đỗ Thị Bình, Lê Ngọc Văn... Gia đình Việt Nam và người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, tr 60.

Cho dù tiêu chí và diện khảo sát của hai chương trình nghiên cứu là không hoàn toàn giống nhau nhưng sự thay đổi trong các chỉ báo trên cũng cho thấy một thực tế hiện nay là: số các gia đình có vợ có chồng đã giảm khá nhiều so với năm 2002. Đi kèm với thực trạng đó là tỷ lệ thanh niên chưa kết hôn tăng nhanh (từ 0,9% đến 31,6%). Một trong các nguyên nhân dẫn đến số liệu này là tuổi kết hôn của nam nữ thanh niên đã tăng lên. Tuổi kết hôn tăng dẫn đến một tỷ lệ không nhỏ số người trong độ tuổi nhưng chưa kết hôn. Điều này phù hợp với thực tế ngày nay, khi thanh niên được tạo điều kiện tốt hơn để học tập, làm việc cũng như các cơ hội nghề nghiệp. Họ thường kết hôn sau tuổi 20, khi về cơ bản quá trình học tập phổ thông, học nghề hay xác định một công việc cụ thể đã tương đối ổn định. Số còn lại trong tỷ lệ những người chưa kết hôn này là những thanh niên không thực sự muốn lập gia đình. Những vấn đề trong hôn nhân gia đình hiện đại, sự tự do của cuộc sống độc thân, sức ép của vấn đề nhà ở, việc làm, cơ hội phấn đấu...là những nguyên nhân dẫn tới việc một số không ít thanh niên chưa muốn kết hôn, nhất là ở khu vực đô thị.

Sự thay đổi trong tình trạng kết hôn có sự khác nhau giữa nam và nữ. Điều này cho thấy những vấn đề xã hội về giới đang được đặt ra. Cơ hội kết hôn, tái hôn ở nam luôn cao hơn nữ, đặc biệt ở độ tuổi trung niên là nguyên nhân dẫn đến nhiều phức tạp trong đời sống gia đình với kết quả là những cuộc hôn nhân không giá thú. Ly hôn và ly thân tăng.

Bảng 3: Số vụ ly hôn qua các năm

Năm	2000	2002	2004	2006	2008	2010	2015
Số vụ	28.000	44.000	51.361	56.487	58.708	65.336	65.929

Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao năm 2015

Tỷ lệ ly hôn tập trung nhiều ở thành thị, đặc biệt ở những thành phố lớn. Năm 2010, tại thành phố Hồ Chí Minh, số vụ ly hôn chiếm 20 % số vụ kết hôn. Tại các quận 1,3,5, tỷ lệ ly hôn tới 30%.¹ Đây thực sự là con số đáng báo động về thực trạng ly hôn ở các đô thị.

=> Nổi bật trong sự thay đổi về tình trạng hôn nhân là sự gia tăng của mô hình hôn nhân không chính thức. Tại các khu công nghiệp, khu đô thị, hiện đang xuất hiện một tỷ lệ không nhỏ các gia đình kiểu kết bạn. Kiểu gia đình này bao gồm các nhóm đối tượng như: thanh niên sống thử, người trung niên đã ly hôn nhưng không kết hôn, phụ nữ goá sống chung với nam giới đã có gia đình...

2.3.3.2. Quan niệm về hôn nhân.

Như đã trình bày, tình trạng hôn nhân của mỗi quốc gia, dân tộc có quan hệ trực tiếp với điều kiện kinh tế, chính sách xã hội, phong tục tập quán truyền thống. Đặc biệt, nó sẽ phản ánh quan niệm của thanh niên về vai trò của hôn nhân đối với cuộc đời mỗi người. Quan niệm này lại bị chi phối bởi những yếu tố rộng hơn phạm vi quốc gia. Do đó, có thể nói, quan niệm về hôn nhân là yếu tố cơ bản nhất chi phối hôn nhân và gia đình.

Kế thừa truyền thống văn hoá gốc nông nghiệp, đại đa số người dân Việt Nam vẫn đánh giá rất cao vai trò của gia đình trong cuộc đời mỗi người cũng như trong sự ổn định của xã hội. Quan niệm gia đình là chỗ dựa cho mỗi người chính là lý do cơ bản dẫn đến việc kết hôn của nam nữ thanh niên. Khái niệm chỗ dựa được hiểu là nơi có thể giúp con người yên ổn và phát triển. Lý do này luôn chiếm tỷ lệ cao và tăng liên tục, cho dù các tiền đề xã hội có vẻ như đang hỗ trợ cho khả năng độc lập của mỗi người. Trong khi đó, quan niệm kết hôn vì muốn có con lại đang có xu hướng giảm đi qua các giai đoạn khảo sát. Điều đó cho thấy, quan niệm về vai trò của hôn nhân đang đi theo hướng đánh giá cao sự hoà hợp trong lối sống. Chỉ khi có sự hoà hợp trong lối sống, hôn nhân mới đích thực là chỗ dựa cho con người.

Bảng 4: Lý do kết hôn phân theo các thời kỳ kết hôn

Lý do kết hôn	Trước 1975	1987-1999	2000-2006	2010-2015
Để gia đình có người	14,8	14,8	15,1	17,7
Bản thân có chỗ dựa	24,2	25,3	28,5	30,9
Muốn có con	7,3	6,6	6,5	4,9
Đến tuổi thì lấy	28,7	33,1	33,2	28,6

Nguồn: Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch. Kết quả điều tra về gia đình... tr 55

Như vậy, hôn nhân đang chuyển dần theo hướng thoả mãn các vấn đề của cá nhân nhiều hơn của gia tộc hay cộng đồng. Hôn nhân được cho là điểm tựa của mỗi người. Và khi vai trò đó của hôn nhân không được thực hiện, người ta có thể phải tìm đến những cách giải quyết khác, trong đó, thường là tìm đến một cuộc hôn nhân khác với hy vọng cuộc hôn nhân mới sẽ có thể thực sự là chỗ dựa cho bản thân họ. Do vậy, trong các lý do

dẫn đến ly hôn, sự khác biệt trong lối sống mỗi người- nguyên nhân căn bản để gia đình không còn là chỗ dựa cho bản thân- là lý do chủ yếu, chiếm tỷ lệ cao nhất.

Bên cạnh xu hướng ngày một gia tăng trong quan niệm về vai trò là chỗ dựa của bản thân, ngày một giảm trong quan niệm về vai trò gia đình chỉ để sinh con đẻ cái, là sự xuất hiện quan niệm: hôn nhân ảnh hưởng đến tự do cá nhân của mỗi người. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ khoảng 2,5% dân số trong độ tuổi sống độc thân. Xin xem kết quả sau:

Bảng 5: Lý do sống độc thân

Lý do	Tỷ lệ
Không tìm được người phù hợp	28,7
Sức khoẻ không cho phép	12,1
Thích sống tự do	12,6
Do hoàn cảnh gia đình	28,1
Khác	13,7

Nguồn: Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch. Kết quả điều tra về gia đình... tr 51

Sự xuất hiện của quan niệm thích sống tự do, tuy chỉ với một tỷ lệ nhỏ, không phải là xu hướng chính và chủ yếu chỉ xuất hiện ở khu vực đô thị, đã phản ánh sự ảnh hưởng mạnh của lối sống đề cao cá nhân. Quan niệm này đồng nghĩa việc: xem những nghĩa vụ của mỗi thành viên trong kết hôn là sự ngăn trở tự do. Đây là vấn đề mà các nước phương Tây đã gặp phải, các khu vực đô thị Việt Nam đang bắt đầu phải đối diện.

Cho dù không có sự thay đổi mạnh mẽ mang tính chất đột biến, nhưng, ngay trong xu hướng chủ đạo đánh giá cao vai trò và ý nghĩa của hôn nhân thì quan niệm về vị trí quan trọng trong các vai trò của hôn nhân đã thay đổi. *Hôn nhân phải là chỗ dựa cho mỗi người đang là quan niệm chủ đạo*, thay vì quan niệm hôn nhân là để kế tục dòng họ, tăng cường nguồn lực hay thoả mãn ý muốn của cha mẹ như trong truyền thống. Sự thay đổi đó trong quan niệm về vai trò của hôn nhân là nguyên nhân căn bản dẫn đến những thay đổi trong quan hệ hôn nhân- gia đình của người Việt hiện nay.

2.3.3.3. Quyền quyết định hôn nhân.

Quyền quyết định hôn nhân phản ánh quan niệm về hôn nhân cũng như quyền lực của các thành viên gia đình, họ tộc đối với nam nữ thanh niên. Do tính tôn ty chiều dọc trong quan hệ gia đình gia trưởng đã tồn tại trong văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống quá lâu cũng như mô hình chung sống, phương thức sản xuất của các gia đình Việt Nam chưa có nhiều thay đổi mạnh trên diện rộng, nên về cơ bản, quyền quyết định hôn nhân trong các gia đình người Việt hiện nay vẫn theo *xu hướng dung hoà giữa việc lựa chọn của con cái với định hướng của cha mẹ*.

Theo Phạm Bích San về mặt hình thức, tỷ lệ gia đình hạt nhân của nước ta là cao (nông thôn miền Bắc: 87%) nhưng trên thực tế nó vẫn bảo lưu nhiều đáng dấp của gia đình truyền thống, nghĩa là tuy đã có một nền kinh tế độc lập hoặc có số nhân khẩu theo đúng mô hình chuẩn là cha mẹ và con cái (chưa lấy vợ lấy chồng) song sự tách biệt về mặt kinh tế chưa đủ để nó thành độc lập do còn có những liên hệ chung như: sở hữu đất đai (do chưa chia ruộng), hộ gia đình "hữu sự", và thói quen ở cùng con cái khi về già. Điều này phù hợp với nhận định của các tác giả nước ngoài cho rằng: ở những xã hội nông nghiệp và tầng lớp trung lưu lớp dưới, gia đình hạt nhân theo đúng nghĩa của từ này là rất khó tìm thấy bởi những liên hệ thường xuyên giữa gia đình nhà anh chị đó sinh ra và gia đình riêng của họ. Do khả năng kinh tế thấp nên họ khó có thể tiếp cận với hệ thống dịch vụ an sinh xã hội, họ phải tự làm lấy hoặc phải viện đến sự giúp đỡ của bố mẹ (dẫn lại theo Tô Duy Hợp)

Sự lệ thuộc này cho thấy vai trò của bố mẹ trong cuộc sống tương lai của các con là rất lớn và được chính các con thừa nhận nên sự can thiệp của họ vào hôn nhân là điều khó tránh khỏi. Điều này thể hiện trong kết quả điều tra về thực trạng vấn đề quyền quyết định hôn nhân trong các gia đình hiện nay.

Bảng 6 : Mô hình quyết định hôn nhân phân theo các thời kỳ

Mô hình	Trước 1975	1987-1999	2000-2006	2010-2015
Cha mẹ hỏi ý kiến	19,8	14,5	11,3	12,3
Tự quyết định có hỏi cha	57,7	70,1	76,0	75,4
Tự quyết định	5,7	5,5	6,3	5,1
Người khác	1,5	1,2	1,2	1,1

Nguồn: Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch. Kết quả đi ều tra về gia đình... tr 51

Sự thay đổi của tỷ lệ trên qua các giai đoạn điều tra cho thấy: Nếu như việc cha mẹ hoàn toàn quyết định hôn nhân của đôi trẻ có xu hướng giảm mạnh so với giai đoạn trước năm 1975 thì xu hướng con cái tự quyết định hoàn toàn chuyện hôn sự cũng không tăng lên nhiều trên phạm vi cả nước. Điều này cho thấy, về cơ bản, việc hôn nhân của thanh niên người Việt vẫn coi trọng những ý kiến đóng góp của gia đình nhưng không phải do cha mẹ áp đặt nữa. Tính chất gia trưởng trong gia đình truyền thống thể hiện ở việc cha mẹ hoàn toàn không quan tâm tới nguyện vọng con cái khi quyết định hôn nhân đã giảm rất nhiều. Các cuộc hôn nhân do đôi trẻ chọn lựa trên cơ sở xin phép và lấy ý kiến của cha mẹ vẫn là chủ đạo. Nhất là ở các khu vực nông thôn, miền núi, khi mà hình thức cư trú và phương thức sản xuất chủ yếu của mỗi gia đình vẫn chưa có nhiều thay đổi đột biến. Con cái, về cơ bản vẫn chưa phải là những người có thể tự chủ hoàn toàn trong kinh tế và khả năng tổ chức quản lý gia đình. Sự phụ thuộc về kinh tế là nguyên nhân chính dẫn đến sự phụ thuộc trong vấn đề quyền quyết định hôn nhân.

Không hoàn toàn chỉ do sự phụ thuộc về kinh tế, hôn nhân dựa trên sự góp ý của cha mẹ còn xuất phát từ văn hoá truyền thống của người Việt, theo đó, việc con cái nghe theo góp ý của cha mẹ vẫn là việc làm được xã hội đánh giá cao, do các con tự nguyện thực hiện vì nhận thấy kinh nghiệm sống của mình còn hạn chế.

Tuy nhiên, sự thay đổi trong quyền quyết định hôn nhân theo hướng con cái tự quyết định hôn nhân của mình đã xuất hiện nhiều hơn, đặc biệt là ở khu vực thành thị. Cụ thể:

Bảng 7: Lý do kết hôn.

Lý do- Vùng điều tra	Thành phố	Đồng bằng	Trung du-miền núi	Chung
Cha mẹ sắp đặt	3,7	12,7	10,2	10,1
Tự tìm hiểu	48,7	23,7	27,0	29,0
Khác		0,3		0,1

Rõ ràng, kinh tế thị trường với tính cạnh tranh quyết liệt của nó đã góp phần không nhỏ trong việc tạo ra tính chủ động quyết đoán và khả năng độc lập tương đối của lớp trẻ. Tính độc lập này không phải luôn luôn mang lại kết quả tốt hơn hẳn so với hôn nhân truyền thống (thể hiện qua những thông số về tỷ lệ ly hôn ngày một tăng cao) nhưng nó là xu hướng không thể ngăn cản trong quá trình đô thị hoá và mở cửa thông tin.

Một nguyên nhân khác làm tăng dần khả năng tự chủ trong hôn nhân của nam nữ thanh niên hiện nay cũng do kinh tế thị trường mang lại đó là sự phát triển của xu hướng kết hôn ngoài làng. Thực tế cho thấy, việc cha mẹ sắp đặt hôn nhân cho con cái chủ yếu trên cơ sở "trong làng ngoài họ" do quan hệ gần gũi, quen biết nhau. Điều này rất khó có thể duy trì trong điều kiện kinh tế đa thành phần như đã phân tích trong các chỉ báo khác. Cơ hội mở rộng quan hệ của nam nữ thanh niên thời kỳ kinh tế thị trường rõ ràng là lớn hơn rất nhiều so với thời kỳ kinh tế nông nghiệp truyền thống.

Nếu xét từ tiêu chí thời gian, địa bàn và tuổi tác, hôn nhân truyền thống có nhiều biến đổi về phương diện người quyết định hôn nhân thì ở tiêu chí giới tính, chúng tôi không gặp sự thay đổi ấy. Mặc dù hôn nhân đều do cha mẹ quyết định nhưng người phụ nữ truyền thống thường giữ vai trò thụ động hơn nam giới. Điều này vẫn không có gì khác ở thời điểm khảo sát hiện tại khi thông tin chúng tôi nhận về có tỷ lệ nữ trả lời không chủ động quyết định hôn nhân cao hơn nam (6,5% nam, 6,2% nữ trong độ tuổi từ 18- 60).

Việc con cái tiến hành hôn nhân trên cơ sở có tham vấn ý kiến cha mẹ chiếm tỷ lệ cao trong hôn nhân thực tế ở Việt Nam hiện nay chứng minh sự ổn định cơ bản trong quan hệ hôn nhân gia đình. Sự độc lập, tự chủ quyết định hạnh phúc cá nhân không mâu thuẫn nhiều với quan điểm của cha mẹ cho thấy, một mặt nhận thức của các bậc làm cha mẹ cũng đã thay đổi theo hướng tôn trọng tình cảm và nhận thức của con cái, tin vào sự lựa chọn của con và thấu hiểu: hạnh phúc phải xuất phát từ chính cảm nhận của các con, mặt khác,

nó vẫn phản ánh sự gắn bó, tin cậy và tôn trọng cha mẹ. Điều này có được do truyền thống văn hoá gia đình của người Việt đã thấm sâu trong ứng xử của các thế hệ, góp phần duy trì sự ổn định của xã hội.

Xu hướng con cái tự quyết định hôn nhân của mình cũng sẽ là một hướng tất yếu khi môi trường giao tiếp và làm việc của con cái rộng mở hơn. Đặc biệt, với sự trợ giúp của công nghệ thông tin, các mối quan hệ của con cái trở nên vượt khỏi tầm kiểm soát của cha mẹ. Việc hỏi ý kiến cha mẹ đã chuyển biến cơ bản về nội dung khi nó chủ yếu mang ý nghĩa thể hiện sự kính trọng của con cái chứ không phải để bố mẹ can thiệp. Sự thay đổi này, theo chúng tôi là mang giá trị tích cực.

2.3.3.4. Tiêu chuẩn kết hôn

Tiêu chuẩn kết hôn là yếu tố chịu ảnh hưởng của yếu tố lịch sử, vùng miền khá rõ. Ở những giai đoạn khác nhau, việc lựa chọn bạn đời có những điều chỉnh nhất định trên cơ sở duy trì những yêu cầu cơ bản nhất.

Trong truyền thống, do quan niệm về vai trò của hôn nhân phải thoả mãn quyền lợi của gia đình nên người vợ phải là người có khả năng sinh nở tốt, khả năng chịu đựng nhường nhịn và có sức khoẻ tốt để lao động, người chồng phải có tiền nộp thách cưới cho nhà gái. Hôn nhân còn phải thoả mãn quyền lợi của dòng họ nên phải môn đăng hộ đối, gia đình có vai vế, có tiền bạc trở thành tiêu chí được ưu tiên. Rộng hơn, hôn nhân phải đáp ứng được quyền lợi của cộng đồng làng xã nên trai làng khi cưới phải nộp cheo. Tiêu chuẩn kết hôn vì vậy chủ yếu dựa trên việc đối tượng kết hôn có thoả mãn được yêu cầu của các đối tượng được hưởng lợi hay không chứ không phụ thuộc vào đôi trẻ. Đến những giai đoạn muộn hơn, yếu tố bản thân đối tượng kết hôn được chú ý nhưng lại theo những tiêu chuẩn chung của xã hội như: hình ảnh anh bộ đội, những người có lý lịch và thân nhân liên quan đến hoạt động chính quyền, đoàn thể. Ở thời kỳ bao cấp lại là tiêu chuẩn về những người làm việc trong các cơ quan nhà nước, đi thoát ly, làm cán bộ. Các yếu tố khác trở nên ít quan trọng bằng.

Với gia đình hiện đại, vai trò của hôn nhân thay đổi theo hướng thoả mãn nhu cầu tình cảm của các cá nhân nhiều hơn dòng họ, hôn nhân phải trở thành điểm tựa cho mỗi người đã tác động đến những tiêu chuẩn chọn bạn đời của cả nam và nữ. Xin tham khảo trong bảng tổng hợp sau đây:

Bảng 8: Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời khi kết hôn theo các nhóm tuổi.

Tiêu chuẩn lựa chọn	Từ 18 – 60 tuổi	Từ 61 trở lên
Hình thức khá	16,0	12,4
Khoẻ mạnh	33,5	25,5
Có trình độ học vấn	3,7	2,9
Có thu nhập ổn định	12,1	8,5

Biết cách cư xử, đạo đức tốt	62,6	46,4
Đồng hương	7,9	8,7
Biết cách làm ăn	33,9	23,4
Gia đình nề nếp	16,0	16,3
Không có tiêu chuẩn rõ ràng	10,7	20,2
Khác	7,3	11,5

Nguồn: Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch. *Kết quả điều tra về gia đình... tr 56*

Trên cơ sở những thông số trên, có thể nhận thấy sự thay đổi trong các tiêu chuẩn kết hôn trong hai nhóm lứa tuổi. Những người trên 61 tuổi thuộc nhóm gia đình mang nhiều ảnh hưởng của truyền thống. Hôn nhân không phải luôn dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể. Những tiêu chuẩn được đề cao hơn so với tiêu chuẩn của những người dưới 60 tuổi chỉ có gia đình nề nếp và lý lịch trong sạch. Các tiêu chuẩn còn lại đều có mức độ yêu cầu thấp hơn so với những cuộc hôn nhân gần đây. Có thể thấy, hôn nhân của những người trên 60 tuổi bị ảnh hưởng rất nhiều bởi yếu tố thành phần xuất thân của người được kết hôn. Trong sự mặc định ấy, những người có lý lịch xuất thân tốt thường được chú ý hơn. Với những người từ 18 – 60 tuổi, sự gia tăng trong yêu cầu về việc biết cách làm ăn, có thu nhập ổn định, có trình độ học vấn và có sức khỏe tốt đã cho thấy các tiêu chuẩn về người bạn đời trở nên cụ thể và thiết thực hơn trong tương quan với các cá nhân cụ thể chứ không phải theo những tiêu chuẩn chung chung về thành phần xuất thân nữa. Những thông tin cụ thể này cũng cho thấy sự thay đổi trong cách nhìn nhận về hôn nhân gia đình theo hướng chú trọng những tiền đề cơ bản tạo nên gia đình hạnh phúc. Những tiền đề đó bao gồm: tình cảm hoà thuận, sức khỏe tốt, điều kiện kinh tế thuận lợi và có trình độ học vấn để có thể duy trì hạnh phúc và nuôi dạy con cái.

Sự thay đổi lớn nhất trong tiêu chuẩn kết hôn của nam nữ thanh niên hiện nay có lẽ là ở hai yếu tố: *biết cách làm ăn và có nghề nghiệp ổn định*. Rõ ràng là kinh tế đã trở thành một tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời. Thực tế này đã rất khác so với quan niệm một thời là nghèo vật chất thì giàu tình cảm. Hôn nhân dựa trên tình yêu thuần túy kiểu “một túp lều tranh hai trái tim vàng” vẫn tồn tại nhưng không còn là sự lựa chọn của tuyệt đại đa số. Tình yêu cần những điều kiện để nuôi dưỡng và duy trì nó. Biết cách làm ăn và có nghề nghiệp ổn định được cho là những điều kiện đảm bảo sự nuôi dưỡng và duy trì tình yêu một cách phổ biến. Sự đánh giá vai trò của yếu tố kinh tế đã tăng lên qua các giai đoạn khác nhau của thực tế hôn nhân.

Bảng 9: Tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời theo các giai đoạn khảo sát

Tiêu chuẩn	Trước 1975	1987-1999	2000-2006	2010-2015
Biết cách làm ăn	27,7	32,3	36,0	32,8

Biết cách cư xử, đạo đức tốt	61,3	62,8	66,5	64,0
Hình thức khá	13,0	16,0	16,6	14,6
Khoẻ mạnh	31,7	31,9	34,4	33,6
Nghề nghiệp ổn định	9,3	12,9	12,1	17,5

Nguồn: Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch. Kết quả đi điều tra về gia đình... tr 57

Như vậy, tiêu chí biết cách cư xử tuy vẫn là tiêu chí được coi trọng nhất nhưng lại có xu hướng giảm nhẹ, ngược lại, tiêu chuẩn biết cách làm ăn và có nghề nghiệp ổn định liên tục tăng. Thông tin này khẳng định: *yếu tố kinh tế đang chi phối khá mạnh tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của thanh niên hiện nay*. Bên cạnh ưu điểm về sự cụ thể và thực tế hơn trong những nhận thức về các điều kiện cơ bản đảm bảo hạnh phúc, việc đề cao yếu tố kinh tế đang có xu hướng thái quá khi nó trở thành tiêu chí quyết định hôn nhân. Điều này thể hiện rõ nhất trong việc gia tăng của vấn đề hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Môi trường làm việc và thông tin rộng mở tạo điều kiện cho người Việt Nam có mối quan hệ với người nước ngoài là xu thế tất yếu. Các cuộc hôn nhân xuất phát từ sự đồng cảm của những người cùng làm việc, trên cơ sở sự hiểu biết và cảm thông lẫn nhau vẫn là chủ yếu. Tuy nhiên, hiện tại, xu hướng kết hôn với người nước ngoài thuần túy chỉ vì lý do kinh tế đang xuất hiện khá rõ rệt. Đến mức, nó đang trở thành một sự mua bán, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể diện đất nước và vấn đề nhân cách phụ nữ. Khảo sát tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số người kết hôn có yếu tố nước ngoài cao nhất nước (với công dân của trên 60 quốc gia), trong đó có 9426 phụ nữ thành phố kết hôn với người Việt Nam định cư ở nước ngoài chiếm 51.5%, có 5426 phụ nữ kết hôn với người nước ngoài chiếm 30%. Đây là số liệu về tình hình phụ nữ kết hôn với người nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh trong năm (2010-2015) vừa được sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh công bố. Phân tích của sở Tư pháp cho thấy tình hình phụ nữ thành phố lấy chồng là công dân Trung Quốc (Đài Loan) từ năm 2003 đến nay giảm dần (tỉ lệ giảm mỗi năm là từ 30 đến 40%). Trong lúc đó phụ nữ thành phố kết hôn với người Hàn Quốc có chiều hướng tăng so với các năm trước đây. Tính từ năm 2012 đến năm 2015 có 734 người lấy chồng Hàn Quốc. Đáng lưu ý phụ nữ thành phố kết hôn vì mục đích kinh tế được thể hiện rõ nhất trong các trường hợp kết hôn với người Đài Loan và Hàn Quốc. Tại quận Tân Bình trong 100 người dân được hỏi ý kiến tại địa bàn có 12 người kết hôn với người nước ngoài chiếm 12% và đặc biệt trong số đó có 100% là nữ giới. Đây cũng là điều đáng quan tâm trong vấn đề hôn nhân hiện nay.

Quá chú trọng yếu tố kinh tế là nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng trong hôn nhân. Người vợ không được coi trọng xứng đáng. Ngược lại, cũng không ít trường hợp, do không có tình cảm, nhiều phụ nữ kết hôn vì tiền với người nước ngoài đã gặp nhiều thất vọng, dẫn đến bạo hành, bóc lột thể xác. Trường hợp tự tử của cô dâu Huỳnh Thị Mai năm

2008 tại Hàn Quốc là một minh chứng điển hình cho hậu quả của sự kỳ vọng quá nhiều vào yếu tố kinh tế mà xem nhẹ những tiêu chuẩn khác.

2.3.3.5. *Đám cưới*

Dấu ấn chính thức của mỗi cuộc hôn nhân của người Việt chính là đám cưới. Đám cưới tuy không mang giá trị pháp lý nhưng lại là cơ sở để xã hội và gia đình công nhận hôn nhân thực tế. Đám cưới vì thế mang ý nghĩa rất quan trọng với đôi trẻ, với mỗi gia đình và cộng đồng. Nó mang giá trị văn hoá sâu sắc và hội tụ được nhiều phương diện của tập quán tộc người.

Đám cưới truyền thống của người Việt thể hiện tính gắn bó cộng đồng rất cao, bởi lẽ, nó chủ yếu mang ý nghĩa thông báo với cộng đồng về sự khởi đầu cuộc sống lứa đôi. Do vậy, đám cưới luôn được tổ chức ở gia đình, với nghi thức ra mắt gia tiên và sự chứng kiến của họ hàng, xóm giềng.

Việc tổ chức đám cưới cũng là dịp để họ hàng, xóm giềng đoàn kết, giúp đỡ, chia sẻ niềm vui và khó khăn với nhau, giúp gia chủ tổ chức hôn lễ cho thật chu đáo. Thành phần đến dự hôn lễ chủ yếu là gia đình, họ hàng và xóm giềng.

Quy trình trên vẫn được tiến hành tại hầu hết các địa bàn khảo sát của chúng tôi. Điều này xuất phát từ điều kiện sống của người Việt chủ yếu vẫn dựa vào cộng đồng làng xã. Đặc trưng của sản xuất nông nghiệp là sự ổn định, ít di chuyển, gắn bó với ruộng đồng làng mạc để có thể giúp nhau kịp thời vụ. Họ hàng thường cùng sinh sống trong phạm vi một làng, một xã. Đôi trẻ cũng thường là người làng, do vậy, sự gần gũi trong quan hệ cộng đồng càng có dịp để nhân lên. Mặt khác, do điều kiện về cơ sở vật chất, gia đình nông thôn Việt Nam thường vẫn còn không gian khá rộng, phù hợp với việc tổ chức đám cưới tại nhà. Đã tổ chức đám cưới tại nhà thì lại càng cần họ hàng giúp đỡ bởi việc tổ chức chưa được chuyên nghiệp hoá. Tổng hoà các yếu tố đó khiến việc tổ chức đám cưới thực sự là một công việc của gia đình, dòng họ và dân làng.

Tại các đô thị và vùng ngoại vi, điều này đã thay đổi khá mạnh.

Trước hết phải kể đến sự thay đổi trong đối tượng tham dự và tổ đám cưới. Đám cưới ở khu vực đô thị đang có xu hướng không hướng đến cộng đồng cộng cư mà chủ yếu hướng đến cộng đồng làm việc. Nhiều đám cưới, hàng xóm không hề biết và tất nhiên là không thể đến dự do hôn lễ tổ chức ở chủ yếu ở nhà hàng, phòng cưới. Trên phạm vi cả nước, số lượng các đám cưới tổ chức tại nhà hàng, phòng cưới chỉ chiếm 9,3% nhưng tại khu vực Hà Nội, tỷ lệ này đã tăng lên 24%. Nếu chỉ xét riêng khu vực nội thành (quận Hoàn Kiếm), tỷ lệ các đám cưới được tổ chức hoàn toàn tại nhà hàng, phòng cưới lên tới 36%¹. Tại các điểm tổ chức này, sự tham gia của gia tộc, xóm giềng lại không phải là chủ yếu. Khách mời chủ yếu là bạn bè cùng làm việc với cô dâu chú rể hoặc bạn bè bố mẹ. Điều này làm giảm dần tính cố kết cộng đồng cộng cư - vốn là cơ sở quan trọng của đám cưới truyền thống. Xu hướng gia tăng việc tổ chức đám cưới tại nhà hàng, phòng cưới kéo

theo việc huy động gia đình, họ hàng hay xóm giềng tham gia giúp đỡ cũng sẽ giảm. Có thể thấy rõ vai trò ngày một mờ nhạt hơn của quan hệ làng xã trong quy trình tổ chức hôn lễ. Theo đó, mỗi đôi trẻ lại bị đặt vào trong quan hệ với một cộng đồng xã hội khác nhau tương ứng với nghề nghiệp bản thân, quan hệ xã hội của bố mẹ và thời gian sinh sống tại địa phương. Việc tổ chức đám cưới tại nhà hàng, phòng cưới phổ biến ở khu vực đô thị, một phần do nhu cầu ngày một cao về sự chuyên nghiệp hoá trong các dịch vụ gia đình, do thời gian chuẩn bị không có nhiều, do mức sống và điều kiện tài chính tốt hơn nhưng một phần khác do chính việc thu hẹp không gian sống của các gia đình đô thị. Diện tích nhà ở ngày một bị thu hẹp khiến các điều kiện vật chất cho việc tổ chức đám cưới tại gia đình ngày một khó thực hiện. Thực tế này chắc chắn sẽ được nhân rộng do quá trình đô thị hoá ngày một tăng nhanh.

Thời gian tổ chức đám cưới cũng thay đổi theo hướng thuận tiện cho việc tiếp khách và công việc. Hôn nhân truyền thống thường tổ chức vào buổi chiều tối do xuất phát từ quan niệm về việc đón dâu khi không rõ mặt người như vậy sẽ an toàn. Tuy nhiên, điều này không còn được coi là tiêu chí chủ yếu để chọn thời gian tổ chức hôn lễ. Đại đa số thanh niên nam nữ được hỏi về việc chọn ngày giờ khi kết hôn đều khẳng định là vẫn có sự lựa chọn nhưng trên cơ sở kết hợp với những ngày nghỉ. Trong sự lựa chọn ấy, thời gian lý tưởng cho tổ chức đám cưới tại các khu vực đô thị hay ngoại vi hiện nay lại là buổi trưa. Chỉ trong trường hợp bị trùng địa điểm tổ chức hay vì lý do nào khác, đám cưới mới chuyển sang buổi chiều. Sở dĩ điều này khá phổ biến ở khu vực đô thị và ngoại vi là bởi thời gian tổ chức đám cưới vào buổi trưa sẽ dễ thu hút được nhiều khách mời hơn. Môi trường làm việc tập trung, sinh hoạt gia đình chủ yếu vào buổi tối là một trong những lý do khiến thời gian tổ chức đám cưới vào chiều tối như truyền thống đã không thực sự được các gia đình cho là phù hợp.

Cũng do tính chất công việc và các cơ hội phấn đấu, học tập, thời gian tổ chức đám cưới cũng đã xuất hiện thực tế là không nhất thiết phải theo một khoảng thời gian nhất định trong năm. Thực tế này tuy chưa thành một xu hướng nhưng rõ ràng là tại các đô thị, việc xuất hiện đám cưới vào mùa hè hay những ngày tận cùng của năm không còn là cá biệt.

Quy trình nghi thức cưới cũng có nhiều thay đổi. Rõ nhất là việc tổ chức đón khách chung của hai họ. Đây là điều không xuất hiện trong đám cưới truyền thống. Điều này một phần chính là hệ quả của việc tổ chức đám cưới tại nhà hàng, phòng cưới, tiện cho cả hai gia đình và đôi trẻ chuẩn bị các thủ tục nhưng phần quan trọng khác là nó đang thể hiện tính bình đẳng trong quan hệ nội - ngoại của các gia đình. Theo truyền thống, hôn lễ thường được chú trọng tổ chức bên nhà trai do quan niệm về vấn đề nội tộc, việc tổ chức bên nhà gái thường bị xem nhẹ. Khách được mời dự bên nhà gái thường không ăn cơm, cũng thường không mừng tiền mà chỉ chủ yếu bên nhà trai. Nếu gia đình nào quen biết cả hai nhà thì bao giờ cũng ưu tiên dự bên nhà trai chứ không phải là nhà gái. Xu hướng hai

gia đình cùng tổ chức đám cưới tại một địa điểm như hiện nay đã một phần cho thấy sự đánh giá ngày một bình đẳng hơn về vai trò của người phụ nữ trong xã hội cũng như gia đình.

Những nghi thức trong quy trình tổ chức đám cưới cũng đang theo hướng giản lược. Nghi thức dạm ngõ hay thách cưới đang được đơn giản hoá. Thời gian từ khi ăn hỏi đến khi tổ chức đám cưới không còn kéo dài hàng năm như trước đây mà chỉ trong vòng một tháng. Nhiều quy định về việc sêu tết bố mẹ vợ tương lai đối với con rể đã không còn trở thành bắt buộc.

Trang phục và nghi thức tổ chức đám cưới ở khu vực đô thị và vùng ngoại vi đang chịu ảnh hưởng mạnh của văn hoá phương Tây. Cô dâu chú rể trong lễ phục châu Âu, sau lễ cưới đã cố gắng thu xếp thời gian, công việc và tiền bạc để có được những không gian riêng phù hợp.

Tại các khu vực nông thôn và miền núi, những biến đổi trong đám cưới không theo xu hướng trên nhưng lại nảy sinh những vấn đề khác. Do tính chất công việc và điều kiện cư trú, đám cưới ở vùng nông thôn và miền núi vẫn mang tính gắn bó cộng đồng cộng cư rất mạnh. Các nghi thức và thời gian tổ chức đám cưới có ảnh hưởng của đô thị do thông tin đại chúng mở rộng nhưng không tách khỏi nếp chung của làng xã. Nổi bật vẫn chủ yếu là những vấn đề như thách cưới, tổ chức cưới nhiều ngày, trang phục cưới không phù hợp với cảnh quan, cơ bạc rượu chè trong đám cưới, vấn đề kết hôn khác tộc người và tảo hôn.

Do tổ chức đám cưới tại nhà nên các đám cưới thường huy động khá đông người đến giúp, đặc biệt là nam giới. Cũng do đám cưới thường được tổ chức hai ngày nên đây là thời gian thuận lợi cho việc tổ chức uống rượu và đánh bạc. Ở nhiều địa phương, điều này đã trở thành hiện tượng hết sức bình thường và phổ biến.

Việc thách cưới ở khu vực nông thôn và miền núi vẫn khá nặng nề. Nhiều nơi coi việc thách cưới như một thước đo tình cảm và thái độ của nhà trai. Khảo sát tại Tam Dương, Vĩnh Phúc, nhóm nghiên cứu vẫn còn chứng kiến việc nhà gái cân lại đồ lễ của nhà trai ngay khi nhà trai sang giao lễ. Tiêu chí thách gạo và thịt lợn cho đám cưới mà nhà trai phải nộp là trọng lượng của cô dâu. Do vậy, khi cân đồ lễ để kiểm tra, việc thiếu một chút sẽ bị coi là sự coi thường gia đình nhà gái.

Tại khu vực khảo sát có người Việt xen cư với các tộc người thiểu số, nhóm nghiên cứu không nhận thấy sự ảnh hưởng ngược của đám cưới các dân tộc thiểu số đến đám cưới của người Việt. Các đám cưới tại khu vực này chủ yếu chịu ảnh hưởng của các nghi thức từ khu vực đô thị. Do vậy, những biến đổi trong đám cưới tại khu vực đô thị đang có xu hướng lan toả nhanh để trở thành vấn đề chung của hôn nhân gia đình Việt Nam.

2.3.3.6. Cư trú và quyền lợi sau kết hôn..

Truyền thống gia đình phụ quyền của người Việt quy định việc cư trú sau kết hôn là bên nhà chồng. Thực tế này vẫn đang được duy trì trên đại bộ phận các điểm khảo sát, theo

đó, việc sống chung với gia đình nhà chồng sau khi kết hôn được xem như bố mẹ tạo điều kiện giúp đỡ cho đôi trẻ trong những giai đoạn bắt đầu gây dựng cuộc sống gia đình.

Trên thực tế, việc sống chung với gia đình chồng sau kết hôn là điều kiện thuận lợi để người con dâu nhanh chóng hoà nhập và gắn kết tình cảm với các thành viên khác trong gia đình, củng cố quan hệ họ mạc, thích nghi với văn hoá ứng xử của gia đình nhà chồng, được bố mẹ chồng giúp đỡ thêm về vật chất, thời gian, kinh nghiệm sống... Tuy nhiên, điều này không phải hoàn toàn phù hợp với mong muốn của đôi trẻ. Trong khảo sát của chúng tôi, có tới 71,6% số người được hỏi có nhu cầu được sống riêng hoàn toàn ngay sau khi cưới, nhưng chỉ có 23,7% số người trong độ tuổi 18-60 và 28,6% số người trên 61 tuổi là được ở riêng hoàn toàn sau khi kết hôn. Tỷ lệ các cặp vợ chồng ở riêng sau khi cưới hiện đang có xu hướng ngày một giảm do những vấn đề khó khăn về nhà ở trong điều kiện đô thị hoá gia tăng. Xin tham khảo trong bảng số liệu sau:

Bảng 10: Nơi ở sau khi kết hôn phân theo đoàn hệ hôn nhân và khu vực sinh sống của người chồng trước khi kết hôn.

Khu vực	Trước 75	1987-1999	2000-2006	2010-2015
<i>Thành thị</i>				
Sống riêng hoàn toàn	36,9	36,1	28,9	19,9
Ở chung, ăn chung với nhà	47,3	47,7	57,4	65,7
Ở chung, ăn chung với nhà	8,9	12,1	9,6	10,7
<i>Nông thôn</i>				
Sống riêng hoàn toàn	16,9	18,9	21,3	13,2
Ở chung, ăn chung với nhà	7,2	6,7	7,5	9,5

Nguồn: Bộ Văn hoá Thể thao & Du lịch. Kết quả điều tra về gia đình... tr 67

Sự chênh lệch khá lớn trong nhu cầu được ở riêng với thực tế cư trú sau hôn nhân như trên có thể thấy rõ hơn xu hướng đề cao yếu tố tình cảm vợ chồng trong quan hệ gia đình. Việc ở riêng hoàn toàn sau khi cưới có thể sẽ khiến các cặp vợ chồng gặp khó khăn về kinh tế nhưng lại được tự do hơn trong việc chăm sóc, bày tỏ tình cảm với nhau. Chính sự tự do về tình cảm này khiến hầu hết các đối tượng được hỏi đều mong muốn đổi lấy sự khó khăn hơn về kinh tế.

Xu hướng ở nhà vợ sau khi kết hôn tuy không nhiều nhưng dễ được chấp nhận hơn ở khu vực thành thị. Điều này do quan niệm về việc cư trú tại nhà vợ không bị xem là nặng nề với thanh niên thành thị, mặt khác, do điều kiện thực tế về vấn đề nhà cửa tại khu vực đô thị luôn bức bách hơn.

Do không phải luôn ở chung, ăn chung với gia đình nhà chồng nên vấn đề trách nhiệm của vợ chồng người con trưởng không còn quá nặng nề như trước. Trên thực tế, việc chăm sóc bố mẹ và lo lắng công việc của gia đình, dòng họ thường rơi vào vợ chồng người con nào ở chung hoặc ở gần cha mẹ nhất, thậm chí, đó lại chính là vợ chồng của người con

gái – người mà theo quan niệm hôn nhân truyền thống là đã kết thúc mọi ràng buộc với gia đình cha mẹ để sau khi kết hôn.

2.3.3.7. Sự thay đổi trong mối quan hệ gia đình

* Quan hệ giữa vợ- chồng:

Trong gia đình hiện đại, quan hệ vợ chồng được xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính, sự bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Những giá trị đó được biểu hiện trong việc lựa chọn vợ (hoặc chồng) một cách tự do của người trong độ tuổi thành hôn, trong việc tham gia lao động, công việc xã hội, trong việc đóng góp và hưởng thụ tài sản gia đình, trong việc quyết định những vấn đề chung của gia đình (sinh đẻ có kế hoạch, ly hôn,...) giữa vợ và chồng. Mối quan hệ vợ chồng mang sắc thái tốt đẹp: coi trọng giá trị lòng trung thủy, tình nghĩa vợ chồng, sự hoà thuận, hơn nữa là sự bình đẳng, quyền tự do dân chủ của mỗi người, cùng quan tâm đến lợi ích riêng cũng như lợi ích của cả gia đình... Nền tảng của một gia đình hạnh phúc phải là mối quan hệ tốt đẹp, hiểu biết, thông cảm và thương yêu nhau giữa vợ và chồng, là cơ sở ngăn chặn bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình, là một mục tiêu nhằm hướng tới xây dựng gia đình đạt chuẩn gia đình văn hoá.

*Quan hệ giữa cha mẹ - con cái:

Là quan hệ tràn đầy tình cảm, quan hệ này bao gồm sự ứng xử của cha mẹ với con cái và sự ứng xử của con cái đối với cha mẹ. Mối quan hệ này được biểu hiện trong các hình thái gia đình cũng khác nhau. Ở gia đình hiện đại, nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp đó được giữ gìn và phát triển, tinh thần thương yêu, sự hi sinh của cha mẹ vì con cái và sự kính trọng, biết ơn và hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Mối quan hệ này là khuôn khổ cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Thông qua các cách truyền đạt bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, cha mẹ đã truyền lại cho con cái những giá trị, niềm tin, thái độ và cả những tri thức về thế giới xung quanh. Có thể nói những giá trị mà cá nhân thu được từ gia đình là rất đáng kể, một trong những khía cạnh thể hiện bản chất của mối quan hệ này là chức năng xã hội hóa của bố mẹ đối với con cái. bằng mối quan hệ, tình cảm ruột thịt, máu mủ giữa cha mẹ và con cái góp phần hạn chế đi những mâu thuẫn hằng ngày, phòng chống bạo lực gia đình đối với trẻ em.

*Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu:

Ở Việt Nam truyền thống về trợ giúp và chăm sóc người cao tuổi đã tồn tại trong các gia đình, đặc biệt là đối với người con đã trưởng thành. Chính những quan niệm truyền thống, phong tục văn hóa gia đình người Việt đã làm cho mối quan hệ giữa người cao tuổi và các thành viên trong gia đình ngày càng mật thiết hơn, gắn bó với nhau gần gũi hơn, người trẻ kính trọng người già.

Tuy nhiên do xu thế phát triển của xã hội, sự giao thoa của các nền văn hóa, và đất nước tiến hành CNH, HĐH, hội nhập quốc tế, nền văn hóa Việt Nam có sự thay đổi và hòa nhập hơn. Đó là nguyên nhân dẫn tới các hệ quả, quy mô gia đình ngày càng nhỏ, sự tách

biệt nơi cư trú của con cái sau khi xây dựng gia đình và sự xuất hiện của các kênh giao tiếp gián tiếp với sự trợ giúp của các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại làm sự liên hệ, thông cảm giữa các thế hệ càng ít đi. Người già trở nên cô lẻ, có sự chia ly ông bà ở với con cháu khác nhau. Trong quan hệ giữa ông bà- con cháu cũng xuất hiện những xung đột và xích mích xung đột thế hệ. Sự khác biệt về kinh nghiệm, nhu cầu và sở thích trong cuộc sống dẫn đến sự không bằng lòng giữa các thế hệ, dẫn đến các hiện tượng như: con cháu không tôn trọng sự khuyên bảo, cư xử không đúng gây xúc phạm tình cảm, không quan tâm chăm sóc, thiếu tâm tình cởi mở, thậm chí có hiện tượng bạc đãi người cao tuổi. Nguyên nhân của hiện tượng này là do: Có khó khăn về kinh tế, sợ mất việc vì phải bỏ nhiều thì giờ nghỉ ở nhà để chăm sóc người thân nên chuyển sự bức bối sang họ; sống chung trong một nhà nhỏ hẹp không đủ chỗ cho mọi người; thấy mình như bị bắt buộc phải lãnh trách nhiệm lo cho người thân mặc dù hoàn cảnh không cho phép. Đôi khi chính người chăm sóc có vấn đề với rượu chè, rối loạn tâm thần hoặc cũng bị bạo hành khi còn nhỏ... Những nguyên nhân đó khiến cho các mối quan hệ trong gia đình có nhiều rạn nứt và tan vỡ, đòi hỏi cần phải xây dựng một mối quan hệ giữa ông bà- con cháu ngày càng tốt đẹp hơn. Đó cũng là nội dung nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no, bình đẳng và tiến bộ trong công tác xây dựng gia đình văn hóa “Vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau, có trách nhiệm nuôi dạy con cái, con cháu thảo hiền với bố mẹ, ông bà”.

Gia đình là tổ ấm tràn đầy tình yêu thương nuôi dưỡng mỗi con người lớn lên và trưởng thành. Gia đình là điểm tựa tinh thần vô cùng lớn lao cho mỗi người, là nơi khơi nguồn mọi sáng tạo, thành công, nơi chúng ta trở về sau mỗi hành trình mệt mỏi, là nơi che chở mỗi khi chúng ta vấp ngã hay thất bại trên đường đời. Gia đình cho chúng ta động lực phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội, thành đạt trong cuộc sống... Để giữ gìn các giá trị chuẩn mực văn hóa gia đình Việt Nam trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, mỗi người Việt Nam cần ý thức rằng, xây dựng gia đình hạnh phúc không chỉ là việc riêng của mỗi nhà mà còn là trách nhiệm của cả xã hội; gia đình no ấm, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ góp phần tạo nên sức mạnh của đất nước.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, để góp phần giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa gia đình, cần đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Luật Phòng chống bạo lực gia đình và các luật khác có liên quan đến gia đình. Làm tốt công tác gia đình. Giữ gìn và phát huy tốt các giá trị văn hóa gia đình Việt Nam sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

2.3.4. Giao tiếp - ứng xử trong gia đình Việt Nam hiện đại

2.3.4.1. Giao tiếp ứng xử trong gia đình

Giao tiếp ứng xử trong gia đình là hoạt động quan trọng góp phần thực hiện các chức năng sinh, giáo, dưỡng của gia đình. Thông qua giao tiếp ứng xử, các thành viên gia

đình như con thoi đan dệt quan hệ gia đình với cộng đồng xã hội. Gia đình là nơi trú ngụ yên lành, thỏa mãn nhu cầu tinh thần, tâm tư, tình cảm làm vơi nhẹ nỗi khó khăn nhọc nhằn của con người trong cuộc sống.

Trong xã hội hiện đại, thời gian sinh hoạt gia đình thu hẹp dần, vì vậy giao tiếp trong gia đình phải thật sự hiệu quả, mang lại đời sống tinh thần tốt đẹp cho gia đình và hành viên gia đình.

Mỗi thành viên gia đình còn có sự giao tiếp với cộng đồng xã hội mà thành viên gia đình như là đại diện. Trong cơ quan, nơi công cộng, thành viên gia đình thực hiện giao tiếp đáp ứng nhu cầu bản thân, thể hiện trình độ văn hóa gia đình, tạo nên những hiệu ứng nhất định tác động đến bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội.

Ứng xử trong đời sống gia đình là cách một người đối xử trong gia đình, gia tộc và các mối quan hệ khác, là cách bản thân xử sự trước các qui chuẩn xã hội và với thiên nhiên. Văn hóa ứng xử trong đời sống gia đình Việt Nam ngày nay tất yếu có sự kế thừa các giá trị văn hóa dân tộc và tiếp nhận các giá trị mới như bình đẳng, dân chủ phù hợp sự phát triển của thời đại.

* Nguyên tắc giao tiếp trong gia đình

- Chủ động tìm cơ hội giao tiếp, thể hiện tình cảm, sự thân thiện, ...
- Khách quan, không định kiến, không ép buộc, có tình, có lý.
- Tôn trọng và tự trọng, làm chủ bản thân về sức khỏe, tâm lý, cử chỉ, giữ gìn thái độ đúng mực, biết lắng nghe.
- Trung thực, sai đúng phải được xác định rõ ràng.
- Chân thành, tình nghĩa, yêu thương quý trọng lẫn nhau.

* Kỹ năng giao tiếp trong gia đình

- Tiếp cận

Con người có sự thay đổi nhất định về tâm sinh lý, nhận thức trong từng giai đoạn tuổi tác, sức khỏe, chịu tác động của hoàn cảnh, môi trường... Người trong cùng gia đình vẫn cần tìm hiểu nhau để chuẩn bị tốt cho giao tiếp, tránh chủ quan, hiểu lầm, định kiến. Không có chủ ý và chuẩn bị tốt cho giao tiếp dễ dẫn đến thấy đâu nói đó, lâu ngày thành quen, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Trong gia đình, cha mẹ cần quan tâm, tìm hiểu tâm tư, tình cảm, cuộc sống của các con, nhất là lứa tuổi vị thành niên. Cha mẹ cần có sự phân công hợp lý trong tìm hiểu con cái (con trai, con gái) giúp cho việc giao tiếp giữa cha mẹ và con cái đạt hiệu quả tích cực

- Quan sát

Trong giao tiếp, cần quan sát thái độ, hành vi và các yếu tố khác có liên quan đến đối tượng giao tiếp, tình hình, diễn biến xung quanh,... cũng tác động đến giao tiếp. Cần quan sát với thái độ thân thiện không định kiến, khéo léo, tế nhị, không để người khác khó chịu. Trong gia đình, quan tâm lẫn nhau một cách thường xuyên giúp cho các thành viên

gia đình nắm bắt được nhanh nhất những diễn biến tâm tư, tình cảm của người thân, điều đó sẽ góp phần giúp cho giao tiếp trong gia đình đạt kết quả nhất định.

- Xưng hô

Xưng hô trong tiếng Việt rất đa dạng và phong phú, tinh tế và không kém phần phức tạp nhưng đồng thời nó cũng là phương tiện thể hiện lịch sự, tình cảm, lễ nghi – là một trong những nét đẹp trong văn hóa ngôn ngữ của người Việt.

Cách xưng hô phổ biến trong gia đình, thân tộc. Trong gia đình, xưng hô phổ biến là kèm theo vai, thứ bậc, tên. Vợ/chồng thường xưng em/anh, tình cảm hơn thì gọi mình xưng em/anh, khi có tuổi thì gọi nhau là ông/bà; với người trên (cao tuổi, có thứ bậc cao trong gia tộc/gia đình) có cách xưng hô thể hiện sự tôn trọng và tránh nhầm lẫn là gọi kèm vai, thứ, tên. Ví dụ: vai ông, thứ Hai, tên Trọng, thì gọi là Ông Hai hoặc Ông Hai Trọng; với con cháu trong gia đình, người trên gọi kèm tên, thứ bậc của người dưới. Là anh chị em trong gia đình, khi còn bé, cha mẹ nên dạy cho con xưng hô đúng vai con, cháu, anh, chị, em.

Ở miền Nam còn có cách xưng hô: xưng bác/cô/chú; cậu/mợ/dì/dượng và gọi bằng con. Ngược lại, xưng bằng con và gọi bác/cô/chú; cậu/mợ/dì/dượng (thay vì xưng là cháu). Đây là cách xưng hô mang đậm dấu ấn thân tộc, tình cảm (coi chú, bác, cô, dì,... cũng như cha mẹ)

Ở người Việt còn có sự “chuyển vai xưng hô” theo lối tự xưng gọi thay cho con (khi người đó đã có con). Cách xưng hô này thể hiện sự trân trọng, đề cao vai giao tiếp gia đình, mặt khác thể hiện lối sống vì con, coi trọng con cái (lấy con cái làm trung tâm của quan hệ, giao tiếp, đặt con cái vào trong cuộc sống, quan hệ của mình).

**Cách xưng hô nên tránh trong giao tiếp gia đình, thân tộc*

Trong giao tiếp nói chung và nhất là trong giao tiếp gia đình, cần tránh những cách xưng hô với sắc thái thiếu tôn trọng, gây cho người khác cảm giác khó chịu, chẳng hạn:

- Từ “tôi”: “Tôi” là từ xưng hô sử dụng trong giao tiếp hành chính, không nên sử dụng trong giao tiếp thân tộc vì bản thân nó mang sắc thái trung hòa, không phản ánh mối quan hệ thân tộc và không phù hợp với nếp sống, tình cảm trong gia đình của người Việt. Hơn nữa, với người có vai giao tiếp cao hơn, từ “tôi” còn thể hiện sắc thái thiếu tính lễ nghi, thân tộc.

Khi nói tới người thứ ba vắng mặt là người có vai giao tiếp cao hơn, không nên dùng những từ ông ấy, bà ấy, anh ấy, chị ấy,...(theo miền Bắc), ông/bà, anh/chị,... (cơ chế rút gọn - theo miền Nam), hay những từ ông già(chỉ cha), bà già(chỉ mẹ), ông bà già (chỉ cha mẹ) họ, lão, mụ, ả, người ta, người ấy, người đó,... vì nó thể hiện sự xa cách, thiếu thân tình, sắc thái kém lễ độ, chỉ dùng trong giao tiếp giữa những người có quan hệ ngang nhau, thân mật, suồng sã.

Người có vai giao tiếp cao hơn cũng không nên gọi người kia bằng những từ kém lịch sự như: thằng/con nhãi ranh, thằng/con quỷ sứ, thằng/con khốn nạn, ...

- Trong nhiều tình huống giao tiếp, không nên gọi kèm theo tên, thứ bậc của một người những từ chỉ thói quen xấu, dị tật của người đó hoặc ghép tên với một từ theo bằng cách nói lái để đặt biệt danh cho họ, ví dụ: Út lùn, Hạnh lé, Tú rỗ, Tư hô, Linh tinh, Thái dúm, Đức công, Hương qua đèo...

Không nên gọi hàm phẩm, chức vụ trong xã hội của người trong gia đình, họ hàng theo giao tiếp hành chính (xưng hô theo chức danh) như: ông chủ tịch, ngài viện sĩ, quý giáo sư,... vì không đúng ngữ cảnh và vai giao tiếp, tạo sự xa cách, thiếu thân mật, có khi bị cho là mỉa mai.

Cặp từ xưng hô tao – mày ở không ít trường hợp thể hiện sự thân mật, gần gũi (ví dụ: bạn bè thân thiết, những quan hệ có vai giao tiếp ngang nhau, gần nhau,...) nhưng trong nhiều trường hợp nên tránh nhằm đảm bảo phương châm lịch sự trong giao tiếp

- Tâm sự

Việc tâm sự sẽ gắn kết những người trong gia đình với nhau. Nhiều trường hợp các thành viên trong gia đình không hiểu nhau hoặc hiểu lầm nhau do không tâm sự cho nhau nghe hoặc chưa mở lòng mình ra, bộc bạch hết ý, hết tình với nhau hoặc cách nói không phù hợp,... đã xảy ra những hậu quả đáng tiếc. Nói cho nhau nghe, không chỉ để truyền đạt thông tin, mà còn là cách để bày tỏ tình cảm. Thành viên trong gia đình cần tâm sự với nhau nhiều hơn để hiểu nhau. Cần lưu ý các khía cạnh sau đây:

Cách nói là sản phẩm tổng hòa của từ ngữ, cách diễn đạt, cử chỉ, thái độ và tình cảm. Cách nói tốt là một thể mạnh của giao tiếp. Tùy vào không gian, hoàn cảnh, sự kiện, đối tượng giao tiếp để có cách nói phù hợp.

Bữa cơm gia đình là nơi thành viên gia đình sum họp, chia sẻ tình cảm, nơi cần có tiếng cười và sự đầm ấm. “Trời đánh tránh bữa ăn”, vì vậy nên tránh nói những chuyện không vui, tỏ vẻ không hài lòng nhau, chỉ trích thiếu thiện ý, tranh luận những vấn đề không liên quan làm cho không khí nặng nề, khó chịu... trong bữa ăn gia đình.

Vợ chồng nên dành cho nhau những lời nhẹ nhàng, ngọt ngào cùng với ánh mắt, nụ cười, cử chỉ chăm sóc cho nhau... đó là những cách nói lên tình yêu thương dành cho người bạn đời của mình. Giữa vợ chồng, yêu thương mà không nói hay không biết cách nói là một thiệt thòi lớn; đối với con cái, cha mẹ nên ôn tồn khi dạy bảo, nghiêm khắc góp ý khi con cái sai lầm, bao dung tha thứ khi con biết lỗi, khen ngợi thành tích hay nghĩa cử tốt đẹp của con... để con hiểu được thiện chí, cảm được tình thương của cha mẹ mà tiếp nhận tốt thông tin. Cách nói chỉ trích sẽ làm mất mát tình cảm, giảm sự tôn kính của con cái đối với cha mẹ.

Giọng nói cần rõ ràng, thông tin súc tích, chính xác, từ ngữ dễ hiểu, phù hợp với đối tượng giao tiếp (lứa tuổi, nghề nghiệp,...); thái độ tôn trọng người nghe (qua ánh mắt, trang phục, cử chỉ) biểu hiện suốt cuộc giao tiếp. Diễn đạt tốt trong giao tiếp gia đình tạo

thành thói quen, hình ảnh đẹp về giao tiếp giữa thành viên gia đình, góp phần hình thành phong cách văn hóa gia đình, là điều kiện giúp thành viên gia đình rèn luyện để giao tiếp tốt bên ngoài xã hội.

Cần lưu ý trong sử dụng những hư từ thể hiện thái độ trước khi nói: có những hư từ biểu thị sự thân mật: à, hỉ, hờ, hử; nha, nhé, nhen,...; có những hư từ biểu thị lịch sự khi cầu khiến: phiền, cảm phiền, xin, xin phép,...; có những hư từ biểu thị sự lễ phép, kính trọng: ạ, dạ, vâng, thưa,...

- Lắng nghe

Lắng nghe là nghe có mục đích nhằm nắm bắt thông tin, quan điểm, chủ ý của đối tượng giao tiếp. Khi nghe phải tập trung chú ý, biết cách đặt câu hỏi, đánh giá, phê bình, nhận xét nhằm thúc đẩy cuộc nói chuyện tiến triển tốt. Lắng nghe còn thể hiện sự thấu cảm, chia sẻ và thể hiện sự tôn trọng nhau. Trong gia đình, việc lắng nghe càng cần thiết. Cha mẹ nên dành thời gian lắng nghe con cái để hiểu những gì con suy nghĩ, kỳ vọng, ước mơ. Nghe qua lời nói, qua thái độ và lắng nghe từ tiếng lòng ngay cả khi không ai nói gì. Điều đó tạo nên sự gắn gũi giữa cha mẹ với con cái, thể hiện sự quan tâm đến cuộc sống của con.

- Thuyết phục - động viên

Đôi khi người ta nghĩ là người trong gia đình thì không cần thuyết phục lẫn nhau, chồng ra lệnh cho vợ, cha mẹ chỉ định cho con cái, với trẻ em trong gia đình thì người lớn bao giờ cũng đúng. Tuy nhiên trong xã hội hiện đại, sự dân chủ, bình đẳng thúc đẩy sự lắng nghe và thuyết phục. Ví dụ, để được cha mẹ đồng ý cho học đại học xa nhà, tốn kém nhiều chi phí, người con cần chuẩn bị đầy đủ cho cuộc họp gia đình sắp tới về mục đích, thông tin, điều kiện giải quyết chi phí, khả năng độc lập khi sống xa nhà,...rồi dùng ngôn ngữ phù hợp, sự chân thành, kiên định để thuyết phục cha mẹ. Ngược lại, cha mẹ cũng cần thuyết phục con cái, thay vì ra lệnh hoặc áp đặt.

Động viên (khen, tặng thưởng, thể hiện sự đồng tình, dự đoán về tiềm lực cá nhân, củng cố niềm tin, dự báo kết quả,...) sẽ là khích lệ cần thiết cho sự nỗ lực của người được động viên. Trong gia đình, lời khen về món ăn ngon do vợ nấu, tuyên dương thành tích học tập của con cái, giới thiệu đức tính chăm chỉ học hành của con với khách quý, khen chồng là người đàn ông chu đáo mực thước của gia đình,... chắc chắn sẽ là những lời động viên hữu ích

- Cơ hội giao tiếp

Có những dịp để gia đình sum họp như bữa cơm gia đình, sinh nhật, giỗ, tết, du lịch,...đó là những cơ hội để thành viên gia đình bày tỏ tình cảm với nhau.

Bữa cơm chiều được nhiều gia đình chọn làm dịp sinh hoạt thường nhật. Đó là thời gian thích hợp để tạo ra sự sum họp, không khí ấm cúng cho thành viên gia đình, để thông tin, chia sẻ tâm tư, tình cảm,... là dịp khơi nguồn cho các cuộc giao tiếp khác.

Không cần giàu có mới tổ chức sinh nhật, có gia đình tổ chức sinh nhật trong bữa cơm chiều. Không khí thật tình cảm với món ăn mà nhân vật chính yêu thích, đầm ấm và lời “tuyên bố lý do” thật xúc động, lời chúc tốt đẹp và quà mừng sinh nhật,... là biểu hiện của tấm lòng thương yêu.

Ngày nay, nhiều người tham công tiếc việc, rất ngại đi chơi vì mất thu nhập mà còn tốn tiền. Nếu thay đổi nhận thức rằng, đi du lịch là dịp cả nhà được thư giãn, nghỉ ngơi, là dịp cha mẹ, con cái gặp gỡ, tiếp xúc chăm sóc, chuyện trò, thể hiện sự thương yêu lẫn nhau, thắt chặt tình cảm gia đình thì sẽ thấy nó thật cần thiết.

Trong xã hội hiện đại, người cao tuổi thường ít sống cùng con cháu. Cách chăm sóc, phụng dưỡng ông bà cha mẹ cũng thay đổi nhiều. Con cháu nếu có tâm thì dù khó khăn như thế nào cũng sẽ tìm ra cách thức phù hợp như thường xuyên thăm hỏi, chuyện trò với ông bà, cha mẹ qua điện thoại, mạng internet, viết thư, phân công chăm sóc khi ông bà, cha mẹ ốm đau.

- *Những điều nên tránh khi giao tiếp trong gia đình*

Lời nói thô tục, chửi thề, dùng tiếng lóng, nói năng hỗn xược với người trên.

Cách nói chỉ trích, trách cứ, chê bai, nói băng quơ, ám chỉ, “Mượn gió bẻ măng”, nói bỏ lửng, cướp lời, định kiến, áp đặt...

Thái độ coi thường, ra lệnh, quá xuề xòa, thiếu nghiêm túc hoặc quá nghiêm nghị khi không cần thiết, lạnh lùng, xa cách, ra vẻ bề trên, hiểu biết mọi điều, kiến thức sâu rộng.

Cử chỉ suông sã quá mức, ánh mắt soi mói, nghi ngờ.

Thông tin sai sự thật, hoặc nói khác đi để né tránh những vấn đề nhạy cảm mà không đủ thông tin chuẩn để diễn đạt.

2.3.4.2. *Ứng xử trong gia đình*

* Nguyên tắc ứng xử trong gia đình

Tùy theo vai trò, lứa tuổi, mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể trong cuộc ứng xử mà các nguyên tắc được vận dụng phù hợp trong đời sống gia đình.

- *Tôn trọng*: Giữ tôn ti trật tự trong gia đình, lắng nghe và dân chủ bàn bạc việc chung của gia đình, dùng lời ngọt ngào, tử tế để nói với nhau. Hiếu kính với tổ tiên, ông bà cha mẹ, thể hiện sự trân trọng cội nguồn, người sinh thành. Với bạn đời thì “Kính nhau như khách”. Với con trẻ phải công bằng, không áp đặt, tránh trừng phạt thân thể hay nhục mạ. Tôn trọng là góp ý, giáo dục, nâng đỡ tinh thần khi có sai trái chứ không làm tổn thương người khác.

- *Bình đẳng*: Không phân biệt đối xử, mọi thành viên gia đình đều có cơ hội để phát triển (học hành, chăm sóc, sức khỏe, lao động phù hợp năng lực, ..). Chăm lo cho sự phát triển của phụ nữ và trẻ em gái. Phân công hợp lý việc nhà, giáo dục phận sự xây dựng gia đình cho mọi thành viên. Vợ chồng cùng chăm sóc nuôi dạy con cái và có quyền ngang

n nhau trong việc quyết định chuyện gia đình, không chia đôi số việc mà đảm nhiệm theo thiên chức, năng lực.

- *Yêu thương*: Tình yêu thương sẽ là cơ sở hình thành đức hy sinh, tấm lòng thủy chung, trái tim nhân hậu, con người nhờ đó mà sống có tâm, có nghĩa, có tình để thấu cảm, chia sẻ nỗi khó khăn với người thân, sẵn sàng tha thứ cho nhau... Đó là cơ sở để hóa giải những bất đồng trong gia đình, dòng họ.

- *Đoàn kết*: Đoàn kết là nguyên tắc bảo vệ sự bền vững và phát triển của gia đình. “Chị ngã, em nâng”. Cần có sự đùm bọc, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau của các thành viên trong gia đình, thân tộc. Sức mạnh của gia đình, cộng đồng chính là tình đoàn kết. Ngày nay, với chính sách gia đình ít con, càng phải phát huy tình đoàn kết trong gia đình, họ hàng, thân tộc để “Góp gió thành bão”, tương trợ lẫn nhau khi hữu sự, lúc khó khăn:

“Anh em như thể chân tay,
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần”

- *Kính trên, nhường dưới*: Kính trên là sự trọng vọng, ân cần đối với ông bà, cha mẹ, người cao tuổi trong gia đình, thân tộc được thể hiện qua xưng hô chuẩn mực, chào mời lễ phép. Có khách đến thăm nhà, con trẻ phải chào hỏi lễ phép, giữ gìn tôn ti trật tự, biết gọi dạ, bảo vâng. Nơi công cộng phải tôn trọng người cao tuổi, như đỡ đần việc nặng, nhường ghế trên tàu xe, nói năng lễ phép. Nhường dưới là sự bao dung, nương nhẹ, vì nghĩa tình của người có thứ bậc, tuổi tác cao hơn đối với người dưới, là cách đối xử, nâng niu, dạy dỗ, chăm sóc đối với con trẻ; là sự nhường nhịn của anh chị với em út trong nhà.

*Kỹ năng ứng xử trong gia đình

+ Ứng xử trong quan hệ vợ chồng

Quan hệ vợ chồng là mối quan hệ cơ bản, chủ yếu trong việc xây dựng, gìn giữ, bồi đắp hạnh phúc gia đình. Cả hai người đều quan trọng, “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”. Sự tiến bộ trong nhận thức xã hội về quyền bình đẳng khiến cho địa vị người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội đã thay đổi rất nhiều. Người chồng cần tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ gánh nặng công việc gia đình với vợ nhiều hơn, tạo điều kiện cho vợ tham gia các hoạt động xã hội, học tập, phát triển. Vợ chồng mong muốn thuận ý, thuận tình để “tát biển Đông cũng cạn”, cần lưu ý những điều rất đáng quan tâm trong ứng xử như:

- Thấu hiểu, cảm thông và hỗ trợ nhau, trong công việc cũng như đời sống, kinh tế, quan hệ gia đình, xã hội,... nhằm giải tỏa cho nhau những áp lực về tâm lý. Chia sẻ việc nhà để giữ gìn sức khỏe, sự thanh thản ở người bạn đời, nhờ đó gia đình êm ấm, tránh những xung đột, đôi khi dẫn đến bạo lực giữa vợ chồng. Thấu hiểu, cảm thông nhiều bao nhiêu thì phải sẵn lòng tha thứ nếu có những sự cố xảy ra giữa vợ chồng:

Chồng giận thì vợ làm lành,
Miệng cười chum chim răng: Anh giận gì?

- Phải kiên định, thống nhất ý kiến. Thành ngữ có câu: “Một trăm cái lý, không bằng một tí cái tình” với ý muốn chỉ ra rằng ai cũng có lý lẽ, tuy nhiên nếu cố chấp dễ dẫn đến đối kháng. Trên hết vẫn là sự thấu hiểu, cảm thông nhau. Vợ chồng nếu lấy sự hòa thuận để đối xử sẽ tìm được tiếng nói chung:

Chồng giận thì vợ bớt lời,
Cơm sôi bớt lửa, mấy đời cơm khê.

Tuy nhiên, có những bất đồng cần có thời gian để người kia thuyết phục bạn đời của mình về một vấn đề quả thật chính đáng, có ích lợi cho gia đình. Có khi phải khéo léo chứng minh bằng kết quả cụ thể.

- Hãy biểu lộ tình yêu. Một món quà, một lẵng hoa cho ngày sinh nhật, một ánh mắt, cử chỉ yêu thương hay một không gian, thời gian riêng cho vợ chồng... thể hiện tình yêu của mình với người bạn đời. Cuộc sống gia đình bộn bề công việc, nỗi lo toan, tuổi tác,... tạo ra rào cản tâm lý để biểu lộ tình yêu giữa vợ chồng. Cho nên biểu lộ tình yêu với nhau là rất cần thiết để đôi bên cảm nhận hạnh phúc mà giữ gìn sự chung thủy với nhau ngay cả trong những hoàn cảnh ngặt nghèo:

Nước mắt lặn vào trong cho anh thấy nụ cười
Bệnh tật lo toan giấu vào đêm trắng
Giữa tháng ngày trĩu nặng
Em đứng thẳng người
Cho anh tựa vào em!

- Tôn trọng cá tính của nhau. Vợ chồng là một đôi nhưng là hai cá thể, có khi rất tâm đầu ý hợp nhưng có khi có những khác biệt về vốn sống, sở thích. Không vì sống chung mà buộc có sự thay đổi hoặc lệ thuộc hoàn toàn, vì như vậy sẽ dẫn đến mâu thuẫn, xung đột và dần sẽ làm mất mát tình cảm vợ chồng. Hãy dành cho nhau những phút giây, khoảng trời riêng để thỏa mãn sở thích, tâm tình riêng.

- Luôn dành cho nhau những lời ngọt ngào. Ngay cả lúc bất đồng quan điểm cũng phải thận trọng suy nghĩ kỹ trước khi nói. Lời nói cay nghiệt tạo sự tổn thương cho bạn đời và mất mát tình cảm, đôi khi khó nhìn mặt nhau:

Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

Nếu có lúc nóng giận, lỡ lời hãy chân thành xin lỗi và đừng bao giờ lặp lại lỗi lầm đó. Ngược lại vợ hoặc chồng hãy rộng lòng tha thứ cho người bạn đời của mình vì tình yêu, vì gia đình của mình.

- Chủ động giải quyết mâu thuẫn. Trong gia đình có nhiều nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như: cách nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình khó khăn, ứng xử chưa tốt với bạn đời hay cha mẹ hai bên, không hiểu công việc, mối quan hệ xã hội của nhau, ... dẫn đến bất đồng quan điểm, ngờ vực, hiểu lầm,... Nếu muốn gìn giữ tình yêu, mối quan

hệ vợ chồng tốt đẹp, gìn giữ mái ấm gia đình mà vợ chồng đã dày công xây dựng và vì con cái thì phải chủ động giải quyết mâu thuẫn. Cần phải:

Lựa chọn thời điểm giải quyết thích hợp.

Đặt vấn đề nhẹ nhàng, tôn trọng, không xúc phạm, chỉ trích.

Bàn việc nào giải quyết đúng việc đó, không nên dây dưa nhiều việc, nhiều người.

Công bằng trong phân tích sự việc, lỗi lầm, sơ suất với mục đích nhận ra cái sai và sửa sai. Nếu có lỗi, hãy chân thành xin lỗi.

Chủ định cách giải quyết vấn đề theo nguyên tắc hòa thuận, yêu thương, tôn trọng vì sự phát triển bền vững của gia đình.

Dừng cuộc nói chuyện nếu thấy đôi bên tâm lý bất ổn.

Có người khi nói thường không làm chủ được tình cảm, tâm lý dễ để câu chuyện thoát khỏi sự quản lý, dẫn đến thất bại. Hãy tìm một biện pháp khác để trao đổi thông tin, trình bày những suy nghĩ mong muốn giải quyết mâu thuẫn của mình như viết thư. Người viết sẽ thận trọng chọn lọc thông tin, lời lẽ thiện chí để trình bày vì thư có thể được sửa lại nhiều lần trước khi gửi.

+ *Ứng xử trong quan hệ cha mẹ và con cái*

Trong tâm thức của người Việt, vốn quý giá nhất của cha mẹ chính là con cái. Cha mẹ phải có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tư cách con từ tám bé đến khi trưởng thành. Vì vậy, quan hệ giữa cha mẹ và con cái rất thiêng liêng, bao hàm mối quan hệ sinh thành, dưỡng dục, là sự nối tiếp giữa hai thế hệ “Cha truyền, con nối”. Con cái yêu kính và biết cha mẹ đã dành cả đời cho mình nhưng thường chỉ khi “Có con mới biết lòng cha mẹ”, lúc đó mới hiểu nỗi gian nan, khổ cực của cha mẹ vì mình mà nghiệm được đức hy sinh vì con của bậc làm cha mẹ.

- *Cha mẹ ứng xử với con cái*

Bình đẳng giới và quyền trẻ em là những giá trị nhân văn được xã hội, gia đình đồng thuận. Cách cư xử của cha mẹ với con cái ngày nay cũng thay đổi nhiều. Yêu thương, tôn trọng, bao dung, độ lượng, đối xử công bằng bình đẳng giữa các con. Dạy con thực hiện bổn phận, trách nhiệm đối với gia đình, xã hội. Theo dõi, giúp con an toàn phát triển trong tuổi vị thành niên, trở thành người lớn. Cha mẹ hãy cư xử theo cách:

Tôn trọng: Tôn trọng nhân phẩm con cái trên cơ sở quyền con người và bình đẳng giới, phát huy năng lực cá nhân của các con. Làm “người bạn” lớn để hiểu con và ngược lại tạo điều kiện cho con hiểu cha mẹ. Cha mẹ cần chú ý xử sự bình đẳng giữa các con tránh những định kiến về giới; khuyến khích, khen ngợi khi con đạt thành tích hoặc làm việc tốt. Con có lỗi, cần dùng lời lẽ chuẩn mực, thái độ nghiêm túc, tấm lòng bao dung để phân tích, chỉ dạy.

Lắng nghe ý kiến và cho phép con tham gia phát biểu, hỏi về những vấn đề liên quan đến bản thân và việc chung của gia đình. Giao nhiệm vụ và tin tưởng vào khả năng, trách

nhiệm của con. Hỗ trợ, giúp đỡ con giải quyết những vấn đề liên quan. “Nhân vô thập toàn”, cha mẹ cũng có lúc làm sai, mắc lỗi. Do vậy, nếu cha mẹ có sai thì cũng phải nhận lỗi. Ngược lại, nếu con mắc lỗi hãy chân thành phân tích, góp ý và tạo cho con những cơ hội để sửa chữa lỗi lầm bản thân. Áp đặt, quy kết dễ dẫn đến coi thường và mất mát tình cảm, sự tôn trọng.

Công bằng. Yêu thương các con như nhau, ưu tiên trẻ nhỏ, chăm lo nhiều hơn đối với con cái tàn tật, khuyết tật. Dành cơ hội như nhau cho các con. Lúc gia cảnh khó khăn, cơ hội cho các con cần phải sắp xếp ưu tiên thì phải bàn bạc, giải thích, vận động để tìm tiếng nói chung.

Mỗi người con là một cá thể đều có mặt mạnh yếu, đừng so sánh các con với nhau, hãy tìm khen những mặt mạnh, những ưu điểm của mỗi người. Chẳng hạn nói “Con khỏe hơn anh con” thì em sẽ có mặc cảm rằng anh giỏi còn mình dốt. Trẻ nhỏ hay xung đột, bất đồng. Đứa lớn hay áp đảo đứa nhỏ, ngược lại đứa nhỏ ỷ thế ưu tiên nên hay lập kế bị oan ức, thua thiệt. Trường hợp cần trách phạt phải hết sức phân minh. Sơ suất trong cư xử để con nhận chịu thiệt thòi sẽ hình thành những tâm lý bất phục, mặc cảm, đối kháng.

Quan tâm. Quan tâm đến tâm tư, tình cảm, các mối quan hệ bạn bè của con. Cần nhắc đáp ứng những mong muốn, đề nghị của con nếu chính đáng; trao đổi giúp con hiểu rõ thông tin và quyết định đúng, nhất là trong giai đoạn phát triển ở lứa tuổi vị thành niên.

Tạo điều kiện, hướng dẫn con tiếp cận thông tin, cơ hội phát triển, cùng con bàn bạc thực hiện kế hoạch bản thân. Giúp con tự chủ, tế nhị tiếp xúc. Động viên, thúc đẩy, nâng đỡ tinh thần giúp con tự tin, nỗ lực khi gặp việc khó. An ủi, cùng con phân tích, tìm nguyên nhân khi thất bại và nuôi dưỡng quyết tâm khắc phục.

Làm gương cho con. Trong gia đình, cha mẹ phải chú ý rèn luyện, tu dưỡng để mình là tấm gương sáng về đạo đức, nhân cách, là điểm tựa tinh thần của con. Đó là cách cư xử vừa thuyết phục, vừa tế nhị lại sâu sắc. Nét uy nghiêm của cha, tình cảm của mẹ mà con cái cảm nhận được là biểu lộ của một chiều sâu cảm phục, trở thành hình ảnh lý tưởng, là thần tượng của con. Cha mẹ dạy con đạo lý ở đời là phải trung tín, thủy chung nhưng lại lừa gạt, sang đoạt, phụ nghĩa vợ chồng,... đó sẽ là những bài học vô nghĩa, đánh mất niềm tin ở con cái. Khi con còn nhỏ ảnh hưởng này có thể làm lệch lạc nhân cách, con cái sẽ không phục, bất đồng, chống đối lại cha mẹ

- *Những điều không nên làm*

Xúc phạm đến nhân phẩm, thân thể con (chửi rửa, nhục mạ, trừng phạt thân thể,...).

Xâm phạm đến những vấn đề riêng tư của con cái, nhất là khi các con còn ở tuổi vị thành niên.

Áp đặt, độc đoán; ngăn cấm các mối quan hệ xã hội của con mà không giải thích.

Nói một đằng làm một nẻo, “Tiền hậu bất nhất”.

Không quan tâm con cái: xao lãng, bỏ rơi, không nói chuyện, không dành thời gian cho con,...

Chiều chuộng quá mức, làm ngơ cho lỗi lầm của con và ngược lại.

- Con cái đối với cha mẹ

Đạo hiếu là truyền thống tốt đẹp, tự hào của dân tộc ta. Cha mẹ là những người có công sinh thành, dưỡng dục con cái. Con được nhận nuôi dù không sinh nhưng cha mẹ có công lao dưỡng dục. Vì vậy, làm con phải biết bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ, thể hiện lòng hiếu kính chăm sóc, phụng dưỡng suốt đời. Theo thời gian, sự biểu hiện của đạo hiếu ít nhiều biến đổi cho phù hợp với xã hội. Chẳng hạn, xưa con có hiếu là không được cãi lời cha mẹ, nên “Áo mặc không qua khỏi đầu” hay “Cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó”. Nay xã hội tiến bộ, không khí dân chủ gia đình khiến cha mẹ cũng lắng nghe con cái, con cái cũng cần thuyết phục cha mẹ với những lý do chính đáng. Xã hội công nghiệp hiện đại, việc phụng dưỡng ông bà cha mẹ cũng có nhiều biến đổi, chẳng hạn vì phải đi làm ăn xa, tách hộ sống riêng và nhiều lý do khác nên khó “sớm viếng, tối thăm”. Về phía cha mẹ, vẫn hết lòng bao dung, thấu hiểu, cảm thông bởi “nước chảy xuôi”, nhưng đôi khi người cao tuổi hay tủi thân, chạnh lòng.

Bốn phận của con cái đối với cha mẹ:

Kính trọng: Giữ lễ trong giao tiếp, nói năng chuẩn mực. Thường xuyên thăm viếng, nói chuyện, hỏi han. Báo cho cha mẹ biết những việc vui mừng trong gia đình. Hỏi ý kiến cha mẹ trong những việc lớn, coi trọng ý kiến của cha mẹ. Mời cha mẹ chủ trì những việc quan trọng, thay mặt gia đình tiếp xúc với ông bà, họ hàng giúp cha mẹ chăm lo hương khói tổ tiên. Tổ chức điều kiện sống, chăm sóc tinh thần khi cha mẹ tuổi cao.

Hiếu thảo: Còn bé: Học hành chăm chỉ, thực hiện bốn phận trong gia đình (phụ giúp cha mẹ việc nhà, việc sinh kế - nếu gia cảnh khó khăn, chăm sóc em út); chăm sóc, hỏi han khi cha mẹ ốm đau; anh chị em hòa thuận để cha mẹ vui lòng; cùng cha mẹ thực hiện việc phụng dưỡng ông bà.

Khi trưởng thành: Phụng dưỡng cha mẹ khi sống chung. Hiểu những khó khăn về sức khỏe, tâm tính của người cao tuổi như hay tủi thân, chạnh lòng, đãng trí,... để thương yêu cha mẹ hơn. Chăm lo giấc ngủ, bữa ăn, thiết kế nơi ở phù hợp cho cha mẹ. Nếu ở riêng nên phụ giúp cha mẹ về tiền bạc; tham gia đóng góp công sức vào việc lớn của gia đình mà cha mẹ phải chủ trì như cưới xin, tang, giỗ; thực hiện những điều cha mẹ mong muốn. Anh chị em trong gia đình cần bàn bạc, tìm cách giải quyết khó khăn liên quan đến cha mẹ.

Tu dưỡng bản thân, xây dựng gia đình riêng hạnh phúc để cha mẹ tự hào. Giữ gìn sự đoàn kết trong anh chị em, cùng dạy cháu con hiếu thảo, thuận hòa để cha mẹ vui sống. Cùng cha mẹ chăm lo mồ mả tổ tiên, quan tâm đến dòng họ. Cùng anh chị em chu toàn việc hậu sự khi cha mẹ qua đời.

+ Ứng xử trong quan hệ giữa cha mẹ chồng/vợ và con dâu/rể

Ngày nay, với sự tiến bộ xã hội về bình đẳng giới và vị thế ngày càng cao của người phụ nữ trong nhiều lĩnh vực xã hội,... đã dẫn đến nhiều thay đổi trong quan hệ cha mẹ

vợ/chồng với con dâu hoặc con rể. Quan niệm “Dâu là con, rể là khách” ở nhiều gia đình đã được ứng xử rất tiến bộ, là sự tôn trọng, thương yêu, là sự đầu tư cho hạnh phúc gia đình riêng của hai con. Nhiều gia đình cha mẹ đôi bên đã xem dâu, rể thật sự là con của mình. Ngược lại, nhiều dâu hiền, rể thảo đã không có sự phân biệt đối xử giữa hai bên gia đình bởi ai cũng mong muốn được tôn trọng thương yêu và được yêu thương.

Trong thực tế vẫn còn tình trạng cư xử chưa tốt giữa mẹ chồng – nàng dâu và ngược lại ở một số gia đình, khiến cho gia đình chung không hạnh phúc, cuộc sống, tình yêu của đôi vợ chồng trẻ chịu nhiều bão táp. Có thể có rất nhiều nguyên nhân, lý do, trong đó có việc đối xử với nhau chưa thật tốt.

- Mối quan hệ giữa cha mẹ chồng và con dâu

Người đời vẫn cho rằng mối quan hệ giữa mẹ chồng và nàng dâu là quan hệ khó nhất. Vì từ trong nhận thức của mẹ chồng rằng con dâu là nguyên nhân tất yếu để con trai không còn dành hết tình cảm cho mẹ. Cũng có thể do mẹ chồng đã từng làm dâu trong hoàn cảnh khắc nghiệt, nay khi đã là mẹ chồng, bà không có cách ứng xử nào khác. Tình cảnh đó đôi khi là một thử thách lớn. Sự chủ động cư xử tốt với mẹ chồng của nàng dâu là rất cần thiết để tạo mối quan hệ tốt đẹp.

+ Cách ứng xử cần có của con dâu đối với mẹ chồng:

Coi trọng giá trị và địa vị của mẹ chồng: biết lắng nghe, xin ý kiến và học tập những kinh nghiệm điều hành gia đình của bà. Tìm hiểu, ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của mẹ trong cuộc sống, nuôi dạy con, xây dựng và gìn giữ gia đình. Vui vẻ tiếp nhận sự giúp đỡ thiện chí của mẹ chồng.

Hiếu kính với mẹ chồng: Thể hiện tình cảm và cử chỉ chăm sóc mẹ chồng, chia sẻ nỗi lo toan. Luôn giữ thái độ lễ phép, không nói năng vô lễ làm tổn thương tình cảm giữa mẹ con và gia đình. Phải yêu kính mẹ chồng như mẹ của mình:

Phải đâu mẹ của riêng anh
Mẹ là mẹ của chúng mình đấy thôi
Mẹ tuy không đẻ không nuôi
Mà em ơn mẹ suốt đời chưa xong...
...
Chắt chiu từ những ngày xưa
Mẹ sinh anh để bây giờ cho em.

Giữ gìn nề nếp gia đình: học tập nếp ăn, nếp ở của gia đình chồng để xử sự phù hợp. Thể hiện sự chăm chỉ và chu toàn việc nhà, làm tốt việc xã hội khiến mẹ chồng hãnh diện. Cùng bàn bạc, xin ý kiến mẹ về những chi tiêu kinh tế trong gia đình.

- Mối quan hệ giữa cha mẹ vợ và con rể

Ngày nay, mối quan hệ giữa cha, mẹ vợ và con rể ở nhiều gia đình rất tốt đẹp. Vẫn với ý tưởng “rể là khách” nhưng cha mẹ vợ cũng rất thương yêu và coi trọng chàng rể, vì

đó là người quan trọng đối với con gái mình. Về phía chàng rể, cha mẹ vợ cũng rất quan trọng trong việc giúp đỡ, chăm sóc tinh thần đối với gia đình mình. Xưa nay vẫn có câu “Tiến về nội, thoái về ngoại”.

+Về phía cha mẹ vợ:

Cha mẹ vợ tốt là người khéo léo giúp đỡ, hỗ trợ cho con gái mình như một nhà tư vấn hướng dẫn kinh nghiệm sống, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc, bổn phận làm dâu, làm vợ, làm mẹ, nhắc nhở dạy bảo con mình giữ gìn đạo nghĩa vợ chồng, thủy chung và hiếu thảo.

Cuộc sống vợ chồng chắc chắn có những lúc trục trặc “Cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt”, cha mẹ vợ không nên chen sâu giải quyết đôi khi làm ảnh hưởng lớn đến mối quan hệ cha mẹ vợ với con rể, gây đổ vỡ hạnh phúc của con. Cách cư xử như một nhà tư vấn, trọng tài chính trực, khách quan sẽ rất tốt trong mối quan hệ cha mẹ vợ với chàng rể.

+Ứng xử của rể hiền:

Phải chăng thành ngữ “rể là khách” đã ăn sâu vào tâm thức, nên quả thật dù có chủ động và được yêu quý đến đâu, chàng rể xuất hiện ở nhà cha mẹ vợ thường giữ lễ nên vẫn không thoải mái như nhà mình. Tuy vậy, vẫn có những cách ứng xử của rể hiền: thường xuyên thăm hỏi gia đình cha mẹ vợ; giúp công sức khi nhà có việc; cùng vợ chăm lo việc lễ tết cho gia đình cha mẹ; tham dự giỗ chạp tổ tiên ông bà gia đình vợ; thống nhất cùng vợ trách nhiệm tham gia kinh phí phụ giúp cha mẹ vợ thường xuyên hoặc hữu sự. Phụng dưỡng khi cha mẹ vợ sống chung.

+ *Ứng xử trong quan hệ ông bà – cháu*

Quan hệ ông bà – cháu là mối quan hệ có tính chất tiếp nối về huyết thống. Bên cạnh sự thương yêu, kỳ vọng, những khác biệt về tuổi tác, quan niệm sống, đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi tạo nên giữa thế hệ ông bà với thế hệ cháu có những khác biệt nhất định.

Hoàn cảnh sống cũng tác động đối với quan hệ ông bà và cháu. Xu hướng tách hộ, hình thành gia đình hạt nhân ngày càng mạnh và ông bà thường ở riêng nên ít tiếp cận với con cháu. Điều này làm hạn chế sự chăm sóc về tinh thần, hỗ trợ giáo dục lớp con cháu của ông bà. Ngược lại sự chăm sóc đối với ông bà của con cháu, đặc biệt là sự nâng đỡ về tinh thần cũng hạn chế. Về đạo lý, việc chăm sóc phụng dưỡng ông bà, cha mẹ là bổn phận, trách nhiệm của con cháu.

Những điều lưu ý về ứng xử của cháu đối với ông bà: tôn trọng, có thái độ đúng mực, lễ phép, kính trọng, biết ơn đối với ông bà. Thăm viếng, chăm sóc, hỏi han, thông báo về sự tiến bộ của bản thân mình để tạo niềm vui, sự hân diện cho ông bà. Trực tiếp tham gia chăm sóc ông bà khi ốm đau, bệnh tật. Đối với cháu đã thành niên, lập gia đình phải năng đưa chất đến thăm các cụ, tham gia tổ chức lễ mừng thọ ông bà, biếu tiền quà để ông bà

được vui mừng vì qua đó biết rằng con cháu ổn định, ăn nên làm ra nhờ phúc đức tổ tiên, mà ông bà an lòng vui sống.

+ *Ứng xử trong quan hệ anh chị em*

Gia đình xưa thường đông con, các con cùng lứa tuổi. Trong nhà, trẻ em chơi với nhau, có tranh cãi, giành giật đồ chơi, xung đột, hình thành phe phái đánh nhau, lại có lúc bênh vực cho nhau,... Cha mẹ phải xử phạt, rồi dạy dỗ cho các con tình anh chị em, cách làm anh, phận làm em. Nhờ đó trẻ được thực hiện quyền, bổn phận theo vai trò, thứ bậc, tôn ti trật tự trong gia đình, hiểu được sự đoàn kết, tình thương yêu, biết chia sẻ, nhường nhịn lẫn nhau.

Ngày nay, đa số gia đình chỉ có một hoặc hai con, sống ở đô thị, hầu hết thời gian của trẻ dành cho học hành, thời gian rỗi thì tiếp cận các phương tiện giải trí như ti vi, trò chơi điện tử, giao tiếp qua mạng internet. Vì vậy, sự giao tiếp giữa anh chị em rất hạn chế, nếu là con một thì không có mối quan hệ giao tiếp này. Trẻ em được học ở trường, về nhà cha mẹ có dạy bảo, nhắc nhở nhưng ít hoặc không được trải nghiệm thực tế trẻ sẽ không hiểu biết ứng xử tốt trong mối quan hệ anh/chị/em.

Vậy, nên chăng ngày nay các bậc cha mẹ trẻ nên chủ động mở ra cơ hội giao tiếp ứng xử cho các con trong mối quan hệ anh chị em họ hàng như cây cùng một cội. Từ đó, hình thành mạch liên lạc giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm sống và chia sẻ, giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn, là điều kiện để tạo quan hệ tình cảm yêu thương gắn bó và xây dựng truyền thống đoàn kết của gia đình, thân tộc. Dù là mối quan hệ huyết thống hay được nhận nuôi, anh chị em trong gia đình, họ hàng đều cần được giáo dục cách ứng xử đoàn kết, thân ái. Đó là:

Hòa thuận. Thương yêu, thấu hiểu, giáo dục lẫn nhau, nương tựa vào nhau, không bắt hòa sinh chia rẽ, góp ý, thuyết phục, lắng nghe, thẳng thắng phê bình và tự phê bình, không gây bạo lực tinh thần, thể chất đối với nhau, không lừa dối lẫn nhau.

Tôn trọng. Thân kính đối với anh, chị, bao dung đối với các em, giữ gìn sự bình đẳng, coi trọng lẫn nhau giữa anh, chị, em khác phái (nhất là ở lứa tuổi vị thành niên). Tế nhị đối với những vấn đề riêng tư (khi anh, chị, em thành niên hoặc đã lập gia đình).

Hợp tác. Cùng hợp sức để xây dựng gia đình, thân tộc, chăm lo phụng dưỡng ông bà cha mẹ, giải quyết việc chung của gia đình. Biết lắng nghe, chia sẻ ý kiến, kinh nghiệm, kỹ năng sống, hỗ trợ lẫn nhau không mưu lợi.

Tương trợ. Hướng dẫn nhau trong học hành, chia sẻ việc nhà theo khả năng (lúc còn bé). Lúc hữu sự, khó khăn kịp thời phối hợp, trợ giúp, biết nhường cơm, sẻ áo cho nhau. Đồng cảm chia sẻ nỗi đau thương, động viên tinh thần, hun đúc ý chí lẫn nhau./.

2.3.5. Bữa cơm gia đình Việt Nam hiện đại

“Sự tan rã của gia đình thường bắt đầu từ sự tan rã của bữa ăn gia đình truyền thống” (Gs. Từ Giấy). Quá trình đô thị hóa với những lợi ích thiết thực dễ làm mọi người quên đi nhiều giá trị truyền thống, trong đó có bữa cơm gia đình.

Bảng so sánh quan niệm người già và người trẻ về

bữa cơm gia đình trong xã hội hiện đại

Tiêu chí	Quan niệm người già	Quan niệm người trẻ
Thời gian	Mỗi ngày ba bữa, có thể một bữa tối nếu quá bận, thời gian cố định.	Mỗi tuần vài ba lần, có thể một lần vào ngày cuối tuần nếu quá bận, thời gian có thể xê dịch.
Thành viên	Đầy đủ thành viên	Có thể thiếu thành viên.
Ý nghĩa	Gắn kết thành viên, tài trợ đảm đang, giữ gìn hạnh phúc	Giữ gìn hạnh phúc cho gia đình nhưng khá tốn thời gian.
Người nấu ăn	Chủ yếu là phụ nữ	Cả hai vợ chồng thay nhau nấu nếu rảnh.
Tầm quan trọng	Rất quan trọng	Quan trọng, nhưng có thể đi ăn ngoài thường xuyên nếu bận việc.
Giải pháp	Tìm cách giữ gìn, phát huy	Giữ gìn nhưng có sự thay đổi đi.

Nhịp sống hiện đại và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống, đây là một quá trình tự nhiên và theo quy luật, nó có lợi nhiều hơn có hại. Nhưng, mọi vấn đề luôn có hai mặt của nó, tích cực và tiêu cực, và ở đây ta sẽ xét mặt tiêu cực của quá trình này tới bữa cơm gia đình.

Ảnh hưởng đô thị hóa tới môi trường tự nhiên: Không gian tự nhiên dần dần bị thu hẹp, thay vào đó là nhà cửa san sát, không còn khoảng không gian dành cho mảnh vườn, ao cá của gia đình. Chính vì mất khoảng không gian đó mà người dân đô thị phải lệ thuộc hoàn toàn vào giá cả hàng hóa. Nhà ở đô thị chỉ để ở mà không thể nuôi trồng được gì, họ không có cách nào khác là sáng sáng phải đi chợ. Do đó, cũng dễ dẫn đến tình trạng cung không đủ cầu, giá cả biến động thất thường, rau không sạch, thịt cá bị bệnh, ảnh hưởng đến chất lượng vệ sinh của bữa ăn.

Ảnh hưởng tới môi trường xã hội: Xã hội đô thị hóa là xã hội cạnh tranh khốc liệt, trên tất cả các lĩnh vực. Để tồn tại được trong một xã hội bon chen như thế, đòi hỏi con người phải tìm mọi cách thích nghi với nó, bằng cách làm việc quên thời gian và tìm cách học tập nâng cao trình độ mỗi khi có thể. Một môi trường mà các giá trị truyền thống tạm thời nhường chỗ cho sự phát triển và hiện đại hóa trên mọi phương diện. Con người ngày càng bận rộn, không còn thời gian vun đắp cho tình cảm gia đình, hướng chỉ là một bữa cơm gia đình nhỏ. Quỹ thời gian dành cho gia đình ngày càng khan hiếm. Nếu bắt người ta đứng trước sự lựa chọn giữa thời gian đi ăn ngoài và học thêm (hoặc mở rộng quan hệ làm

ăn) với việc nấu cơm phục vụ gia đình, quây quần bên nhau thì có lẽ cán cân đó cũng khá lệch, nhiều người sẽ chọn nâng cao trình độ của mình, thành công trong công việc trước, rồi mới lo vun đắp gia đình, nhưng như thế có khi là quá muộn.

Quá trình đô thị hóa cũng có ảnh hưởng nhiều đến nhận thức của người dân: hình thành ba quan niệm chính về việc giữ hay không bữa ăn gia đình truyền thống: giữ gìn bữa cơm gia đình, phương Tây hóa bữa cơm gia đình và cải biến bữa cơm gia đình.

Quan niệm giữ gìn bữa cơm gia đình: Những năm gần đây, do có nhiều biến động trong đời sống ở thành thị cũng như nông thôn bởi những thay đổi quá nhanh về kinh tế và xã hội, nên quan niệm truyền thống về bữa cơm gia đình của người Việt đã có nhiều biến đổi. Nhiều gia đình đã tan vỡ cũng bởi chỉ đơn giản từ việc không coi trọng bữa cơm gia đình truyền thống. Bữa cơm gia đình truyền thống cần gìn, xóa bỏ hay cải biến là điều cần phải suy tính; nhưng ở đây, chúng ta đều thấy rõ: một khi giá trị truyền thống bị biến đổi do nguyên nhân chủ quan hay khách quan, nó sẽ dẫn đến những biến động làm lung lay nhiều giá trị đích thực đã được hình thành, tồn tại từ ngàn xưa.

Quan niệm phương Tây hóa bữa cơm gia đình: Thời hiện đại bây giờ nhiều người không chú trọng đến bữa cơm gia đình nữa. Nhiều khi cả tuần liền bố mẹ không ăn chung với con cái bữa cơm nào. Trọng trách của phụ nữ hiện đại bây giờ cũng nặng nề với đủ mọi lo toan trong cả “đôi nội” lẫn “đôi ngoại” không thua kém gì so với nam giới. Thời gian người phụ nữ có mặt ở nhà ngày càng ít dần đi khiến mọi người đều cảm thấy dường như ăn cơm ngoài là tốt nhất. Cuộc sống bận rộn với bộn bề công việc đã khiến nhiều người vô tình hoặc cố ý quên đi hương vị của những bữa cơm gia đình. Người ta cho rằng: Ăn ở đâu mà chẳng được, miễn sao nạp đủ năng lượng để tái sản xuất sức lao động

Cuộc sống công nghiệp hiện nay đã có sự tác động rất lớn đến tổ chức đời sống gia đình, và tất cả các thành viên trong gia đình dù muốn dù không cũng bị cuốn theo quỹ đạo của nó. Dù nhiều người không đồng tình với cách mà các thành viên khác trong gia đình đầu tư hết mình cho công việc và dành rất ít quỹ thời gian cho cuộc sống gia đình thì công việc và bộn bề lo toan vẫn cứ níu lấy họ theo một quy luật không thể cưỡng lại.

Quan niệm vừa duy trì vừa cải biến bữa cơm gia đình: Trước kia, trong rất nhiều gia đình thường có những quy định như: Đến bữa ăn, vào đúng vào giờ đã định, bất kể công việc bận rộn thế nào, các thành viên trong gia đình phải có mặt đông đủ, bởi: “Người đi không bực bằng người chực nồi cơm!”. Song, ngày nay, quy định ấy đã dần trở nên “lỗi thời”. Mỗi người mỗi việc khác nhau, giờ giấc đang chéo không theo bất cứ quy luật nào. Thế cho nên, mỗi gia đình đều có cách điều chỉnh hợp lý riêng, nhưng nhìn chung nhóm muốn bảo hòa giữa đời sống đô thị hóa và nếp ăn cơm truyền thống là có thể một tuần tổ chức 2-3 bữa cơm gia đình, và không nhất thiết là phải đầy đủ tất cả các thành viên trong gia đình.

** Giá trị văn hóa của bữa cơm gia đình và giải pháp giữ gìn bữa cơm gia đình*

- Bữa cơm gia đình có phải là một giá trị văn hóa cần giữ gìn hay không? Có lẽ, ai đã từng được nếm được vị ngọt ngào của cảnh gia đình sum họp, không thể trả lời không được. Bữa cơm mang giá trị văn hóa to lớn, chính bởi nó do con người tạo ra, là một giá trị vật chất nhưng chứa đựng tình thương yêu và mang chức năng gắn kết mọi thành viên trong gia đình lại với nhau. Ăn uống là một trong những nhu cầu tối quan trọng của đời sống con người, con người cần ăn, thở để tồn tại. Nhưng, khác xa với con vật, ăn uống của con người còn là một hành động mang tính văn hóa chứ không chỉ dừng lại ở bản năng sinh tồn. Bữa ăn gia đình và đặc biệt là bữa ăn gia đình nhiều thế hệ là một môi trường văn hóa, một không gian văn hóa thể hiện một quá trình tiếp nối và bảo lưu văn hóa khá độc đáo của người Việt. Ở đây, mọi yếu tố văn hóa không chỉ chuyển tải trong chuyện ăn gì mà còn luôn luôn được gìn giữ trong khuôn phép cổ truyền, một lối ăn theo trật tự truyền thống

Khi ăn cùng nhau, mỗi một cá nhân sẽ hiểu được mình là một bộ phận không thể tách rời với những thành viên còn lại trong gia đình, bởi khi bữa ăn mà thiếu đi một thành viên (nhất là những gia đình trẻ) thì không khí sẽ thiếu đi sự ấm cúng vốn có. Trong một bữa cơm, khi đã có mặt đầy đủ các thành viên trong gia đình, người nhỏ tuổi bao giờ cũng phải mời người lớn tuổi hơn trước khi dùng cơm, điều này thể hiện phép lịch sự tối thiểu trong giao tiếp. Ở các nước phương Tây, các thành viên trong gia đình tuy ngồi ăn chung nhưng mỗi người có một suất riêng; còn trong gia đình người Việt, thức ăn được dọn lên trong cùng một mâm với đủ loại món ăn, và mọi người có quyền ăn theo sở thích. Chính vì ăn chung nên các thành viên trong gia đình lại có dịp thể hiện sự quan tâm lẫn nhau như nhường nhau món ăn ngon hay gấp thức ăn cho nhau. Trong đó, thành viên lớn tuổi nhất bao giờ cũng được những thành viên còn lại ưu tiên gấp cho những miếng ngon để thể hiện thái độ tôn trọng và yêu quý.

Bữa ăn của người Việt không chỉ mang tính chất gia đình khép kín mà còn là nét đẹp văn hóa giữa người với người trong xã hội. Mời khách một bữa cơm gia đình thân mật vừa thể hiện được tấm lòng gia chủ, vừa chứng tỏ tài đảm của người nấu ăn. Bữa ăn không chỉ đơn thuần là cuộc vui mà còn thể hiện tấm lòng hiếu khách. Mỗi khi có dịp tổ chức ăn uống, gia đình nào cũng làm những món thật ngon để mời mọi người. Khách tới nhà ăn, người phụ nữ sẽ được dịp trở tài khéo léo để chồng hãnh diện. Một điều rất tế nhị và lịch sự là chủ nhà không bao giờ ngừng ăn khi khách vẫn còn đang dùng bữa. Nếu khách dùng bữa, chủ nhà bao giờ cũng có lời mời khách ăn thêm.

Đó là những nét văn hóa đặc trưng của người Việt Nam mà trong thời buổi kinh tế hội nhập chúng ta cần phải gìn giữ và trân trọng. Nếu những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc bị mất đi có nghĩa chúng ta cũng đang tự đánh mất mình.

- Nếu không phải nấu ăn thì gia đình sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian hơn, các thành viên cũng có thể chủ động giờ giấc, tập trung lo cho sự nghiệp, học hành và dành

nhiều thời gian để tâm sự, vui chơi với nhau hơn. Đó là những cái lợi trước mắt, còn cái hại của việc mất đi bữa cơm gia đình là như thế nào? Nguyên nhân tại sao bữa cơm gia đình dần dần không còn được chú trọng và quan tâm? Trước đây, dù bận rộn cách mấy các thành viên trong gia đình cũng cố gắng gặp nhau vào bữa ăn trưa và ăn tối. Nhưng hiện nay, một bữa ăn tối trong ngày có đủ mặt cả gia đình không còn là điều dễ dàng nữa. Điều họ quan tâm là kiếm tiền, tạo dựng sự nghiệp, vun đắp cho cuộc sống gia đình đầy đủ chứ không quá chú trọng đến bữa ăn như: ăn ở đâu, ăn vào lúc nào. Và, sau giờ làm, nhiều ông chủ gia đình còn phải lai rai với bạn bè, tạo quan hệ xã giao cho công việc được thuận tiện hơn. Ngoài ra, ngày càng có nhiều quán ăn sẵn sàng phục vụ mọi nơi mọi lúc cho đủ các tầng lớp trong xã hội, từ cơm bụi, cơm vỉa hè, cơm hộp cho đến cơm văn phòng, cơm nhà hàng... nên càng khiến con người dần xa bếp lửa gia đình.

Trong thời gian gần đây, ở các đô thị, điều kiện kinh tế và đời sống của nhân dân ta đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực. Mức sống người dân được nâng lên, nhưng quỹ thời gian của mỗi người thì lại ngày một eo hẹp dần. Để đáp ứng nhu cầu thực tế, nhiều hàng quán đã mọc “như nấm” với đủ loại thực phẩm chế biến sẵn. Hầu hết các loại thức ăn này nhìn bề ngoài rất hấp dẫn, nhưng giá trị dinh dưỡng thường nghèo nàn, các món ăn lặp đi lặp lại hoặc đôi khi không đảm bảo vệ sinh hay quá nhiều dầu mỡ, không tốt cho sức khỏe. Quá trình đô thị hóa với thức ăn fastfood đã không ít thì nhiều làm tăng các bệnh béo phì, tim mạch, ung thư, tiểu đường... Chính vì vậy, các gia đình ít nhất nên cố gắng duy trì bữa ăn tối với các món ăn ngon truyền thống dân tộc, phối hợp nhiều loại thực phẩm đảm bảo giá trị dinh dưỡng và hợp vệ sinh.

- Khi ta thấy không còn thời gian dùng cơm với gia đình, ít nhất là bữa tối, có nghĩa là chúng ta đã quá bận. Sự “quá bận” đó dù muốn dù không cũng có thể làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Chính vì vậy, ngoài việc dành thời gian cho công việc, học hành, tạo lập các mối quan hệ, thì gia đình và bữa cơm gia đình cũng nên được ta dành sự quan tâm một cách hợp lý:

Chúng ta nên đa dạng hóa bữa cơm, tránh sự lặp đi lặp lại nhàm chán vài món ăn và đặc biệt chỉ trò chuyện với nhau về những chủ đề “trung lập” nhẹ nhàng, không nên khơi gợi hay bàn luận những gì có thể đưa đến mâu thuẫn, tranh cãi trong các thành viên. Cũng không nên trách mắng hay dạy dỗ con cái trong bữa ăn, vì khi ăn ai cũng cần thoải mái và vui vẻ. Dù bữa ăn có là thời gian hiếm hoi quý báu mà các thành viên trong gia đình họp mặt đông đủ đi chăng nữa thì cũng không nên tận dụng quỹ thời gian đó để bàn luận những việc có tính chất quan trọng. Trên cơ sở đó, bữa cơm gia đình sẽ mang một không khí ấm cúng, hạnh phúc.

Tất cả các thành viên đều phải có trách nhiệm và quyền lợi tham gia vào việc chọn lựa thực đơn, chuẩn bị và nấu nướng. Đối với trẻ em, chúng ta có thể dạy chúng những bước sơ đẳng trong nấu nướng, chế biến món ăn và cách ăn uống, từ đó nâng lên thành văn

hóa ứng xử trong bữa ăn như cách mời và gắp thức ăn cho người lớn tuổi. Những bài học nhẹ nhàng mang tính thực hành như thế khiến ta dễ dàng uốn nắn trẻ hơn, tạo thành thói quen tốt.

Bên cạnh đó cũng nên tạo không gian ấm cúng, lãng mạn cho bữa ăn gia đình để những thành viên trong gia đình cảm thấy bữa ăn thật sự là một khoảng thời gian hạnh phúc không thể bỏ qua. Và như thế, khi nghĩ về bữa cơm gia đình sau một ngày mệt mỏi, mọi người sẽ mong được về nhà, chỉ đơn giản là tìm một vài phút bình yên...

Cũng nên tạo ra những sân chơi hữu ích như các cuộc thi nấu ăn, kiến thức dinh dưỡng với sự tham gia của tất cả các thành viên trong gia đình, để từ đó định hướng suy nghĩ của giới trẻ về tầm quan trọng của bữa ăn gia đình. Định hướng cho lớp trẻ nhìn nhận vấn đề bữa cơm gia đình trong thời buổi công nghiệp hiện nay một cách thấu đáo hơn. Lối sống đô thị đang cuốn giới trẻ vào công việc, vào học hành mà quên đi nhiều giá trị truyền thống đáng quý, hãy hướng giới trẻ đến một suy nghĩ mang tính dân tộc, để giá trị văn hóa dân tộc không sớm một chiều mà mai một.

Bữa cơm gia đình ngoài giá trị vật chất vốn có còn mang đến cho các thành viên trong gia đình niềm vui sum họp. Trong giai đoạn chuyển tiếp, dưới tác động của cơ chế thị trường, đặc biệt ở các đô thị, bữa cơm gia đình dần đánh mất vị trí quan trọng vốn có của nó. Các tiệm ăn, hàng cơm xuất hiện ngày càng nhiều trong một xã hội công nghiệp hóa đã dần góp phần làm giảm vị trí bữa cơm trong gia đình.

Những thay đổi của bữa cơm trong quá trình đô thị hóa ngày nay khiến chúng ta băn khoăn giữa vấn đề truyền thống và hiện đại trong việc tổ chức, sắp xếp đời sống gia đình. Hiện đại đến đâu và truyền thống đến chừng mực nào? Bữa cơm gia đình trong quá trình đô thị hóa, giữ hay không giữ, bảo lưu hay tiếp biến, điều này tùy thuộc vào quan niệm của mỗi người, mỗi nhà. Mọi người đều hiểu, có những giá trị truyền thống cần được giữ gìn, thế nhưng giữ gìn như thế nào thì vẫn là một vấn đề nan giải, đòi hỏi nhiều thời gian và ý thức.

“Văn hóa gia đình đang chuyển từ truyền thống sang hiện đại. Song văn hóa gia đình dù hiện đại đến đâu cũng không thể tách rời những giá trị truyền thống, vì đó là điều duy nhất có thể gắn kết những thành viên trong gia đình lại với nhau” - giáo sư Từ Giấy khẳng định.

2.3.6. Biến đổi trong tang ma

Nếu như hôn nhân là bước ngoặt lớn đánh dấu sự khởi đầu giai đoạn dài nhất trong cuộc đời mỗi người thì những nghi thức tang ma lại đặt dấu chấm cho sự tồn tại trần thế. Đám tang vì thế trở thành nghi thức quan trọng nhất trong cuộc đời mỗi người. Đám tang thể hiện nỗi xót thương, tình cảm gắn bó của con người trước nỗi đau mất người thân vĩnh viễn. Tang chế ở mỗi vùng miền không những chỉ mang dấu ấn của kinh tế, của văn hoá truyền thống địa phương mà còn phản ánh mức độ ảnh hưởng, tác động của các yếu tố do

thời đại mang lại. Những biến đổi trong thủ tục, nghi thức tang ma của người Việt trong giai đoạn hiện nay cũng sẽ phản ánh những chiều kích tác động ấy.

Nhìn chung, tang lễ của người Việt hiện nay đang có xu hướng biến đổi tích cực với sự giản lược những nghi thức quá hình thức và có màu sắc mê tín dị đoan nhưng vẫn cơ bản giữ được nguyên ý nghĩa và nghi thức của tang lễ truyền thống. Tang lễ không những chỉ là dịp để con cháu thể hiện hiếu đễ mà còn là dịp gắn kết tình thân trong làng ngoài họ. Sức nặng của truyền thống trong phong tục tập quán rõ ràng là rất cần để các nhà quản lý văn hoá tham khảo để đưa ra những giải pháp khả thi nhằm hướng dẫn việc thực hiện nếp sống mới ở cơ sở.

2.3.7. Biến đổi trong những nghi lễ tôn giáo tín ngưỡng của gia đình

2.3.7.1. Biến đổi trong các hình thức nghi lễ

Đây là nhóm nội dung mà chúng tôi nhận thấy ít biến đổi so với truyền thống. Những sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống trong phạm vi gia đình và cá nhân vẫn được duy trì ở mức rất thường xuyên. Đương nhiên sự thường xuyên này trong mỗi gia đình, cá nhân cũng có khác nhau tùy thuộc tính chất của từng nghi thức.

Số người có tham gia tất cả các sinh hoạt này luôn đạt ở mức trên 2/3 tổng số phiếu điều tra. Niềm tin vào khả năng trợ giúp của các lực lượng siêu nhiên khiến con người tránh được những bất an trong cơ chế thị trường có thể đã là nguyên nhân mang lại diện mạo này cho đời sống tín ngưỡng của các gia đình người Việt. Tính nhất quán của thông tin được tìm thấy rõ nhất trong hoạt động cúng lễ mang tính gia đình điển hình : Giỗ gia tiên. Trong tổng số phiếu phát ra là 1000 có tới 977 phiếu (chiếm 97,7%) khẳng định luôn duy trì đều đặn hoạt động này.

Có thể thấy, những bất ổn trong sự khắc nghiệt của kinh tế thị trường là một nguyên nhân khiến các gia đình tìm đến nhiều hơn với các hoạt động tâm linh tín ngưỡng. Kinh tế thị trường với nhiều ưu điểm và khiếm khuyết đã làm thay đổi nhiều thước đo giá trị nhưng đối với các sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng, cho dù có sự biến đổi thì biên độ dao động cũng không quá lớn để tạo ra những bước chuyển mang tính nhảy vọt so với các chuẩn mực truyền thống.

2.3.7.2. Biến đổi trong vai trò của các thành viên gia đình với nghi lễ

Một điều rất dễ nhận thấy hiện nay là các hoạt động giao tiếp với tổ tiên thần linh trong gia đình cũng đang được chuyển dần sang cho người phụ nữ.

Theo truyền thống, phụ nữ thường chỉ là người chuẩn bị các lễ vật dâng cúng, việc trực tiếp tiến hành nghi lễ phụng thờ thần linh, gia tiên thường là nam, với quan niệm: đàn ông là chủ gia đình mới nên có quyền giao tiếp với tổ tiên, thần linh. Thậm chí, nhiều địa phương còn không cho phép phụ nữ được chuẩn bị những đồ cúng quan trọng. Điều này đang thay đổi trên phạm vi rộng, đặc biệt là ở khu vực đô thị, theo hướng, người vợ không chỉ là người chuẩn bị

mọi nghi thức cúng lễ mà còn trực tiếp là người thấp hương cầu cúng tổ tiên. Quan niệm về vai trò riêng biệt của nam giới trong lĩnh vực này rõ ràng là có nhiều chuyển biến mạnh.

Trong các hoạt động giao tiếp với thần linh, tổ tiên, trẻ em đang dần có xu hướng bị tách khỏi sự ảnh hưởng của các hoạt động mang tính chất gia đình này. Với gia đình người Việt truyền thống, việc tổ chức các hoạt động tâm linh tín ngưỡng luôn gắn liền với ý thức giáo dục trẻ em. Bàn thờ gia tiên thường được đặt ở vị trí trung tâm của gia đình, theo đó, các hoạt động cúng lễ thường thu hút được sự thành tâm của cả nhà. Trẻ em được sống trong niềm tin về một thế giới tâm linh, về sự gần gũi gắn bó của ông bà tổ tiên, về quan hệ nhân quả, về sự hiếu đễ... tất cả sẽ góp phần giáo dục truyền thống gia đình, tạo nên sự gắn kết và giúp trẻ điều chỉnh hành vi theo hướng sống có đức tin. Điều này vẫn đang được duy trì khá phổ biến ở các gia đình người Việt. Tuy nhiên, sắc thái đã có những biến đổi theo hai hướng:

Thứ nhất, với nhiều gia đình, bàn thờ gia tiên và nơi cúng lễ được đẩy lên một khu riêng biệt với quan niệm tôn trọng sự riêng tư của thế giới thần linh. Điều này phù hợp với sự ảnh hưởng của lối sống đề cao cá nhân từ văn hoá du mục, đồng thời phù hợp với điều kiện ngày một khó khăn về diện tích đất sinh hoạt. Các ngôi nhà hình ống ngày một được thay thế những ngôi nhà truyền thống để phù hợp với điều kiện hiện tại. Thế giới thần linh được tách khỏi nơi sinh hoạt chung của gia đình như một sự điều tiết tự nhiên của điều kiện sống. Trẻ em bị tách khỏi môi trường giáo dục đặc biệt này là một điều dễ hiểu.

Thứ hai, việc tổ chức các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng trong phạm vi gia đình lại đang hướng tới những mục tiêu hết sức cụ thể của lối tư duy thực tế. Trẻ em sớm nhận thức được ý nghĩa thực của những nghi thức do gia đình tiến hành. Về bản chất, đó hầu hết là những nghi thức cầu xin tiền bạc, tài lộc, đỗ đạt... Đây là những mong muốn rất cơ bản của con người nhưng rõ ràng nếu thái quá, điều này lại dễ khiến trẻ nhìn nhận các hành vi nghi lễ như một sự hối lộ thần linh. Đó là chưa kể việc gieo vào lòng trẻ em một tư tưởng tiêu cực về sự may rủi. Trước các kỳ thi lớn, đến các trung tâm thờ tự sẽ rất dễ dàng nhận thấy, rất nhiều trong số người đến làm lễ là học sinh. Niềm tin về sự may rủi trong thi cử đã khiến một bộ phận học sinh không tìm đến kiến thức bổ trợ mà tìm đến với niềm tin vào thế giới ngoài con người.

Như vậy, trong các hoạt động tâm linh tín ngưỡng mang tính chất gia đình và cá nhân, người phụ nữ lại đang là người giữ vai trò quan trọng. Ý nghĩa các nghi lễ có những biến đổi nhất định đã khiến trẻ em dần tách khỏi các hoạt động này trong phạm vi gia đình nhưng lại có mặt ngày càng nhiều hơn trong các hoạt động tâm linh tín ngưỡng mang tính cộng đồng, xã hội. Sự thay đổi đó không thực sự có giá trị tích cực đối với vấn đề giáo dục gia đình.

2.4. Cơ hội và thách thức của Văn hoá gia đình Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Với tư cách là một thành tố, một bộ phận trong hệ thống chính trị quốc tế, các quốc gia tham gia hội nhập kinh tế quốc tế (sau đây viết tắt là HNKTQT) không chỉ tùy thuộc vào quốc gia mình mà còn phụ thuộc vào các quốc gia khác. Để tham gia có hiệu quả, bền vững và để bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia phải có sự nhận thức đầy đủ bối cảnh quốc tế, quan hệ quốc tế, đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn của quốc gia mình và am hiểu chính sách đối ngoại của quốc gia khác. Cục diện chính trị quốc tế và khu vực đưa đến những cơ hội quý giá đồng thời cũng xuất hiện những thách thức lớn đối với các nước trong đó có Việt Nam.

Ở nước ta, những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra những thế và lực mới cả bên trong lẫn bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Vị thế Việt Nam ngày càng được củng cố và khẳng định trên chính trường quốc tế và cũng là tiền đề cần thiết cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Quan hệ đối ngoại của nước ta hiện nay với các nước, các tổ chức quốc tế và vùng lãnh thổ được mở rộng hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay xu thế hoà bình, ổn định, độc lập, hợp tác để phát triển là xu thế chung đó chính là thời cơ lớn.

Hiện nay, nước ta đang thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế trong xu hướng toàn cầu hóa. Sự giao lưu mở cửa hội nhập đã đem đến cho gia đình Việt Nam nhiều cơ hội. Gia đình Việt Nam *có điều kiện phát triển kinh tế, giao lưu hội nhập với các nền văn hóa tiên tiến, văn minh của các nước.*

2.4.1. Cơ hội

Gia đình đang là mối quan tâm lớn của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Trong suốt những năm đất nước trải qua chiến tranh, mỗi cá nhân đều xác định được nhiệm vụ với sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vấn đề chăm lo củng cố cho mỗi gia đình hạt nhân chưa được thực sự ưu tiên. Hàng triệu thanh niên lên đường không được nghĩ nhiều về trách nhiệm với gia đình, với cha mẹ, vợ con; các gia đình tiễn con lên đường không nghĩ nhiều về người nối dõi... Gia đình phải hy sinh cho vận mệnh của đất nước. Chính nhiệm vụ ấy đã khiến một thời gian khá dài, kể cả sau khi chiến tranh đã kết thúc, chúng ta không thực sự ý thức được đầy đủ về vai trò của gia đình đối với xã hội cũng như đối với mỗi cá nhân. Thời kỳ bao cấp khó khăn cũng không tạo điều kiện cho mỗi cá nhân được chăm chút quá nhiều đến gia đình. Đó là chưa kể đến việc, trong một thời gian dài chúng ta đã quá cực đoan trong giáo dục thế hệ trẻ về quyền lợi và nghĩa vụ, về quan hệ giữa tổ quốc và gia đình, về sự hủ bại cần cương quyết loại bỏ của tất cả những gì thuộc về phong kiến. Giáo dục gia đình vì thế cũng bị xem nhẹ.

Trong những năm gần đây, trước nhiều biến động xã hội và những lệch chuẩn không thể phủ nhận, gia đình đang thực sự được nhận thức là thành tố quan trọng tạo nên sự ổn định xã hội cũng như là điểm tựa quan trọng nhất đối với mỗi cá nhân. Sự gắn kết vợ chồng, nương tựa giúp đỡ nhau và cùng nhau giáo dục con cái, chăm sóc phụng dưỡng cha

mẹ là những giá trị thực của cuộc sống. Gia đình vì vậy đang được tạo những điều kiện tốt nhất để củng cố phát triển nhằm hướng tới việc xây dựng một xã hội tốt đẹp với những con người được phát triển toàn diện.

Quy mô gia đình nhỏ khiến mỗi cá nhân được đề cao

Cùng với việc đánh giá cao vai trò của gia đình, các cá nhân được tạo những điều kiện tốt nhất chính là mục tiêu hướng đến của quan hệ gia đình hiện nay. Trong điều kiện gia đình đa thế hệ với quy mô lớn, việc mỗi thành viên đáp ứng được đầy đủ nhất sự quan tâm đến các thành viên khác là khó thực hiện. Khi quy mô gia đình thu hẹp, các thành viên trong gia đình được dành nhiều thời gian quan tâm chăm sóc tới nhau, thoả mãn được ở mức cao nhất những vấn đề về tâm lý, tình cảm. Vấn đề dân chủ trong gia đình vì vậy cũng có điều kiện để thực hiện.

Các giá trị nhân văn của loài người đang có ảnh hưởng tích cực đến gia đình

Gia đình Việt Nam không nằm ngoài những ảnh hưởng do tiến bộ xã hội mang lại. Vấn đề bình đẳng giới, quyền trẻ em là những thành công giúp con người được sống tốt đẹp hơn đang khiến các thành viên của mỗi gia đình Việt Nam cũng như toàn xã hội thay đổi nhận thức và hành vi, hướng tới sự trân trọng các giá trị nhân bản. Sự ảnh hưởng này tạo cho gia đình Việt Nam sự thuận lợi do tác động từ nhận thức của mỗi thành viên. Sự tác động đến nhận thức sẽ là yếu tố nhanh nhất điều chỉnh các quan hệ gia đình.

Kinh tế phát triển khiến đời sống gia đình được cải thiện

Không thể phủ nhận vai trò của yếu tố kinh tế đến quan hệ gia đình. Trong điều kiện kinh tế khó khăn, khi con người phải quá căng thẳng với những vấn đề cụ thể của cơm áo, những mối quan tâm khác đến đời sống tinh thần, cơ hội học tập, phấn đấu của mỗi thành viên là khó khả thi. Đó là chưa kể đến việc những khó khăn về kinh tế thường là một trong những căn nguyên cơ bản dẫn đến bạo lực gia đình cũng như các tệ nạn xã hội. Trong những năm gần đây, về cơ bản, đời sống kinh tế hộ gia đình đã có nhiều cải thiện. Mặt bằng kinh tế chung là cao hơn. Đời sống kinh tế phát triển hơn là một trong những thuận lợi cơ bản để củng cố quan hệ gia đình.

Văn hoá truyền thống đang được tạo điều kiện thuận lợi để phục hồi

Trong nhiều năm, các chuẩn mực của giá trị truyền thống bị xem như là những sản phẩm độc hại của chế độ phong kiến cần phải kiên quyết loại bỏ trong xã hội Việt Nam. Tư tưởng cực đoan đó đã khiến nhiều vấn đề trong văn hoá truyền thống bị bài trừ. Những quy định mang tính ràng buộc trong quan hệ gia đình vốn là thành tố văn hoá chịu ảnh hưởng sâu đậm nhất của tư tưởng Nho giáo và cũng mang khả năng thay đổi chậm nhất cũng bị xem như cần phải được thanh lọc triệt để. Trong những năm gần đây, nhận thức đó bị đánh giá lại. Văn hoá truyền thống với nhiều giá trị tốt đẹp, có khả năng tác động tốt đến con người được xem như kho giá trị cần khôi phục để giúp con người hoàn thiện, mang lại nét riêng biệt của văn hoá Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá. Với sự ý thức ấy, văn hoá

truyền thống nói chung, những giá trị chuẩn mực trong văn hoá gia đình nói riêng đang được tạo những điều kiện tốt nhất để phục hồi.

2.4.1. Thách thức

Song, bên cạnh những mặt tích cực trên, mặt trái của cơ chế thị trường cũng nảy sinh nhiều vấn đề tác động đến đời sống gia đình Việt Nam, làm cho gia đình Việt Nam đang đứng trước những thử thách, sóng gió. Cuộc sống của xã hội hiện đại với sự phát triển mạnh mẽ của các thành phần kinh tế đã tác động đến đời sống gia đình, ở một góc độ nào đó đã *phá vỡ nền nếp gia phong đạo đức của gia đình truyền thống Việt Nam*. Tình trạng ly hôn, ly thân, sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn, quan hệ tình dục trước hôn nhân và việc nạo phá thai trong giới trẻ gia tăng, để lại những hậu quả nặng nề về nhiều mặt đối với gia đình và xã hội. Xu hướng hôn nhân với người nước ngoài ngày càng nhiều và sau hôn nhân nhiều phụ nữ di cư theo chồng sinh sống ở nước ngoài cũng đặt ra mối quan tâm lo lắng của toàn xã hội. Các giá trị văn hóa gia đình truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam đang có biểu hiện xuống cấp, mai một. Nhiều tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè, mại dâm, HIV/AIDS đã và đang xâm nhập vào các gia đình. Mâu thuẫn xung đột giữa các thế hệ về phép ứng xử, lối sống và vấn đề chăm sóc người cao tuổi đang đặt ra những thách thức mới. Tình trạng bạo lực trong gia đình có chiều hướng ngày càng gia tăng mạnh mẽ đến mức báo động.

Nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới nên có nhiều biến đổi cũng như phát triển và tất nhiên gia đình cũng không nằm ngoài trào lưu đó. Chúng ta đang sống trong gia đình thời hiện đại (xây dựng CNH, HĐH) có những đặc điểm thay đổi khác so với gia đình truyền thống trước kia, nên các giá trị truyền thống gia đình cũng có sự thay đổi như tình thương, trách nhiệm, hòa thuận, thủy chung... do quy mô gia đình cũng thu nhỏ, các gia đình nhiều thế hệ sống chung cũng giảm đi, số con trong gia đình cũng ít hơn, phụ nữ tham gia công tác xã hội ngày càng nhiều hơn và điểm khác biệt lớn nhất so với gia đình truyền thống đó là: Với gia đình hiện đại thì mục tiêu của hôn nhân không đặt nặng vì sự tồn tại và lợi ích của gia đình, dòng họ mà là vì lợi ích cá nhân, sự biến đổi này đi kèm với lối sống ngày càng phóng khoáng, người phụ nữ được tự do làm những điều mà mình thích, không còn ràng buộc với công việc nội trợ. Cùng với sự nâng cao trình độ học vấn và thu nhập ngày càng cao và điều đáng lưu ý trong gia đình hiện đại việc ly hôn diễn ra khá phổ biến, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tâm sinh lý, cuộc sống của trẻ thơ và tất yếu sẽ để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng trên nhiều phương diện đối với xã hội.

Hội nhập văn hóa giữa nước ta với thế giới, cũng đem lại những thách thức đặt ra với gia đình Việt Nam. Nhiều giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam như: hiếu nghĩa, thủy chung, kính trên, nhường dưới đang có biểu hiện xuống cấp. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng người già chưa được chú trọng, tệ nạn xã hội như ma túy,

HIV/AIDS đang thâm nhập vào các gia đình, bạo lực vẫn còn xảy ra trong gia đình đã trở thành một vấn đề nhức nhối của xã hội.

Thách thức lớn nhất của nước ta hiện nay là *cùng với việc tiếp thu những giá trị nhân văn mới, tiến bộ trong xu thế hội nhập với cộng đồng quốc tế, nhưng gia đình Việt Nam vẫn phải giữ được bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt và tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển một cách vững bền của đất nước*. Vì vậy việc tổ chức Ngày gia đình Việt Nam (28-6 hằng năm) nhằm đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội cùng gia đình để góp phần từng bước ổn định, củng cố xây dựng gia đình Việt theo tiêu chí: ít con, no ấm, tiến bộ, bình đẳng và hạnh phúc.

Bên cạnh những cơ hội, gia đình Việt Nam đang đứng trước những vấn đề cần được điều chỉnh và củng cố.

Tảo hôn vẫn không giảm nhiều tại các vùng nông thôn, miền núi, gây ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản và hạnh phúc gia đình

Những yếu tố mang tính chất nền tảng cho một cuộc hôn nhân bền vững như trình độ học vấn, nghề nghiệp, sức khỏe, kiến thức nuôi dạy con và chăm sóc gia đình, ứng xử với các thành viên trong gia đình... phụ thuộc rất nhiều vào độ tuổi kết hôn của mỗi thành viên. Tảo hôn là hiện tượng kết hôn quá sớm. Người kết hôn chưa đủ khả năng nhận thức những vấn đề mang tính chất quyết định độ bền vững của hôn nhân và chất lượng cuộc sống gia đình. Tảo hôn thường gắn với không nghề nghiệp, sinh đẻ nhiều, thiếu kiến thức... dẫn đến nghèo khó, bệnh tật, không chăm sóc tốt được trẻ em. Đó là nguy cơ dẫn đến sự mất ổn định của gia đình và xã hội.

Kết hôn với người nước ngoài có yếu tố mua bán gia tăng, gây tổn hại cho phụ nữ và trẻ em. Việc kết hôn với người nước ngoài là xu thế tất yếu trong xã hội thời kỳ hội nhập. Điều này thể hiện sự tự do, dân chủ và quyền chủ động quyết định hôn nhân của nam nữ thanh niên Việt Nam ngày một tăng cao. Tuy nhiên, việc kết hôn với người nước ngoài ở Việt Nam đang có dấu hiệu không phải xuất phát từ quan hệ tình cảm. Nhiều cuộc hôn nhân mang dấu hiệu mua bán, lợi dụng vật chất, lừa đảo xuất phát từ nhận thức non nớt của nhiều gia đình đã dẫn đến những bi kịch. Trên phương diện quốc gia, đó còn là vấn đề uy tín, danh dự. Đó là chưa kể đến việc những đứa trẻ là hậu quả của những cuộc kết hôn tính toán này sẽ khó có điều kiện được chăm sóc đầy đủ. Những vết thương tâm lý và sự xáo trộn cuộc sống do những vụ kết hôn như vậy sẽ để lại nhiều khó khăn cho những cá nhân muốn tái tạo cuộc sống mới.

Quan hệ tình dục trước hôn nhân ảnh hưởng xấu đến vấn đề sức khỏe vị thành niên và hạnh phúc gia đình

Đây cũng là vấn đề khó tránh khỏi trong xã hội hiện đại khi mà tuổi kết hôn thường cao hơn so với tuổi trưởng thành về giới tính. Trẻ vị thành niên được chăm sóc tốt hơn,

tuổi dậy thì đến sớm hơn. Với những tác động của phim ảnh, sách báo đang có xu hướng khai thác sâu về chủ đề tình dục, tuổi quan hệ tình dục của nam nữ thanh niên đang ngày một trẻ hoá. Điều này được hỗ trợ bởi môi trường học tập, làm việc xa gia đình, quan niệm rộng rãi hơn về vấn đề trinh tiết... Tỷ lệ nạo hút thai trong thanh thiếu niên ngày một tăng. Những tổn hại về sức khoẻ sinh sản, sự đổ vỡ do quá trình chung sống trước hôn nhân kéo dài sẽ dẫn đến những bi kịch trong hôn nhân chính thức. Nhiều người trong số đó không còn khả năng sinh con. Nhiều người khác lại bị cú sốc đổ vỡ ám ảnh dẫn đến sợ hãi hôn nhân và không còn nhiệt huyết khi bước vào cuộc sống gia đình thực sự.

Ly hôn tăng mạnh gây mất ổn định xã hội, ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý, tình cảm người lớn và tương lai trẻ em

Thực tế này đang là yếu tố cơ bản khiến vấn đề gia đình Việt Nam cần được đánh giá một cách khách quan và đầy đủ nhất. Trong mọi góc nhìn thì ly hôn vẫn là biểu hiện xấu nhất của tình trạng hôn nhân, là sự đổ vỡ của gia đình. Biến cố này sẽ để lại nhiều vấn đề xã hội phức tạp như: nhà ở, trẻ em lang thang, quan hệ ngoài hôn nhân... Đó là chưa kể đến những tác động trực tiếp đến quan niệm về hôn nhân của vị thành niên khi chứng kiến sự đổ vỡ của bố mẹ. Về lâu dài, điều đó sẽ ảnh hưởng đến hôn nhân gia đình của cả những thế hệ sau. Ly hôn tăng mạnh có sự can thiệp của các yếu tố như khó khăn kinh tế, sức khoẻ, ngoại tình... nhưng nguyên nhân chính vẫn là do mâu thuẫn về lối sống. Trong xã hội càng tự do, dân chủ, lối sống cá nhân càng được đề cao thì mâu thuẫn lối sống càng dễ nảy sinh. Ly hôn tăng là khó tránh khỏi.

Bạo lực gia đình đang có xu hướng thể hiện dưới nhiều dạng thức khó kiểm soát

Bản chất của bạo lực gia đình vốn được cho rằng xuất phát từ phía người đàn ông, do ham muốn thực hiện bằng được sự kiểm soát toàn bộ đối với người vợ của anh ta, một ham muốn có cội nguồn từ truyền thống gia đình gia trưởng. Bạo lực vì thế thường xuất hiện dưới dạng bạo lực thể chất nhiều hơn. Cố gắng của các tổ chức đoàn thể nhằm can thiệp cũng chỉ dừng ở dạng thức bạo lực nhìn thấy được như vậy. Tuy nhiên, bạo lực gia đình đang có xu hướng biến đổi dưới nhiều hình thức khác, gây nên sự ức chế và tổn hại sức khoẻ cho người bị bạo lực, dẫn tới tự tử hay ly hôn. Bạo lực ngày nay còn ở cả phía ngược lại, phía người vợ gây ra cho người chồng dưới các hình thức mắng chửi, sỉ nhục, đay nghiến, chì chiết... Các dạng bạo lực hiện nay khó kiểm soát được bao gồm: ép quan hệ tình dục, cô lập với cộng đồng, đóng băng quan hệ... Các nạn nhân bị bạo lực gia đình không thể chung sức với người gây bạo lực xây dựng được gia đình hạnh phúc.

Tệ nạn xã hội thâm nhập, đe dọa các gia đình

Diễn hình chính là vấn đề cờ bạc, nghiện hút và mại dâm. Ba nhóm tệ nạn xã hội này đang len lỏi đến mọi khu vực sinh sống của các hộ gia đình. Cả ba nhóm tệ nạn này đều có điểm chung là sức hấp dẫn rất lớn đối với con người khi nó có khả năng thoả mãn tầng sâu nhất trong bản năng mỗi cá nhân. Trong sự ngăn trở của ý thức, các tệ nạn ấy khó

thâm nhập hơn. Do vậy, tệ nạn xã hội thường dễ được con người tiếp nhận khi gia đình không thực sự là pháo đài che đỡ. Những khó khăn về kinh tế dễ sinh ra cờ bạc nhưng sự hệt hẫng, thất bại trong công việc hay cô đơn, không tìm được tiếng nói chia sẻ lại dễ dẫn con người đến mại dâm và ma túy. Cả ba nhóm tệ nạn này đều nhanh chóng huỷ hoại thể chất và tinh thần con người, đổ vỡ gia đình và mất an ninh trật tự xã hội. Việc quá đề cao vấn đề sinh con trai là nguyên nhân gây gia tăng dân số, đói nghèo và bạo lực. Cho dù vấn đề bình đẳng giới đang được các gia đình Việt Nam tiếp nhận thì tâm lý sinh con trai trong văn hoá truyền thống vẫn đang còn khá phổ biến, đặc biệt ở nông thôn, miền núi và trong nhóm dân cư có trình độ văn hoá thấp hơn. Vấn đề cơ bản của hiện tượng này không phải chỉ hoàn toàn nằm ở quan niệm về người nối dõi mà đôi khi chỉ là tâm lý bình đẳng với cộng đồng, muốn có con trai để không thua kém bạn bè. Áp lực tâm lý này khiến nhiều gia đình đặt ra yêu cầu bắt buộc phải có con trai. Sinh nhiều con hoặc sinh con ngoài giá thú để có con trai đều là nguyên nhân gây nên nghèo đói, bất hoà trong gia đình. Nếu không thoả mãn được mong muốn đó, bạo lực gia đình thường diễn ra do người đàn ông không đạt được khát vọng của mình.

Người cao tuổi có xu hướng sống riêng trong bối cảnh hạt nhân hoá gia đình

Do phương thức sản xuất ngày một đa dạng, các hoạt động phi nông nghiệp đang ngày một gia tăng tách con người ra khỏi cộng đồng gia đình mở rộng của họ. Gia đình hạt nhân được đề cao. Bên cạnh những ưu điểm không thể phủ nhận của gia đình hạt nhân hai thế hệ thì thực tế là người cao tuổi đang có xu hướng bị tách khỏi cộng đồng con cháu. Đối với truyền thống văn hoá phương Đông, đây là điểm thay đổi khó được chấp nhận trong xã hội nhưng lại mang tính tất yếu. Người cao tuổi vốn giữ vai trò và ảnh hưởng quan trọng đặc biệt với con cháu, nay do yêu cầu của công việc, điều kiện sống cũng như sự khác biệt về lối sống đang có xu hướng sống tách riêng, hạn chế trong việc giúp đỡ con cháu hay được con cháu trực tiếp chăm sóc.

Mâu thuẫn giữa các thế hệ khiến quan hệ gia đình trở nên khó khăn

Sự thay đổi của thời đại tác động trực tiếp đến quan niệm và lối sống của mỗi người. Các thế hệ trong cùng một gia đình đều chịu những tác động riêng của thời đại mà mình đã sống. Sự không đồng cảm do không cùng trải qua những tác động giống nhau khiến mâu thuẫn giữa các thế hệ là khó tránh khỏi. Những khác biệt về kinh nghiệm sống, quan niệm sống, lối sống là những biểu hiện rõ rệt nhất dẫn đến mâu thuẫn. Biểu hiện của mâu thuẫn có khi đơn thuần chỉ là sự không thoả mái, không bằng lòng, không hưởng ứng nhưng tích tụ lâu có thể đẩy thành phản ứng trực diện, không tuân phục hay nổi ra xung đột. Điều này dễ gây tổn hại tới tinh thần của người cao tuổi bởi tâm lý bất lực, không có quyền lực, không được chia sẻ hay cảm giác tự ái, bị xúc phạm. Những biểu hiện đó đều gây nặng nề trong gia đình.

Giáo dục đạo đức và ứng xử chưa được coi trọng

Như đã phân tích trong sự biến đổi chức năng giáo dục của gia đình, việc giáo dục hiện nay đang bị hiệu lệnh thành học tập nên nhiều gia đình có xu hướng chỉ chú trọng việc học tập mà chưa thực sự tiến hành giáo dục toàn diện. Điều này còn xuất phát từ tư tưởng dân chủ bình đẳng, muốn con cái được tự do, thoải mái hơn, do vậy, nhiều hành vi ứng xử của trẻ được chính các bậc cha mẹ đơn giản hoá khiến thái độ của con cái đối với cha mẹ đang có nhiều biểu hiện không đúng mực. Nhiều trẻ chưa được chuẩn bị tâm lý và kiến thức để có được thái độ ứng xử phù hợp trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

Nhiều giá trị chuẩn mực không còn được đánh giá cao

Tiêu biểu phải kể đến sự đánh giá ngày một đơn giản hơn về các khái niệm trinh tiết, hiếu đễ, chung thủy, nữ công gia chánh, tề gia nội trợ, khoan dung vị tha, hy sinh chịu đựng... Đó là những giá trị chuẩn mực tạo nên sự bền vững cho hôn nhân và gia đình. Cho dù những quy định chặt chẽ và cứng nhắc của nội hàm các khái niệm trên có thể chi phối một mức độ nào đó tự do cá nhân của con người nhưng sự đơn giản hoá và không đánh giá cao những tiêu chí trên trong cuộc sống gia đình thực sự đang khiến nhiều cuộc hôn nhân đi đến tan vỡ.

Sinh hoạt tâm linh tín ngưỡng trong phạm vi gia đình và họ mạc có biểu hiện bị lạm dụng

Các hoạt động tâm linh tín ngưỡng của gia đình truyền thống đang có xu hướng được khôi phục lại mạnh mẽ nhằm tạo điểm tựa tinh thần cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, sự thái quá của nhiều gia đình đang khiến hoạt động này gây ảnh hưởng đến cuộc sống. Lễ lạt đầu năm quá nhiều gây tốn kém về vật chất, ảnh hưởng đến sản xuất lại chính là cơ sở dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Đó là chưa kể đến các hoạt động chung của họ mạc như góp giỗ, xây nhà thờ họ, mừng thọ, ... khiến nhiều gia đình bị phân biệt đối xử gây chia rẽ bè phái trong làng ngoài họ, làm giảm tính cố kết cộng đồng, đồng thời khiến các thành viên trong gia đình trở nên căng thẳng.

Với những cơ hội và thách thức như vậy, gia đình Việt Nam cần được tạo những điều kiện tốt hơn để phát triển vững chắc trong giai đoạn hiện nay.

2.5. Dự báo xu hướng biến đổi gia đình Việt Nam trong tương lai

2.5.1. Về quy mô gia đình:

Gia đình Việt Nam trong tương lai sẽ tiếp tục xu hướng giảm về quy mô hộ gia đình. Gia đình sẽ phổ biến ở mức dưới hoặc bằng 4 người/ hộ. Mức giảm có thể sẽ không đồng đều ở các khu vực khác nhau như đô thị, vùng nông thôn đồng bằng châu thổ sông Hồng, vùng đồng bằng sông Cửu Long hay vùng ven biển, miền núi theo hướng ở nông thôn giảm chậm hơn thành thị. Tuy nhiên, sự giảm quy mô hộ sẽ là tất yếu dựa trên những yếu tố như: mức sinh giảm do các biện pháp hỗ trợ kế hoạch hoá gia đình và nâng cao ý thức người dân; mô hình chung sống giữa nhiều thế hệ không còn được duy trì và áp dụng phổ biến (do mâu thuẫn về lối sống, do chia tách ruộng đất ở nông thôn, do tốc độ đô thị

hoá cao khiến các thành viên gia đình thay đổi môi trường làm việc, tách khỏi gia đình...). Đặc biệt, quy mô hộ gia đình giảm còn do xu hướng tăng lên của những người sống độc thân (do không muốn kết hôn, kết hôn nhưng không muốn sinh con, ly thân hay không tái hôn sau ly hôn...).

Xu hướng này phù hợp với quy luật chung của lịch sử hình thành và phát triển gia đình.

2.5.2. Về loại hình gia đình:

Với sức nặng truyền thống, trong nhiều năm tới, gia đình Việt Nam vẫn sẽ duy trì loại hình gia đình phụ hệ gia trưởng, theo đó, người đàn ông vẫn là trụ cột và chịu trách nhiệm chính đối với các vấn đề của gia đình. Tuy nhiên, sẽ xuất hiện thêm nhiều loại hình gia đình khác như: gia đình khuyết thiếu (gia đình chỉ có bố hoặc mẹ sống với con), gia đình bạn (các cặp đã ly hôn đến chung sống cùng nhau nhưng không kết hôn), gia đình đồng giới, gia đình đa sắc tộc, gia đình không cùng chung sống, gia đình không kết hôn...

2.5.3. Về các chức năng của gia đình:

Hiện tại, các chức năng cơ bản của gia đình vẫn được duy trì. Chức năng sinh sản, tái sản xuất sức lao động của gia đình vẫn là yếu tố cơ bản tạo nên sự hình thành gia đình. Gia đình vẫn là đơn vị sản xuất và đơn vị tiêu dùng, là sự góp chung thành quả lao động của các thành viên. Gia đình vẫn là thiết chế quan trọng nhất để nuôi dạy con cái và là nơi đáp ứng các nhu cầu tâm lý tình cảm. Tuy nhiên, đã xuất hiện những biểu hiện ngày một rõ rệt để dự báo một xu hướng thay đổi. Theo đó:

- Nhiều người chấp nhận gia đình không có con. Việc không có con có thể do nằm ngoài mong muốn của vợ chồng nhưng không làm đổ vỡ gia đình, thậm chí nhiều gia đình sẽ tự chủ động chọn giải pháp không sinh con. Việc sinh con trai tuy vẫn còn khá phổ biến nhưng đang có xu hướng được bình thường hoá dần dần tại các khu vực đô thị. Điều này đồng nghĩa với việc vai trò của người phụ nữ trong xã hội đang được nâng cao.

- Việc chăm sóc giáo dục trẻ em sẽ được chú trọng hơn ở các gia đình. Tuy nhiên, vấn đề giáo dục sẽ được hỗ trợ bởi nhiều lực lượng khác, không bó hẹp trong phạm vi gia đình như truyền thống. Việc dạy học sẽ được chú trọng nhất trong các nội dung giáo dục.

- Chức năng kinh tế của gia đình sẽ dần theo hướng tôn trọng sự độc lập của các thành viên tham gia. Điều này xuất phát từ xu hướng gia đình không phải là đơn vị sản xuất sẽ tăng lên. Việc kiểm soát thu nhập sẽ khó thực hiện hơn.

- Chức năng thoả mãn các nhu cầu tâm lý tình cảm của gia đình sẽ được ưu tiên hơn. Đây sẽ là thách thức lớn nhất đối với gia đình, bởi lẽ, khi không đạt được chức năng này, gia đình rất dễ đổ vỡ. Trong đó, việc thoả mãn nhu cầu tình dục đang có xu hướng được đề cao.

2.5.4. Về vấn đề hôn nhân

Do tập quán, tâm lý và sự hỗ trợ của luật pháp, người Việt Nam vẫn sẽ chọn hình thức hôn nhân có vợ có chồng, có hôn thú. Tỷ lệ người sống độc thân sẽ tăng nhưng chưa

trở thành lối sống có ảnh hưởng rộng. Quyền chủ động quyết định hôn nhân sẽ tăng dựa trên tính dân chủ trong quan hệ gia đình xã hội, đặc biệt là vấn đề tình cảm lứa đôi được coi trọng, được xem là yếu tố quyết định hôn nhân.

Tỷ lệ ly hôn, ly thân sẽ tăng. Điều này có cơ sở từ sự kỳ vọng quá cao vào hôn nhân, từ khả năng độc lập ngày một cao của phụ nữ, từ sự đồng tình rộng rãi của dư luận, từ sự ảnh hưởng của gia đình, dòng họ đến hôn nhân giảm sút. Quan hệ tình dục trước và ngoài hôn nhân sẽ tăng do quan niệm sống thay đổi, do tuổi kết hôn muộn và do gia đình đang mất dần chức năng kiểm soát tình dục.

2.5.5. Về ứng xử vợ chồng

Xu hướng bình đẳng sẽ tiếp tục rõ rệt hơn trong quan hệ vợ chồng. Điều này xuất phát từ điều kiện làm việc, trình độ học vấn của phụ nữ ngày một nâng cao, đặc biệt là sự hỗ trợ của các tư tưởng nhân văn mới nhằm tạo vị thế cho người phụ nữ. Điều này khiến chất lượng cuộc sống của gia đình tăng lên. Tuy nhiên, đây lại cũng chính là nguyên nhân dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong quan hệ gia đình trong các vấn đề như: giáo dục con cái, quyết định việc nhà hay tham gia các hoạt động xã hội. Trong tương quan với sự ảnh hưởng nặng nề của các tư tưởng truyền thống, sự bình đẳng trong tư tưởng của người phụ nữ sẽ liên tục tạo nên mâu thuẫn với vấn đề quyền lực của người đàn ông. Điều này nếu không được điều chỉnh sẽ dẫn đến bạo lực, ly thân, ly hôn và sự đổ vỡ. Vị thế của người phụ nữ tăng đồng nghĩa với việc họ có nhiều cơ hội tham gia các công việc xã hội. Điều này khiến người vợ phải chủ động điều chỉnh để cân bằng cả hai vai trò. Sức ép lên phụ nữ hiện đại sẽ tăng.

2.5.6. Về quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và gia đình với họ mạc

Giống như quan hệ vợ chồng, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình cũng sẽ mang xu hướng bình đẳng và dân chủ hơn. Trẻ em được chăm sóc tốt hơn và dân chủ hơn trong việc tham gia ý kiến về các vấn đề gia đình hay được quyết định nhiều vấn đề liên quan đến cá nhân. Người cao tuổi vẫn sẽ là chỗ dựa cho con cái về cả vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, sự bình đẳng và dân chủ lại đang tạo nên những mâu thuẫn về quan niệm và lối sống giữa các thế hệ. Người cao tuổi không sống cùng con cái sẽ có xu hướng tăng lên.

Quan hệ họ mạc cũng đang theo hướng dân chủ và thiết thực hơn. Trong thời gian tới, khi kinh tế hộ gia đình được tạo nhiều điều kiện để phát triển, quan hệ gia đình với họ mạc cũng sẽ được củng cố theo hướng hỗ trợ nhau để hợp tác, cùng phát triển. Từ sự gắn kết về kinh tế, các mối liên hệ khác như tâm linh, văn hoá.. sẽ được tăng cường. Do vậy, nếu như đối với các hộ thuần nông, quan hệ họ mạc mang tính gắn bó truyền thống nhiều hơn thì với các hộ có cơ cấu kinh tế hỗn hợp, bao gồm cả nông nghiệp và phi nông nghiệp, quan hệ họ mạc sẽ bớt đi tính lễ nghi, cứng nhắc, câu nệ với tôn ty trật tự, phân biệt nam nữ, nội ngoại. Quan hệ họ mạc sẽ chủ yếu hướng đến những hoạt động mang tính chất thiết thực nhằm giúp đỡ nhau và mang lại quyền lợi thực tế.

2.5.7. Về quan hệ gia đình với các thiết chế xã hội khác

Gia đình sẽ ngày một quan hệ chặt chẽ hơn với các thiết chế văn hoá, giáo dục, y tế. Điều này phù hợp với nhu cầu ngày một cao của việc nâng cao chất lượng cuộc sống. Các gia đình ngày một ý thức rõ hơn về vai trò của giáo dục cũng như các hoạt động chăm sóc sức khoẻ. Trong tương lai, nhu cầu của các gia đình được tham gia các hoạt động văn hoá y tế, giáo dục sẽ tăng mạnh. Đây sẽ là cơ sở thuận lợi để nhà nước tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương xã hội hoá các hoạt động này.

2.5.8. Về các phong tục tập quán trong phạm vi gia đình

Các phong tục tập quán trong phạm vi gia đình như tang ma, lễ tết, cúng giỗ... sẽ theo hướng điều chỉnh để giảm bớt màu sắc mê tín, hướng tới những giá trị gắn bó trực tiếp đến cuộc sống của con người. Yếu tố tâm linh tín ngưỡng sẽ còn tiếp tục được duy trì lâu dài trong đời sống tâm thức mỗi gia đình. Nó gắn với khát vọng được bảo vệ, che chở của con người trong sự nghiệt ngã của kinh tế thị trường. Nhờ có niềm tin này, con người có thể điều chỉnh để cân bằng các hành vi của mình. Do vậy, xu hướng khôi phục ngày càng đầy đủ các hoạt động và nghi thức mang tính chất tâm linh tín ngưỡng là một biểu hiện hợp quy luật và mang tính tất yếu đối với người Việt Nam trong những năm tiếp theo.

2.5.9. Về mô hình gia đình Việt Nam trong tương lai

Trong dân gian, gia đình truyền thống được coi là đại gia đình mà các thành viên liên kết với nhau bằng chuỗi quan hệ huyết thống. Trong gia đình này có thể cùng chung sống từ 3 thế hệ trở lên: ông bà – cha mẹ – con cái mà người ta quen gọi là "tam, tứ, ngũ đại đồng đường". Kiểu gia đình này khá phổ biến và tập trung nhiều nhất ở nông thôn Bắc Bộ. Nền kinh tế tiểu nông là cơ sở phát sinh và tồn tại của nó. Về mặt tâm lý, người Việt Nam luôn có xu hướng quần tụ con cái xung quanh mình. Bởi thế, các đại gia đình cùng sống dưới một mái nhà hoặc vài nhà kế nhau cũng là hình thức tổ chức gia đình phổ biến ở đô thị. Vào những năm 60 trở về trước ở Hà Nội kiểu đại gia này vẫn còn thường thấy. Gia đình truyền thống có các ưu điểm như có sự gắn bó cao về tình cảm theo huyết thống, bảo lưu được các truyền thống văn hóa, tập tục, nghi lễ, phát huy tốt các gia phong, gia lễ, gia đạo. Các thành viên trong gia đình có điều kiện giúp đỡ nhau về vật chất và tinh thần, chăm sóc người già và giáo dục thế hệ trẻ. Đó là những giá trị rất căn bản của văn hóa gia đình mà chúng ta cần kế thừa và phát huy. Tuy nhiên, nhược điểm của loại gia đình này là ở chỗ trong khi giữ gìn các truyền thống tốt đẹp thì cũng bảo trì luôn cả những tập tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời. Bên cạnh đó, sự khác biệt về tuổi tác, lối sống, thói quen cũng đưa đến một hệ quả khó tránh khỏi là mâu thuẫn giữa các thế hệ: giữa ông bà – các cháu, giữa mẹ chồng – nàng dâu... Bên cạnh việc duy trì được tinh thần cộng đồng, gia đình truyền thống phần nào cũng hạn chế sự phát triển tự do của mỗi cá nhân. Trong điều kiện của xã hội hiện đại "1 ngày bằng 20 năm" loại gia đình này có vẻ thiếu cơ động và chậm

thích ứng. Điều này giải thích tại sao số lượng gia đình truyền thống kiểu đại gia đình giảm đáng kể và không còn là khuôn mẫu của gia đình ngày nay.

Ở đây, một câu hỏi được đặt ra: vậy gia đình Việt Nam ngày nay có phải là một gia đình hiện đại? Chúng tôi cho rằng điều này không hẳn đúng. Bởi vì gia đình hiện đại phải là sản phẩm của một nền công nghiệp phát triển, dân cư có lối sống đô thị và đạt đến một trình độ văn minh đô thị khá cao. Trong khi đó, Việt Nam vẫn đang là một nước nông nghiệp. Cư dân nông thôn chiếm tỷ trọng áp đảo – khoảng 3/4 dân cư cả nước với tất cả các đặc trưng về lối sống, tâm lý, sinh hoạt của người tiểu nông. Theo số liệu dự báo của Liên hợp quốc (năm 1993) đến năm 2000 tỷ trọng cư dân đô thị nước ta sẽ lên 27,1%, năm 2010 là 34,8%. Như vậy quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đang ở giai đoạn khởi đầu. Văn minh nông nghiệp vẫn còn in đậm trong đời sống văn hóa của mỗi người dân – kể cả cư dân đô thị bởi đa phần họ vừa thoát thai từ nông thôn. Vậy nên gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là "gia đình quá độ" trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn – thay cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Gia đình Việt Nam ngày nay phần lớn là gia đình hạt nhân trong đó chỉ có một cặp vợ chồng (bố mẹ) và con cái mà họ sinh ra. Hầu hết các gia đình trí thức, viên chức nhà nước, công nhân công nghiệp, gia đình quân đội, công an đều là gia đình hạt nhân. Xu hướng hạt nhân hóa gia đình ở Việt Nam đang có chiều hướng gia tăng vì nhiều ưu điểm và lợi thế của nó. Trước hết gia đình hạt nhân tồn tại như một đơn vị độc lập, gọn nhẹ, linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với các biến đổi xã hội. Gia đình hạt nhân có sự độc lập về quan hệ kinh tế. Kiểu gia đình này tạo cho mỗi thành viên trong gia đình khoảng không gian tự do tương đối lớn để phát triển tự do cá nhân. Cá nhân tính được đề cao. Trong xã hội hiện đại, mức độ độc lập cá nhân được coi là một yếu tố biểu hiện chất lượng cuộc sống gia đình. Tính độc lập cá nhân được gia đình tạo điều kiện nuôi dưỡng, phát triển sẽ tạo ra phong cách sống, tính cách, năng lực sáng tạo riêng khiến cho mỗi người đều có bản sắc. Đó cũng chính là con người mà sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng ta đang cần đến.

Có nhiên, gia đình hạt nhân cũng có những điểm yếu nhất định. Chẳng hạn, do mức độ liên kết huyết minh giảm sút và sự ngăn cách không gian, giữa các gia đình nên khả năng hỗ trợ lẫn nhau về vật chất và tinh thần bị hạn chế. ảnh hưởng của thế hệ tới nhau ít đi cũng làm giảm khả năng bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống trong gia đình. Dù vậy, gia đình hạt nhân vẫn là loại hình khá phổ biến ở nước ta hiện nay và đó cũng là loại gia đình thịnh hành trong các xã hội công nghiệp – đô thị phát triển. Có nghĩa – đó cũng là kiểu gia đình của tương lai.

Gia đình là một tế bào của xã hội, là một nhóm xã hội cơ sở kiến tạo nên xã hội rộng lớn. Do đó, sự trường tồn của quốc gia, dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào sự tồn tại và phát triển của mỗi gia đình. Gia đình phải là điểm xuất phát và trở về của mọi chính sách xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000, đã đặt gia đình vào tiêu điểm quan trọng, phấn đấu sao cho "xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người

BỨC TRANH GIA ĐÌNH VIỆT NAM QUA CÁC CON SỐ (2015)

1. Công việc của người vợ và chồng khi kết hôn:
 - + Lao động kỹ thuật: chồng: 25,7%; vợ: 20,8%
 - + Lao động giản đơn: chồng: 57,4%; vợ: 73,6%
 - + Nhân viên văn phòng/ dịch vụ: chồng: 3,3%; vợ: 4,1%
 - + Không làm việc: chồng: 2,5%; vợ: 6,9%
2. Nơi ở của các cặp vợ chồng sau khi kết hôn:
 - + Sống riêng hoàn toàn: 23,7%
 - + Ở chung với gia đình chồng nhưng ăn riêng: 1,3%
 - + Ở chung, ăn chung với gia đình chồng: 64,8%
 - + Ở chung với gia đình vợ nhưng ăn riêng: 0,6%
 - + Ở chung, ăn chung với gia đình vợ: 8,4%
 - Các hình thức khác: 1,1%
3. Ly hôn:
 - + Vợ đứng đơn ly hôn: 47%
 - + Chồng đứng đơn ly hôn: 28,1%
 - + Cả hai vợ chồng cùng đứng đơn: 13%
4. Nhóm tuổi càng cao, số lần kết hôn càng nhiều:

<i>Nữ kết hôn lần 2</i>	<i>Nam kết hôn lần 2</i>
+ Nhóm tuổi 18-30: 0,8%	+ Nhóm tuổi từ 18-30: 0,7%
+ Nhóm tuổi 51-60: 4,8%	+ Nhóm tuổi 51-60: 5,6%
5. Nguyên nhân ly hôn:

- + Mâu thuẫn về lối sống: 27,7%
- + Ngoại tình: 25,9%
- + Kinh tế: 13%
- + Bạo lực gia đình: 6,7%
- + Lý do sức khỏe: 2,2%
- + Xa nhau lâu ngày: 1,3%

6. 42.5% dân số là hộ độc thân (người từ 40 tuổi (nữ), 45 tuổi (nam) chưa từng có vợ/ chồng) trong đó chủ yếu là nữ. Nguyên nhân:

- + Không tìm được người phù hợp: 28,7%
- + Hoàn cảnh gia đình (đau ốm, neo đơn, kinh tế khó khăn...): 28,1%
- + Thích cuộc sống tự do: 12,6%

7. Mức độ hài lòng với cuộc hôn nhân:

(độ tuổi từ 18-60)

- + Rất hài lòng: 30,1%
- + Hài lòng: 62,4%
- + Phần lớn hài lòng: 6%
- + Phần lớn không hài lòng: 1,2%
- + Rất không hài lòng: 0,3%

(Nguồn: Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006- Bộ VH-TT-DL)

+ Câu hỏi thảo luận:

Câu 1: Vai trò của Văn hóa gia đình đối với sự phát triển xã hội?

Câu 2: Anh (chị) hãy trình bày những đặc điểm của Văn hóa gia đình VN truyền thống?

Câu 3: Xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam trong xu thế hội nhập? Những cơ hội và thách thức?

Câu 4: Có ý kiến cho rằng: “Gia đình hạt nhân vẫn là loại hình khá phổ biến đang thịnh hành trong các xã hội công nghiệp và đó cũng là kiểu gia đình của tương lai”. Ý kiến của anh(chị)?

+ Bài tập:

Bài tập 1: Anh (chị) hãy nghiên cứu và chỉ ra sự khác biệt về Văn hóa gia đình giữa gia đình người Kinh và gia đình các dân tộc Thái, Tày, Mường

Chương 3: Xây dựng văn hóa gia đình trong bối cảnh hiện nay

3.1. Sự cần thiết và quan điểm của Đảng về xây dựng Văn hóa gia đình

3.1.1. Vai trò của gia đình trong bối cảnh hiện nay

Thứ nhất, gia đình là tế bào của xã hội. Tại Đại hội XI, Đảng ta nhấn mạnh: “*Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội*”. Rõ ràng, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì trước hết từng “tế bào” phải phát triển bền vững. Gia đình không chỉ là “tế bào” tự nhiên mà còn là một đơn vị kinh tế của xã hội. Không có gia đình tái tạo ra con người để xây dựng xã hội thì xã hội cũng không thể tồn tại và phát triển được. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, nhiều giá trị mới được tiếp thu, nhưng nhiều giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam cũng đang mất đi. Tình trạng ly hôn, bạo hành gia đình gia tăng; chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, hưởng thụ có xu hướng tăng lên... Những hạn chế này đang làm cho nhiều “tế bào” có nguy cơ rơi vào khủng hoảng, làm cho nền tảng xã hội thiếu vững chắc.

Từ những tiêu chí quan trọng của gia đình văn hóa Việt Nam được đề xuất tại Đại hội VIII của Đảng và được cụ thể hóa thành Chiến lược xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam, đến Đại hội XI, Đảng ta đã có sự phát triển nhận thức mới về gia đình, đó là: *No ấm, tiến bộ, hạnh phúc* là những điều kiện cơ bản, quan trọng để gia đình phát triển lành mạnh. Muốn có một “tế bào lành mạnh”, một “nền tảng vững chắc” thì phải xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Thứ hai, gia đình có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ đất nước. Đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ: “*Gia đình là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách*” góp phần chăm lo xây dựng

con người Việt Nam “*giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi, sống có văn hóa, nghĩa tình, có tinh thần quốc tế chân chính*”

Đảng ta nhận thức rõ rằng, con người Việt Nam chỉ có thể được trang bị những phẩm chất tốt đẹp nếu có một môi trường xã hội tốt. Môi trường đó trước hết là từ mỗi gia đình, mỗi tế bào của xã hội. Các gia đình chịu trách nhiệm trước xã hội về sản phẩm của gia đình mình, phải có trách nhiệm nuôi dưỡng và giáo dục con cái, cung cấp cho xã hội những công dân hữu ích. Cùng với nhà trường, gia đình tham gia tích cực nhiệm vụ “*dạy người, dạy chữ*”, tạo ra lực lượng lao động tương lai có chất lượng cao.

Đây là *điểm mới* trong tư duy Đại hội XI của Đảng ta về vai trò của gia đình đối với phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước. *Gia đình chính là “đơn vị xã hội” đầu tiên cung cấp lực lượng lao động cho xã hội*. Từ những người lao động chân tay giản đơn đến những người lao động trí óc... đều được sinh ra, được nuôi dưỡng và chịu sự giáo dục của gia đình.

Đảng ta nhấn mạnh, gia đình không chỉ giữ vai trò *nền tảng, tế bào* của xã hội, mà còn là *môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống, hình thành nhân cách*. Gia đình giữ vai trò đặc biệt quan trọng tới số lượng, chất lượng dân số và cơ cấu dân cư của quốc gia. Gia đình không chỉ dừng lại ở việc duy trì nòi giống, mà quan trọng hơn gia đình phải trở thành môi trường tốt, đầu tiên để *giáo dục nếp sống, hình thành nhân cách* cho con người. Theo quan điểm của Đảng, gia đình no ấm, bố mẹ thuận hòa, hạnh phúc là điều kiện, môi trường quan trọng, trực tiếp tạo nên các thế hệ sau có chất lượng cả về thể chất lẫn tinh thần, góp phần đắc lực vào chiến lược phát triển nguồn lực con người có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước hiện nay.

Thứ ba, gia đình có vai trò giữ gìn, lưu truyền, phát triển văn hóa dân tộc. Đảng ta nhấn mạnh gia đình là nơi tiếp thu, giữ gìn và lưu truyền các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Thông qua các câu chuyện cổ tích, qua các câu ca dao, tục ngữ, cha mẹ, ông bà là những người thầy đầu tiên dạy dỗ, nuôi dưỡng tâm hồn, phát triển tư duy và từng bước giáo dục hình thành nhân cách cho mỗi con người. Qua lao động, qua việc xử lý các mối quan hệ hằng ngày, gia đình đã truyền thụ cho con trẻ những nét đẹp của truyền thống gia đình, dòng họ, truyền thống văn hóa dân tộc. Từ đó mỗi cá nhân hình thành và bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tình cộng đồng, lòng nhân ái, tinh thần tự lực, tự cường, anh hùng trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình, chăm chỉ cần cù trong lao động sản xuất... Đảng ta chỉ rõ: Trong giai đoạn hiện nay để “*xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*” cần sự chung tay góp sức của toàn xã hội, mà xét đến cùng, đó là trách nhiệm của mỗi gia đình, mỗi con người cụ thể.

3.1.2. Sự cần thiết của việc xây dựng Văn hóa gia đình

Gia đình truyền thống nói chung, gia đình Việt Nam nói riêng đều đang phải trải qua những thử thách do tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Trong sự đối sánh với

những điều chỉnh của lịch sử hình thành và phát triển gia đình, việc củng cố và điều chỉnh các giá trị văn hoá, nhằm hướng tới xây dựng nét văn hoá mới cho gia đình Việt Nam, phù hợp với thời đại nhưng vẫn mang đậm sắc thái văn hoá truyền thống cần được xem như một yêu cầu tất yếu. Khi xác định được tính tất yếu này, các giải pháp thực hiện mới được huy động đồng bộ, nhất quán và hiệu quả. Sự tất yếu đó xuất phát từ những vấn đề cụ thể sau:

3.1.2.1. Sự thay đổi của văn hoá gia đình truyền thống Việt Nam

Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc cần phải củng cố và điều chỉnh các giá trị văn hoá gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Mọi sự vật hiện tượng trong quá trình phát triển đều biến đổi. Tuy nhiên, không phải sự biến đổi nào cũng đồng nghĩa với phát triển. Văn hoá lại là một thực thể đặc biệt. Những biến đổi của nó cần được nhìn nhận dưới một hệ quy chiếu đầy đủ và chính xác thì mới có thể được đánh giá khách quan, toàn diện, đưa đến một thái độ tiếp nhận cân bằng, tránh được những cực đoan trong nhận định.

Thực tế những thay đổi của văn hoá gia đình truyền thống Việt Nam đang được nhìn nhận trong sự chưa đồng nhất ấy. Đứng từ những góc độ khác nhau, các hướng đánh giá về sự biến đổi này đang có sự phân hoá. Những người trẻ tuổi có xu hướng xem sự biến đổi hiện nay của văn hoá gia đình Việt Nam là một dấu hiệu tích cực cho sự phát triển cá nhân. Theo đó, sự phát triển cá nhân được đo bằng việc thoả mãn ngày càng tốt hơn những nhu cầu của bản thân mỗi thành viên trong gia đình, trong đó, có nhu cầu được tôn trọng tuyệt đối tự do cá nhân và đề cao tính độc lập, tự chủ của cá thể. Sự độc lập này tạo điều kiện cho con người dám đối diện với những khó khăn, hình thành ý thức và thói quen chịu trách nhiệm trước công việc của mình. Đó là chưa kể đến sự tôn trọng tự do cá nhân giúp con người được có những điều kiện sống vì bản thân, ý thức đầy đủ về quyền con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, hưởng thụ đầy đủ những giá trị tốt đẹp do cuộc sống mang lại. Sự thoả mãn bản thân đó được đồng nghĩa với khái niệm hạnh phúc mà con người luôn khát khao tìm kiếm.

Quan điểm tiếp nhận sự thay đổi của văn hoá gia đình Việt Nam còn được thể hiện trong một xu hướng khác. Trước những biểu hiện đề cao thái quá giá trị vật chất, sự tác động của kinh tế và tư tưởng tự do, hưởng thụ đến văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống lại khiến không ít người thất vọng về sự đổ vỡ của những chuẩn mực đã từng được duy trì trong thời gian rất dài của lịch sử phát triển gia đình. Đặc biệt là những biến đổi so với những chuẩn mực của gia đình Nho giáo. Việc người vợ không thực sự tuân phục mọi quyết định của người chồng, người chồng tham gia hỗ trợ việc nội trợ trong gia đình, việc con cái bị tách khỏi nhiều hoạt động mang tính giáo dục để chỉ còn tập trung vào nhiệm vụ học tập, việc quan hệ tình dục trước và ngoài hôn nhân, việc ứng xử của con cái với cha mẹ ngày một giảm đi tính quyền lực đơn phương, việc ly hôn, sống gấp... đang được xem như những dấu hiệu của sự suy thoái đạo đức, của sự đổ vỡ trong quá trình phát triển của gia đình Việt Nam.

Sự khác nhau trong những đánh giá này khiến việc củng cố và điều chỉnh các chuẩn giá trị gia đình Việt Nam đang là hết sức cần thiết. Nó giúp cho các quan điểm tiếp nhận sự thay đổi trở nên gần gũi nhau hơn, tránh được sự cực đoan, gây nên tâm lý thất vọng hay cổ xuý thái quá.

3.1.2.2. Sự tác động của hội nhập quốc tế

Sự tất yếu phải củng cố và điều chỉnh các chuẩn giá trị của văn hoá gia đình Việt Nam truyền thống trong bối cảnh hiện nay còn do những yêu cầu mang tính thời đại do sự hội nhập quốc tế mang lại. Những chuẩn mực truyền thống của gia đình Nho giáo là rất phù hợp với yêu cầu phát triển con người Việt Nam trong bối cảnh xã hội nông nghiệp. Môi trường lao động tập trung, tính chất công việc không phức tạp, tính chất nhất thể hoá cấu trúc của gia đình nông nghiệp là tiền đề quan trọng để triển khai mô hình gia đình Nho giáo. Theo đó, gia đình là đơn vị đơn cực. Quyền lực và ảnh hưởng hoàn toàn mang tính một chiều. Những ràng buộc và quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi thành viên hoàn toàn phù hợp với quan niệm về bổn phận và sự hy sinh nhằm tạo nên sự ổn định, một tiêu chí quan trọng để nhận diện giá trị của gia đình truyền thống.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cơ sở kinh tế, xã hội, tư tưởng, văn hoá... cho sự ổn định của tính chất nhất thể hoá, tính đơn cực trong gia đình đã có nhiều thay đổi. Môi trường làm việc, tính chất công việc, thu nhập, nhà ở, cơ hội học tập ... là những yếu tố đầu tiên tác động đến sự ổn định của gia đình truyền thống. Điều này trực tiếp tác động đến cơ sở đầu tiên hình thành gia đình đó là vấn đề hôn nhân. Những yếu tố nền tảng mang lại một cuộc hôn nhân ổn định như : sự tương đồng về môi trường sống, sự hiểu biết về gia đình họ mạc, sự ràng buộc của dư luận và cộng đồng, sự tin cậy do không có khó khăn về khoảng cách... đều khó có thể trở thành yếu tố phổ biến tạo nên mọi cuộc hôn nhân. Những khác biệt do phương thức sản xuất thay đổi mang lại đã khiến nhiều cuộc hôn nhân được thực hiện trên những điều kiện không thuận lợi so với yêu cầu của truyền thống.

Không chỉ vấn đề điều kiện sống và làm việc, hôn nhân và gia đình người Việt còn bị tác động của sự bùng nổ thông tin. Những thành tựu trong nỗ lực của nhân loại tìm đến sự bình đẳng giới không thể không ảnh hưởng đến Việt Nam. Dù muốn duy trì mô hình gia đình Nho giáo với việc đề cao vai trò quyết định của người đàn ông để tạo nên sự ổn định của gia đình thì gia đình người Việt cũng khó có thể tách khỏi xu thế chung này. Người phụ nữ ngày càng được pháp luật bảo vệ, được ý thức đầy đủ hơn về quyền lợi của mình, đồng thời ngày một có nhiều cơ hội quyết định cuộc sống của mình hơn. Điều này, đứng trên quan điểm truyền thống có thể nhận thấy như một sự phản kháng nhưng thực chất là xu hướng khó tránh khỏi khi làn sóng hội nhập đang khiến con người nhìn nhận vấn đề ở nhiều góc độ hơn.

Hội nhập quốc tế còn đặt trẻ vị thành niên trong mối tương quan với nhiều tác động khiến những đối tượng sẽ bước vào hôn nhân này không quan niệm về cuộc sống gia đình như truyền thống. Gia đình đồng nghĩa với khái niệm hạnh phúc trong quan niệm của

nhiều thế hệ, tuy nhiên, thế hệ trẻ quan niệm về hạnh phúc có quá nhiều khác biệt. Điều này làm thay đổi khá nhiều các chức năng gia đình. Gia đình trước hết phải thoả mãn được tâm lý tình cảm của con người, mang lại cho con người sự hưng phấn, vui vẻ và phù hợp với yêu cầu mang tính riêng tư của mỗi cá nhân, đó mới là hạnh phúc. Gia đình vì thế có thể là sự sống chung của những người đồng giới, có thể của những người không hôn thú, có thể xuyên biên giới, khác tộc người... Đặc biệt, yếu tố hoà hợp tình dục đang được đặc biệt đề cao trong quan niệm về gia đình. Những tác động đó khiến gia đình người Việt rất cần có những điều chỉnh để thực sự theo đúng quy luật phát triển của xã hội loài người nhưng đồng thời không gây nên những xáo trộn quá lớn so với gia đình truyền thống Việt Nam.

3.1.2.3. Yêu cầu về sự phát triển con người toàn diện

Con người phát triển toàn diện được quan niệm là luôn giữ được sự hài hoà trong phát triển thể chất và tinh thần, trong đời sống vật chất và tình cảm, cân bằng giữa bản năng và ý thức, giữa tự do và trách nhiệm, giữa hưởng thụ và cống hiến, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa sự đòi hỏi và đức hy sinh. Chỉ có thể dung hoà được các yêu cầu đó, con người mới thực sự hoà nhập và gắn bó với cộng đồng, được cộng đồng tạo cho những điều kiện tốt nhất để phát triển đồng thời cũng đóng góp, giúp đỡ phát triển cộng đồng. Cộng đồng đầu tiên mà mỗi cá thể cần điều chỉnh chính là cộng đồng gia đình. Gia đình sẽ là đơn vị đầu tiên và lâu dài tạo nên một con người phát triển toàn diện.

Trong mối tương quan đó, nếu gia đình chỉ là nơi mà mỗi con người phải hoàn toàn hy sinh cá nhân, chỉ luôn cống hiến, luôn thực hiện nghĩa vụ, luôn phải căng lên với ý thức hoàn thiện sẽ khiến con người khó có thể tìm thấy thực sự hạnh phúc. Con người của lý trí ấy có thể sẽ là một tấm gương tốt nhưng không thể thực sự là một con người phát triển tốt.

Giáo dục truyền thống luôn hướng con người tới sự hy sinh cái tôi cá nhân. Sự hy sinh này được xem như cơ sở quan trọng để giữ gìn gia đình và xã hội. Chữ Nhẫn được cấu thành từ hai chữ “đao” và “tâm” là nhấn mạnh sự hy sinh đó. Tuy nhiên, không có sự hy sinh nào là dễ thực hiện, cũng như không phải ai cũng sẵn sàng với cảm giác dao đâm vào tim. Trong sự hy sinh trường kỳ ấy, với bản năng của mình, mỗi cá thể đều khó cảm thấy thực sự thoải mái, thực sự vui vẻ. Gia đình, xét trên phương diện này chưa phải đã thực sự tạo nên những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển.

Tuy nhiên, gia đình hiện đại lại đang có xu hướng phải chứng kiến sự ích kỷ của mỗi thành viên. Sự đòi hỏi quá cao về quyền lợi của mình, về sự tự do của mình, về các nhu cầu bản năng, về cảm giác, về sự hoà hợp tuyệt đối, về cơ hội học tập, phấn đấu... đã khiến các thành viên trong nhiều gia đình hiện đại không chịu nổi những ràng buộc của gia đình. Ly hôn, ly thân, ngoại tình... là những giải pháp mang lại sự tự do, mang lại sự thoả mãn cá nhân là những biểu hiện của sự không thể điều chỉnh để cân bằng. Gia đình đổ vỡ, xã hội mất ổn định nhưng ngay cả những con người được giải thoát khỏi sự ràng buộc ấy

cũng không thể được xem là thực sự toàn diện. Mỗi cân bằng giữa sự đòi hỏi và đức hy sinh bị phá vỡ.

Gia đình cần là nơi tạo nên những điều kiện tốt nhất để con người phát triển toàn diện. Vì vậy, việc điều chỉnh những tiêu chí mang ý nghĩa như những chuẩn giá trị phù hợp sẽ khiến gia đình thực sự trở thành điểm tựa quan trọng cho mỗi thành viên, thành tế bào lành mạnh của xã hội.

3.1.3. Quan điểm của Đảng và nhà nước trong xây dựng Văn hóa gia đình

3.1.3.1. Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa” (Theo thông tư Số: 12/2011/TT-BVHTTDL)

Điều 4. Tiêu chuẩn Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

1. gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương:

- Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân; không vi phạm pháp luật Nhà nước, quy định của địa phương và quy ước, hương ước cộng đồng;
- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; vệ sinh môi trường; nếp sống văn hóa nơi công cộng; bảo vệ di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan của địa phương; tích cực tham gia các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư;
- Không vi phạm các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không sử dụng và lưu hành văn hóa phẩm độc hại; không mắc các tệ nạn xã hội; tham gia tích cực bài trừ tệ nạn xã hội và phòng chống các loại tội phạm;
- Tham gia thực hiện đầy đủ các phong trào thi đua; các sinh hoạt, hội họp ở cộng đồng.

2. Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng:

- Vợ chồng bình đẳng, thương yêu giúp đỡ nhau tiến bộ. Không có bạo lực gia đình dưới mọi hình thức; thực hiện bình đẳng giới; vợ chồng thực hiện sinh con đúng quy định, cùng có trách nhiệm nuôi con khỏe, dạy con ngoan;
- Gia đình nề nếp; ông bà, cha mẹ gương mẫu; con cháu thảo hiền; giữ gìn các giá trị văn hóa gia đình truyền thống, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa mới về gia đình;
- Giữ gìn vệ sinh phòng bệnh; nhà ở ngăn nắp; khuôn viên xanh-sạch-đẹp; sử dụng nước sạch, nhà tắm và hố xí hợp vệ sinh; các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh, thường xuyên luyện tập thể dục thể thao;
- Tích cực tham gia chương trình xóa đói, giảm nghèo; đoàn kết tương trợ xóm giềng, giúp đỡ đồng bào hoạn nạn; hưởng ứng phong trào đền ơn đáp nghĩa, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và các hoạt động nhân đạo khác ở cộng đồng.

3. Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả:

- Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, chăm ngoan, hiếu học; người lớn trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Có kế hoạch phát triển kinh tế gia đình, chủ động “Xóa đói giảm nghèo”, năng động làm giàu chính đáng;

- Kinh tế gia đình ổn định, thực hành tiết kiệm; đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các thành viên trong gia đình ngày càng nâng cao.

Điều 7: Trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”

1. Trình tự, thủ tục:

- Hộ gia đình đăng ký xây dựng gia đình văn hóa với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư;

- Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư chủ trì phối hợp với Trưởng thôn (làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương) họp khu dân cư, bình bầu gia đình văn hóa;

- Căn cứ vào biên bản họp bình xét ở khu dân cư, Trưởng Ban vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận “Gia đình văn hóa” hàng năm;

Thời gian giải quyết là năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Căn cứ quyết định công nhận “Gia đình văn hóa” hàng năm, Trưởng Ban vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận và cấp Giấy công nhận “Gia đình văn hóa” 3 năm.

Thời gian giải quyết là năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Hồ sơ:

- Bản đăng ký xây dựng danh hiệu “Gia đình văn hóa” của các hộ gia đình;

- Biên bản họp bình xét ở khu dân cư, kèm theo danh sách những gia đình được đề nghị công nhận “Gia đình văn hóa” (có từ 60% trở lên số người tham gia dự họp nhất trí đề nghị).

- Số bộ hồ sơ cần nộp là một (01) bộ, nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Giấy công nhận “Gia đình văn hóa” thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư này.

- Điều kiện công nhận:

+ Đạt 3 tiêu chuẩn, quy định tại Điều 4 của Thông tư này;

+ Thời gian xây dựng “Gia đình văn hóa” là một (01) năm (công nhận lần đầu); ba (03) năm (cấp Giấy công nhận).

- Biểu dương, khen thưởng:

+ Danh sách “Gia đình văn hóa” được công bố trên loa truyền thanh ở khu dân cư; được biểu dương tại “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc” (Ngày 18 tháng 11 hàng năm) ở khu dân cư;

+ “Gia đình văn hóa” 3 năm, được ghi vào “Sổ truyền thống gia đình văn hóa” ở khu dân cư; được cấp Giấy công nhận “Gia đình văn hóa”;

+ “Gia đình văn hóa” được cấp Giấy công nhận, được bình bầu là gia đình văn hóa tiêu biểu, được tặng thưởng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

3.1.3.2. Chiến lược xây dựng và phát triển Văn hóa Gia đình

Đề đạt được mục tiêu: “*Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách*”, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong thời gian tới ngoài nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, chú ý đến kinh tế trang trại và kinh tế hộ, Đảng ta chỉ rõ cần tập trung vào một số khâu chủ yếu sau:

Một là, sớm có chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống của văn hóa, con người Việt Nam, nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ. Để hoàn thiện Chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, cần làm rõ một số nội dung sau:

Nâng cao nhận thức của toàn xã hội cũng như mỗi cá nhân về vai trò, vị trí đặc biệt của gia đình đối với xã hội và trách nhiệm của gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trong gia đình, ngăn chặn sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội vào gia đình. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung công tác xây dựng văn hóa gia đình và gia đình văn hóa vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hằng năm của các bộ, ngành, địa phương.

Xây dựng gia đình Việt Nam phải trên cơ sở kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiên tiến của thời đại về gia đình. Đề cao trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng nhân cách cho mỗi thành viên trong gia đình nhằm hướng tới những phẩm chất của con người Việt Nam mà Đại hội XI của Đảng đã chỉ ra.

Hai là, xây dựng gia đình văn hóa phải gắn với các phong trào khác, như xây dựng khu dân cư văn hóa, làng, xóm văn hóa... Đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; xây dựng nếp sống văn hóa trong các gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... tạo điều kiện cho mọi người được tiếp cận với các kiến thức kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học, kỹ thuật và phúc lợi xã hội, giúp các gia đình có kỹ năng sống, chủ động phòng, chống sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Đại hội XI của Đảng

chỉ rõ: *Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam.* Đây là *điểm mới* trong nhận thức của Đảng ta về nhiệm vụ xây dựng, phát triển nguồn lực con người trong bối cảnh hiện nay.

Ba là, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Để mỗi tế bào xã hội mạnh khỏe thì công tác chăm sóc sức khỏe, trước hết là sức khỏe của bà mẹ, trẻ em, thực hiện gia đình ít con là biện pháp quan trọng cần được quan tâm. Về vấn đề này, Đảng ta chỉ rõ: Thực hiện nghiêm chính sách và pháp luật về dân số, duy trì mức sinh hợp lý, quy mô gia đình ít con. Có chính sách cụ thể bảo đảm tỷ lệ cân bằng giới tính khi sinh. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, giảm mạnh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng dân số.... Đồng thời, phải tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em các cấp; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác gia đình.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật xây dựng gia đình văn hóa. Chúng ta đã có Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000); Luật Bình đẳng giới (năm 2007); Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (năm 2008); Pháp lệnh Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020... Tuy nhiên, gia đình luôn vận động và biến đổi theo sự vận động của xã hội, vì vậy, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục ban hành, bổ sung một số chính sách mới phù hợp với điều kiện xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời, phải đổi mới nội dung và giải pháp truyền thông về gia đình, nâng cao hiểu biết về các văn bản luật này, cùng các kiến thức, kỹ năng về cuộc sống gia đình.

Năm là, tiếp tục sự nghiệp giải phóng phụ nữ nhằm thực hiện bình đẳng giới. Hiện nay, phụ nữ còn chịu nhiều thiệt thòi, bất bình đẳng so với nam giới, do vậy, họ chưa phát huy hết vai trò của bản thân trong xây dựng gia đình, đồng thời hạn chế sự đóng góp của họ cho toàn xã hội. Phụ nữ cần tiếp tục được giải phóng, được chia sẻ về công việc gia đình, hỗ trợ về các dịch vụ gia đình để họ có thời gian phát triển sự nghiệp.

Đại hội XI của Đảng chỉ rõ: Xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ, tập trung ở những vùng và khu vực có sự bất bình đẳng và nguy cơ bất bình đẳng cao; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn bán phụ nữ và bạo lực trong gia đình. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ. Đồng thời, phải nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện pháp luật, chính sách đối với lao động nữ. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham

gia cấp ủy và bộ máy quản lý nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Qua hơn 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn cầu hóa hiện nay, Đảng ta càng nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của gia đình với tư cách là “tế bào” vững chắc của xã hội, là môi trường lành mạnh để xây dựng nguồn lực con người; coi xây dựng gia đình văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Với tinh thần, nhận thức và biện pháp đó, chúng ta hy vọng trong thời gian tới vị trí, vai trò của gia đình ngày càng được khẳng định và các gia đình Việt Nam ngày càng “khỏe mạnh” hơn để giữ vững nền tảng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo đà cho Việt Nam “cất cánh” nhanh và bền vững.

Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21-2-2005, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: “Trong thời gian tới, nếu chúng ta không quan tâm củng cố, ổn định và xây dựng gia đình, những khó khăn và thách thức sẽ tiếp tục làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Đề cao giá trị văn hóa gia đình và xây dựng gia đình văn hóa là mục tiêu vừa có tính chiến lược, vừa có tính cấp bách trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phù hợp với truyền thống đạo lý của dân tộc và phù hợp với quy luật phát triển tất yếu của xã hội. Do đó, công tác xây dựng văn hóa gia đình và phong trào xây dựng gia đình văn hóa trong giai đoạn mới cần tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào xây dựng gia đình văn hóa, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hóa gia đình và công tác xây dựng gia đình văn hóa; coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế – xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung công tác xây dựng văn hóa gia đình và gia đình văn hóa vào chiến lược phát triển kinh tế – xã hội và chương trình kế hoạch công tác hằng năm của các bộ, ngành, địa phương.

Thứ hai, tiếp tục giáo dục, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển, từ đó đề cao trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng nhân cách cho mỗi thành viên trong gia đình. Giáo dục văn hóa gia đình là xây dựng con người Việt Nam với những phẩm chất cao quý theo nội dung Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc”, có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với

nhân dân thế giới... có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước.

Thứ ba, chú trọng các biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa và nội dung các tiêu chí công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình. Đây cũng là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

Thứ tư, phải có sự đầu tư về kinh phí, nguồn lực cho phong trào xây dựng gia đình văn hóa kết hợp với phương châm xã hội hóa, tạo nền tảng cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Thường xuyên tổng kết, sơ kết phong trào xây dựng gia đình văn hóa, đánh giá kết quả phấn đấu xây dựng gia đình văn hóa từng giai đoạn kết hợp với các phong trào khác để đạt được hiệu quả thiết thực, đồng thời rút ra được những bài học kinh nghiệm từ việc tổ chức thành công Hội nghị biểu dương gia đình văn hóa tiêu biểu xuất sắc các cấp và Hội nghị toàn quốc (tổ chức tại Hà Nội vào quý III năm 2007) nhằm tôn vinh, nhân rộng điển hình các gia đình văn hóa tiêu biểu xuất sắc để nêu gương cho toàn xã hội. Đồng thời đưa hoạt động này thành định kỳ thường xuyên của các cấp từ trung ương đến địa phương.

Thứ năm, phải thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp kiến thức văn hóa gia đình và nội dung công tác xây dựng gia đình văn hóa cho cán bộ chỉ đạo hướng dẫn phong trào xây dựng gia đình văn hóa các cấp, nhằm trang bị kiến thức xây dựng gia đình văn hóa trong đời sống xã hội hiện đại để cập nhật trước yêu cầu đổi mới của thời đại và có định hướng hướng dẫn nhân dân thực hiện lâu dài.

3.2. Công tác xây dựng văn hóa gia đình trong bối cảnh hiện nay

3.2.1. Vấn đề giáo dục đạo đức và nếp sống văn hóa gia đình

3.2.1.1. Vấn đề giáo dục gia đình qua các giai đoạn

**Giáo dục của gia đình Việt Nam truyền thống*

- Xã hội Việt Nam truyền thống có sự tồn tại lâu dài của nền văn minh nông nghiệp lúa nước, sự ổn định của tổ chức xã hội nông thôn và sản xuất theo hộ gia đình mang tính chất tự cung, tự cấp là đặc điểm tồn tại lâu dài trong lịch sử phát triển của đất nước.

+ Trong điều kiện đó hệ thống giáo dục của Nhà nước phong kiến chưa phát triển.

+ Tổ chức văn hóa gia đình theo chế độ gia trưởng phụ quyền chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo và Phật giáo: Gia đình giữ vai trò chủ yếu, cơ bản trong việc hình thành nhân cách con người ở trong tất cả mọi tri thức, đạo đức và nghề nghiệp. Tất nhiên trừ một số rất ít thuộc con em giai cấp thống trị, đặc biệt lắm mới có con em nhân dân lao động đến trường học theo đường bút nghiên mong tiến thân bằng con đường hoan lộ, nhưng mấy ai thành đạt.

+ Giáo dục gia đình không ngoài việc hình thành và phát triển người công dân hiền lành cần cù, chất phác sống trong phương thức sản xuất xã hội tự cung tự cấp là chủ yếu: "Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ".

+ Tham gia vào giáo dục trẻ ngoài cha mẹ, còn có ông bà nội ngoại, cô dì, chú bác ruột thịt sống gần gũi nhau trong một khu đất, một mảnh vườn và còn có cả dân làng chòm xóm cũng có vai trò giám sát đứa trẻ, hỗ trợ cho gia đình.

+ Các yếu tố cơ bản, cốt lõi và thang giá trị của một nhân cách cũng không mấy phức tạp và không có sự đảo lộn, biến động thường xuyên. Cho nên giáo dục gia đình cũng không gặp những trở ngại lớn trong việc hình thành và phát triển những yếu tố nhân cách cơ bản theo nội dung tam cương, ngũ thường, ngũ luân mà nổi bật lên là:

"Trai thì trung, hiếu làm đầu

Gái thì tiết hạnh là câu sửa mình".

- Trong điều kiện lịch sử xã hội, không có những biến đổi cách mạng dữ dội về phương thức sản xuất, cứ vậy tồn tại hàng vạn năm, gia đình đã giữ vai trò hết sức quan trọng, vai trò chủ yếu trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, với những truyền thống rất tốt đẹp được giữ gìn truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác như tình gia tộc, nghĩa đồng bào, lòng bao dung độ lượng, căm ghét tham lam, dối trá, độc lòng bảo vệ xây dựng quê hương, xóm thôn, đất nước...

**Giáo dục gia đình và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ thuộc Pháp*

- Từ khi thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam, chúng tìm cách vơ vét tài nguyên của nước ta bằng việc khai thác các hầm mỏ than, đồng, sắt, thiếc, lập đồn điền, mở mang đường sá giao thông, bến cảng, thúc đẩy sự buôn bán với nước ngoài.

+ Nền kinh tế Việt Nam từ trạng thái tự cung, tự cấp, khép kín được mở rộng ra một nền kinh tế thị trường dù rất sơ khai.

+ Cơ cấu xã hội Việt Nam có sự chuyển đổi mới. Chữ quốc ngữ ra đời thay thế cho chữ Hán và chữ Nôm.

+ Văn hoá Pháp cùng với những kiến thức khoa học kỹ thuật được truyền bá rộng rãi.

+ Một bộ phận gia đình Việt Nam thuộc tầng lớp viên chức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc mới phát sinh chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, đồng thời hệ thống nhà trường

do nhà nước tổ chức quản lí cũng ngày càng mở mang, đảm nhiệm phần giáo dục tri thức, nghề nghiệp thay thế dần vai trò của gia đình.

- Song, bộ phận đông đảo nhất là gia đình nông dân Việt Nam, kể cả gia đình của những thành phần giai cấp chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp thì vấn đề giáo dục trong gia đình vẫn được quan tâm đến mặt đạo đức, nhân cách con người theo các giá trị truyền thống, nêu cao tinh thần đoàn kết, tương trợ, trách nhiệm đối với lợi ích của gia đình, gia tộc, cộng đồng "lá lành đùm lá rách", tôn trọng nhân nghĩa, độc lập, tự do mà cốt lõi là tinh thần yêu nước, căm thù lũ bán nước và cướp nước

**Giáo dục gia đình và nhân cách con người Việt Nam trong 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội*

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là bước ngoặt lịch sử của sự phát triển xã hội Việt Nam. Song, do âm mưu xâm lược của đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã trải qua 30 năm chiến tranh vô cùng tàn khốc, ác liệt, đã phải chịu biết bao mất mát hi sinh. Nhưng nhân cách con người Việt Nam vẫn sáng chói, rạng rỡ thể hiện bản chất nhân văn, chính nghĩa "không có gì quý hơn độc lập tự do" của dân tộc, của Tổ quốc đã làm cho nhân loại tiến bộ khắp bốn biển năm châu hết lòng khâm phục. Thắng lợi đó đã chứng minh cho sự kết hợp thống nhất, chặt chẽ giữa mục tiêu giáo dục của gia đình với mục tiêu giáo dục của xã hội, giữa lợi ích của cá nhân với lợi ích tập thể.

+ Suốt trong 30 năm chiến tranh, gia đình vẫn là đơn vị kinh tế, xã hội cơ bản, họ phải tự nuôi mình, lại còn phải cung cấp lương thực nuôi quân, nuôi cán bộ, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Phụ nữ vẫn phải lo sinh đẻ, nuôi con, đào tạo thế hệ trẻ, chăm sóc người già, gánh vác mọi công việc ở hậu phương...

+ Gia đình, giáo dục gia đình kết hợp thống nhất với giáo dục của xã hội. Hun đúc, rèn luyện nên nhân cách người chiến sĩ cách mạng, anh bộ đội cụ Hồ, hi sinh tất cả và sự nghiệp giải phóng dân tộc, động viên lòng yêu nước của các thành viên gia đình già, trẻ, trai, gái... Chuẩn mực, nhân cách tiêu biểu nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kết tinh của các giá trị truyền thống và những phẩm chất cách mạng của người Việt Nam trong thời đại lịch sử mới.

- Sau khi Nam Bắc thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội theo xu hướng bao cấp, dựa trên nền tảng công hữu toàn dân (toàn dân và tập thể).

+ Vai trò của gia đình là phối hợp với xã hội nhằm hình thành mẫu nhân cách con người toàn tâm toàn, phục vụ lợi ích chung của xã hội "mình vì mọi người, mọi người vì mỗi người", vẫn thuận chiều với yêu cầu cơ chế quản lí của xã hội.

+ Song chế độ bao cấp đã dẫn đến sự khủng hoảng nền kinh tế xã hội ngày càng trầm trọng làm cho gia đình và cá nhân phải bó tay chịu thiếu thốn, nghèo nàn về cả mặt vật chất và tinh thần.

- Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra đường lối cách mạng đổi mới toàn diện, nhằm xây dựng đất nước theo định hướng XHCN với nền kinh tế nhiều thành phần, có sự điều tiết của Nhà nước để làm cho dân giàu, nước mạnh, gia đình và cá nhân phát huy hết khả năng độc lập, sáng tạo; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho bản thân, góp phần phồn vinh thịnh vượng cho đất nước.

**Gia đình và giáo dục gia đình trong trong sự nghiệp đổi mới của đất nước hiện nay.*

- Kể từ năm 1986 đến nay, với chủ trương của Đảng và Nhà nước chuyển nền kinh tế từ cơ chế bao cấp sang nền kinh tế theo cơ chế thị trường, chấp nhận sự cạnh tranh, chấp nhận sự phân hóa giàu nghèo đã làm cho đất nước nói chung, gia đình nói riêng có những biến đổi mạnh mẽ:

+ Cấu trúc gia đình ít nhân khẩu, ít thế hệ (gia đình hạt nhân) ngày càng phổ biến, tuổi thọ của người già ngày càng tăng ở trong gia đình, tính đa dạng, nhiều chiều của cá nhân trong gia đình cũng hết sức phong phú.

+ Rất ít gia đình có sự đồng nhất về nghề nghiệp. Kể cả ở nông thôn cũng không còn mấy gia đình thuần túy chỉ một nghề nông nghiệp.

+ Tính phong phú, cơ động về nghề nghiệp trong gia đình theo sự điều tiết của cơ chế thị trường đã tạo nên sự gia tăng và thu nhập chênh lệch khác nhau, độc lập với nhau của các thành viên trong gia đình.

- Nền kinh tế theo cơ chế thị trường rõ ràng đã tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển, sản phẩm xã hội ngày càng nhiều, cơ sở vật chất hạ tầng được củng cố, lớn mạnh nhanh chóng, các mặt văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật... được mở rộng và nâng cao. Song do quy luật cạnh tranh của nhiều thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường đã làm cho vị trí, sức mạnh của đồng tiền "là tiên là phật" chi phối hầu hết các hoạt động trong đời sống làm nảy sinh, phát triển nhanh chóng nhiều tệ nạn xã hội đến mức trầm trọng, đáng lo ngại, báo hiệu một sự xuống cấp về đạo đức, đặc biệt là đối với thế hệ thanh thiếu niên.

+ Một bộ phận thanh thiếu niên đã có mặt trong các tệ nạn nguy hiểm: trộm cắp, cờ bạc, mại dâm, giết người, nghiện ma túy... có nguy cơ lan nhanh vào cả nhà trường.

+ Nhưng, suy cho cùng, ai đó dù ở lứa tuổi c.n niên thiếu, hay đã trưởng thành lỡ sa chân vào vũng lầy của tệ nạn xã hội, đánh mất những phẩm chất đạo đức vốn có của con người đều phải bước qua ngưỡng cửa của gia đình.

- Vì vậy, bất luận trong điều kiện, hoàn cảnh nào, gia đình và trước hết là gia đình phải trực tiếp gánh chịu kết quả tốt đẹp hay hư hỏng về sự hình thành và phát triển nhân cách của con cái mình.

Sau 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã chuyển sang một giai đoạn mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong giai đoạn phát triển này, tiếp tục phát triển

kinh tế thị trường định hướng XHCN đã được Nghị quyết Đại hội IX của Đảng xác định là nhiệm vụ trung tâm. Nền kinh tế thị trường đó đã và vẫn đang có ảnh hưởng sâu sắc cả theo hướng tích cực lẫn tiêu cực tới mọi mặt của đời sống xã hội nước ta, tới hệ thống các giá trị và quy phạm đạo đức, trong đó có vấn đề giáo dục đạo đức và nếp sống văn hoá gia đình truyền thống.

Dưới tác động của kinh tế thị trường nhiều giá trị đạo đức truyền thống và nếp sống văn hoá gia đình đã có sự vận động và biến đổi phức tạp. Bên cạnh những giá trị đạo đức mới, nếp sống văn hoá gắn liền với quá trình phát triển kinh tế thị trường, đã có những giá trị đạo đức truyền thống, nếp sống văn hoá gia đình truyền thống bị xâm hại và có nguy cơ bị mai một đi.

Trên thực tế ở nhiều nơi, nhất là ở các đô thị lớn, gia đình đã có những dấu hiệu của sự khủng hoảng. Các mối quan hệ gia đình truyền thống, nhưng nếp sống văn hoá gia đình truyền thống tốt đẹp đang bị lấn át bởi những quan hệ hàng hoá, thị trường, lợi nhuận, bởi những lối sống lai căng, kệch cỡm, xa lạ, thiếu văn hoá.

Trong bối cảnh đó, vấn đề giáo dục đạo đức và nếp sống Văn hoá gia đình truyền thống đang trở nên bức bách và hết sức cần thiết.

Theo tiến trình của sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay, thiết chế gia đình Việt Nam đang có sự chuyển tiếp từ truyền thống sang hiện đại. Nhìn chung, nếp sống văn hoá trong gia đình Việt Nam truyền thống vẫn giữ được sự ổn định của nó và được cả cộng đồng xã hội tôn trọng. Sống gắn bó với gia đình trong môi trường văn hoá truyền thống và với những mối quan hệ đạo đức đã trở thành chuẩn mực xã hội vẫn là lối sống được nhiều người tán đồng, khẳng định và coi đó là đạo lý.

Tuy nhiên, dưới tác động của kinh tế thị trường, của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cộng với sự hấp dẫn của đời sống đô thị khi mà quá trình đô thị hoá diễn ra với một quy mô rộng lớn và tốc độ nhanh đến chóng mặt, nếp sống gia đình Việt Nam truyền thống đang phải đối mặt với nguy cơ bị mai một dần. Sự gắn bó với nhau giữa các thành viên trong gia đình trở nên lỏng lẻo hơn. Một số thành viên trong các gia đình nông thôn, nhiều nhất là thanh niên, đã rời bỏ nông thôn, từ bỏ nghề nông để đổ xô về thành phố, thị xã, thị trấn tìm kiếm việc làm, sinh sống ngày một đông.

Theo quy luật phát triển xã hội, đây là một hiện tượng tất nhiên và do đó, cũng là rất tự nhiên. Song, điều đáng quan tâm là sự rời bỏ nông nghiệp, nông thôn của lực lượng lao động này đã tạo ra không ít biến động trong nếp sống cổ truyền của đông đảo gia đình. Sự phân tán về nơi cư trú và cách kiếm sống, lối sống thị thành mới được hấp thụ ở lực lượng này đã khiến cho sự gắn bó, mối liên kết vốn rất chặt chẽ và bền vững giữa họ với các thành viên trong gia đình cũng dần có phần bị lợi lỏng và ngày càng trở nên lỏng lẻo hơn.

Hiện tượng những người già có ruộng vườn nhưng lại thiếu người chăm sóc, khá đông con nhưng lại phải sống cô đơn xuất hiện ngày một nhiều.

Không phải ai trong số những người rời bỏ nông nghiệp, nông thôn ra thành phố kiếm sống cũng có khả năng hội nhập thực sự vào cuộc sống đô thị và do vậy, ở họ luôn có nhiều lối sống khác nhau và sự gắn kết giữa họ với nhau đã hình thành nên một thể hệ gia đình có những điểm không giống với gia đình Việt Nam truyền thống. Thế hệ những gia đình này vừa có cái gì đó rất nông dân, lại vừa có cái gì đó mang dáng dấp của lối sống công nghiệp.

Trong bối cảnh đó, một số giá trị đạo đức trong gia đình Việt Nam truyền thống đã được nhìn nhận theo một cách khác. Bên cạnh những người vẫn giữ được lòng hiếu thảo với cha mẹ, vượt lên khó khăn, sống có hoài bão, đã xuất hiện lối sống thực dụng, phóng đãng, xem nhẹ hoặc không còn biết đến lòng hiếu thảo là gì. Cũng đã có không ít người vội quên đi cuộc sống vất vả, khó khăn nơi thôn dã mà trước đó ít lâu họ đã nếm trải để chạy theo lối sống phung phí tiền bạc, lạnh lùng, thậm chí coi thường và xa lánh nhưng người có cuộc sống hiện còn nghèo khó.

Dưới tác động của kinh tế thị trường, của lối sống thị thành, gia đình Việt Nam xưa vốn là một gia đình hài hoà, trong đó cùng chung sống dưới một mái nhà có cả ông bà, cha mẹ lẫn con cái, ba thế hệ này chung sống với nhau, bổ sung cho nhau những thiếu hụt của mỗi lớp tuổi đời (con cháu cần sự chăm sóc của bố mẹ, ông bà, ông bà có nhu cầu trông nom đàn cháu cho vui, trông cậy con cháu lúc tuổi già, con cháu lấy ông bà làm nơi nương tựa về tình cảm, nguồn cung cấp kinh nghiệm sống...) nay đã có nguy cơ tan vỡ.

Xu hướng thích ra ở riêng ngay từ khi mới lập gia đình ngày càng trở nên phổ biến. Mặt tốt cần được khẳng định của xu hướng này là ý chí tự lập của mỗi người được đề cao, song ảnh hưởng xấu của nó cũng không nhỏ. Mỗi gia đình nhỏ luôn cố tìm cho mình một tổ ấm riêng và trong cái tổ ấm ấy, thành viên nào cũng cố tìm cho mình một không gian riêng. Với cách sống đó, quyền tự do cá nhân được tôn trọng, song mối quan hệ huyết thống lại dần dần bị phai nhạt. Bố mẹ, anh em, bà con họ hàng ít có dịp gặp nhau và gần như quanh năm chỉ là những câu thăm hỏi xã giao qua thư từ, điện thoại. Với cha mẹ già, phần đông nam nữ thanh niên đều cho rằng chỉ cần đóng góp tiền để phụng dưỡng là kẻ như đã tròn bổn phận của đạo làm con. Chữ hiếu đã được không ít người hiểu một cách lạnh lùng như chính đồng tiền của họ.

Cùng với đó, kinh tế thị trường còn tạo ra một lối sống mới mà không ít người coi đó là “mốt” - lối sống hưởng thụ mà đi kèm với nó là tâm lý tiêu dùng. Với lối sống và tâm lý ấy, các giá trị vật chất đang ngày càng lấn át các chuẩn mực đạo đức và phẩm cách con người, nhiều phong tục, nếp sống gia đình truyền thống và đạo lý cổ truyền bị mai một, xâm hại.

Nếu trước đây người ta trọng lối sống cần kiệm, thì nay trong nền kinh tế thị trường, người ta lại ra sức tiêu xài, phung phí, chạy theo tiện nghi. Chủ nghĩa tiêu dùng đã được một số người coi như một hệ tư tưởng mới. Sự tiêu dùng phung phí được xem là biểu hiện thành công đối với cá nhân, gia đình và xã hội, dẫn rằng nó không phải là nhu cầu tiêu dùng hợp lý, trong khi nhu cầu phát triển tinh thần lại rất thấp. Việc tiêu dùng được gán cho những giá trị văn hoá lớn hơn thực tế, thậm chí có khi đó chỉ là những giá trị ảo, dễ làm hoa mắt những người ít hiểu biết hay có trình độ học vấn, thẩm mỹ không cao. Sự du nhập các giá trị phương Tây do việc mở cửa, hội nhập kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế thị trường đã khiến cho một số người có cách nghĩ và lối sống không thích hợp với cả hiện trạng kinh tế lẫn truyền thống văn hoá của con người Việt Nam.

Những tư tưởng vọng ngoại, sùng ngoại ấy đang làm suy giảm các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, của gia đình Việt Nam truyền thống. Và chính những giá trị ngoại nhập mà nhiều khi là giả tạo này đang tạo ra nhiều nét đứt gãy trong lối sống gia đình Việt Nam truyền thống. Nguy hại hơn, nó đã tạo ra sự chia ly, xung đột giữa vợ và chồng giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em trong một gia đình. Cách tiêu xài, lối sống buông thả, tự do, phóng túng kiểu Âu Mỹ thâm nhập vào nước ta qua con đường phim ảnh, băng đĩa nhập lậu, khách du lịch... đã dẫn đến lối sống ăn nhậu bê tha, quan hệ tình cảm bừa bãi, sống thiếu trách nhiệm với gia đình và xã hội ở một số người, nhất là ở thành phố. Có những người biết rõ cách sống đó không hợp với đạo lý dân tộc, với thuần phong mỹ tục và nếp sống gia đình Việt Nam truyền thống nên chỉ chạy theo một cách lén lút, nhưng cũng đã có một số người coi đó là văn minh, là hiện đại và công khai bày tỏ sự đắc chí thấp hèn của mình. Số người này không nhiều nhưng những tác động xấu mà họ gây ra thì lại không chỉ giới hạn ở bản thân họ và gia đình họ. Đã có không ít gia đình đổ vỡ, chia ly chỉ vì lối sống được gọi là Âu - Mỹ đó.

Cùng với lối sống hưởng thụ và tâm lý tiêu dùng trong môi trường kinh tế thị trường mà lợi nhuận là cái được đề cao đã hình thành, nảy sinh và định hình một lối sống háms lợi. Với lối sống này, từng cá thể, mỗi gia đình hay sự liên kết giữa chúng thành êkíp làm giàu bằng mọi cách, thậm chí còn bất chấp cả luật pháp, đạo lý, tình nghĩa. Vì lợi nhuận mà đã có gia đình trong đó cha mẹ, con cái, anh chị em cùng làm ăn bất chính hay lừa đảo lẫn nhau, đẩy cả gia đình rơi vào bi kịch. Sự cám dỗ của đồng tiền và nhu cầu kiếm tiền bằng mọi cách đã làm không ít người choáng ngợp, sẵn sàng chà đạp lên luân thường đạo lý.

Trong gia đình và xã hội xuất hiện ngày càng nhiều nghịch cảnh. Quan niệm có tiền là có tất cả đã khiến người ta quên mất rằng tiền bạc đâu có làm nên hạnh phúc. Đồng tiền đâu có là một trong những phương tiện mang đến hạnh phúc gia đình nhưng lại chưa bao giờ là hạnh phúc cả. Bởi giàu có thì dễ hoang tàng, xa xỉ, sa đọa chơi bời, trác táng và hệ quả tất yếu là tan nhà nát cửa, vợ chồng chia ly, con cái hư hỏng. Quan niệm "tiền trao cháo múc", mối quan hệ "trả tiền ngay không tình không nghĩa" đã có ảnh hưởng không

nhỏ đến việc giáo dục các giá trị nhân văn chân chính, giáo dục đạo lý truyền thống trong gia đình.

Thêm vào đó là lối sống ích kỷ. Ở nước ta, lối sống này hầu như chưa phải đã đến mức trầm trọng, phổ biến, nhưng nó đã bắt đầu nảy sinh, xuất hiện trong một số gia đình. Thực ra, lối sống ích kỷ ở thời nào cũng có, nhưng nếu trước đây nó chỉ có ở những gia đình giàu có, thiếu giáo dục thì nay lại không hoàn toàn như vậy. Trong nền kinh tế thị trường, để có cơ hội làm giàu, kể cả làm giàu chính đáng, phần lớn các gia đình Việt Nam, cả ở thành phố lẫn nông thôn, đều ưa thích mô hình gia đình ít con. Nhưng có lẽ cũng vì ít con nên xu hướng chung của các gia đình này là tập trung mọi tình cảm, vật chất cho con, nhất là khi con còn nhỏ. Điều đó là đúng, song cũng vì thế mà trên thực tế, một hệ quả tất yếu đã xảy ra đó là không ít trẻ vị thành niên trở nên ích kỷ một cách lạ thường, không biết đến ai ngoài bản thân mình, đòi hỏi ở bố mẹ cả những cái không thể đáp ứng và một khi những đòi hỏi ấy của chúng được cha mẹ đáp ứng một cách dễ dàng, nhanh chóng, đã khiến chúng không hiểu đúng, lại càng không đánh giá đúng công sức cũng như ý nghĩa của thành quả lao động mà bố mẹ chúng đã phải "hai sương một nắng" mới kiếm được. Số trẻ ấy nếu không được quan tâm dạy dỗ tốt sẽ thiếu bản lĩnh vào đời sống trên đời với thói quen ỷ lại, dựa dẫm và rất dễ phản kháng một khi nhu cầu của chúng không được đáp ứng. Trên thực tế, đã có không ít gia đình xung đột thậm chí có khi tan vỡ bởi sự nuông chiều con cái không đúng mà bản thân họ vừa là thủ phạm, vừa là nạn nhân.

Những điều nói trên cho thấy, trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, các giá trị đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống đang diễn ra theo hai xu hướng đối lập nhau. Đó là: trong nhiều gia đình, các giá trị đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống vẫn được bảo tồn và phát huy, song ở một số gia đình, nhất là những gia đình đang sống tại các thành phố, thị xã, thị trấn, các giá trị đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống ấy đang có xu hướng bị mai một, bị xâm hại bởi sức mạnh hư ảo của các giá trị và lối sống ngoại nhập, bởi những quan hệ hàng hóa, thị trường, lợi nhuận, bởi lối sống hưởng thụ và tâm lý tiêu dùng, háo lợi, ích kỷ. Và do vậy, nhận thức và hành động của cộng đồng, xã hội và gia đình cũng diễn ra theo hai xu hướng đối lập nhau. Những người muốn mở rộng cửa để tiếp thu tinh hoa văn hoá tiến bộ của nhân loại thì tỏ ra e ngại với các giá trị đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống, coi nó là những di sản của quá khứ, là cái cản trở mọi sự tiến bộ và phát triển. Những người ủng hộ việc bảo tồn và phát huy các giá trị đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống thì lại muốn sử dụng các chuẩn mực của quá khứ với hy vọng có thể ngăn chặn được làn sóng văn hoá và các lối sống mà họ cho là không thích hợp, độc hại đang tràn đến từ bên ngoài.

Thực tiễn của những năm đổi mới, phát triển kinh tế thị trường ở nước ta vừa qua cho thấy, thông qua việc mở rộng quan hệ, chúng ta đã tiếp thu được nhiều thành tựu văn minh của nhân loại, làm phong phú thêm nền văn hoá và đời sống tinh thần dân tộc. Nhưng

mặt khác, cũng trong quá trình mở cửa, hội nhập, sự xâm nhập của văn hoá và lối sống ngoại lai đã làm cho một số giá trị văn hoá, đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống có nguy cơ bị mai một. Trong đời sống xã hội, ở một số gia đình đã có những biểu hiện coi nho, thậm chí loại bỏ các giá trị đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống, chạy theo những lối sống xa lạ, lai căng kệch cỡm. Đặc biệt, "tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ... đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp".

Nhận thức rõ thực trạng ấy, với quan niệm gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách, Đảng ta đã khẳng định: *"Chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người"*.

Là cái tồn tại bền vững trong mọi hình thái kinh tế - xã hội, là một tế bào của xã hội, gia đình mãi mãi là cái nôi nuôi dưỡng, bồi dưỡng nhân cách và tâm hồn con người từ nhỏ đến lúc trưởng thành. Là trường học đầu tiên giáo dục nhân cách và lối sống có văn hoá, có đạo lý cho con người. Gia giáo bao giờ cũng đi trước giáo dục xã hội. Vinh dự và trách nhiệm của gia đình là cung cấp cho xã hội những công dân ưu tú cả về tài năng lẫn đạo đức.

Là một tổ ấm tình cảm, gia đình trong kinh tế thị trường và trước sự xâm lấn của thứ văn hoá không lành mạnh, của lối sống ngoại lai, ngày càng phải thế. Trong gia đình ấy, mọi thành viên cần phải dựa vào nhau, an ủi, khuyến khích, động viên nhau, chia sẻ với nhau mọi nỗi đau buồn và vui sướng. Nó không thể chỉ là một "đơn vị kiếm sống", càng không thể là một "quán trọ" cho những tâm hồn cô đơn và lối sống tạm bợ. Nó cần phải được xây dựng bền vững, trở thành niềm vui và hạnh phúc cho mỗi con người khi mà ở đó, các giá trị đạo đức và lối sống gia đình truyền thống tốt đẹp được bảo tồn và phát huy.

- Giáo dục đạo đức và nếp sống văn hoá gia đình truyền thống cho mọi người trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay phải nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống; tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hoá các dân tộc đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ. Chính vì vậy, việc giữ gìn và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. coi trọng xây dựng gia đình văn hoá. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội phải được coi là nhiệm vụ trọng yếu.

- Giáo dục đạo đức và nếp sống gia đình văn hoá truyền thống trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay ngoài việc tổ chức và tập hợp đông đảo các

tổ chức, đoàn thể xã hội, cộng đồng và gia đình cùng tham gia tích cực vào công tác này, theo chúng tôi, chúng ta còn phải tạo ra những "sân chơi" mới, thích hợp và hấp dẫn đối với mọi người, nhất là lớp trẻ; phải kiểm tra, kiểm soát các sản phẩm văn hoá, tìm cách chọn lọc và xử lý các thông tin văn hoá từ nước ngoài du nhập vào. Vai trò truyền thống và giáo dục các giá trị văn hoá truyền thống, đạo lý và nếp sống gia đình văn hoá phải được chú trọng. Lồng ghép việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống, nếp sống gia đình văn hoá vào các hoạt động thường ngày của con người, nhất là lớp trẻ, từ học tập lao động đến vui chơi, giải trí. Cùng với đó phải tạo ra một môi trường sống lành mạnh ở gia đình và xã hội. Trước hết, chúng ta phải giải quyết từng bước các điều kiện tồn tại của gia đình như nhà ở, việc làm, đồng thời xây dựng các quan hệ ứng xử sao cho thích hợp với mọi lứa tuổi, với vai trò và trách nhiệm của mỗi thành viên trong trật tự gia đình. Nhớ ơn bố mẹ, kính trọng ông bà, thương yêu con cháu, anh em đùm bọc, vợ chồng hoà thuận là những tình cảm tự nhiên, tốt đẹp, xuất hiện trong xã hội truyền thống cần phải được giữ gìn, củng cố và phát huy mạnh mẽ. Xây dựng gia đình văn hoá mới cần nối tiếp các giá trị văn hoá, đạo đức, nếp sống truyền thống tốt đẹp, đồng thời xây dựng nên nếp gia đình dân chủ, tôn trọng nhau, cùng nhau bàn bạc và quyết định, khắc phục thái độ độc đoán, gia trưởng, bất bình đẳng của các quan hệ gia đình trong xã hội cũ. Chỉ có thế, mỗi chúng ta, mỗi gia đình mới có đủ sự sáng suốt và năng lực để tiếp tục chuyển tiếp các giá trị đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống tốt đẹp cho thế hệ mai sau.

Khi xã hội càng hiện đại, đồng tiền càng "lên ngôi" thì các giá trị đạo đức của con người càng bị xói mòn, cho nên thờ cúng tổ tiên bây giờ lại mang một ý nghĩa thời đại sâu sắc. Làm sao để người Việt Nam giữ được văn hóa tốt đẹp của mình trong bối cảnh giao lưu văn hóa diễn ra mạnh mẽ và cuộc sống ngày càng hiện đại, nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị lãng quên? Để làm tốt điều này chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp mang ý nghĩa tham khảo như sau:

- Thứ nhất: Trong gia đình ông bà, cha mẹ cần phải là tấm gương sáng cho con cháu noi theo về đạo hiếu
- Thứ hai: Giáo dục trong gia đình phải được ông bà, cha mẹ thống nhất về phương pháp, phải làm cho con cháu có được những kiến thức cơ bản về đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây, cây có cội, sông có nguồn con người phải có gốc.
- Thứ ba: Giáo dục trong nhà trường cần phải biết lồng ghép kiến thức giáo dục gia đình trong các môn học để góp phần giáo dục cho HSSV những kiến thức về gia đình
- Thứ tư: Về phía xã hội, cần có nhiều chính sách hợp lý trong việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp trong gia đình
- Thứ năm: Thường xuyên tuyên truyền kiến thức gia đình và các giá trị văn hóa tốt đẹp trong gia đình đến các tầng lớp nhân dân thông qua hệ thống thông tin đại chúng

- Thứ sáu: nghiêm túc xử lý các cá nhân và tổ chức lợi dụng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên để hoạt động mê tín dị đoan làm mất đi nét đẹp truyền thống của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Có thể nói, đề trong mỗi chúng ta và thế hệ con cháu chúng ta ai cũng có: ý thức cộng đồng, lối sống có văn hoá, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội, có năng lực "tự hoàn thiện nhân cách" chúng ta cần phải "nêu cao trách nhiệm của mình, có lối sống văn hoá, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội". Vì vậy, giáo dục đạo đức và nếp sống văn hoá gia đình truyền thống trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN cần phải được xác định là nhiệm vụ có vị trí chiến lược lâu dài.

3.2.1.2. Những khó khăn cơ bản đối với vấn đề giáo dục gia đình hiện nay

Một điều cần thừa nhận là nền kinh tế theo cơ chế thị trường đã cởi trói cho gia đình và xã hội tự do cạnh tranh phát triển ngành nghề, nâng cao thu nhập toàn dân, cải thiện một bước với đời sống vật chất và tinh thần cho mọi người. Song, nó cũng bộc lộ ra những mặt tiêu cực đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trước hết là đối với vấn đề giáo dục gia đình.

Trong nhiều gia đình, chức năng kinh tế đã cuốn hút quá nhiều công sức của đôi vợ chồng, có khi cả con cái, ông bà già vào việc sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến việc chăm sóc các thành viên trong gia đình về mặt tâm lý tình cảm, cũng như việc học tập, giáo dục của trẻ. Nhiều gia đình đã sống trong bầu không khí nặng nề khi làm ăn thua lỗ, nợ nần, phá sản, thậm chí phải tan vỡ.

Môi trường xã hội bao quanh gia đình và nhà trường bị ô nhiễm trầm trọng trên nhiều bình diện: Các luồng văn hóa dâm ô, kích dục, bạo lực... từ nước ngoài đã len lỏi vào trong nhiều tầng lớp dân cư ở thành phố và nông thôn. Các tệ nạn xã hội như tham nhũng, mại dâm, tham lam quyền lực v.v... từ quan điểm, hành vi sùng bái "đồng tiền là tiên là phật" đã làm đảo lộn nhiều giá trị nhân văn vốn có từ xưa trong nếp sống gia đình.

Điều kiện kinh tế vật chất của đại bộ phận gia đình ở nông thôn và thành thị không theo kịp gia tốc phát triển của xã hội đã tạo ra mâu thuẫn thường xuyên giữa sự tăng tốc về mọi mặt mang tính xã hội và khả năng thích ứng có hạn của từng gia đình, từng cá nhân.

Trình độ học vấn, kiến thức nghề nghiệp và nhiều mặt khác của đa số các bậc cha mẹ không còn đáp ứng được cho con cái theo yêu cầu của việc giáo dục con người của xã hội mới. Gia đình đó phải chuyển giao một số chức năng vốn dĩ trước kia có thể tiến hành trong gia đình thể hiện nay phải nhờ đến các cơ quan xã hội. Do đó, gia đình không có điều kiện thường xuyên theo dõi, giám sát, giúp đỡ các em.

Nền văn minh công nghiệp nói chung, nền kinh tế theo cơ chế thị trường nói riêng đã tác động mạnh mẽ làm cho tốc độ phát triển tâm sinh lý của trẻ rất nhanh, có khi đột biến, bất thường trong khi đó quan niệm, nội dung, phương pháp giáo dục của các bậc cha

mẹ chưa thay đổi, hoặc là thay đổi chưa phù hợp, thậm chí có thể hoàn toàn trái ngược với các tình huống giáo dục, có khi đã gây nên xung đột, dẫn đến hậu quả đáng tiếc trong gia đình.

Sự mất ổn định trong đời sống gia đình như li hôn, có cha mẹ, người thân nghiện hút, cờ bạc, tiền án, tiền sự, hoặc thiếu gương mẫu của cha mẹ trong làm ăn, sinh sống như buôn gian, bán lận, lừa đảo... cũng đã tác động tiêu cực rất mạnh mẽ đến con cái làm cho chúng chán nản, thất vọng phải rời bỏ môi trường gia đình.

Một số gia đình đang có điều kiện kinh tế đầy đủ, khá giả, nhưng họ thiếu quan tâm đến trách nhiệm giáo dục, phó mặc cho nhà trường, thả lỏng cho các em tự phát triển trong môi trường xã hội bao quanh, đường phố, bạn bè và các phương tiện thông tin đại chúng. Cha mẹ chỉ chú trọng cho con ăn ngon, mặc đẹp, giải trí, thỏa mãn nhu cầu, yêu sách của chúng.

Tình trạng thiếu việc làm hiện nay ở nông thôn và sự chênh lệch đời sống giữa nông thôn và thành thị cũng làm cho một số thanh thiếu niên con gia đình nghèo bỏ gia đình ở nông thôn ra thành thị kiếm sống trở thành trẻ em lang thang mà gia đình không thể quản lý được

3.2.1.2. Những nguyên tắc cơ bản trong giáo dục gia đình

** Xây dựng không khí gia đình êm ấm được coi là một nguyên tắc quan trọng trong giáo dục gia đình*

- Không khí gia đình là những nét đặc trưng bao trùm lên đời sống của mọi thành viên tạo nên ảnh hưởng tích cực (thuận lợi) hay tiêu cực (khó khăn) trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách của mọi cá nhân trong gia đình.

- Không khí gia đình dù có nghĩa rộng hơn tâm lý gia đình nhưng nó cũng phản ánh chủ yếu lên toàn bộ những sắc thái tâm lý, tình cảm, đạo đức, hành động, xu hướng... chung của mọi thành viên trong gia đình. Vì vậy, người ta thường nhận xét rằng: gia đình ông A có không khí rất hoà thuận; gia đình bà B sống trong không khí gia đình lục đục; gia đình anh C có không khí lao động rất sôi nổi, v.v...

- Bầu không khí gia đình thường có những đặc điểm sau:

- + Không khí gia đình thường dễ dàng cải thiện, thay đổi cùng với sự thay đổi các sự kiện lớn xảy ra trong gia đình hoặc là những biến đổi lớn của xã hội tác động vào.

- + Không khí gia đình thường được hình thành và phát triển tuỳ thuộc phần lớn vào quan hệ, uy tín của cha mẹ trong gia đình.

- + Không khí gia đình được duy trì và củng cố còn phụ thuộc nhiều vào những truyền thống, nếp sống trong gia đình như truyền thống nghề nghiệp, truyền thống yêu thương đoàn kết.

- + Không khí gia đình thường tạo nên tâm thế, nhu cầu, hoạt động của các thành viên trong gia đình. Không khí gia đình hoà thuận thì mọi thành viên phấn chấn, vui vẻ, tin

tưởng, yêu thương quý mến lẫn nhau, thống nhất với nhau trong mọi hoạt động theo khả năng, sức lực của mình... tạo nên chiều hướng thuận tiện cho quá trình phát triển nhân cách. Không khí gia đình lục đục thì cuộc sống mỗi thành viên sẽ cảm thấy nặng nề, buồn chán, không gắn kết thiết tha tương trợ được cho nhau trong quá trình hoạt động, học tập, rèn luyện cá nhân.

** Cần phải tôn trọng nhân cách của trẻ*

- Con cái chưa đến tuổi trưởng thành phải sống phụ thuộc vào cha mẹ là lẽ đương nhiên. Nhưng không vì vậy mà cha mẹ lại áp dụng cái quyền "đặt đâu ngồi đấy" tước bỏ những quyền lợi chính đáng của trẻ.

- Các bậc cha mẹ phải thường xuyên quan tâm rằng trẻ em cũng có "quyền trẻ em".

+ "Quyền trẻ em" giống như người lớn được ăn mặc, học tập, lao động, vui chơi giải trí, phát biểu... kiến nguyện vọng của mình, thậm chí có những quyền nhiều hơn người lớn như vận động, vui chơi do nhu cầu phát triển cơ thể sinh lý và tâm lý lứa tuổi thanh thiếu niên trong xã hội hiện đại - xã hội của nền văn minh công nghiệp tin học được làm nảy sinh nhiều nhu cầu, hứng thú hoạt động của trẻ mà trước đây ở tuổi cha, anh chưa thể có.

+ "Quyền trẻ em" không những ngày càng phát triển phong phú, đa dạng theo sự trưởng thành của lứa tuổi mà còn phụ thuộc vào sự tiến bộ của xã hội.

- Song, trẻ em là thế hệ đang sống phụ thuộc vào thế hệ người lớn, cho nên quyền "trẻ em" là bị phụ thuộc hoàn toàn vào các khuôn khổ lớn, bé, rộng, hẹp do cha mẹ qui định mỗi người một cách khác nhau, thậm chí có lúc người ta không quan tâm thực hiện "quyền trẻ em" thể hiện ở các phương pháp giáo dục cưỡng bức, áp đặt, thô mạ, mắng mỏ, thậm chí cả đánh đập,... chèn ép, thủ tiêu những nguyện vọng, nhu cầu chính đáng của chúng, tạo ra không ít những tình huống gay gắt trong giáo dục gia đình.

** Nghiêm khắc và khoan dung độ lượng*

- Giúp đỡ con cái trưởng thành về mặt tri thức khoa học, cha mẹ có thể đóng góp được nhiều hay ít là tùy thuộc vào trình độ, năng lực của mình, phần còn lại là dựa vào hệ thống trường học có những thầy cô giáo chuyên ngành. Nhưng đối với việc giáo dục đạo đức thì cha mẹ giữ vai trò chủ yếu không ai có thể thay thế được.

+ Nói đến đạo đức là nói đến tình cảm giữa con người với con người, trước hết là tình cảm giữa con cái và cha mẹ, giữa những người ruột thịt trong gia đình, sau đó mở rộng ra với cộng đồng, dân tộc thể hiện ngay trong hành vi, thói quen, nếp sống, ý thức thực hiện, tôn trọng các qui tắc, chuẩn mực của xã hội.

+ Nề nếp, thói quen kỷ luật đầu tiên mà con người được tiếp xúc và chấp nhận phải bắt nguồn từ trong nội gia đình. Nhiều bậc vĩ nhân, anh hùng trên thế giới đã khẳng định vai trò vô cùng to lớn của giáo dục gia đình, đặc biệt đối với những ông cha bà mẹ đã kết hợp hài hòa các biện pháp giáo dục vừa nghiêm khắc, yêu cầu cao nhưng cũng rất độ lượng

bao dung đã giúp họ từng bước thành đạt tới đỉnh vinh quang làm rạng rỡ cá nhân và gia đình.

- Nghiêm khắc thể hiện trước hết với chính bản thân của cha mẹ bằng sự mẫu mực trong lời nói và việc làm đầy trách nhiệm với tư cách là người chủ của gia đình, người công nhân chân chính và từ đó họ cũng đề nghị, yêu cầu cao đối với mọi hành vi, hoạt động của con cái. Nhà giáo dục xuất sắc A.C. Macarenkô đã rút ra kết luận rằng "Sự nghiêm khắc, ngay thẳng, ý thức bổn phận và phẩm giá con người của cha mẹ là những đức tính cần thiết để giáo dục con cái". Nghiêm khắc là rất cần thiết, nhưng nếu quá tả, cực đoan bắt con cái phải thực hiện theo nguyên vọng, ý muốn chủ quan của mình mà không căn cứ vào những điều kiện cụ thể thì có thể xảy ra những hậu quả nặng nề.

- Khoan dung, độ lượng là biểu hiện sự tôn trọng, tin tưởng yêu thương của cha mẹ đối với con cái nhưng hoàn toàn không đồng nhất với thái độ quá dễ dãi, quá chiều chuộng để trẻ tự do hành động "muốn gì được nấy" theo sở thích cuồng nhiệt, xúc cảm đam mê vượt ra ngoài giới hạn, khuôn phép của gia đình và chuẩn mực xã hội.

- Nghiêm khắc cần phải kết hợp với khoan dung, độ lượng, thể hiện trong các giải pháp tình huống là không định kiến, không cố chấp, áp đặt, thoá mạ,... khi con cái đã ý thức được lỗi lầm sai sót của mình.

- Khoan dung, độ lượng, giúp các bậc cha mẹ tự chủ, kiềm nén được những cơn giận dữ sầm sét đổ xuống đầu con cái, gây nên các tình huống căng thẳng thường dẫn đến hậu quả xấu, tiêu cực, lệch lạc trong quá trình phát triển nhân cách của trẻ như một nhận xét "Từ những đứa trẻ bị đánh đập và cấm đoán nhiều sẽ sinh ra những con người hoặc bậc nhược vô tích sự hoặc độc đoán, suốt đời nó sẽ trả thù cho tuổi thơ bị dồn nén của mình" (A.C. Macarenkô).

**Uy quyền của cha mẹ trong giáo dục gia đình*

- Uy quyền của cha mẹ có vai trò to lớn đối với vấn đề giáo dục nhằm hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.

- Cơ sở chính để xây dựng uy quyền thật sự chân chính của cha mẹ chỉ có thể nằm ngay trong cuộc sống lao động, đối nhân xử thế trong đạo đức, trong vai trò, trách nhiệm người công dân của họ.

+ Nếu như các bậc cha mẹ hoàn thành các vai trò đó một cách trung thực, nhiệt tình và luôn luôn có ý thức rõ ràng về những hành vi, cử chỉ của mình với mục đích cao đẹp, văn minh, lương thiện,... thì họ sẽ có đầy đủ uy quyền.

+ Uy quyền thật sự toát lên bằng đời sống nhân cách hàng ngày không cần toan tính, bịa đặt ra một thứ uy quyền giả tạo nào khác nữa. A.C. Makarenkô đã nêu lên mười loại điển hình: uy quyền xây dựng trên sự đàn áp; uy quyền xây dựng trên sự cách biệt; uy quyền xây dựng trên sự mua chuộc; v.v...

- Uy quyền của cha mẹ là một phương tiện quan trọng, nó thường xuyên xuất hiện trong quá trình giáo dục gia đình. Đối với con cái, uy quyền thực sự của cha mẹ có sức mạnh to lớn, có ý nghĩa tích cực đối với việc hình thành và phát triển nhân cách tốt đẹp của chúng. Còn các loại uy quyền giả tạo không phản ánh đúng bản chất nhân cách tốt đẹp của cha mẹ, dù trong những điều kiện, thời điểm nhất định có thể tạo ra sự "vâng lời, ngoan ngoãn" của trẻ, nhưng sẽ không đem lại kết quả giáo dục tốt đẹp lâu dài, thậm chí dẫn đến những hậu quả không lường được.

** Nguyên tắc thống nhất mục đích giáo dục*

- Giáo dục trẻ ở trong gia đình sẽ đạt được kết quả tốt đẹp nếu như tất cả mọi thành viên trong gia đình bất kỳ là ông bà, cha mẹ ... đều có sự tác động định hướng thống nhất vào một mục đích nhằm hình thành và phát triển ở trẻ những phẩm chất, hành vi, thói quen đạo đức cần thiết.

- Nhưng trong thực tiễn, nhiều gia đình, người lớn đã không thống nhất vào một mục đích chung trong quá trình giáo dục trẻ, mỗi người một quan niệm riêng, một tình cảm riêng, một biện pháp riêng tác động đến trẻ.

+ Tình trạng đó đã tạo ra khe hở để trẻ dựa vào tìm cơ hội, lý do hành động theo sở thích của cá nhân, ngay cả khi chúng nhận ra việc làm của mình là không phù hợp, là sai trái, nhưng vẫn có chỗ dựa để biện minh.

+ Các thành viên trong gia đình không thống nhất được mục đích giáo dục dẫn đến tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" trong bản hoà tấu giáo dục gia đình sẽ làm cho trẻ không xác định được những yếu tố nhân cách sẽ phải rèn luyện, tu dưỡng, thậm chí tạo nên những mâu thuẫn trong nhận thức và hành vi phải lựa chọn để nghe ai trong gia đình là đúng.

- Hiện tượng không thống nhất mục đích, biện pháp giáo dục trong gia đình không những cản trở định hướng, niềm tin trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ mà nhiều khi còn gây nên sự căng thẳng trong quan niệm giáo dục làm cho không khí gia đình nặng nề, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả giáo dục.

3.2.1.3. Những nội dung cơ bản trong giáo dục gia đình

***Giáo dục hành vi đạo đức**

- Đạo đức là hệ thống những qui tắc chuẩn mực biểu hiện sự tự nguyện, tự giác của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với tự nhiên và xã hội. Để đánh giá một con người có đạo đức hay không, người ta căn cứ vào hành vi của người đó. Hành vi đạo đức thường biểu hiện trong hành động đối nhân xử thế, trong nếp sống, trong phong cách, trong điệu bộ cử chỉ, trong lời ăn tiếng nói.

***Giáo dục hành vi đạo đức đối với các thành viên trong gia đình**

*** Đối với ông bà cha mẹ.**

- Ông bà, cha mẹ là người lớn tuổi nhất trong gia đình. suốt một thời lao động vất vả và góp phần tạo dựng nên sự nghiệp và nuôi dạy con cái. Vì vậy, giáo dục lòng kính trọng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ từ xưa đến nay vẫn được coi là yếu tố đạo đức quan trọng nhất đối với trẻ ở trong gia đình, như cha ông đã khẳng định:

"Trai thì trung hiếu làm đầu

Gái thì tiết hạnh là câu sửa mình"

- Nếu một con người không có lòng hiếu thảo, nghĩa là không biết tôn kính, nhường nhịn, chăm sóc ông bà, cha mẹ - những người ruột thịt đã có công sinh thành nuôi dưỡng, thì họ cũng không thể có tình cảm yêu thương cộng đồng, dân tộc, lòng nhân ái đối với con người. Nói một cách khác là "con người bất hiếu thường cũng bất nhân".

+ Ông bà nội ngoại đều là người có công nuôi dưỡng cha mẹ để hợp thành công sức, máu thịt sinh để nuôi dưỡng mình. Trong thực tế ông bà ngoại cũng rất thương yêu quý trọng các cháu như ông bà nội, nên tục ngữ có câu: "Cháu bà nội tội bà ngoại" hoặc "thứ nhất là mẹ, thứ nhì là cha, thứ ba bà ngoại".

+ Ông bà, cha mẹ khi tuổi già sức yếu đi lại chậm chạp, khó khăn, có khi còn mang bệnh nọ, tật kia, con cháu phải vui vẻ niềm nở, thường xuyên giúp đỡ ông bà, cha mẹ mọi mặt trong sinh hoạt như đi lại, vệ sinh, ăn uống, tắm giặt, v.v...

+ Kính trọng ông bà, cha mẹ thì con cái phải thể hiện trong cách cư xử: nói năng lễ phép, không cãi gắt đay đổ, tỏ thái độ khinh mạn khi ông bà, cha mẹ nhầm lẫn, sai sót hoặc có . ngăn cản những suy nghĩ, hành động chưa rõ ràng, minh bạch của mình.

+ Nếu biết ông bà, cha mẹ tuổi già trái tính, trái nết thì con cháu phải biết cách chiều chuộng, không chấp nhặt, coi thường, dùng những lời lẽ phi báng, hạ nhục... gây ra cho ông bà, cha mẹ một tâm lý uất ức, phiền muộn... làm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, tình cảm.

+ Dù bất kỳ trong trường hợp nào, kể cả lúc cha mẹ kết luận sai, áp đặt những điều không phù hợp... cũng phải bình tĩnh để giải bày đúng, có tình, có lý "nói phải củ cải cũng phải nghe" không được cãi lại bằng những câu, những lời thô tục hoặc thể hiện những hành vi khiếm nhã "giận cá chém thớt, đùng rá đá niêu" một cách thô bạo, thậm chí còn phải phân tích, lý giải sâu sắc, nhẹ nhàng, khéo léo can ngăn cha mẹ liên quan đến những điều thị phi như lời cụ Phan Bội Châu đã dạy:

Những điều gì tốt thì trông cha mẹ nên

Những điều hư hèn trông cha mẹ khỏi.

- Giáo dục cho trẻ sự thông cảm sâu sắc với điều kiện, hoàn cảnh đời sống của gia đình bằng cách công khai sự thu nhập, chi tiêu chính đáng của cha mẹ, để trẻ biết sống "Tùy gia phong kiệm" nhằm tạo nên một không khí hòa thuận, ấm cúng, đồng cam cộng khổ, đưa đời sống gia đình ngày càng phát đạt hơn như người xưa đã dạy "Con không chê cha khó, chó không chê chủ nghèo".

- Phải giáo dục trẻ biết vâng lời và biết hoàn thiện công việc một cách vui vẻ khi cha mẹ sai bảo, không thể để cha mẹ phải nhắc đi, nhắc lại năm bảy lần mới làm và thể hiện nét mặt là một yếu tố rất quan trọng trong quá trình phát triển nhân cách phải làm sao cho nét mặt luôn luôn tươi tỉnh hồ hởi, vui vẻ với cha mẹ, không thể hiện hành vi mặt sưng, mày sĩa, tiếng bắc, tiếng chì làm cho cha mẹ tủi cực, buồn phiền:

Không ăn thì ốm thì gầy

Ăn thì nước mắt chan đầy bát cơm.

*Đối với anh chị em ruột thịt

Đạo đức trong gia đình còn thể hiện trong quan hệ giữa anh chị em ruột thịt anh chị em, dù trai hay gái đều bình đẳng về nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm trong việc xây dựng tổ ấm gia đình. Vì vậy các bậc cha mẹ cần:

- Phải xử sự công bằng mọi nghĩa vụ trách nhiệm giữa con trai cũng như con gái và giáo dục ý thức trách nhiệm đùm bọc, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau "Môi hở răng lạnh, máu chảy ruột mềm".

- Giáo dục cho con cái ý thức tôn trọng và bảo vệ quan hệ tôn ti trật tự ở trong gia đình thể hiện ra trong cách ứng xử xưng hô.

+ Ở vị trí làm anh, làm chị thì phải tỏ ra rộng rãi, nhường nhịn, bao dung theo đạo lý truyền thống "huynh lương, đệ đệ" là "làm chị ở cho lành, làm anh ở cho rộng".

+ Còn làm em út thì phải tỏ lòng quý mến, tôn trọng anh chị, nghe theo anh chị những việc phải, điều phải để giữ đạo lý truyền thống gia đình:

"Nhường anh, nhường chị là những người trên"

Hoặc:

"Ghi lòng tạc dạ chó quên

Con em phải giữ lấy nền con em"

- Giáo dục cho con cái dù trong bất cứ trường hợp nào anh, chị em cũng không nên nói xấu, dè bĩu lẫn nhau gây nên cảnh "huynh đệ tương tàn", phải thẳng thắn, đấu tranh góp . "đóng cửa dạy nhau" vì tình cốt nhục, tránh tình trạng "anh em khinh trước, làng nước khinh sau".

- Hơn thế nữa phải giáo dục cho trẻ xa gần, trên dưới rõ ràng, phân minh, chẳng hạn đối với người ít tuổi hơn nhưng ở chi trên cũng phải gọi bằng anh, bằng chị để thể hiện tình gia tộc, "Bé xác nhưng con ông bác, to xác nhưng con ông chú".

*Đối với chú bác, cô dì

- Chú bác, cô dì là những người cùng huyết thống đã một thời sinh ra lớn lên dưới cùng một mái nhà, cùng chung bếp lửa với cha mẹ, cùng đồng cam cộng khổ từ tuổi ấu thơ, "cùng một khúc ruột chia ra". Vì vậy, phải giáo dục cho trẻ luôn luôn có thái độ tôn kính, yêu thương, đồng cảm, khi nói năng, cư xử phải lễ độ, từ tốn. Họ là những người có thể

thay mặt cha mẹ, gần gũi nhất với mình như tục ngữ đã có câu "Mất cha còn chú, mất mẹ bú dì".

- Trong trường hợp chú bác, cô dì gặp những khó khăn, bất trắc thì phải chia sẻ, giúp đỡ theo khả năng của m.nh, không nên thờ ơ, lãnh đạm hoặc tỏ thái độ khinh thường, ngạo mạn làm cho tình cảm huyết thống ngày càng phai nhạt.

* Giáo dục hành vi đạo đức đối với những người khác.

- Mỗi một con người từ khi cất tiếng khóc chào đời cho đến khi mất đi đều gắn bó với hai loại quan hệ: đó là quan hệ gia đình, gia tộc và quan hệ xã hội.

- Quan hệ xã hội là một quan hệ phức tạp, phong phú hơn nhiều so với quan hệ gia đình, gia tộc.

- Vì vậy, ngay từ thuở thơ ấu dù đang sống trong phạm vi gia đình là chủ yếu, các bậc cha mẹ cũng cần phải giáo dục, rèn luyện cho trẻ có những hành vi đạo đức có trong quan hệ xã hội.

* Giáo dục lòng nhân ái

Lòng nhân ái: con người ta được sinh ra ở trên đời, trừ những kẻ không may bị mất trí, còn thì ai ai cũng biết cảm nhận sự sung sướng, hạnh phúc, vinh dự hay đau khổ thấp hèn. Và tất nhiên nhu cầu, nguyện vọng tất yếu tự nhiên là được sung sướng hạnh phúc, không ai muốn đau khổ, đói rách, tủi nhục, thấp hèn. Nếu như có người phải chấp nhận một sự rủi ro bất hạnh nào đó cũng chỉ vì "lực bất tòng tâm" không đủ sức xô đẩy ra khỏi cuộc đời m.nh mà thôi. Vì vậy:

- Giáo dục lòng nhân ái chính là giáo dục lòng yêu thương con người, yêu thương đồng loại, bởi họ cũng bằng xương, bằng thịt, tim óc biết đau đớn, xót xa, ân oán như ta. Sự sai biệt giữa loài người với các loài động vật chính là khả năng thấu cảm và đồng cảm những tình cảm nhân bản kinh nghiệm, tinh tế đặc biệt đó.

+ Trong học thuyết của Khổng giáo coi đức "nhân" là đức đứng đầu đạo lý của con người ở trong trời đất. Con người có lòng nhân ái sẽ là con người không có hành vi "ích kỷ hại nhân" tức là chỉ biết mưu mô thủ đoạn đem lại điều lợi cho mình mà không động lòng trắc ẩn đến sự thiệt hại đau đớn, nặng nề của người khác về mặt vật chất cũng như tinh thần.

+ Học thuyết "nhân ái" của Khổng giáo đã nêu lên một cách tổng quát là bất luận điều gì mà làm cho mình đau thương, mất mát, thiệt thòi,... do thiên hại hay nhân hại gây ra... thì cũng không mong cho người khác gặp phải. Và họ cũng là con người bằng xương bằng thịt như mình, ai mà không "của đau con xót".

+ Hơn thế nữa những điều gì tốt đẹp mình muốn đạt được như làm ăn thịnh vượng, sức khoẻ dồi dào hoặc lập thân nên sự nghiệp danh giá, cao sang... thì cũng mong cho người khác đạt được, lập được như nguyện vọng, ước muốn của mình.

- Chính vì vậy mà cha ông ta đã khuyên một câu rất ngắn gọn, đơn giản bao hàm đầy đủ ý nghĩa nhân sinh của lòng nhân ái là: "Thương người như thể thương thân" và cũng được cụ thể hoá bằng những hành vi đạo đức trong đời sống hàng ngày là: chia sẻ, giúp đỡ tùy tâm m.nh những cảnh đời rủi ro, hoạn nạn. Chẳng hạn:

"Thương người tất tả ngược xuôi
Thương người lỡ bước, thương người bơ vơ
Thương người ôm đất trẻ thơ
Thương người đói rách nằm than kêu đường
Thấy ai đói rách th. thương
Rách nhường cho mặc, đói nhường cho ăn".

Và đồng thời cũng phản đối, chê trách những hành vi xa rời lòng nhân ái:

"Thấy ai đói rách thì khinh
Cách nào là cách ích mình thì chen
Hứng tay dưới, vớt tay trên
Lộc lừa từng tí, bon chen từng đồng"

- Bất kỳ sống ở trong xã hội nào, con người cũng phải có lòng nhân ái, yêu thương, đồng cảm với người khác. Vì vậy, gia đình phải có trách nhiệm giáo dục phẩm chất đạo đức đó cho con cái ngay từ tuổi ấu thơ thể hiện trong hành vi biết tôn trọng mọi người, không tham lam, độc ác, lừa gạt, dối trá với những người xung quanh để trở thành một người công dân lương thiện, không hề phải băn khoăn, lo sợ và toà án xã hội hoặc toà án lương tâm mời gọi thẩm vấn.

- Trong điều kiện của nền kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường thì việc giáo dục gia đình về lòng nhân ái cho thế hệ trẻ lại càng có ý nghĩa quan trọng, nhằm giúp cho các em h.nh thành và phát triển những yếu tố nhân cách của người công dân biết dung hoà quyền lợi giữa cá nhân và tập thể, giữa gia đình và xã hội, góp phần tạo ra một xã hội công bằng, văn minh, tiến bộ.

*Giáo dục tính khiêm tốn

- Tính khiêm tốn: người xưa đã có câu dạy rằng: "cái gì biết thì nói là biết, cái gì không biết thì nói là không biết thế mới gọi là biết". Đó chính là tính khiêm tốn, thật thà - một phẩm chất vô cùng quan trọng trong nhân cách.

- Gia đình phải giáo dục cho trẻ luôn luôn tỏ ra khiêm tốn không chủ quan ngạo mạn tự cho mình là hay, là biết hơn người khác. Tính khiêm tốn thường biểu hiện bằng những ngôn ngữ hành vi lễ phép trong giao tiếp đối với mọi người, chẳng hạn:

+ Gặp người cao tuổi, thầy cô giáo thì lễ phép chào hỏi, nhường bước, bày tỏ sự trọng thị.

+ Bất kỳ đối với ai cũng không nên nói năng thô tục, có hành vi gây gổ.

+ Ở ngoài đường cũng như nơi đông người không nên cười nói ba hoa làm cho người xung quanh khó chịu. Nếu như lỡ lời hoặc va vấp làm phiền người khác thì phải có lời xin lỗi. Ai giúp mình việc gì dù nhỏ cũng phải có lời cảm ơn...

- Đức tính khiêm tốn không những giúp cho con người ta học tập được những điều hay ở nhiều người khác mà còn làm cho người ta có phong cách cư xử chu đáo, cẩn thận, cung kính, không hấp tấp, vội vàng, không tranh ăn, tranh nói, khoe khoang, phô trương năng lực của mình. Chính vì vậy mà họ càng được nhiều người tin tưởng mến phục.

*Giáo dục tính trung thực

- Quy luật tất yếu để tồn tại và phát triển của mỗi người ở trong xã hội là phải giao tiếp ứng xử với người xung quanh. Quan hệ giao tiếp, ứng xử đó có đạt được ý muốn, có thuyết phục được mọi người xung quanh hay không, điều đó phụ thuộc phần lớn vào đức tính chân thực của mỗi cá nhân.

- Trung thực, chân thực, chân thành đều có ý nghĩa tương tự là đối lập với dối trá, lừa dối, v.v... mà các bậc cha mẹ cần phải quan tâm giáo dục cho trẻ từ tuổi nhỏ.

- Con người có đức tính trung thực cũng chính là con người luôn luôn tôn trọng nhân cách, phẩm giá của mình, không để những người xung quanh coi thường, khinh bỉ, đồng thời cũng là người giữ được chữ tín, lấy chữ tín làm gốc rễ cho các mối quan hệ, cho nên được mọi người tin tưởng.

- Trung thực là một nét nhân cách đẹp của con người. Nhưng đây là một nét nhân cách rất khó khăn, phức tạp trong quá trình rèn luyện, giáo dục. Vì vậy, các bậc cha mẹ phải đặc biệt quan tâm giúp trẻ nỗ lực ý chí, chiến thắng bản thân mình bằng những biểu hiện cơ bản:

- + Mình có lỗi th. dũng cảm nhận lỗi, không trốn tránh hoặc đổ vấy cho người khác.
- + Tôn trọng sự thật, không thay đen đổi trắng, dù trong hoàn cảnh bất lợi cho m.nh.
- + Lời nói phải thống nhất với việc làm, thực hiện đúng lời hứa, không mưu mô, thủ đoạn, lừa lọc chiếm đoạt của cải vật chất của người khác.

- Để cho quan hệ giữa con người với con người được bền vững, lâu dài, thực sự tin tưởng lẫn nhau th. mỗi cá nhân phải rèn luyện đức tính thật thà.

- Ngày nay, giáo dục gia đình Việt Nam đang đứng trước những thử thách lớn lao, khi nền kinh tế theo cơ chế thị trường đang vô cùng bẽ bội. Nhiều giá trị của các nền văn minh thế giới ồ ạt du nhập vào chưa được gạn lọc, kiểm định đang tạo ra biết bao tệ nạn xã hội lan tràn, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhân cách của nhiều lứa tuổi, đặc biệt là lứa tuổi thanh thiếu niên - lứa tuổi đang sống, học tập trong sự bảo trợ của gia đình. Vì vậy, các bậc cha mẹ cần quan tâm giáo dục cho trẻ những yếu tố đạo đức truyền thống tốt đẹp mang đậm đà bản sắc dân tộc, dù phải sử dụng đến các khái niệm "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" hay "công, dung, ngôn, hạnh" để đạt được mục đích làm cho con cái chúng ta sẽ trở thành

những người công dân chân chính, lương thiện, góp phần tạo ra đời sống hạnh phúc của gia đình và xã hội.

***Giáo dục thái độ, kỹ năng lao động**

- Lao động của con người là một định luật bất biến để tồn tại và phát triển cá nhân cũng như xã hội. Nó còn là tiêu chí số một để đánh giá đạo đức và tài năng con người ở trong bất cứ xã hội lạc hậu hay văn minh nào.

+ Nếu không có lao động của cá nhân thì sớm muộn gì con người cũng tự đánh rơi mất giá trị vốn có và hạ thấp phẩm chất của mình xuống trình độ con vật như nhân dân ta đã đồng tình lên án, phê phán "Chết rũ giữa đồng, rồi đời thằng nhát".

+ Bản chất tốt đẹp rạng rỡ của hoạt động lao động và của con người lao động trước hết là để tự nuôi sống mình, không phải là một loài ký sinh sống bám gia đình và xã hội như một chân lý đã khẳng định: "Bất cứ con người nào không lao động cũng là một kẻ đi lừa".

- Giáo dục thái độ, kỹ năng, thói quen lao động đối với con người là vô cùng quan trọng phải bắt đầu từ tuổi ấu thơ. Thái độ lao động, kỹ năng, thói quen và tình yêu lao động là những yếu tố nhân cách gốc, gia đình phải đặc biệt quan tâm, không có một lực lượng nào có thể thay thế được gia đình từ khi trẻ con 8 tuổi ấu thơ cho đến lúc trưởng thành.

- Thái độ, kỹ năng, thói quen lao động cần thiết phải giáo dục cho trẻ ở trong gia đình là:

+ Thái độ tôn trọng mọi loại lao động chân tay cũng như trí óc đều tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần cần thiết cho đời sống con người trong xã hội.

+ Tôn trọng, quý mến đối với mọi người lao động, và bất cứ là nghề nghiệp gì cũng cần thiết cho đời sống xã hội. Kính phục, khiêm tốn, kiên trì học tập, noi gương những người lao động giỏi, sáng tạo, chăm chỉ, chuyên cần, vượt khó khăn bằng ý chí tự lực cánh sinh. "Hai bàn tay làm nên tất cả. Có sức người sỏi đá cũng thành cơm".

+ Có thái độ lao động tự giác theo nghĩa vụ, trách nhiệm của mình và tương trợ các thành viên khác và cuộc sống chung của gia đình.

+ Căn cứ vào sự trưởng thành theo lứa tuổi mà các bậc cha mẹ giáo dục cho trẻ kỹ năng, thói quen lao động tự phục vụ từ đơn giản đến phức tạp như rửa mặt đánh răng như thế nào cho sạch sẽ, gọn gàng. Hoặc sáng ngủ dậy phải gấp chăn màn phẳng phiu, vuông vắn, sửa lại chiếu, gói ngay ngắn rồi mới rời khỏi giường,...

+ Giáo dục thói quen giữ gìn, bảo quản, sắp xếp ngăn nắp đồ dùng cá nhân như quần áo, mũ nón, giày dép, cặp sách, đồ chơi v.v... Đồ dùng gia đình như dao, búa, cuốc, xẻng... lấy chỗ nào thì khi làm xong phải lau chùi sạch sẽ đặt vào chỗ ấy, không quăng quật bừa bãi, sẵn đâu vứt đấy khi người khác cần đến không biết đâu mà tìm.

+ Giáo dục cho trẻ làm việc gì cũng phải đến nơi, đến chốn, có trách nhiệm hoàn thành việc đó phù hợp với khả năng của mình khi được cha mẹ giao. Không làm cho qua loa xong chuyện.

+ Phải giáo dục cho các em những kỹ năng cụ thể dù đối với các hoạt động đơn giản nhất. Ví dụ: Để rửa cái chén, cái đĩa cho sạch thì phải làm như thế nào? Để nồi cơm ngon phải vo gạo, nấu cơm ra làm sao? Đến những hoạt động lao động phức tạp hơn như đối với học tập hay các thao tác nghề nghiệp thủ công, nông nghiệp trong gia đình.

+ Điều quan trọng là cha mẹ làm sao giáo dục cho trẻ thói quen lao động tự giác: thấy khóm hoa trong vườn bị đổ thì dựng nó dậy, thấy chiếc ghế xộc xệch thì sửa lại cho chắc chắn, thấy nhà bẩn thì cầm chổi quét, bàn tủ bụi bặm thì giặt giẻ lau chùi v.v... không phải chờ đến ông bà, cha mẹ nhắc nhở nhiều lần. Một nhà giáo dục lỗi lạc đã khẳng định rằng "Lao động tự giác là liều thần dược để nâng cao giá trị và nhân phẩm con người"(*). Bởi vì theo ông người lao động da đen cũng lao động dưới đòn roi của chủ - đó là loại lao động cưỡng bức đã hạ thấp vị trí con người xuống vị trí con vật (trâu, ngựa...).

+ Mọi hoạt động lao động dù đơn giản nhất, kể cả lao động tự phục vụ, cha mẹ cần giáo dục cho trẻ tinh thần vượt khó - có nghĩa là chiến thắng sự chây lười "muốn ăn mà không muốn làm" đặc biệt là trẻ khi chưa ý thức được lao động là qui luật tất yếu, là nghĩa vụ thiêng liêng của tất cả mọi người.

+ Giáo dục thái độ, kỹ năng, thói quen đối với lao động phải kèm theo với ý thức trách nhiệm quý trọng những sản phẩm lao động, tức là phải biết sử dụng đúng mức, vừa phải các sản phẩm, vật dụng hàng ngày của cá nhân và gia đình. Nói một cách khác là phải giáo dục ý thức thái độ cần cù trong lao động, tiết kiệm trong chi tiêu, cần đi với kiệm như kinh nghiệm của cha ông "Tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn", biết "ăn buổi trưa, chừa buổi tối", không sử dụng, chi tiêu lãng phí, nhất là đang ở độ tuổi chưa kiếm ra tiền cái gì cũng phải dựa vào cha mẹ. Đặc biệt trong nền kinh tế theo cơ chế thị trường, các bậc cha mẹ cần giáo dục thuyết phục trẻ mua sắm, sử dụng một cách hợp l., đúng mức theo tinh thần kiệm tiết như cha ông ta đã từng rút ra kinh nghiệm quý giá "Buôn tàu, bán bè không bằng ăn dè hà tiện" nhằm ổn định đời sống của gia đình.

- So với thành phố, trẻ em nông thôn có nhiều điều kiện để rèn luyện thái độ, kỹ năng, thói quen tự phục vụ và giúp đỡ gia đình như các việc chăn trâu, cắt cỏ, kiếm củi, chăn nuôi, làm cỏ bón phân, thu hoạch ngô, khoai, đậu, v.v... và những nghề thủ công phụ trợ cho kinh tế gia đình. Song, những gia đình ở thành phố nếu cha mẹ lưu ý quan tâm thì cũng có thể tổ chức hoạt động lao động cho trẻ theo một lịch tr.nh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng như:

+ Dọn dẹp, quét lau nhà cửa.

+ Chuẩn bị cơm nước giúp cha mẹ.

+ Lao động tự phục vụ tùy theo lứa tuổi.

- + Tham gia lao động vệ sinh khu chung cư.
- + Cùng gia đình làm thêm các nghề phụ khác nếu có...

- Trong gia đình, các bậc cha mẹ cũng cần quan tâm đến việc giáo dục lao động cho trẻ em gái theo đặc điểm giới tính như may vá, thêu thùa, nội trợ,... nhằm phát triển ở các em nữ tính khéo tay, hay làm, dịu dàng, tỉ mỉ, cẩn thận, gọn gàng v.v...

Mặc dù trong xã hội hiện đại đã có sẵn các dịch vụ đời sống sinh hoạt của gia đình. Nhưng với chức năng là người phụ nữ, người vợ, người mẹ trong tương lai thì loại lao động "nữ công, gia chánh và nghệ thuật" của nó thông qua việc tổ chức lao động sẽ đem lại không khí cộng tác gắn bó, gần gũi, hòa hợp ở trong gia đình là rất cần thiết.

- Ở lứa tuổi thanh thiếu niên, lao động chủ yếu của các em được coi là lao động học tập, bởi vì các em sống hoàn toàn dựa vào sự chu cấp của cha mẹ. Do đó việc giáo dục giúp các em hoàn thành được lao động trí óc, phát triển trí tuệ thì gia đình cũng có vai trò rất to lớn. Tuy nhiên không phải các bậc cha mẹ nào cũng có thể giảng dạy được cho trẻ những kiến thức văn hóa về tự nhiên và xã hội theo chương trình các cấp học. Song, các bậc cha mẹ có thể giúp cho trẻ tổ chức, thực hiện được các yêu cầu của nhà trường, chẳng hạn:

+ Ưu tiên bố trí góc học tập của trẻ vào một chỗ yên tĩnh, có đầy đủ ánh sáng, thông thoáng để tạo nên tâm lý thoải mái cho các em trong thời gian lao động trí óc.

+ Động viên nhắc nhở trẻ thực hiện học tập đúng giờ, làm bài đầy đủ ở nhà cũng như khi đến lớp. Kết hợp thật chặt chẽ, sâu sát với nhà trường để tổ chức một chế độ sinh hoạt hợp lý, đảm bảo lợi ích cho các em trong lao động, học tập, vui chơi giải trí, và động viên khích lệ kịp thời những cố gắng, những tiến bộ rõ rệt của các em, mặt khác cũng có biện pháp ngăn chặn kịp thời những biểu hiện sai lệch.

- Xác định ý nghĩa vô cùng quan trọng của lao động học tập - không những là lao động chính đối với các em hiện tại mà còn rất cần thiết đối với tương lai, đối với cả cuộc đời, giúp trẻ thức nỗ lực, vươn lên để đạt được kết quả giáo dục và giáo dục.

***Giáo dục thể chất và thẩm mỹ**

***Giáo dục thể chất**

- Cuộc đời của một con người có được khỏe mạnh, trường thọ hay không là kết quả của một quá trình biết giữ gìn, chăm sóc sự phát triển của cơ thể ngay từ tuổi ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, cả giai đoạn trung niên cho đến khi về già. Nhưng sự phát triển thể chất ở lứa tuổi thanh thiếu niên có một ý nghĩa rất đặc biệt. Đó là lứa tuổi phát triển mạnh mẽ nhất tất cả các cơ quan, chức năng sinh lý của cơ thể, có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến các giai đoạn sau của cuộc đời.

- Giáo dục thể chất cho trẻ ở trong gia đình, trước hết các bậc cha mẹ phải quan tâm đến sự ăn uống. Bởi vì chính sự ăn uống là con đường dễ gây ra bệnh tật: "bệnh do nạp

khẩu". Ở cái tuổi thanh thiếu niên như người ta thường nói, "già thì lo làm, trẻ thì tham ăn", hoặc "ăn không biết no, chơi không biết chán", cho nên phải giáo dục trẻ ý thức:

- + Không ăn uống xô bồ, tạp nham dẫn đến sự rối loạn tiêu hóa, dễ sinh ra các bệnh đường ruột.

- + Ăn uống phải đến mức độ vừa no, không quá thái "tham thực, cực thân" làm cho bộ máy tiêu hóa phải vất vả đào thải ra ngoài.

- + Phải tập thói quen cho trẻ rửa ráy, tắm giặt, thường xuyên để cho cơ thể sạch sẽ, thơm tho.

- + Động viên khuyến khích trẻ thực hiện chế độ thể dục buổi sáng, tham gia các hoạt động thể thao phù hợp với sở thích, nhu cầu, nhằm phát triển năng khiếu cá nhân.

- + Giáo dục các em ý thức phòng bệnh nhằm giữ gìn bảo vệ sức khỏe là chủ yếu, chữa bệnh là điều vạn bất đắc dĩ.

- Việc giáo dục thể chất cho trẻ còn gắn liền với việc tổ chức vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, tham quan du lịch v.v... theo điều kiện hoàn cảnh của từng gia đình.

* Giáo dục thẩm mỹ

- Xã hội văn minh tiến bộ thì việc thưởng thức cái đẹp, thể hiện cái đẹp của con người ngày càng cao, trở thành một nhu cầu quan trọng trong đời sống hàng ngày. Nguồn gốc của cái đẹp là cuộc sống hiện thực xã hội với tính đa dạng, phong phú của nó mà con người có thể bắt gặp khắp nơi. Con người càng yêu cái đẹp bao nhiêu thì càng từ bỏ, căm ghét cái xấu xa, bẩn thỉu bấy nhiêu. Nhờ vậy mà con người trở thành thanh cao, có văn hóa.

- Con người tiếp thu cái đẹp đầu tiên chính là ở trong gia đình. Vai trò của gia đình, của các bậc cha mẹ đặc biệt quan trọng đối với việc giáo dục thẩm mỹ. Những ấn tượng đầu tiên về cái đẹp của màu sắc, của âm thanh trong tiếng ru của mẹ, những xúc cảm của sự âu yếm, vuốt ve nồng ấm tình thương, tình người đã được gia đình truyền đạt từ những năm tháng tuổi thơ. Có thể nói mầm mống của cái đẹp được tiếp nhận ở trong gia đình là nền tảng để xây dựng cái đẹp của cả cuộc đời.

- + Thế giới tự nhiên sinh thái, đời sống xã hội, các hoạt động văn hóa nghệ thuật của con người như thơ ca, hội họa, điêu khắc... chứa đựng biết bao vẻ đẹp thẩm mỹ, sâu sắc của nó.

- + Tuy nhiên, không phải các bậc cha mẹ nào cũng có khả năng, trình độ để phân tích, giảng giải, trang bị cho trẻ những kiến thức, trình độ thẩm mỹ chuyên sâu trong tất cả các loại hình đó. Nhưng giáo dục, rèn luyện cho trẻ những xúc cảm, những tình cảm thẩm mỹ về cái đẹp trong giao tiếp, quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên, với xã hội và ngay chính với bản thân mình thì các bậc cha mẹ có thể thực hiện được.

- Trong gia đình, ngay từ tuổi ấu thơ, các bậc cha mẹ đã phải dạy cho trẻ "học ăn, học nói, học gói, học mở" về cách xưng hô, cư xử với mọi người sao cho phù hợp với qui tắc, chuẩn mực của xã hội, đó chính là cái đẹp, là những yếu tố thẩm mỹ gắn chặt chẽ với lối sống có văn hóa.

- Cái đẹp thường gắn bó với cái "chân", cái "thiện" thể hiện một nhân cách tốt đẹp. Nếu thiếu hụt sự giáo dục "thẩm mỹ" của gia đình thì con người tuy có bản chất tốt nhưng trong khi giao tiếp ứng xử với người khác có thể trở thành câu thả, thiếu tế nhị, thậm chí thô lỗ khiến cho người ta khó chịu.

- Giáo dục thẩm mỹ ở trong gia đình, trước hết phải quan tâm giáo dục những hành vi trong nếp sống lịch sự, lễ phép cho trẻ, như:

+ Ăn thế nào cho đẹp? Ăn đẹp tức là không hấp tấp, vội vàng làm rơi vãi lung tung; không vừa ăn vừa nói nhồm nhoàm; không đào bới đĩa thức ăn để chọn miếng ngon v.v...

+ Nói thế nào cho đẹp? Giọng nói phải rõ ràng, dịu dàng, nhã nhặn, không nói trống không, chửi thề, chửi tục, cướp lời người khác; biết dùng những từ, những ý thể hiện sự trọng thị đối với người hơn tuổi như vâng, dạ v.v...

+ Mặc thế nào cho đẹp? Quần áo phải phù hợp với hình dáng, lứa tuổi, không ăn mặc lố lăng. Tùy theo hoạt động mà ăn mặc cho thích hợp (lúc đi học, lúc lao động, lúc ở nhà, lúc ra đường); quần áo phải gọn gàng sạch sẽ (đổi cho sạch, rách cho thơm) v.v...

+ Cư xử thế nào cho đẹp khi khách đến nhà, khi mình đến nhà người khác, khi ở những nơi công cộng v.v...?

- Tất cả những hành vi đó là trình độ thẩm mỹ văn hóa cần thiết phải được giáo dục từ trong gia đình. Bởi vì "Cái đẹp là nguồn gốc lớn lao của sự trong sạch về đạo đức, phong phú về tinh thần và hoàn thiện về thể lực" (V.A. Xukhômliński)

3.2.1.4. Một số phương pháp cơ bản trong giáo dục gia đình

***Giáo dục trẻ trong gia đình là một quá trình tổ chức cho trẻ hoạt động**

Hoạt động và giao lưu là những con đường cơ bản để hình thành và phát triển nhân cách con người.

+ Hoạt động là quá trình con người thực hiện các quan hệ giữa mình và thế giới bên ngoài - thế giới tự nhiên và xã hội, giữa mình với người khác, cả chính với bản thân mình.

+ Trong cuộc sống của con người có nhiều loại hoạt động: hoạt động học tập, hoạt động lao động, hoạt động giải trí nghỉ ngơi, hoạt động cho xã hội, cho tập thể, cho gia đình và bản thân.

- Trong quá trình hoạt động, nhất định con người phải bộc lộ rõ năng lực, ý chí, tình cảm, hứng thú, tính nết... ra bên ngoài. Bởi vì mọi hoạt động của con người bao giờ cũng là hoạt động có đối tượng tức là nhằm tác động vào cái gì đấy, một điều gì đấy để tiếp nhận nó, cải biến nó theo mục đích đã dự kiến. Chính trong quá trình đó, cá nhân phải nỗ lực, quyết tâm điều chỉnh chính mình, phát huy những yếu tố tích cực, đẩy lùi, khắc phục

những yếu tố tiêu cực để từng bước tự nâng mình lên một cách hoàn thiện hơn đối với các dạng hoạt động nói riêng, nhân cách nói chung.

+ Khi con người hoạt động trong mọi lĩnh vực sản xuất, xã hội tất yếu làm nảy sinh quan hệ giữa người với người. Ngay cả khi lao động một mình mặt đối mặt với đối tượng lao động, hay ngồi nghiên cứu tài liệu, đọc sách báo, làm thí nghiệm trong phòng thí nghiệm v.v... con người cũng phải tham gia vào các quan hệ xã hội.

+ Quá trình tham gia vào các quan hệ đó gọi là giao lưu. Nó giúp con người mở rộng sự hiểu biết về những quan điểm, tư tưởng, tình cảm... đối với những người khác thấy được cái hay của họ để học tập, thấy được cái dở của họ để tránh, nhằm phát triển cho mình những yếu tố nhân cách tốt đẹp. Như vậy, giáo dục gia đình, bản chất của nó là việc tổ chức, hướng dẫn cho trẻ hoạt động.

- Các bậc cha mẹ cần lưu ý một số vấn đề cơ bản trong tổ chức, hướng dẫn hoạt động là:

+ Lựa chọn và tổ chức một cách khoa học những hoạt động nào có chứa đựng những quan hệ xã hội thuận lợi, phù hợp nhất, nhằm giúp cho các em bộc lộ hết những năng lực tích cực nhất và những hạn chế còn tồn đọng của mình. Từ đó giúp các em nhận thức, đánh giá những mặt còn yếu kém cần phải giáo dục và rèn luyện.

+ Từ việc tổ chức, hướng dẫn, giao trách nhiệm hoạt động cho các em, phải giúp các em chuyển dần sang ý thức lao động tự giác do nhu cầu, hứng thú và sự phát triển của cá nhân (muốn sạch sẽ, thích gọn gàng, ngăn nắp, đẹp mắt...) nên thường xuyên quét dọn nhà cửa, lau chùi bụi bặm từ giường, bàn ghế...

+ Mọi hoạt động dù là đơn giản nhưng các bậc cha mẹ cần hướng dẫn tỉ mỉ cho trẻ, không nên quan niệm đơn giản như trẻ đã biết hết, thậm chí phải hướng dẫn cho trẻ các hệ thống thao tác theo một hoạt động theo kinh nghiệm tốt nhất của cha mẹ. Chẳng hạn, giờ nào ngồi vào góc học tập ở nhà, các em phải chuẩn bị tâm thế sách vở bút mực như thế nào? Sắp xếp sách vở trong góc học tập sao cho thứ tự, ngăn nắp để đỡ tốn thời gian lục lọi, tìm kiếm v.v...

+ Theo dõi và đánh giá việc thực hiện quá trình hoạt động để kịp thời uốn nắn những lệch lạc, sai sót và động viên, khích lệ những kết quả sáng tạo tích cực.

+ Tổ chức các loại hoạt động sao cho cân bằng, nhằm giáo dục các mặt đức, trí, thể, mỹ... với một thời gian biểu hợp lý, rõ ràng, liên quan đến cuộc sống bên trong và ngoài gia đình, không thiên lệch coi thường hoạt động vui chơi giải trí của trẻ.

**Nền tảng vững chắc của mọi phương pháp trong gia đình là sự gương mẫu của cha mẹ*

- Muốn giáo dục cho con ngoan, hình thành và phát triển những yếu tố nhân cách tốt đẹp để trở thành người công dân chân chính tương lai, các bậc cha mẹ nhất thiết phải gương mẫu hoàn thành các vai trò của mình đối với gia đình và xã hội để cho con cái bắt chước làm theo.

+ Sự gương mẫu của cha mẹ và người lớn trong gia đình phải thể hiện ngay trong lời ăn tiếng nói, cử chỉ, hành động, cách ứng xử với mọi người từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội theo một chuẩn mực đạo đức nhất định là nhân ái, công bằng, làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ công dân.

+ Sự gương mẫu đó của cha mẹ trong nếp sống hàng ngày đã trực tiếp tác động đến nhận thức, tình cảm và niềm tin của trẻ. Có thể không cần giảng giải, thuyết minh nhiều lần như nhà đại giáo dục là Khổng Tử đã nói với học trò "Trời có nói gì đâu, bốn mùa vẫn vận chuyển, trăm vật vẫn sinh hóa" (Luận ngữ - Dương Hóa 108) bằng nhân cách tốt đẹp của mình tỏa sáng đến học sinh "như mặt trời, mặt trăng không ai che nổi" (Luận ngữ - Tư Trương).

- Sự gương mẫu của cha mẹ là cơ sở tạo nên uy tín làm tăng thêm lòng kính trọng, thương yêu, tin cậy, tự giác theo những điều cha mẹ dạy bảo, khuyên nhủ.

+ Khi con còn ở tuổi ấu thơ, việc gương mẫu của cha mẹ có tác dụng như những động tác mẫu mực để con bắt chước, không cần phải giải thích, phân tích l. thuyết dài d.ng.

+ Ở tuổi thanh thiếu niên, vai trò gương mẫu của cha mẹ có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều. Bởi vì ở tuổi này không những các em đã được tiếp nhận một vốn tri thức nhất định để phân tích, so sánh, nhận xét các hiện tượng trong gia đình và xã hội mà nhà trường, đoàn thể cần giáo dục cho các em những qui tắc, chuẩn mực đạo đức cần thiết. Do đó nếu như trước đây trong đôi mắt của trẻ thơ, các em bắt chước tất cả những hành vi của cha mẹ th. giờ đây các em có thể phân biệt, đánh giá được cái đúng, cái sai, cái tốt, cái xấu. Nếu cha mẹ làm những điều sai, điều xấu th. không những uy tín của họ đối với con cái bị giảm sút mà sự kính trọng, niềm tin cũng bị sút mẻ. Quan hệ giữa cha mẹ và con cái lúc này khó có sự bình đẳng về nhân cách.

- Vấn đề gương mẫu của cha mẹ có ý nghĩa vô cùng to lớn trong giáo dục gia đình, được coi như một chân giản dị, sáng như ban ngày như đã khẳng định "Không gì có thể tác dụng lên tâm hồn non nớt của trẻ mạnh hơn quyền lực của sự làm gương, giữa muôn vàn tấm gương thì không có gây ấn tượng sâu sắc và bền chặt bằng sự mẫu mực của cha mẹ" (N.I. Nôvicốp).

- Tuy nhiên trong đời sống thực tế, có những bậc cha mẹ rất gương mẫu, xứng đáng là một người công dân chân chính, nhưng giáo dục gia đ.nh lại thất bại, thậm chí con cái rất hư đốn. Điều đó cần xem xét lại các phương pháp giáo dục của gia đình và các quan hệ xấu của bạn bè, tác động tiêu cực trong môi trường tự phát của xã hội. Ngược lại, cũng có những bậc cha mẹ thiếu đạo đức nhân cách, vậy mà con cái của họ vẫn trở thành người tốt. Điều đó chắc chắn đã có một sự đóng góp tích cực của giáo dục nhà trường và đoàn thể và khả năng tự giáo dục của cá nhân ở vào một độ tuổi nhất định. Bởi vì, các em vừa là khách thể, đồng thời cũng là chủ thể của quá trình giáo dục, có thể phát huy việc tự giáo dục để

quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách của mình. Từ kinh nghiệm rút ra trong thực tiễn, cha ông ta đã khẳng định "Thượng không chính thì hạ tác loạn".

"Bề trên ở chẳng chính ngôi

Để cho kẻ dưới nói năng hỗn hào"

Để giáo dục trong gia đình có kết quả, các bậc cha mẹ phải luôn mẫu mực, luôn nêu tấm gương sáng cho con cái bắt chước.

Họ sẽ là những người có uy tín, được con cái tin yêu mến phục, những lời khuyên bảo của họ được con cái dễ dàng chấp nhận như những bài học cần thiết hữu ích của cuộc đời.

3.2.2. Vấn đề bạo lực gia đình và công tác hòa giải

3.2.2.1. *Vấn đề bạo lực gia đình*

***. Khái niệm**

Theo Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giới, gia đình, phụ nữ và vị thành niên "Bạo lực trong gia đình là hành hạ người phụ nữ về thể xác, bằng lời nói, tâm lý và/hoặc tổn thương bởi bạn tình hay chồng. Kiểu bạo lực giới này có thể bao gồm dùng lời lẽ và hành động đe dọa hay hạ nhục, đánh đập, hiếp dâm, giam giữ, kiểm soát về tài chính, độc ác với vợ hay những người hoặc đồ vật mà chị ta yêu mến, và sử dụng ngôn ngữ lạm dụng, xúc phạm"¹

*** Các nhóm hành vi bạo lực gia đình**

Các hành vi bạo lực gia đình gồm có 4 nhóm hành vi lớn sau:

- Nhóm 1: *Nhóm hành vi bạo lực về thể chất hay thể xác*: Bao gồm hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng.

- Nhóm 2: *Nhóm hành vi bạo lực về tinh thần*: bao gồm các hành vi lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm hay cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng hoặc ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu, giữa cha, mẹ và con, giữa vợ và chồng, giữa anh, chị, em với nhau, hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở, cưỡng ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

- Nhóm 3: *Nhóm hành vi bạo lực về kinh tế*: bao gồm chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình hay cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ hoặc là kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.

¹ UNFPA- CSAGA. Báo cáo nghiên cứu những nhu cầu và ưu tiên cho chương trình phòng chống bạo lực giới. Tr21

Bạo lực kinh tế trong gia đình là một dạng bạo lực tồn tại trong một số gia đình nhưng chính các thành viên bị bạo lực cũng khó nhận biết được. Biểu hiện của bạo lực kinh tế là một thành viên trong gia đình dùng quyền lực để ép buộc các thành viên khác, tạo sự lệ thuộc của họ về kinh tế. Bạo lực kinh tế không chỉ diễn ra một ngày, hai ngày mà nó kéo dài và hệ quả là sẽ kéo theo bạo lực về tinh thần đối với những người bị lệ thuộc về kinh tế.

- Nhóm 4, *nhóm hành vi bạo lực về tình dục*: gồm có hành vi cưỡng ép quan hệ tình dục. Đòi và cưỡng bức giao hợp khi người vợ không mong muốn, đang mệt mỏi hoặc đang bị bệnh, đòi và cưỡng bức giao hợp theo những cách mà người vợ không đồng tình, không chịu dùng các biện pháp tránh thai theo yêu cầu của người vợ, thực hiện hành vi bạo dâm trong khi giao hợp với vợ, hành hạ vợ bằng cách không quan hệ tình dục, chê bai và miệt thị khả năng tình dục của vợ.

*** Hậu quả của bạo lực gia đình**

- Đối với nạn nhân:

+Về sức khoẻ thể chất: Sức khoẻ bị huỷ hoại ,bị gây thương tích đau đớn ,có thể bị tàn tật suốt đời ,có thể dẫn đến tử vong

+Về sức khoẻ tinh thần: Luôn bị ám ảnh bởi bạo lực;Chán nản, buồn rầu, lo lắng, sợ hãi, mất tự tin, hoang mang, trầm cảm;Cảm thấy cuộc sống nặng nề, căng thẳng và tuyệt vọng.

+Về sức khoẻ tình dục: Mang thai ngoài ý muốn,lây các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, HIV,các bệnh phụ khoa ,các biến chứng sản khoa

- **Đối với người gây bạo lực**: Mất sự tôn trọng của vợ, con, cháu, người thân và những người xung quanh ;mất tài sản, của cải ,gia đình đổ vỡ ,luôn cáu giận, bực tức và hành vi bạo lực sẽ gây ra nhiều vấn đề về sức khoẻ , bị phạt hành chính hoặc xử lý hình sự

- **Đối với gia đình**:Tốn nhiều tiền vào việc chữa trị và phục hồi sức khoẻ cho nạn nhân,phá hỏng mối quan hệ giữa vợ và chồng, cha và con ,giảm khả năng lao động của nạn nhân.giảm thời gian lao động do phải nghỉ việc, giảm thu nhập của gia đình,không có khả năng làm tròn bổn phận của cha mẹ,con cái bị ảnh hưởng xấu khi chứng kiến hành vi bạo lực của cha với mẹ.

- **Đối với xã hội**: Giảm đi sự đóng góp của nạn nhân đối với xã hội,tồn hao về tài sản và tiền của trong việc chữa trị nạn nhân bị bạo lực,nếu hành vi bạo lực không được lên án sẽ dẫn tới những hành động bạo lực nghiêm trọng hơn.giảm mức sống của phụ nữ và trẻ em. Ảnh hưởng đối với công tác kế hoạch hoá gia đình, ảnh hưởng đối với công tác phòng chống các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và HIV/AIDS.

***Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình**

- Kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hoà giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

- Hành vi bạo lực gia đình được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

- Nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ, giúp đỡ kịp thời phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của họ và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật và phụ nữ.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình.

***Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình**

****Mô hình truyền thông:***

Mô hình này được tổ chức dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú, như: truyền hình, truyền thanh, tờ rơi, sách nhỏ, thông điệp, khẩu hiệu, pa nô, áp phích, tổ chức nói chuyện, sinh hoạt văn nghệ với cộng đồng. Nội dung truyền thông về bình đẳng giới và bạo lực gia đình. Đó là tờ rơi về phòng chống BLGĐ, sách "Luật bình đẳng giới diễn giải", "Luật phòng chống bạo lực gia đình diễn giải" do cán bộ trung tâm soạn thảo và phát miễn phí cho cộng đồng. Ngoài ra, chiến dịch còn được hỗ trợ những tài liệu khác liên quan đến hai luật như sách: Bình đẳng giới trong pháp luật Việt Nam, 30 câu hỏi đáp về luật Phòng chống BLGĐ... Những tài liệu đó được biên soạn khoa học và công phu với những nội dung trình bày sáng sủa và rõ ràng trong việc diễn giải luật cho người dân hiểu rõ. Đây là công tác chuẩn bị lâu nhất, mất nhiều thời gian và tâm sức nhất, để có được những tài liệu trên.

RCGAD đã tổ chức chiến dịch truyền thông vào tháng 12/2009 với gần 1000 người tham gia. Trong chiến dịch này, ngoài phần diễn thuyết tại cộng đồng về nội dung phòng, chống bạo lực gia đình là những hoạt động sân khấu bổ ích có nội dung lấy từ những câu chuyện chống bạo lực thực tế ở địa phương, do các diễn viên nông dân trình diễn với nhiều hình thức phong phú như chèo, kịch nói, đồng ca, đơn ca... đạt trình độ nghệ thuật cao và thu hút người xem đông đảo. Màn trình diễn đặc sắc của cuộc thi trắc nghiệm và những phần thưởng trao cho những người thắng cuộc đã thực sự gây không khí sôi động tại địa phương. Sau đó, hàng chục xe ô tô, xe máy gắn khẩu hiệu, nổi vang trống chiêng đi diễu hành ở các đường giao thông chính của hai địa phương. Chiến dịch truyền thông đã thành công tốt đẹp, ghi dấu ấn sâu sắc trong lòng nhân dân địa phương.

****Mô hình đào tạo, tư vấn:***

RCGAD đã tổ chức nhiều cuộc tập huấn cho các tổ tư vấn tại cộng đồng và cho tất cả các thành viên tham gia ban chỉ đạo, các mô hình, đại diện của các cơ quan và ban ngành của địa phương. Nội dung tập huấn là đào tạo kiến thức mới về bạo lực gia đình và

phòng chống bạo lực gia đình, kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử của cả nam và nữ trong gia đình, ngoài xã hội, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc, kỹ năng nuôi dạy con cái, kỹ năng hành động khi có bạo lực gia đình xảy ra.

**Mô hình câu lạc bộ nhóm nhỏ:*

Đây là mô hình thể hiện tinh thần tham gia tích cực chủ động của cộng đồng vào dự án, mỗi thôn, cụm dân cư đều có các câu lạc bộ hoạt động rất tích cực. Các nhóm tự đặt tên như câu lạc bộ “Vì sự tiến bộ của phụ nữ”, câu lạc bộ “Xây dựng gia đình hạnh phúc”, câu lạc bộ “ Những người đàn ông yêu vợ”. Các nhóm hoạt động thu hút sự tham gia của cộng đồng. Nhiều thành viên câu lạc bộ trước khi đi họp đã thay quần áo sạch sẽ, họ ca hát, đọc thơ tạo không khí rất vui vẻ. Có những cặp vợ chồng ở nhà không mấy khi nói chuyện với nhau nhưng khi đi sinh hoạt câu lạc bộ thì dốc bầu tâm sự, cởi mở và càng thông cảm, yêu nhau hơn.

** Mô hình can thiệp trong các trường hợp khẩn cấp:*

Các địa phương đã xây dựng các “đường dây nóng” để thông báo cho Ban chỉ đạo hoặc công an biết khi có bạo lực xảy ra. “Đường dây nóng” có thể từ người hàng xóm, từ thiếu nhi, từ đội can thiệp nhanh hoặc từ bất cứ ai tình cờ chứng kiến bạo lực gia đình, vì vậy các vụ bạo lực thường được phát hiện kịp thời. Các thành viên của đội can thiệp nhanh đã tách ngay nạn nhân ra khỏi người gây bạo lực theo điều khoản “Cấm tiếp xúc” của Luật Phòng chống bạo lực gia đình. Trên cơ sở đó, nạn nhân được đưa đi cấp cứu kịp thời nếu có thương tích còn người gây bạo lực cũng bị xử lý ngay theo quy định của pháp luật. Nhờ làm tốt công tác này nên ở hai địa phương nghiên cứu mấy năm nay không có những trường hợp thương tích nghiêm trọng và nạn bạo lực đã giảm tới 80% (Báo cáo của địa phương)

**Mô hình địa chỉ tin cậy:*

Đây là sáng kiến của hai địa phương nghiên cứu đã được Quốc hội chấp thuận đưa vào Luật Phòng chống bạo lực gia đình để mở rộng mô hình này trên phạm vi toàn quốc. Hiện nay hai địa phương này đang đi đầu cả nước về mô hình địa chỉ tin cậy để cứu giúp nạn nhân. Vũ Lạc có 35 địa chỉ, Thanh Nê có 42 địa chỉ. Điều đặc biệt là các địa chỉ này đều được công bố công khai trên đài phá thanh địa phương để nạn nhân biết. Chính quyền bảo vệ các địa chỉ này nếu có kẻ quấy rối sẽ bị bắt và bị quy vào tội “ Chông người thi hành công vụ”. RCGAD đã hỗ trợ vật chất và tài liệu cho 36 địa chỉ tin cậy ở hai địa phương.

Để thực hiện lập mô hình tại cộng đồng, RCGAD đã phải chuẩn bị rất kỹ lưỡng cho từng hoạt động của chương trình. Công việc chuẩn bị được phân công rõ ràng cho từng người và cho từng bộ phận để hoàn thành các bước hoạt động.

3.2.2.2. Công tác hòa giải

**Khái niệm hòa giải cơ sở*

- Hoà giải cơ sở là việc Hoà giải viên vận dụng pháp luật, kiến thức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam để giải thích, hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ ở cơ sở.

Hòa giải cơ sở được thực hiện thông qua hoạt động của Tổ hòa giải.

- Cơ sở là thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, cụm dân cư khác.

- Các bên có mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật là các thành viên trong gia đình; các gia đình với nhau; cá nhân với cá nhân; cá nhân với tổ chức.

**Mục đích hòa giải*

Hòa giải cơ sở được thực hiện nhằm giúp các bên tự giải quyết các mâu thuẫn, vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ; giữ gìn, củng cố tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân; phát huy đạo lý, truyền thống tốt đẹp trong gia đình, dòng họ và cộng đồng các dân tộc Việt Nam; giảm bớt khiếu kiện, phòng ngừa và hạn chế các vi phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và giữ gìn trật tự xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

**Nguyên tắc hoạt động hoà giải*

Nguyên tắc hoà giải là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo mà khi tiến hành hoạt động hoà giải phải tuân thủ một cách đầy đủ, toàn diện và nghiêm túc. Các nguyên tắc này được quy định tại Điều 4 Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở.

- *Hoà giải phải phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân*

Khi giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nhân dân nếu như người hoà giải chỉ căn cứ vào các chuẩn mực đạo đức truyền thống của dân tộc, phong tục tập quán của địa phương, dòng họ để dàn xếp các mâu thuẫn, tranh chấp thì chưa đủ và không hiệu quả. Các vụ việc nếu chỉ dừng lại ở các quy phạm đạo đức để hoà giải thì chưa hẳn đã mang lại kết quả tích cực và thoả đáng. Một vụ việc chỉ được giải quyết dứt điểm và có hiệu quả cao khi người hoà giải bên cạnh việc căn cứ vào các chuẩn mực đạo đức, phong tục, tập quán còn cần phải nắm vững và vận dụng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là những quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân.

Để thực hiện nguyên tắc này, tổ viên Tổ hoà giải phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Trước hết, cần nắm vững quy định của pháp luật liên quan trực tiếp đến công tác hoà giải ở cơ sở như pháp luật dân sự (quan hệ tài sản, quan hệ hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế,...), pháp luật hôn nhân và gia đình (quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ cha mẹ, con, nhận nuôi con nuôi, ly hôn, yêu

cầu cấp dưỡng...), pháp luật về đất đai (quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất...), pháp luật hành chính và pháp luật hình sự...

Bên cạnh việc hoà giải theo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoà giải viên cần phải kết hợp với các quy phạm đạo đức, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân. Pháp luật được thể hiện ở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Phong tục, tập quán thường được thể hiện hoặc bằng ngôn ngữ như luật tục của đồng bào các dân tộc thiểu số, các hương ước, quy ước làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư, tổ dân phố, hoặc bằng các thói quen ứng xử dưới dạng các hành động cụ thể. Phong tục, tập quán được áp dụng phải là phong tục tập quán tốt đẹp, không trái với pháp luật và quy tắc xây dựng nếp sống mới. Nếu phong tục, tập quán đã được quy định trong các hương ước, quy ước làng thì phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt thực hiện. Đối với các hủ tục, tập quán lỗi thời thì tuyệt đối không được vận dụng để hoà giải.

- Hoà giải phải tôn trọng sự tự nguyện của các bên, không bắt buộc, áp đặt các bên tranh chấp phải tiến hành hoà giải

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoà giải ở cơ sở. Vì bản chất của hoà giải ở cơ sở là việc hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục các bên tranh chấp đạt được thoả thuận trên cơ sở tự nguyện. Nguyên tắc này nhằm bảo đảm quyền tự định đoạt của các bên có tranh chấp trong việc giải quyết các vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ.

Người làm công tác hoà giải phải hiểu được tâm lý của những người đang có mâu thuẫn, tranh chấp, giữa họ ai cũng có những lý lẽ cho rằng mình đúng và không chấp nhận lý lẽ của bên kia. Do đó, khi hoà giải, tổ viên tổ hoà giải phải giúp họ bình tĩnh, tỉnh táo để nhìn nhận ra sự thật, thấy rõ cái đúng, cái sai của cả hai bên. Chỉ khi nào họ hiểu đúng đắn và thông cảm với nhau thì họ mới tự nguyện cùng nhau giải quyết mọi mâu thuẫn.

Tuy nhiên có những trường hợp, nếu tiến hành hoà giải các bên có thể chưa chấp nhận ngay thì tổ viên tổ hoà giải phải dùng phương pháp thuyết phục để hai bên đi đến thoả thuận mà không được tìm cách áp đặt.

Một trong những phương pháp để hai bên đi đến thoả thuận trong trường hợp họ không chấp nhận thì tổ viên tổ hoà giải phải nhờ đến sự trợ giúp của người đại diện chính quyền như công an hay đại diện của tổ chức xã hội để tạo nên một tâm lý nhất định đối với một hoặc các bên tranh chấp, để họ đồng ý chấp nhận việc hoà giải. Đương nhiên sự tác động tâm lý này không được mang tính ép buộc mà chỉ là sự hỗ trợ cho hoà giải viên thực hiện thành công việc hoà giải.

- Hoà giải phải khách quan, công minh, có lý, có tình, giữ bí mật thông tin đời tư của các bên tranh chấp, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng

Thông thường khi mâu thuẫn xảy ra, mỗi bên tranh chấp đều đưa ra lý lẽ để tự bảo vệ mình cho mình là đúng, không nhìn nhận được cái sai của mình đã gây ra cho người khác. Do đó người hoà giải phải thực sự khách quan, vô tư, công minh, đề cao lẽ phải, tìm cách thuyết phục để mỗi bên hiểu rõ sai trái, không xuề xòa “dĩ hoà vi quý” cho xong việc. Hơn nữa sự công minh, khách quan, vô tư của người hoà giải sẽ là yếu tố để hai bên đặt lòng tin và cùng nhau giải quyết vụ việc.

Nguyên tắc có lý có tình là một trong những nguyên tắc đặc trưng nhất đối với hoạt động hoà giải ở cơ sở so với loại hình hoà giải khác. Trong hoà giải ở cơ sở cần tuân theo các quy phạm đạo đức, đề cao yếu tố tình cảm, khuyên nhủ các bên ứng xử theo các chuẩn mực đạo đức. Tuy nhiên không chỉ áp dụng theo các quy phạm đạo đức nói chung, trong từng trường hợp cụ thể hoà giải viên cần phải hiểu và nắm vững các quy định của pháp luật để giải quyết sự việc và hướng dẫn các bên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật.

Việc tuân thủ nguyên tắc này chính là sự bảo đảm đạt được mục đích của công tác hoà giải là giữ gìn đoàn kết trong nội bộ nhân dân, củng cố, phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình, cộng đồng dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư.

Trong quá trình thực hiện hoà giải, tổ viên Tổ hoà giải phải giữ bí mật thông tin về đời tư của các bên tranh chấp. Khi đã được các bên tranh chấp tin tưởng và thổ lộ thông tin thầm kín về đời tư của mình cho hoà giải viên, thì hoà giải viên không được phép tiết lộ thông tin đó cho người khác. Song cũng cần phân biệt giữa bí mật thông tin đời tư cá nhân và thông tin bí mật của các bên tranh chấp về hành vi bất hợp pháp mà họ đã thực hiện.

Bên cạnh đó, hoà giải phải tuân thủ nguyên tắc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng. Nguyên tắc này mang tính pháp lý cao và thường được áp dụng cho mọi loại hình hoà giải các tranh chấp kể cả việc hoà giải được thực hiện bởi Toà án và tổ chức trọng tài. Đối với hoà giải ở cơ sở, các tranh chấp, xích mích trong đời sống sinh hoạt hàng ngày liên quan đến sử dụng lối đi qua nhà, sử dụng điện, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường... thường liên quan đến nhiều người khác ngoài các bên tranh chấp, do đó Tổ hoà giải không thể vì mục đích đạt được hoà giải thành mà làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Việc hoà giải phải tuân thủ nguyên tắc không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.

- Hoà giải phải kịp thời, chủ động, kiên trì nhằm ngăn chặn vi phạm pháp luật, hạn chế những hậu quả xấu khác có thể xảy ra và đạt được kết quả hoà giải

Trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày có thể xảy ra những va chạm, xích mích, tranh chấp nhỏ giữa các thành viên trong gia đình, họ tộc, xóm giềng, bạn bè... với nhau mà nếu không được giải quyết kịp thời, có lý, có tình thì có thể từ những va chạm, xích mích, mâu thuẫn nhỏ sẽ dễ trở thành những mâu thuẫn lớn. Từ những tranh chấp, mâu

thuần trong quan hệ dân sự, kinh tế, hôn nhân gia đình có thể chuyển thành vụ án hình sự, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng đến trật tự chung. Vì vậy, các hoà giải viên cần chủ động, kịp thời ngăn chặn hậu quả xấu, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm hình sự có thể xảy ra để giữ gìn được tình làng, nghĩa xóm, tình đoàn kết tương thân, tương ái trong cộng đồng, tập thể.

Để tạo cơ sở pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện nguyên tắc kịp thời, chủ động trong hoạt động hoà giải ở cơ sở, Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hoà giải ở cơ sở thì tổ viên tổ hoà giải có thể chủ động hoà giải hoặc tổ chức việc hoà giải theo sáng kiến của mình (khoản 1 Điều 10). Nghị định số 160/1999/NĐ-CP quy định: “Việc hoà giải có thể được tiến hành theo sáng kiến của tổ viên Tổ hoà giải ngay tại thời điểm xảy ra tranh chấp, nếu tổ viên Tổ hoà giải là người chứng kiến và xét thấy cần thiết phải hoà giải ngay” (khoản 1 Điều 13).

Khác với các loại hình hoà giải khác, pháp luật không quy định thời hạn tiến hành việc hoà giải một tranh chấp do tổ hoà giải thực hiện. Điều 16 Nghị định số 160/1999/NĐ-CP quy định: “Việc hoà giải được kết thúc khi các bên đã đạt được thoả thuận và tự nguyện thực hiện thoả thuận đó”. Quy định này thể hiện một trong các đặc điểm của thực tiễn hoạt động công tác hoà giải ở cơ sở là có nhiều việc tranh chấp trong cộng đồng dân cư đòi hỏi tổ viên tổ hoà giải phải kiên trì việc hoà giải. Người hoà giải đến gặp gỡ từng bên để lắng nghe, thuyết phục rồi sau đó tổ chức cho các bên trực tiếp gặp nhau ở một nơi thuận tiện, giúp họ thông cảm với nhau. Cuộc gặp gỡ phải tránh biến thành cuộc đối chất giữa hai bên trong bầu không khí căng thẳng. Sau khi tìm hiểu đầy đủ sự việc, lắng nghe ý kiến của các bên, người hoà giải phải bằng tất cả sự cảm thông, khéo léo phân tích, thuyết phục cho các bên đạt tới thoả thuận phù hợp với pháp luật, đạo đức, tập quán tốt đẹp của nhân dân và cùng nhau thực hiện những thoả thuận đó.

**Mô hình tổ hòa giải*

Theo Điều 7 pháp lệnh hòa giải cơ sở quy định: Tổ hoà giải ở cơ sở là tổ chức tự quản của nhân dân được thành lập ở thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư khác để thực hiện hoặc tổ chức thực hiện việc hoà giải những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật.

Tổ hoà giải tổ trưởng và các tổ viên do Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận lựa chọn, giới thiệu để nhân dân bầu và do Uỷ ban nhân dân cùng cấp công nhận. Mỗi tổ hòa giải có từ 3 tổ viên trở lên. Căn cứ đặc điểm tình hình cụ thể của cụm dân cư và kết quả cuộc họp thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố, kết quả cuộc họp chủ hộ hoặc kết quả lấy ý kiến chủ hộ, chủ tịch UBND xã, thị trấn quyết định số lượng tổ hòa giải ở địa phương. Thành viên của tổ hòa giải là người có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong nhân dân, có khả năng thuyết phục, có tinh thần tự nguyện và do chính nhân dân bầu ra.

Như vậy, tổ hòa giải là tổ chức quần chúng của nhân dân, do dân bầu ra và được thành lập ở cơ sở thôn, xóm, ấp ... về bản chất, tổ hòa giải là tổ chức quần chúng, không phải là tổ chức chính quyền, được thành lập để hòa giải tại chỗ, thường xuyên, kịp thời các vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân, góp phần tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân, nhằm chủ động ngăn ngừa vi phạm pháp luật, hạn chế các vụ việc phải đưa ra tòa án giải quyết.

3.2.3. Vấn đề bình đẳng giới và công tác kế hoạch hóa gia đình

3.2.3.1. *Vấn đề bình đẳng giới*

**Khái niệm bình đẳng giới*

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

**Mục tiêu bình đẳng giới*

Mục tiêu bình đẳng giới là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

**Các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới*

1. Nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.
2. Nam, nữ không bị phân biệt đối xử về giới.
3. Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử về giới.
4. Chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ không bị coi là phân biệt đối xử về giới.
5. Bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật.
6. Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân

**Thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay và chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới tới năm 2020*

Bình đẳng giới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội. Bình đẳng giới vừa là mục tiêu vừa là cơ sở thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xây dựng xã hội ổn định và đồng thuận, phát triển bền vững đất nước.

Trong những năm qua, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về bình đẳng giới. Vị trí xếp hạng của chỉ số phát triển giới (GDI) tăng trong vòng 15 năm qua, từ mức trung bình thấp năm 1995 (đạt giá trị 0,537, đứng vị trí thứ 72/130 nước) lên mức trung bình cao năm 2009 (đạt giá trị 0,723, đứng vị trí 94/155 nước được xếp hạng); hiện nay chỉ số quyền năng giới (GEM) của Việt Nam đạt 0,554, đứng ở vị trí thứ 62/109 nước, thuộc nhóm nước có sự phát triển trung bình về giới. Việt Nam được đánh giá là quốc gia xóa bỏ khoảng cách giới nhanh nhất trong vòng 20 năm qua. Tuy nhiên, khoảng cách giới vẫn còn

tồn tại khá lớn trong một số lĩnh vực quan trọng như: chính trị, kinh tế, lao động và việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, gia đình. Phụ nữ vẫn là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi hơn so với nam giới. Định kiến giới, tư tưởng “trọng nam coi thường nữ” vẫn còn tồn tại, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính gây nên tình trạng bất bình đẳng giới nói chung và đặc biệt là mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam. Tình trạng bạo lực đối với phụ nữ vẫn diễn ra khá phổ biến.v.v.

Việc xây dựng Chiến lược Bình đẳng giới có ý nghĩa quan trọng bởi bình đẳng giới không chỉ là mục tiêu của phát triển mà còn là cách thức để xóa đói, giảm nghèo bền vững và thúc đẩy tăng trưởng của quốc gia. Bình đẳng giới tạo điều kiện quản lý nhà nước có hiệu quả khi nguồn lực con người (bao gồm cả nam và nữ) được phát huy và sử dụng một cách hợp lý. Chiến lược cũng là công cụ để đưa Luật Bình đẳng giới vào cuộc sống và để hiện thực hoá các cam kết của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế trong việc thực hiện Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) và Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ (MDG).

- Đến nay, Việt Nam được đánh giá là đã cơ bản hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

+ Để cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta về bình đẳng giới, đồng thời luật hóa các quy định liên quan trong các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (tiêu biểu là CEDAW), trong 10 năm qua, hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới của Nhà nước ta đã từng bước được hoàn thiện. Trong hầu hết các văn bản pháp luật mới được soạn thảo hoặc sửa đổi, bổ sung đều quán triệt tinh thần “cấm phân biệt đối xử với phụ nữ” và phù hợp với các nguyên tắc bình đẳng giới. Tiêu biểu như: Luật Cán bộ, công chức, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân,...Luật Bình đẳng giới được Quốc hội thông qua năm 2006 đánh dấu bước ngoặt và có tính đột phá trong sự nghiệp bình đẳng giới ở Việt Nam. Đây là văn bản luật quy định tập trung nhất các nội dung về bình đẳng giới và bảo đảm quyền của phụ nữ. Điểm nổi bật của Luật này là: lần đầu tiên hình thành nên cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở Việt Nam; quy định bắt buộc quy trình lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật và yêu cầu các cơ quan chức năng xây dựng các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới...

+ Thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, Chính phủ đã xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược, kế hoạch đặc thù riêng cho phụ nữ như: Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2001-2010; thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào chiến lược, kế hoạch, các chương trình chung của quốc gia như: chiến lược toàn diện tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006- 2010...

- Bộ máy tổ chức thực thi bình đẳng giới ngày càng được hoàn thiện, phát triển. Nếu cách đây 10 năm, Việt Nam mới chỉ có một tổ chức phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ của phụ nữ được thành lập từ TW tới địa phương, thì đến nay, sau khi Luật Bình đẳng giới được ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2007, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới đã được hình thành và đi vào hoạt động. Hiện nay, bộ máy quốc gia về bình đẳng giới ở Việt Nam gồm có: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Ngoài ra, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Nhóm nữ nghị sĩ Việt Nam cũng tích cực tham gia thực hiện công tác này.

- Các văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ được ban hành từ năm 1997 và đã được điều chỉnh, bổ sung đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ. Nguồn kinh phí cho công tác bình đẳng giới đã được bố trí trong ngân sách nhà nước hàng năm và huy động từ nhiều nguồn khác.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều mặt tồn tại như sau:

- Việc triển khai luật pháp, chính sách về bình đẳng giới chậm và thiếu tập trung chỉ đạo, các văn bản hướng dẫn Luật Bình đẳng giới chưa hoàn chỉnh và đồng bộ làm hạn chế khả năng thực hiện bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới quy định trách nhiệm của các cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, nhiều cơ quan chủ trì soạn thảo còn gặp khó khăn trong việc thực hiện quy trình, thủ tục lồng ghép giới. Cho đến nay chưa có đánh giá chính thức về mức độ thực hiện quy định này kể từ khi Luật Bình đẳng giới có hiệu lực. Vì vậy, những nguyên nhân vướng mắc liên quan đến như sự phối hợp của các cơ quan, bộ ngành về quy trình thẩm định hay vấn đề kỹ năng...chưa được xác định một cách thấu đáo để có cơ sở khắc phục.

- Số liệu tách biệt theo giới phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, lập ngân sách chưa được quan tâm đúng mức để xây dựng ở từng bộ, ngành cũng như trong cả nước.

- Một số chính sách, pháp luật chuyên ngành được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung còn chưa tính đến yếu tố giới hoặc có một số quy định chưa phù hợp với chuẩn mực quốc tế (tuổi về hưu, ...); một số quy định khó thực hiện trên thực tế (các quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của lao động nữ vô hình chung trở thành rào cản khiến phụ nữ khó/mất cơ hội có việc làm).

- Chưa có chế tài đủ mạnh đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

- Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2001-2010 mới tập trung đề xuất các giải pháp nhằm bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, chưa xem xét giải quyết trong mối quan hệ với bảo đảm quyền lợi của nam giới. Nhiều giải pháp được đặt ra trong Chiến lược và Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam các giai đoạn chưa được các cơ quan chức năng quan tâm thực hiện.

- Việc truyền thông rộng rãi về Luật bình đẳng giới hầu như chưa được quan tâm. Vì thế mà người dân cũng như các cơ quan ban ngành còn hiểu biết hạn chế về luật này.

- Năng lực của bộ máy quốc gia về bình đẳng giới còn nhiều hạn chế. Cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới mới được hình thành ở cấp trung ương là Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Vụ bình đẳng giới), tại các tỉnh là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đang trong quá trình ổn định, tại các tỉnh đa phần chưa có cán bộ chuyên trách; đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về kiến thức, hạn chế trong kỹ năng hoạt động.

- Kinh phí chi cho công tác bình đẳng giới còn quá ít và phụ thuộc vào “sự quan tâm” của từng địa phương. Hầu hết mới chỉ tính toán được ở khoản ngân sách cấp cho một số hoạt động “bề nổi” của các Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và một số ít cho cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới (sau khi Luật Bình đẳng giới năm 2006 ra đời).

Tồn tại:

Vấn đề tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế; thiếu hệ thống chăm sóc sức khỏe cho nam giới; nhận thức của cả nam và nữ về chăm sóc sức khỏe sinh sản còn bất cập là ba vấn đề tồn tại cơ bản.

Thứ nhất, tỷ suất tử vong mẹ còn cao, gấp 2 lần so với một số nước trong khu vực như Thái Lan, Singapore, Malaysia, gấp 4 lần so với Hàn Quốc. Mức giảm tỷ suất chết mẹ trong 10 năm gần đây còn chậm và chưa nhiều, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Việc tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản đã có nhiều tiến bộ song vẫn còn một bộ phận nhỏ các bà mẹ vùng dân tộc thiểu số không đi khám thai, tự đẻ tại nhà hoặc trong rừng. Rất nhiều địa phương đã không đánh giá được tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản. Thực tế thống kê y tế cho thấy số phụ nữ mắc và chết do 5 bệnh tai biến sản khoa vẫn có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, gây khó khăn trong việc giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ. Tỷ lệ nữ trong số nhiễm HIV thấp hơn nam giới nhưng lại có xu thế tăng dần. Tỷ lệ nạo phá thai ở nước ta ở mức cao, trong đó nạo phá thai ở tuổi vị thành niên chiếm một tỷ lệ đáng kể và có xu hướng tăng lên.

Thứ hai, còn thiếu các trung tâm chăm sóc sức khỏe cho nam giới. Tỷ lệ nam giới thực hiện các biện pháp tránh thai an toàn còn chưa cao. Năng lực thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản hoặc kế hoạch hóa gia đình như đội ngũ bác sỹ có chuyên môn về sức khỏe sinh sản hoặc kế hoạch hóa gia đình từ Trung ương tới cơ sở; mạng lưới tư vấn về giới và chăm sóc sức khỏe sinh sản cũng như đội ngũ bác sỹ chăm sóc sức khỏe nam giới còn hạn chế.

Thứ ba, nhận thức, hành vi của cả nam giới và nữ giới về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình còn chưa đầy đủ. Điều này đang tạo nên tình trạng mất cân bằng giới tính (khi sinh). Tại các cơ sở y tế cũng chưa có hệ thống sàng lọc nạn nhân của bạo lực

giới và các nguyên nhân của nó theo quy định của Bộ Y tế, nhằm giúp xác định tác động của bạo lực giới đến sức khỏe phụ nữ.

Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn triển khai công tác bình đẳng giới trong 10 năm qua, cụ thể là việc thực hiện Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ giai đoạn 2001-2010 và việc thực hiện Luật Bình đẳng giới từ năm 2007, có thể rút ra một số bài học chủ yếu sau:

- *Một là*, nhận thức đúng đắn và sự cam kết mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị trong thực hiện bình đẳng giới là yếu tố quyết định. Thực hiện hiệu quả việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và thực hiện chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới là yếu tố then chốt.

- *Hai là*, thái độ tích cực và trách nhiệm cao của cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp là tiền đề cơ bản thúc đẩy chất lượng, hiệu quả công tác bình đẳng giới. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới có ý nghĩa rất quan trọng và cần được tiếp tục tăng cường.

- *Ba là*, tăng cường năng lực của tổ chức, bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ là yếu tố nền tảng; nhất là, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp vừa có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, vừa tâm huyết với công tác bình đẳng giới. Cơ chế phối hợp liên ngành có hiệu quả có ý nghĩa quan trọng bảo đảm công tác bình đẳng giới đạt kết quả tốt. Tăng cường năng lực cho bộ máy quốc gia về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ và lập ngân sách có tính đến các quan hệ giới là điều kiện thiết yếu để thực hiện nhiệm vụ bình đẳng giới.

- *Bốn là*, hoạt động bình đẳng giới cần được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, quan tâm nhiều hơn cho địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số - nơi tồn tại rõ nét nhất tình trạng bất bình đẳng giới.

- *Năm là*, Chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu về bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ là yếu tố quan trọng cung cấp luận cứ đáng tin cậy cho công tác hoạch định và thực thi chính sách bình đẳng giới.

- *Sáu là*, công tác tham mưu, chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra công tác bình đẳng giới một cách thường xuyên giúp cho việc nắm bắt tình hình tốt hơn và kịp thời đề xuất các giải pháp giải quyết những vấn đề giới nổi cộm, qua đó nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc thúc đẩy bình đẳng giới.

- *Bảy là*, tăng cường hợp tác quốc tế về bình đẳng giới và tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, thông tin, tài chính là cần thiết nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu bình đẳng giới.

3.2.3.2. Công tác kế hoạch hóa gia đình

*Khái niệm:

Kế hoạch hoá gia đình là việc lập kế hoạch khi nào có trẻ em, và việc sử dụng kiểm soát sinh sản và các kỹ thuật khác để thực hiện các kế hoạch đó. Các kỹ thuật khác thường

được sử dụng gồm giáo dục giới tính, ngăn chặn và quản lý các bệnh lây truyền qua đường tình dục, tư vấn trước khi mang thai và quản lý mang thai, và quản lý vô sinh.

Kế hoạch hoá gia đình thỉnh thoảng được sử dụng như một thuật ngữ đồng nghĩa với kiểm soát sinh sản, dù nó thường có nội hàm lớn hơn. Nó chủ yếu được áp dụng với một cặp nữ-nam muốn hạn chế số lượng trẻ em họ có và/hay kiểm soát thời gian mang thai (cũng được gọi là giãn cách sinh sản).

Các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình được định nghĩa là "giáo dục, y tế toàn diện hay các hoạt động xã hội cho phép các cá nhân, gồm cả người chưa thành niên, tự do quyết định số lượng và thời gian giãn cách giữa những đứa trẻ và lựa chọn các biện pháp để thực hiện điều đó."

*Công tác kế hoạch hóa gia đình trên thế giới:

Nguồn cung cấp tài chính lớn nhất của quốc tế về dân số và sức khỏe sinh sản là Quỹ dân số Liên hiệp quốc (UNFPA). Các mục tiêu chính của Chương trình Hành động của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển gồm:

Tiếp cận phổ quát tới các dịch vụ sức khỏe sinh sản vào năm 2015

Giáo dục phổ cập cấp một và lấp đầy khoảng cách giới tính trong giáo dục vào năm 2015

Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ 75% vào năm 2015

Giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh

Tăng tuổi thọ

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Ngân hàng Thế giới ước tính rằng chỉ với \$3.00 trên người trên năm là đủ cho nhu cầu căn bản về kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại các quốc gia đang phát triển. Nó sẽ bao gồm tránh thai, chăm sóc sức khỏe trước khi sinh, khi sinh và sau khi sinh ngoài việc tuyên truyền kế hoạch hoá gia đình và khuyến khích sử dụng bao cao su để ngăn bệnh lây truyền qua đường tình dục.

**Trung Quốc*

Chính sách một con của Trung Quốc khuyến khích các cặp vợ chồng không có quá một con. Chính sách dân số của Trung Quốc được cho là đã góp phần hạ thấp đáng kể tỷ lệ tăng dân số từng rất cao trước khi chính sách này được áp dụng. Nó đã bị chỉ trích rằng việc áp dụng chính sách đã dẫn tới những trường hợp bắt buộc phá thai và bắt buộc triệt sản. Tuy nhiên, vì hình thức phạt khi mang thai "ngoài kế hoạch" chỉ là một khoản phạt, cả việc bắt buộc phá thai và bắt buộc triệt sản đều có thể bị kết tội tấn công có chủ đích, có thể bị kết án tới 10 năm tù.

**Hong Kông*

Tại Hồng Kông, Eugenics League được thành lập năm 1936, nó trở thành Hội kế hoạch hoá gia đình Hồng Kông năm 1950. Tổ chức này cung cấp tư vấn về kế hoạch hoá gia đình, giáo dục giới tính, các dịch vụ kiểm soát sinh sản cho người dân Hồng Kông.

Trong thập niên 1970, vì sự gia tăng dân số nhanh chóng, tổ chức đã tung ra chiến dịch "Hai là đủ", giúp làm giảm bớt tỷ lệ sinh thông qua các biện pháp giáo dục. Hội kế hoạch hoá gia đình Hồng Kông, đã thành lập International Planned Parenthood Federation với các đối tác ở bảy quốc gia khác.

**Hoa Kỳ*

Title X của Public Health Service Act, là một chương trình của chính phủ Hoa Kỳ để cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình cho những người có nhu cầu. Nhưng nguồn vốn cho Title X theo phần trăm tổng nguồn vốn cho các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình công đã giảm liên tục từ 44% tổng chi năm 1980 xuống còn 12% năm 2006. Medicaid đã tăng từ 20% lên 71% trong cùng thời gian đó. Năm 2006, Medicaid góp \$1.3 tỷ cho kế hoạch hoá gia đình công cộng.

**Ấn Độ*

Chính phủ Ấn Độ đã chú trọng tới các biện pháp kiểm soát dân số và gia tăng nhận thức về những lợi ích khi giảm tăng trưởng dân số, gồm cả một cuộc sống tốt hơn, giáo dục, môi trường và sức khoẻ cho mọi cá nhân. Dù có những nỗ lực đó, các cặp vợ chồng thường cho rằng các con họ cần có nhiều anh em. Các cặp vợ chồng cảm thấy rằng họ có khả năng nuôi nấng hơn một đứa trẻ và không nhận ra rằng cần phải có một môi trường bền vững để có khả năng hỗ trợ cho một dân số đang gia tăng. Các chiến dịch tăng cường nhận thức gồm "We two, our's one", "Girl or Boy, let there just be one child".

**Công tác kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam*

Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 14/11/2011, có mục tiêu tổng quát là: Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề về cơ cấu dân số và phân bố dân số, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhiều mục tiêu cụ thể được đề ra như tốc độ tăng dân số ở mức khoảng 1% vào năm 2015 và ổn định vào năm 2020, chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức trung bình cao của thế giới vào năm 2020; Nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật và tử vong ở trẻ em, nâng cao sức khỏe bà mẹ, thu hẹp đáng kể sự khác biệt về các chỉ báo sức khỏe trẻ em, sức khỏe bà mẹ giữa các vùng miền; Giảm mạnh tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, đưa tỷ số này trở lại mức 105-106 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào khoảng năm 2025; Duy trì mức sinh thấp hợp lý, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản có chất lượng; Giảm tỷ lệ phá thai, cơ bản loại trừ phá thai không an toàn; Giảm nhiễm khuẩn và chủ động phòng ngừa, phát hiện, điều trị sớm ung thư đường sinh sản; Cải thiện sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên, các nhóm dân số đặc thù; Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Thúc đẩy phân bố dân số phù hợp với định hướng phát triển kinh

tế - xã hội quốc gia; Tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội...

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Chiến lược nhấn mạnh các giải pháp về lãnh đạo, tổ chức và quản lý; truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi; dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản; xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách về dân số, sức khỏe sinh sản; xã hội hóa, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế; tài chính; đào tạo, nghiên cứu khoa học và thông tin số liệu...

Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản được chia làm hai giai đoạn thực hiện. Trong đó, giai đoạn 1 (2011-2015) là kiên trì thực hiện gia đình ít con khỏe mạnh, chủ động điều chỉnh mức sinh phù hợp với từng vùng, miền, duy trì tổng tỷ suất sinh toàn quốc ở mức 1,9 con vào năm 2015; nâng cao chất lượng dân số; đẩy mạnh các biện pháp truyền thông giáo dục, hoàn thiện cơ sở pháp lý, kiểm tra và xử lý nghiêm hành vi lựa chọn lựa chọn giới tính thai nhi, thực hiện chính sách hỗ trợ để kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh; thực hiện toàn diện các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản; tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành về dân số, sức khỏe sinh sản...

Trên cơ sở thực hiện giai đoạn 1, giai đoạn 2 (2016-2020) sẽ điều chỉnh chính sách phù hợp, triển khai toàn diện các giải pháp đã đề ra. Mở rộng các hoạt động can thiệp nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc toàn diện sức khỏe sinh sản, hạn chế mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Đẩy mạnh khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Dân số và Sức khỏe sinh sản phục vụ công tác kế hoạch, quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công...

3.2.3.3. Đẩy mạnh công tác gia đình trong giai đoạn hiện nay

Mục tiêu chủ yếu của công tác gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá là ổn định, củng cố và xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ một hoặc hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, để mỗi gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội.

Muốn đẩy mạnh công tác gia đình, đầu tiên là phải từng bước xây dựng và phát triển văn hóa gia đình và xây dựng Gia đình văn hóa. Văn hóa gia đình là một bộ phận, là cái “gốc” của văn hóa làng, văn hóa nước. Vì vậy, việc đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa không thể tách rời việc nghiên cứu, xem xét, đánh giá từ góc độ văn hóa gia đình. Nghĩa là, cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa và tiêu chí gia đình văn hóa hiện nay phải dựa trên những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Việt Nam. Đồng thời trong quá trình xây dựng gia đình văn hóa phải biết giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đó là cơ sở xây dựng tư tưởng, đạo đức lối sống tốt đẹp, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh từ trong mỗi gia đình, lấy gia đình làm “pháo đài” chống lại sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội và những tác động xấu từ mặt trái của cơ chế thị trường. Xây dựng gia đình văn hóa là xây dựng mô hình gia đình Việt Nam hiện đại, phù hợp với tiến trình công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu chúng ta cần vươn tới và thực hiện là xây dựng gia đình văn hóa truyền thống, hiện đại. Xây dựng gia đình văn hóa là vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

Xây dựng gia đình văn hóa là xây dựng mô hình gia đình Việt Nam hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu chúng ta cần vươn tới và thực hiện là xây dựng gia đình văn hóa truyền thống, hiện đại. Xây dựng gia đình văn hóa là vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

Trong thời gian tới, nếu chúng ta không quan tâm củng cố, ổn định và xây dựng gia đình, những khó khăn và thách thức nêu trên sẽ tiếp tục làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Vì vậy, để thực hiện mục tiêu trên, các cấp uỷ, tổ chức đảng, đoàn thể các cấp về vấn đề gia đình cần thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

*** *Nhiệm vụ***

- Cần nhận thức rõ gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Coi đầu tư cho gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững. Gia đình có trách nhiệm với các thành viên và với xã hội; Nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ sự ổn định và phát triển của gia đình. Xây dựng gia đình phải luôn gắn với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Cán bộ, đảng viên có trách nhiệm gương mẫu chăm lo xây dựng chính gia đình mình và vận động nhân dân cùng thực hiện.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên; chủ động rà soát, đánh giá tình hình gia đình tại địa phương, xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án cụ thể giải quyết những khó khăn, thách thức về gia đình và công tác gia đình. Cần đặc biệt quan tâm xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình; kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực dụng, vị kỷ, đòi truy; tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; có kế hoạch và biện pháp cụ thể phòng, chống tệ nạn xã hội và bạo hành trong gia đình.

- Tăng cường công tác giáo dục đời sống gia đình. Cung cấp tới từng gia đình các kiến thức, kỹ năng sống, như: kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau và với cộng đồng. Giáo dục và vận động mọi gia đình tự nguyện,

tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh. Vận động các gia đình tích cực tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, quy chế dân chủ cơ sở; phát triển các hình thức tổ hoà giải, các câu lạc bộ gia đình tại cộng đồng; giữ gìn và phát huy văn hoá gia đình và truyền thống tốt đẹp của dòng họ; xây dựng tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, nhắc nhở, động viên nhau thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Trong giáo dục, phải kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình; nhân rộng các mô hình kinh tế hộ tiên tiến; bảo đảm kết quả bền vững của chương trình xoá đói, giảm nghèo và tạo việc làm, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm đặc biệt tới các gia đình có công với cách mạng, gia đình là nạn nhân của chiến tranh.

- Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, cộng đồng và gia đình tham gia tích cực xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, khu phố văn hoá, cụm dân cư văn hoá; xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình điển hình, tiêu biểu, tạo ra phong trào xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, biểu dương kịp thời và nhân rộng các mô hình gia đình vượt khó vươn lên, gia đình làm kinh tế giỏi, gia đình hiếu học, gia đình trẻ hạnh phúc, gia đình nhiều thế hệ chung sống mẫu mực, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

****Giải pháp***

- Đẩy mạnh, đổi mới và đa dạng hoá công tác truyền thông, tăng cường giáo dục đến từng hộ gia đình pháp luật, chính sách liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình, đặc biệt là Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh Dân số; đưa chủ đề gia đình vào các chương trình tuyên truyền, nêu gương người tốt việc tốt và phê phán những biểu hiện không lành mạnh ảnh hưởng cuộc sống gia đình.

- Bảo đảm đủ nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước và huy động sự đóng góp của toàn xã hội cho công tác gia đình. Đưa nội dung công tác này vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các kế hoạch hàng năm của ngành và của địa phương.

- Củng cố và ổn định cơ quan uỷ ban dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp cơ sở, đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành về công tác gia đình.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và hệ thống dịch vụ xã hội liên quan đến gia đình, đặc biệt quan tâm tới các gia đình đã nhường đất sản xuất cho đô thị hoá, phát triển công nghiệp và các hộ di dân; triển khai và mở rộng các loại hình dịch vụ an sinh xã hội để nâng cao năng lực tự chủ của mỗi gia đình, đảm bảo cho các gia đình có cơ hội tiếp cận sự bảo trợ của Nhà nước, ổn định cuộc sống, chăm lo giáo dục con cái và chăm sóc người cao tuổi.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình, đặc biệt là nghiên cứu các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình cần gìn giữ, phát huy, những giá trị mới, tiên tiến cần tiếp thu; nghiên cứu xây dựng các mô hình gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá; áp dụng các kết quả nghiên cứu để giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới.

- Các cấp uỷ đảng, các tỉnh uỷ, thành uỷ xây dựng kế hoạch hành động tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình theo tinh thần của Chỉ thị này.

Ban cán sự đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội, các đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quán triệt, thể chế hoá và chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị, động viên toàn dân tích cực tham gia công tác gia đình, tạo ra một phong trào xây dựng gia đình ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ một đến hai con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc trong cả nước.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị, nêu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Ban Khoa giáo Trung ương và Ban cán sự đảng Uỷ ban Dân số, gia đình và trẻ em có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị cho Ban Bí thư.

Mỗi cán bộ làm công tác gia đình, mỗi cơ quan quản lý và mỗi một công dân trên cả nước đều nêu cao trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, để từng bước tạo những đóng góp ngày một lớn, nhằm từng bước tạo những chuyển biến mạnh mẽ trong công tác gia đình, đáp ứng nhu cầu phát triển một cách toàn diện trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tiến trình hội nhập quốc tế; bên cạnh đó góp phần gìn giữ những chuẩn mực giá trị tốt đẹp để xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc, giống như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”.

**Đối với công tác quản lý nhà nước:* cơ quan trực tiếp định hướng công tác gia đình ở Việt Nam đó chính là Vụ Gia đình (thuộc Bộ VH-TT-DL) cần phát huy một cách tích cực và hiệu quả nhất chức năng, nhiệm vụ và vai trò của mình.

Vụ Gia đình là cơ quan của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT-DL), có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về gia đình: hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về đảm bảo quyền bình đẳng và phòng, chống bạo lực trong gia đình; tổ chức và hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ thông tin về gia đình; tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống, cách ứng xử trong gia đình (gọi chung là lĩnh vực gia đình); quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian tới, Vụ Gia đình cần tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ: chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực gia đình; Tiếp tục xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm, chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án về lĩnh vực gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch công tác về lĩnh vực gia đình

Tiếp tục triển khai Luật phòng, chống bạo lực gia đình trong đó chú trọng các công tác: chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở; việc thành lập, giải thể cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; ban hành và tổ chức thực hiện quy định về bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp với các cơ quan có liên quan biên tập, cung cấp thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình và các quy định khác của pháp luật về đảm bảo quyền bình đẳng trong gia đình.

Vụ Gia đình cũng cần làm tốt hơn nữa các công tác: ban hành quy định về việc thu thập, lưu trữ thông tin về lĩnh vực gia đình; Tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống, cách ứng xử trong gia đình thông qua chương trình giáo dục đời sống gia đình; Xây dựng thí điểm các mô hình về gia đình đó phục vụ cho việc xây dựng chính sách; Kiểm tra việc tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các nhiệm vụ công tác về lĩnh vực gia đình của các địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan thuộc phạm vi quản lý; Đàm phán, ký kết, phê duyệt điều ước quốc tế, tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về gia đình; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án quốc tế tài trợ trong lĩnh vực gia đình; quản lý nhà nước đối với hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc lĩnh vực gia đình....

Mới đây, Bộ VH-TT-DL cũng trình Chính phủ đề án phát triển công tác gia đình thông qua việc đẩy mạnh phong trào TĐĐKXDĐSVH trong giai đoạn 2011-2015.

Theo đó, mục tiêu của kế hoạch hướng đến đó là: nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, làng, ấp, bản văn hóa; tổ dân phố văn hóa; cơ quan đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; tạo chuyển biến tiến bộ trong xây dựng con người về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; đẩy lùi tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó, phong trào cũng nhằm gắn kết và phát huy vai trò của Phong trào TĐĐKXDĐSVH với phát triển văn hóa nông thôn; xây dựng nông thôn mới; xây dựng nếp sống văn minh đô thị; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa văn hóa xây dựng các thiết chế và hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở; đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế-xã hội trong giai đoạn 2011-2015.

Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015 là: 60% gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa” liên tục 5 năm trở lên; 50% thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa”, “làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” liên tục 5 năm trở lên; 80% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 50% xã có trung tâm văn hóa – thể thao; 40% thôn (làng, ấp, bản...) có nhà văn hóa – khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL; 40% trở lên người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở, trong đó 20% trở lên người dân luyện tập thể dục thể thao thường xuyên; 25% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

Kế hoạch thực hiện phong trào TĐĐKXDĐSVH trong giai đoạn 2011-2015 sẽ tập trung vào các nội dung như: Xây dựng “Người tốt, việc tốt và các điển hình tiên tiến; phát huy vai trò Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” trong giai đoạn mới; Phát huy phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn, làng, ấp, bản văn hóa, tổ dân phố văn hóa; Xây dựng, công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa công sở, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; Xây dựng, công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường đạt chuẩn văn minh đô thị; Thực hiện các nội dung văn hóa lồng ghép trong các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội có nội dung văn hóa (cuộc vận động “Ngày vì người nghèo; cuộc vận động xây dựng nông thôn mới; xây dựng đô thị văn minh...).

Để triển khai nội dung trên đây, các giải pháp được đưa ra đó là: Tăng cường nguồn lực thực hiện phong trào (tăng mức đầu tư ngân sách Nhà nước, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa văn hóa); Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phong trào ở các cấp (các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp cần quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho BCD phong trào ở các cấp hoạt động có hiệu quả, tác động trực tiếp đến sự phát triển của phong trào; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của BCD các cấp theo hướng Thiết thực, hiệu quả, sâu sát thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập đặt ra trong quá trình triển khai phong trào; Đa dạng hóa các hoạt động chỉ đạo triển khai thực hiện phong trào phù hợp với từng nội dung, đối tượng và địa bàn, phát huy vai trò các tổ chức tự quản cộng đồng và chủ thể của người dân trong xây dựng đời sống văn hóa...); Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng.

Để Phong trào TĐĐKXDĐSVH phát triển bền vững, đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, cần không ngừng đưa phong trào đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng hoạt động. Xây dựng nền văn hóa phải thường xuyên, lâu dài, mười năm mới chỉ đem lại những kết quả bước đầu. Để tăng cường nguồn lực cho phong trào, trước hết phải thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa văn hóa, thu hút ngày càng đông nhân dân, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong cả nước đóng góp sức người, sức của vào việc xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội ở thành thị và nông thôn, các thiết chế và hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở. Phát huy tốt nhất sức sáng tạo văn hóa của nhân dân trên các địa bàn,

thực hiện có hiệu quả phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Chúng ta đã xây dựng được hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân hưởng thụ và tham gia vào các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Nhưng hệ thống đó hoạt động có hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào phong trào quần chúng và năng lực của đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở. Thực tế đã cho thấy có những nhà văn hóa xây dựng rồi bỏ không năm thì mười họa mới có hoạt động chẳng mấy hấp dẫn, rất ít người tham gia. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc tạo dựng các phong trào văn hóa quần chúng và điều hành hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Nâng cao chất lượng phong trào, tránh rơi vào chủ nghĩa hình thức cũng cần nghiêm túc trong việc xét công nhận các danh hiệu văn hóa như: Làng văn hóa, Gia đình văn hóa, Khu dân cư văn hóa... Đặc biệt, vấn đề nâng cao chất lượng của công tác gia đình tại vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số... cũng cần đặc biệt coi trọng.

Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Bộ VH-TT-DL cũng sẽ xây dựng các biện pháp nhằm phát triển và nâng cao chất lượng ngành Gia đình học tại các trường thuộc lĩnh vực Văn hóa – nghệ thuật.

Đây được coi là biện pháp hiệu quả, hưởng ứng Chỉ thị của Ban Bí thư TW Đảng về "Xây dựng gia đình thời kỳ CNH-HĐH đất nước". Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chương trình là nhằm đánh giá đội ngũ nhân lực đáng làm công tác quản lý, nghiệp vụ về lĩnh vực gia đình từ TW đến địa phương; Nhu cầu cấp thiết đào tạo nguồn nhân lực về gia đình ở nước ta trong thời kỳ mới. Sắp tới, Bộ VH-TT-DL cũng sẽ xây dựng những cơ sở khoa học, hệ thống kiến thức về gia đình nhằm bổ sung vào chương trình đào tạo ngành Gia đình học và xây dựng hệ thống những giải pháp và phương hướng đưa ngành Gia đình học phát triển mạnh hơn trong thời gian tới. Ngành Gia đình học đã khá phát triển ở một số nước trên thế giới, tuy nhiên ở Việt Nam thì hiện tại lĩnh vực Gia đình vẫn chưa trở thành một ngành học mang tính chính quy tại các trường Cao đẳng, Đại học. Chính vì thế, đề án xây dựng ngành Gia đình học tại các trường Văn hóa – nghệ thuật được coi là biện pháp mang tính chiến lược nhằm đưa lĩnh vực gia đình được đào tạo một cách rộng rãi và chuyên nghiệp, từ đó nâng cao kiến thức và kỹ năng, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình, từ đó đưa công tác gia đình trên cả nước không chỉ phát triển về chiều rộng mà sẽ phát triển mạnh về chiều sâu.

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá và hội nhập quốc tế tạo nhiều cơ hội và điều kiện, đồng thời cũng đặt gia đình và công tác gia đình trước nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trái của cơ chế thị trường và lối sống thực dụng tác động mạnh tới các giá trị đạo đức truyền thống và lối sống lành mạnh. Sự phân hoá giàu nghèo sẽ tiếp tục tác động vào số đông các gia đình. Nhiều gia đình nếu không được hỗ trợ, không được chuẩn bị đầy đủ sẽ không đủ năng lực đối phó với những thay đổi nhanh chóng về kinh tế - xã hội và không làm tròn các chức năng vốn có của mình. Xu thế thu nhỏ gia đình trong xã hội

công nghiệp nếu không được định hướng sẽ tiếp tục gây sức ép về nhà ở cũng như đặt việc chăm sóc trẻ em và người cao tuổi vào một thách thức mới.

+ **Câu hỏi thảo luận:**

Câu 1: Anh (chị) hãy lý giải sự cần thiết của việc củng cố và điều chỉnh Văn hóa gia đình Việt Nam trong xu thế hội nhập

Câu 2: Tại sao nói: “*Xây dựng Gia đình văn hóa là xây dựng mô hình gia đình Việt Nam hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế*”.

+ **Bài tập:**

Bài tập 1: Anh(chị) hãy khảo sát thực tế về tình hình xây dựng Gia đình văn hóa ở địa phương mình sinh sống.

Bài tập 2: Anh (chị) hãy khảo sát thực tế ở địa phương mình sinh sống về vấn đề bạo lực gia đình và bình đẳng giới? Đề xuất những giải pháp của cá nhân?

Bài tập 3: Anh (chị) hãy khảo sát thực tế ở địa phương mình sinh sống về vấn đề bạo lực gia đình và bình đẳng giới? Đề xuất những giải pháp của cá nhân?